

Thanh Hải Vô Thượng Sư



Bí Quyết
Túc Khắc Khai Ngộ – Hiện Đời Giải Thoát
Khai Thị 2

Thanh Hải Và Thượng Sư

Bí Quyết
Tức Khắc Khai Ngộ
Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị

2

TRI ÂN

*Đ*ệ tử chúng con xin chân thành cảm tạ Thanh Hải Vô Thượng Sư, bậc Tôn Sư yêu kính, đã cho phép chúng con được thu thập những bài khai thị của Ngài từ khắp nơi trên thế giới để truyền bá Chân Lý Tối Thượng đến những người thành tâm cầu Đạo. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài muôn đời là ánh đuốc soi đường hướng dẫn chúng sinh tìm về Cội Nguồn Hạnh Phúc.

Kính xin Ngài nhận nơi đây tấm lòng biết ơn vô vàn của chúng con.

Thông Điệp Nhỏ

Khi nói về Thượng Đế hoặc Đấng Tối Cao, Thanh Hải Vô Thượng Sư hướng dẫn chúng ta dùng những đại từ không chỉ định giới tính để tránh việc bàn cãi Thượng Đế là Nam hay Nữ.

She + He = Hes (như trong từ Bless)

Her + Him = Hirm (như trong từ Firm)

Hers + His = Hiers (như trong từ Dear)

Ví dụ: Khi Thượng Đế muốn, Ngài (Hes) có thể làm bất cứ điều gì diễn ra theo ý của Ngài (Hiers) sao cho phù hợp với chính Ngài (Hirmself).

Quả là một nhà thiết kế nghệ thuật đầy sáng tạo, đồng thời là một vị Thầy tâm linh, Thanh Hải Vô Thượng Sư yêu chuộng tất cả những biểu đạt thể hiện nét đẹp nội tại. Đó là lý do Ngài gọi nước Việt Nam là “Âu Lạc” và Đài Loan là “Formosa”. Âu Lạc là quốc hiệu cổ xưa của Việt Nam, có nghĩa là “âu ca lạc nghiệp”. Còn Formosa có nghĩa là “mỹ miều”, phản ánh một cách trọn vẹn hơn vẻ đẹp của hòn đảo này và người dân nơi đây. Thanh Hải Vô Thượng Sư cảm thấy rằng dùng những danh xưng này sẽ mang lại sự thăng hoa về tâm linh và may mắn cho đất nước cũng như người dân hai xứ sở này.

Mục Lục

• Tri Ân.....	iii
• Bước Đi Tình Thương: Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế.....	vii
• Lời Ngỏ.....	xi
01. Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.....	1
02. Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (1).....	27
03. Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (2).....	41
04. Cần Nương Vào Pháp Môn Quán Âm Để Giải Thoát Vòng Sinh Tử.....	61
05. (1) Chương Ngại Lớn Của Sự Tu Hành (2) Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát.....	81
06. Là Đời Chỉ Còn Nhân Quả Mang Theo.....	107
07. Khai Ngộ Là Phật, Vô Minh Là Chúng Sinh.....	135
08. Vì Sao Thiển Của Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản Khác Nhau.....	155
09. Pháp Môn Quán Âm: Âm Thanh Bên Trong.....	179
10. Một Con Đường Duy Nhất Để Liễu Thoát Sanh Tử.....	195
11. Hóa Thân Là Chuyện Thường.....	217
12. Những Ai Có Thể Đến Thế Giới Cực Lạc?.....	239
• Truyền Tâm Ấn: Pháp Môn Quán Âm.....	258
• Giới Thiệu Ấn Phẩm.....	263
• Cách Liên Lạc Với Chúng Tôi.....	275

Tôi không thuộc về Phật giáo hay Thiên Chúa giáo. Tôi thuộc về Chân Lý và tôi thuyết giảng Chân Lý. Quý vị có thể gọi đó là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo hay bất kỳ danh xưng nào mà quý vị thích. Tôi sẵn sàng đón nhận tất cả.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

Đạt được sự an bình trong tâm là chúng ta có thể đạt được tất cả mọi thứ khác. Tất cả những sự thỏa mãn, mọi sự đáp ứng những khát vọng của cõi đời và cõi Trời đều đến từ Thiên Quốc, đó là sự giác ngộ về sự hòa hợp vĩnh cửu của trí huệ vô cùng và Lực Lượng Vạn Năng của chúng ta. Nếu như chúng ta không có được những thứ này, chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy thỏa mãn, cho dù chúng ta có thật nhiều tiền của, quyền hành hay địa vị cao sang đến đâu cũng vậy.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

Đạo Pháp của chúng ta không phải là một tôn giáo. Tôi không làm cho ai trở thành một tín đồ Thiên Chúa giáo hay Phật giáo hay bất kỳ một giáo phái nào khác. Tôi chỉ cho quý vị một con đường để tự biết lấy chính mình, tìm biết quý vị từ đâu đến, nhớ lại nhiệm vụ của mình đối với thế gian này, biết được mọi điều bí ẩn trong vũ trụ, biết được tại sao thế gian này có quá nhiều đau khổ, biết được những gì sẽ đến với chúng ta sau khi chúng ta lìa bỏ cõi đời này.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư



Bước Đi Tình Thương

Bước Chân Của Một Vị Minh Sư Tại Thế

*Lặn lội kiếm tìm
Một chút tình thương,
Một chút tình thương,
Mà ban phát cho muôn loài
Trong mười phương.*

Thanh Hải Vô Thượng Sư là danh hiệu thân thương đối với những ai hân hạnh được hội kiến hay làm việc cùng Ngài. Đời sống của Ngài là một thông điệp chan hòa những “Bước Đi Tình Thương”.

Thanh Hải Vô Thượng Sư là một nhà từ thiện, một nghệ sĩ và một bậc Thầy tâm linh cao quý. Tình thương và sự trợ giúp của Ngài vượt qua mọi ranh giới về văn hóa và chủng tộc, đến với hàng triệu người trên khắp thế giới: những người vô gia cư, những người nghèo khó, những viện nghiên cứu y khoa về bệnh AIDS và bệnh ung thư, những cựu chiến binh Hoa Kỳ, những người già neo đơn, người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần, người tỵ nạn, những nạn nhân thiên tai trong các trận động đất, bão lụt và hỏa hoạn. Tình thương vô bờ bến của Ngài dành cho mọi sinh linh, từ con người đến muôn loài đồng cư.

Qua những nghĩa cử này, Ngài đã gọi nhắc chúng ta về lòng nhân ái – một phẩm chất tiêu biểu của Ngài và cũng từ tình thương vô vàn đó Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được sáng lập. Ngài nói: “Những gì chúng ta có thể chia sẻ, hãy bắt đầu chia

sẽ. Chúng ta sẽ cảm nhận sự thay đổi vi tế bên trong – sẽ có thêm tình thương rót vào tâm thức, rồi chúng ta sẽ nhận thức được điều gì đó. Đây là khởi điểm. Chúng ta hiện diện nơi đây là để học hỏi, học để trưởng thành cũng như học cách sử dụng năng lực tình thương và sáng tạo vô biên của mình hầu kiến tạo thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn tại bất kỳ nơi nào chúng ta hiện diện.”

Thời Thơ Ấu Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Thanh Hải Vô Thượng Sư sinh quán tại miền Trung Âu Lạc. Ngay từ thuở thiếu thời, Ngài đã thường giúp đỡ và an ủi những bệnh nhân, những người nghèo khó cũng như những bạn thú bị thương bằng tất cả tấm lòng của Ngài. Khi trưởng thành, Ngài du học ở Âu châu. Tại đây, Ngài tiếp tục làm thông dịch viên cho Hội Hồng Thập Tự. Ngài sớm nhận ra rằng nỗi khổ đau hiện hữu trong mọi nền văn hóa, tại khắp nơi trên thế giới. Vì thế lòng khao khát tìm kiếm một pháp môn giải thoát đã trở thành mục tiêu cao cả nhất trong cuộc đời Ngài. Lúc bấy giờ, Ngài đang sống hạnh phúc bên vị hôn phu là một bác sĩ người Đức. Mặc dù quyết định chia tay vô cùng khó khăn đối với Ngài và phu quân, nhưng với ân phúc của ông, Ngài đã ra đi với nguyện ước hoàn thành lý tưởng này. Từ đó, Ngài bắt đầu cuộc hành trình hai năm tâm Đạo.

Cuộc Hành Hương Đến Hy Mã Lạp Sơn

Cuối cùng, nơi một miền sâu thẳm trên rặng Hy Mã Lạp Sơn, Ấn Độ, Ngài được một vị Minh Sư khai ngộ truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một phương pháp thiền quán Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Sau một thời gian tu học, Ngài đã đạt đại khai ngộ.

Ngay sau khi trở về từ Hy Mã Lạp Sơn, do sự thỉnh cầu tha thiết của những người thành tâm mong cầu Chân Lý, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã chia sẻ Pháp Môn Quán Âm với mọi người và

khuyến khích họ hướng nội để tìm lại sự vĩ đại của chính mình. Nhiều người từ mọi thành phần xã hội đã nhận thấy rằng Pháp Môn Quán Âm giúp họ tìm được sự viên mãn, niềm hạnh phúc và sự bình an trong cuộc sống. Không bao lâu, Hoa Kỳ, Âu châu, Á châu, Úc châu, Phi châu, Nam Mỹ cũng như nhiều tổ chức quan trọng đã thỉnh mời Thanh Hải Vô Thượng Sư đến thuyết pháp.

Làm Đẹp Thế Giới Chúng Ta Đang Sống

Thanh Hải Vô Thượng Sư không những là tấm gương cao quý trong hoạt động cứu trợ nhân đạo, Ngài còn khuyến khích mọi người làm đẹp thế giới chúng ta đang sống. Qua việc thiền định Pháp Môn Quán Âm, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã bộc lộ nhiều tài năng thiên phú, thể hiện qua hội họa và những sáng tác nghệ thuật, bao gồm bộ sưu tập đèn được thiết kế thật tinh tế, những sáng tác thơ nhạc, thiết kế trang sức và trang phục hầu miêu tả nét đẹp bên ngoài lẫn bên trong của các nền văn hóa, các dân tộc mà Ngài đã gặp qua. Năm 1995, theo lời thỉnh cầu của công chúng, thiết kế y phục của Ngài đã được trình diễn tại những kinh đô thời trang quốc tế như Luân Đôn, Paris, Milan và New York. Doanh thu từ những tác phẩm nghệ thuật của Thanh Hải Vô Thượng Sư đã giúp Ngài có một nguồn ngân quỹ độc lập để hỗ trợ cho các hoạt động nhân đạo và sứ mệnh cao quý của Ngài trong việc giúp đỡ những người con của Thượng Đế vào những lúc cấp thiết.

Sự Vinh Danh và Ước Mơ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư

Mặc dù Thanh Hải Vô Thượng Sư không mong cầu báo đáp, nhưng để vinh danh sự trợ giúp vô vị kỷ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư đã được nhiều viên chức chính phủ và tổ chức tư nhân trên thế giới trao giải thưởng vào nhiều dịp khác nhau.

Những giải thưởng này bao gồm: Giải Hòa Bình Thế Giới, Giải Nhà Lãnh Đạo Tâm Linh Thế Giới, Giải Phát Triển Nhân Quyền, Giải Công Dân Nhân Đạo Thế Giới, Giải Phục Vụ Nhân Loại Xuất Sắc, Giải Hòa Bình Gusi 2006, Bằng Tuyên Dương Tuần Hội Âm Nhạc Los Angeles, Giải Hạng Nhất Tượng Bạc Telly Thường Niên lần thứ 27 (2006),... Bên cạnh đó, ngày 22 tháng 2 và ngày 25 tháng 10 cũng được vinh danh là ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Hoa Kỳ. Ngài Frank Fasi, nguyên thị trưởng thành phố Honolulu đã phát biểu: “*Ngài là ánh sáng của một vĩ nhân, là thiên thần từ ái của tất cả chúng ta.*”

Trong thời đại này, Thanh Hải Vô Thượng Sư là một trong những người tận tâm giúp đỡ tha nhân nhận biết và kiến tạo một viễn ảnh tươi sáng cho tương lai. Nhiều vĩ nhân trong lịch sử đã từng hoài bão về một tương lai tươi đẹp cho nhân loại và trong lời bày tỏ của Ngài, Thanh Hải Vô Thượng Sư cũng có ước mơ như sau:

“*T*ôi mơ cả thế giới được hòa bình.
 Tôi mơ mọi nghiệp sát sẽ chấm dứt.
 Tôi mơ tất cả trẻ em đều được sống
 trong hòa bình và an lạc.
 Tôi mơ tất cả quốc gia sẽ bắt tay nhau,
 bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau.
 Tôi mơ Địa Cầu xinh đẹp của chúng ta
 sẽ không bị hủy diệt.
 Địa Cầu này đã trải qua hàng tỷ tỷ năm
 mới được hình thành và đây là một nơi
 vô cùng mỹ miều, vô cùng kỳ diệu.
 Tôi mơ Địa Cầu này sẽ trường tồn,
 nhưng trong thanh bình,
 đẹp đẽ và yêu thương.”

LỜI NGỎ

Từ lúc thấm nhuần bao nỗi vô thường trong kiếp nhân sinh, con người luôn khát khao trở về Nguồn Cội Thiêng Liêng. Thanh Hải Vô Thượng Sư, một bậc Chân Sư toàn giác, với lòng từ bi vô lượng đã đến trần gian để truyền dạy Pháp Môn Quán Âm, một Bảo Pháp tối thượng từ ngàn xưa, có thể giúp thế nhân liễu ngộ được trí huệ vạn năng nội tại và đồng nhất thể cùng Thượng Đế.

Trải qua muôn trùng duyên nghiệp mới có cơ hội thăng hoa làm người. Nay được hiện hữu cùng thời với một vị Minh Sư tại thế và nếu được cơ duyên đón nhận Bảo Pháp, quả là một ân sủng nhiệm mầu.

Nguyện xin những lời Khai Thị của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong sách này sẽ soi sáng cho những người thành tâm mong cầu Chân Lý nhận thức được Pháp Môn Vô Thượng để tu tập và đạt thành ước nguyện một đời giải thoát. Những lời giảng dạy vi diệu của Ngài cũng sẽ giúp nâng cao tâm thức cho những ai đang ưu tư về vấn đề sinh tử của kiếp người.

**Ban Kinh Sách
Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư**

* Trong những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư bằng tiếng Anh hoặc Trung Hoa, đôi khi Ngài dùng đại từ nhân xưng "Tôi" ("I" hoặc "我"). Trong quyển sách này, để từ chúng tôi xin phép được dịch là "Sư Phụ" để lời văn đồng nhất và tỏ lòng kính yêu lên Ngài.



Phật Bồ Tát đến thế giới này, bên trong thân thể của các Ngài tràn đầy lực lượng,
bất cứ lực lượng nào các Ngài cũng đều có.

Trích từ bài thuyết giảng "Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"



1

Phật Không Phải Là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 29 tháng 3 năm 1987

Hôm qua Sư Phụ giảng kinh tại Chi Lung (*dịch âm*), có một đệ tử hỏi Sư Phụ: “*Phải chăng Bồ Tát phát đại nguyện mới có thể thành Phật? Như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát phát nguyện ‘Địa Ngục Vị Không, Thệ Bất Thành Phật’.* Phật A Di Đà cũng phát bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh.” Sư Phụ rất mệt mỏi, không muốn nói về vấn đề này, nên không trả lời. Người đó cứ hỏi đi hỏi lại câu này, nhưng hôm nay lại không đến nghe.

Phật Bồ Tát không phát nguyện, chỉ có lúc còn là phàm phu mới phát nguyện mà thôi! Hồi trước Sư Phụ cũng đã phát rất nhiều nguyện, bây giờ khi cần thì làm, không còn cần phải phát nguyện nữa! Khi quý vị tọa thiền ở nhà có khó khăn hay gặp tình trạng khẩn cấp, cần Sư Phụ cứu, Sư Phụ có nên ngồi đó phát nguyện trước hay không? Nếu đợi Sư Phụ phát nguyện xong thì sự việc đã quá trầm trọng rồi!

Lúc cứu người không có thời giờ để ngẫm nghĩ hay phát nguyện, nhưng người hỏi không hiểu rõ sự việc này nên cứ hỏi là có cần phải phát nguyện hay không. Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát khi chưa thành Phật, thấy chúng sanh tại địa ngục quá khổ nên mới phát nguyện độ họ. Lúc đó Ngài rơi lệ, phát lòng từ bi mà nói rằng: *“Khi ta thành đạo sẽ độ các chúng sanh đau khổ đó, nếu không độ hết thì ta không muốn nhập Niết Bàn.”* Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát phát nguyện dùng ba mươi hai ức hóa thân độ tất cả chúng sanh. Phật Dược Sư Lưu Ly phát mười hai nguyện; Phật A Di Đà trước khi thành Phật cũng phát bốn mươi tám nguyện. Nhưng nếu như tâm của Phật còn nhớ *“Ta”* phát bốn mươi tám nguyện thì đẳng cấp của Ngài còn thấp hơn phàm phu nữa!

Người đó lại hỏi Sư Phụ: *“Tại sao lần nào Sư Phụ cũng nói không muốn độ chúng sanh?”* Sư Phụ trả lời: *“Sư Phụ nói không muốn độ chúng sanh là chuyện của Sư Phụ, còn ai muốn độ chúng sanh thì cứ việc làm.”* Người đó không hiểu rằng Sư Phụ nói không muốn độ chúng sanh tức là không có ý niệm *“ta độ chúng sanh”*. Độ thì độ chứ không cần phải nghĩ, không cần phải phát nguyện. Cũng như chúng ta thấy cơm thì ăn, không phải phát nguyện ăn cơm; mệt thì ngủ, không có thời gian phát nguyện ngủ nghỉ. Độ chúng sanh là một việc rất khẩn cấp, mỗi sát-na đều phải độ, cho dù không nghĩ đến cũng độ được, không phải đợi đến lúc chúng ta nghĩ độ mới là độ, lúc đó chúng sanh đã *“tiêu tùng”* rồi. *(Mọi người cười.)*

Tu đến bậc cao, lúc đó không cần nghĩ đến chúng sanh mà chúng sanh tự nhiên được độ. Không cần nghĩ *“ta phát nguyện độ họ”*, chỉ nhìn họ một lần, họ đã được độ rồi. Nếu như còn phát nguyện thì chứng tỏ rằng mình chưa có lực lượng độ họ. Lực lượng này giống như nước, chỉ cần mở vòi, nó sẽ tự động chảy ra. Khi còn chưa tiếp được nước, chúng ta phải tìm cách đào cống, bắc ống dẫn nước tới, khi có nước rồi thì khỏi cần làm gì hết cũng có nước dùng.

Vì thế, Sư Phụ mới nói rằng nếu phát nguyện sẽ bị ràng buộc bởi lời nguyện. Như Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát đòi đòi kiếp kiếp ở trong địa ngục; Phật A Di Đà đòi đòi kiếp kiếp ở Tây Phương. Các Ngài không thể thành “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” được. Người học trò đó lại hỏi: “*Sao kỳ vậy? Lúc Ngài chưa lên cõi Tây Phương, Ngài đã thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi.*” Sư Phụ đáp: “*Sai rồi! Các Ngài không thành “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, chỉ thành ‘Như Lai’ mà thôi.*” Người học trò lại nói: “*Như Lai tức là Chánh Đẳng Chánh Giác.*” Sư Phụ nói: “*Không đúng!*”

Người đó nghĩ rằng Sư Phụ không biết đọc tiếng Trung Hoa nên mới nói như vậy! Sự thật Sư Phụ không nói sai! Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ là Như Lai, Ngài chỉ có lực lượng của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Ngài không phải là Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà cũng không thành Chánh Đẳng Chánh Giác, trong kinh điển chỉ nói Ngài là Phật. Ngài Địa Tạng Vương cũng chỉ là Bồ Tát mà thôi! Ngài vốn là Phật, nhưng bây giờ địa vị và công việc của Ngài là công việc và địa vị của Bồ Tát. Nói thí dụ, ông Carter trước kia là tổng thống Mỹ, nhưng nay đã về hưu nên về nhà làm công việc khác. Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát là Cổ Phật, nhưng vì lúc tu hành Ngài phát đại nguyện, cho nên đến bây giờ vẫn còn lưu lại địa ngục. Ngài tuy ở địa ngục nhưng không cảm thấy đau khổ. Ngài là đại biểu cho lực lượng từ bi, lực lượng cứu rỗi địa ngục. Đó là công việc của Ngài. Ngài bị đại nguyện của Ngài bó buộc ở đó!

Phật A Di Đà biểu tượng cho lực lượng quang minh. Ngài phát nguyện khai mở sự sáng suốt cho chúng sinh, giúp cho chúng sinh vãng sanh Tây Phương, cho nên Ngài vĩnh viễn không thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng vậy, Ngài là đại biểu cho tâm từ bi rộng lớn, độ tất cả chúng sanh. Chúng sanh cần gì, Ngài cho cái đó, bởi vì Ngài phát nguyện rằng chúng sanh nếu cầu sẽ ứng nghiệm. Cho nên nhiều

khi những gì Ngài ban cho chúng sanh chưa chắc đã hữu ích. Thí dụ, có một người đàn ông cầu xin Ngài cho lấy người nào đó làm vợ và đã toại nguyện, tuy rằng cô đó không ưa thích gì ông ta. Cưới rồi cũng không được hạnh phúc, nhưng vì có lòng thành tâm mà được thành công. Một thí dụ khác, có người tuy không tu hành, có một ngày người đó gần chết đói, nếu thành tâm thành ý cầu Bồ Tát biến thịt cho họ ăn, họ cũng được toại nguyện.

Nhưng sự bố thí đó đối với họ không có ích gì, chỉ vì sự từ bi của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cho nên chúng sanh muốn gì được đó. Phật Dược Sư có nói: chúng sanh muốn sơn hào hải vị Ngài sẽ cho, rồi sau đó mới từ từ giảng Chân Lý cho họ. Nhưng phải từ từ đến bao giờ, không biết chừng phải đến muôn ngàn vạn kiếp mới thấm nhuần!

Bởi vì Quán Thế Âm Bồ Tát là đại biểu cho lực lượng cứu khổ cứu nạn, nên bất cứ mình cầu được ăn thịt, cầu hôn nhân, danh lợi, vật chất v.v..., Ngài đều có thể ban cho. Phật Dược Sư là đại biểu cho lực lượng cứu bệnh, người bệnh chỉ cần thành tâm cầu Ngài, đều khỏi. Đôi khi một bác sĩ dường như có tài chữa bệnh, thật ra đó là lực lượng của Phật Bồ Tát cứu chữa, bác sĩ chỉ là công cụ mà thôi. Khi người bệnh thành tâm cầu, Phật Dược Sư truyền lực lượng của Ngài cho bác sĩ, nhưng người bác sĩ không biết, cứ tưởng tự mình chữa bệnh nhân khỏi bệnh. Có lúc bác sĩ chưa chữa, bệnh nhân đã hết bệnh. Những tình trạng như vậy xảy ra rất nhiều, có phải không? Phật Dược Sư từng phát nguyện, nếu như chúng sanh có bệnh, thành tâm cầu Ngài, chỉ cần được câu thông trong một sát-na, Ngài sẽ phóng lực lượng đến cứu. Chúng ta cầu xin Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng vậy, chỉ cần câu thông trong một sát-na là đủ! Vì lực lượng của Ngài vốn vô lượng vô biên.

Nhưng muốn dùng sức mình để câu thông với Phật Bồ Tát rất khó, cho nên Phật Bồ Tát phải hóa thân đến thế giới này. Nếu như chúng ta câu thông được với hóa thân Bồ Tát, cầu gì cũng

được ứng nghiệm; nhưng nếu chúng ta chỉ cầu Phật Bồ Tát cõi Tây Phương thì không dễ gì có cảm ứng. Một vị Bồ Tát tại thế có đủ các lực lượng: lực lượng của Phật Dược Sư, Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát v.v... Ngài đại biểu cho tất cả.

Nhìn bên ngoài mà xét, một vị Phật Bồ Tát tại thế chỉ là một thân thể bình thường, nhưng bên trong có đầy đủ các lực lượng. Cũng như một món lễ vật bên ngoài gói xấu xí, nhưng bên trong đó là các thứ châu báu. Nếu món lễ vật chưa được mở ra mà đã bị đánh cướp, chúng ta sẽ chẳng biết bên trong đó có gì. Khi Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới này, bên trong thân thể của các Ngài tràn đầy lực lượng, bất cứ lực lượng nào các Ngài cũng đều có. Cho nên đôi khi quý vị phát giác ra cầu Sư Phụ có cảm ứng mau hơn. Và nếu như theo Sư Phụ học pháp, cầu Quán Thế Âm sẽ có cảm ứng liền, vì lúc đó quý vị đã cầu thông được với thập phương tam thế chư Phật Bồ Tát. Bất cứ cầu Ngài nào, Ngài đó đều biết.

Thí dụ, chúng ta kết bạn với một vị quan có uy quyền, khi có việc cần giúp, chỉ gọi điện thoại, người ấy sẽ bảo thuộc hạ lo liệu; hoặc là chúng ta gọi điện thoại thẳng cho thuộc hạ của vị quan đó và họ nhận ra tiếng nói chúng ta qua đường dây, họ sẽ kính nể và giúp đỡ. Nếu chúng ta không quen với vị quan lớn đó, họ sẽ không hết lòng giúp đỡ.

Sau khi thọ pháp với Sư Phụ rồi cũng vậy, nếu như có việc cầu xin Bồ Tát giúp đỡ, sẽ có cảm ứng rất mau. Trước khi thọ pháp thì cảm ứng chậm hay không có cảm ứng; sau khi thọ pháp rồi, chúng ta cũng như đã quen biết một vị quan lớn, muốn yêu cầu ai giúp đỡ cũng được. Ví dụ bây giờ cầu Phật Dược Sư, hay niệm chú Đại Bi đều có ích lợi, dù trước kia chúng ta có làm gì đều không có kết quả. Bây giờ nhờ được tiếp thông với lực lượng lớn, nên khi cần chúng ta chỉ mở ra là dùng được.

Hồi Sư Phụ mới đến đây, chỗ này chưa có nước, tuy đã bắc vòi nhưng dù mở cả năm cũng không có một giọt. Sau đó phải

tổn mấy chục ngàn làm ống dẫn nước. Bây giờ hể mở vòi là có nước, muốn hứng bao nhiêu cũng được, hay là chỉ cần sai một đứa nhỏ đi lấy cũng có nước. Bởi vì nước đã có sẵn, ai mở nước cũng chảy.

Cũng như vậy, lực lượng giúp đỡ đã có ở đó rồi, cầu gì cũng có hiệu quả; cầu Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ, Ngài cũng sẽ đến. Có thể nói là Sư Phụ giúp đỡ, chỉ cần quý vị muốn được giúp đỡ cho dù quý vị không cầu tên Sư Phụ, Sư Phụ vẫn giúp. Hệ thống của vũ trụ là như vậy, nếu biết được thì dùng không hết, nếu không biết thì dù một chút lực lượng cũng không thể dùng, thật là đáng tiếc!

Sư Phụ nói Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật A Di Đà chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, người học trò đó còn biện luận rằng trong kinh điển nói Như Lai là Chánh Đẳng Chánh Giác, Sư Phụ chưa nghe qua có bộ kinh nào nói như vậy. Phật có mười danh hiệu: 1. Như Lai, 2. Ứng Cúng, 3. Chánh Biến Tri, 4. Minh Hạnh Túc, 5. Thiện Thệ Thế Gian Giải, 6. Vô Thượng Sĩ, 7. Điều Ngự Trượng Phu, 8. Thiên Nhân Sư, 9. Phật, 10. Thế Tôn.

Những danh hiệu trên không nói Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người học trò vẫn chưa tin, còn nói với các đồng tu: *“Chắc có lẽ Sư Phụ không rành văn Trung Hoa, nên không biết Phật là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”* Sư Phụ tuy không rành văn Trung Hoa, nhưng Sư Phụ thông thạo Phạn văn. Có một ít tiếng Phạn được dịch ra văn Tây Tạng trước, trải qua ba bốn lần rồi mới dịch thành văn Trung Hoa. Sư Phụ nghiên cứu Việt văn, Anh văn và Phạn văn, như vậy an toàn hơn (mọi người cười); chỉ đọc văn Trung Hoa, vẫn chưa đủ tin cậy.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là một thứ cảnh giới khác, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Tin Phật mà không hiểu Phật tức là phỉ báng Phật.”* Ngài không nói rằng Ngài là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật giải thích rất rõ ràng: *“Ta không phải là mặt trăng, ta chỉ là ngón tay chỉ mặt trăng mà*

thôi. Nếu như ngó theo ngón tay ta chỉ, sẽ thấy được mặt trăng.” Mặt trăng mới là “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, Ngài chỉ là Phật mà thôi. Phật A Di Đà là một vị Minh Sư, nhưng bất luận vốn là gì, nếu mặc lớp áo phàm phu, hóa thân đến thế giới Ta Bà là không phải “*Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không thể khoác lên người lớp áo phàm phu, tối cao chỉ có thể gọi là Phật Bồ Tát, không thể gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Mọi người đều tán thán Phật A Di Đà có thân kim sắc. Ngài không mặc áo xác thân, nhưng Ngài mặc áo của thân thể khác. Cho dù bất cứ thân thể gì, nếu có âm có sắc, đều không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà có thân hoàng kim, Ngài ngự tại thế giới Tây Phương Cực Lạc thuyết pháp, tiếp dẫn chúng sanh đến quốc độ của Ngài để tiếp tục tu hành. Chúng ta có thể nói Ngài là một vị Sư Phụ của thế giới đẳng cấp cao, cũng như các thầy giáo tại trường tiểu học, trung học, đại học, Phật A Di Đà tương đương với Sư Phụ của trường nghiên cứu. Ngài không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu còn độ chúng sanh thì không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu hành đến một cấp bậc nào đó, chúng ta có thể nhận thức được đẳng cấp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng không thể nào thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được.

Đạo (*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*) vĩnh viễn tồn tại, không sanh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt. Tuy rằng vạn vật trong vũ trụ đều từ “Đạo” này sanh ra, nhưng chúng ta đã xa lìa cái “Đạo” này rồi thì không thể trở về thành cái “Đạo” này nữa. Thí dụ, đứa bé từ lòng mẹ sanh ra, nó không thể trở về trong bụng mẹ, mà nó phải dần dần trưởng thành. Tuy rằng thân thể của nó có quan hệ đến huyết mạch của người mẹ, nhưng nó không còn cách nào biến trở lại thành tế bào trong người của mẹ nó nữa.

Cũng như vậy, chúng ta vĩnh viễn không thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta có thể nhận thức đẳng cấp đó, cảnh giới đó là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vẫn là một thứ đẳng cấp nhỏ, vì tu hành vô lượng vô biên. Nếu như có cấp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng như nhà có lợp mái vậy! Chúng ta sẽ phải tu chậm chậm, nếu không sẽ có ngày đạt đến đẳng cấp tối cao thì buồn lắm; sẽ không còn gì để làm nữa thành ra tu chậm chậm thôi! *(Mọi người cười.)* Giống như một đứa bé ăn kẹo, vì nó chỉ có một viên, sợ ăn hết rồi không còn nữa, nên chỉ dám mút từ từ.

Trên đường tu hành, nếu thật sự có địa vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như cái nóc đỉnh chờ chúng ta lên đó ngồi thì bây giờ chúng ta không cần phải vội vã; bởi vì thành Bồ Tát rồi sẽ thành Phật, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và sau đó không còn bước nào nữa, có phải buồn lắm không? Tu hành cao, chúng ta sẽ thể nghiệm được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có thật. Đường tu hành vô lượng vô biên, nhưng bởi vì ngôn ngữ không thích hợp để diễn tả, cho nên Phật chỉ còn cách nói Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là cảnh giới tối cao. Vì muốn tìm phương tiện để độ chúng sanh, nên Phật mới nói cho họ nghe như vậy.

Nếu như Phật nói với chúng sanh rằng sự tu hành vô lượng vô biên, họ sẽ sợ và mất dũng khí. Họ sẽ nghĩ rằng: *“Nếu như vậy thì đợi đến lúc nào mình mới đạt được cảnh giới tối cao?”* *(Mọi người cười.)* *“Thôi ta quá mệt không còn muốn tu nữa. Muốn thành tựu ngay, muốn biết ngay tối cao là gì, nhưng nếu tu hành vô lượng vô biên, không có cảnh giới tối cao thì ta không thêm tu.”*

Chúng sanh thật quá nóng tánh, quá lười. Vì muốn thuận theo tâm nguyện của chúng sanh, cho nên Sư Phụ nói: *“Con muốn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Được, con tu mau*

lên sẽ thành.” Bởi vì ý chí của chúng sanh rất yếu đuối, không đủ quyết tâm, nếu như Sư Phụ nói với họ: *“Vô lượng, vô biên, vô hình, vô tướng v.v...”* (mọi người cười), người đó liền mất dũng khí không còn muốn tu, không còn chịu nổi lộ trình dài A Tăng Kỳ Kiếp, vô lượng, vô biên nữa!

Bởi thế nên giữa đường mới có Niết Bàn, có Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, có nhiều nơi để nghỉ ngơi. Phật Thích Ca nói: *“Có Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, quý vị có thể đến đó tu từ từ, nơi đó không có đau khổ, rất hỷ lạc v.v...”* Chúng sanh yếu đuối, nghe tới Tây Phương Cực Lạc sẽ nhận lời: *“Tốt quá! Ta đến Tây Phương nghỉ ngơi một lúc cũng được.”*

Khi Sư Phụ chưa xuất gia cũng nghĩ như vậy, đôi lúc Sư Phụ cảm thấy tu hành quá khổ cực cho nên cảm thấy rất mệt! Sư Phụ nói: *“Hy vọng bây giờ ta có thể vãng sanh để được nghỉ ngơi một chốc. Chỉ cần tạm thời bỏ được thế giới đau khổ này, cho dù chỉ là một thời gian, ta cũng chịu. Hay là để cho ta đến cõi Tây Phương nghỉ ngơi trong giây lát cũng được.”*

Làm người quá khổ, quá thất vọng, chúng ta chỉ khao khát được giải thoát và giúp đỡ người khác nên mỗi ngày đều cố công tu hành, nhưng không thấy kết quả! Tụng kinh không có cảm ứng, nói chuyện với Phật gỗ không thấy trả lời, mình ngó Phật, Phật ngó mình (mọi người cười), mỗi ngày nét mặt đều như nhau. Dù mình có khóc đến chết, Phật gỗ cũng không nhúc nhích chút nào! Vô tình, vô nghĩa như vậy, chúng ta quỳ lạy có ích gì? Đến một ngày, Sư Phụ tức quá, nghĩ rằng hôm nay không lạy nữa (mọi người cười), không tụng kinh, lễ bái hay tọa thiền, cái gì cũng không làm. Sư Phụ cứ nhìn tượng Phật, tượng Phật cứ nhìn Sư Phụ (mọi người cười), thì lúc đó hình như có một chút cảm ứng, có lẽ Phật sợ. (Mọi người cười.) Vì Sư Phụ quá giận nên mới có một chút cảm ứng. Lúc đó Sư Phụ rất vui mừng. Vì cảm ứng đến quá đột ngột lại không có Minh Sư hướng dẫn, cho nên Sư Phụ không biết phải làm thế nào! Trong lòng lại sợ, Sư Phụ nghĩ:

“Thôi đủ rồi! Đừng có lên cao quá.” Rớt cuộc té xuống và sau này không còn cảm ứng nữa, đáng tiếc thay! Nếu như lúc đó có tu Pháp Môn Quán Âm, biết được nếu tiếp tục đi sẽ không sao đâu. Nhưng vì lúc đó cô đơn một mình, vừa sợ vừa e ngại nhờ rớt xuống biển thì khổ và không dám tiếp tục bay lên, nên nghĩ: *“Thôi đủ rồi, đủ rồi!”*, liền bị rớt xuống.

Hôm nay Sư Phụ nói cho quý vị biết rằng chúng ta vĩnh viễn không thể trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị còn muốn tu hành nữa không? Tốt hơn Sư Phụ không nên nói ra điều này, sợ quý vị về nhà không tu nữa. *(Mọi người cười.)* Nhưng đừng lo, quý vị sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà! Vì đẳng cấp của quý vị còn thấp, khó mà nói cho quý vị hiểu được rõ ràng. Bây giờ tuy chúng ta chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng tu Pháp Môn Quán Âm cũng đã vui vẻ lắm rồi. Cho dù sống trên thế giới Ta Bà này, có tu cũng có thể giải quyết rất nhiều việc, sống rất tự tại. Lẽ dĩ nhiên chúng ta không dễ gì đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; nhưng thân thể cường tráng, tinh thần thoải mái, đó là Niết Bàn, là Thiên Đàng của chúng ta. Còn vấn đề Phật và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đẳng cấp nào cao hơn, đó là chuyện của hai vị ấy.

Hôm qua có người hỏi Sư Phụ: *“Thượng Đế cao hay Phật cao?”* Sư Phụ nói đó là chuyện của hai Ngài, Sư Phụ không biết. Nếu Thượng Đế và Phật còn so bì, thì để họ so bì, thứ câu hỏi đó trẻ con quá, có phải không? Đã tu hành rồi còn chưa bỏ được những câu hỏi như: *“Phật cao hay Thượng Đế cao?”* Cứ biện luận mãi!

Phật là gì? Là vị Minh Sư tại thế, nhìn từ điểm đó, Phật cao hơn Thượng Đế. Bởi vì chúng ta không thấy được Thượng Đế để cầu Ngài giúp đỡ, dẫn dắt mình giải thoát. Ngài không làm những việc này, chỉ có Sư Phụ của mình mới cứu mình, giúp mình giải thoát mà thôi! Cho nên người Ấn Độ cho rằng một vị Sư Phụ còn

cao hơn Thượng Đế. Họ viết những bài thơ tố cáo Thượng Đế, trong đó có một bài đại ý là: *“Thượng Đế đưa tôi vào vòng sanh tử luân hồi, không lo, không để ý, không dạy bảo tôi, nhưng Sư Phụ tôi cắt đứt dây chuyền sanh tử cho tôi, tôi không còn ngôn ngữ nào xứng đáng để tán thán Sư Phụ tôi.”* Đó là thơ của một người Ấn Độ đã được khai ngộ.

Thượng Đế, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có lợi ích gì. Trong không khí có sanh có dưỡng, có thành phần của nước và hơi. Nhưng nếu chúng ta dùng không khí làm nước uống, chúng ta sẽ vẫn khát vì không khí không thể cho chúng ta một giọt nước nào hết. Chúng ta muốn nước đá, nó cũng không thể giúp ích cho chúng ta bao nhiêu, tuy rằng nó có thành phần của nước và đá, nhưng chúng ta không thể trực tiếp sử dụng nó được, phải đợi cho không khí và dưỡng khí biến thành nước rồi mới có thể lấy nó để nấu cơm, rửa rau, giặt áo hay giải khát, biến nó thành một thứ hữu dụng.

Không có nước hay không khí, chúng ta không thể sống được. Chúng ta có thể nhịn đói vài ngày nhưng không thể nhịn uống một ngày, bởi vì 70% của cơ thể là nước và không khí, thiếu nước cơ thể sẽ bị khô đi. Thành phần của không khí cũng giống như nước, rất quan trọng, nhưng chỉ dùng để thở; phải biến không khí thành nước mới uống được.

Cùng một đạo lý, Thượng Đế hay Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không giúp ích gì cho chúng ta, phải biến thành Phật Bồ Tát mới giúp đỡ chúng ta được. Cho nên đời đời, kiếp kiếp đều cần có Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới Ta Bà. Phật Bồ Tát không phải chỉ ở Tây Phương mà thôi, một số sẽ ở trên thế giới này. Người Anh không nhất định phải ở tại nước Anh, có một số ở Formosa; người Mỹ cũng không ở hết trong nước Mỹ. Phi châu cũng có rất nhiều người ngoại quốc. Phi châu là nơi chưa được khai phá nên có nhiều nước văn minh cho máy móc nhiên liệu tới giúp đỡ họ.

Phật Bồ Tát cũng vậy, không phải tất cả các Ngài đều ở tại thế giới Cực Lạc. Đời đời, kiếp kiếp đều có một số hóa thân đến thế giới này để giúp đỡ chúng ta. Trong thời mạt pháp các Ngài càng đến nhiều hơn, mỗi Ngài làm những việc khác nhau và rất bận rộn, như vậy mà vẫn không độ hết chúng sanh. Dù rằng Phật Bồ Tát có rất nhiều lực lượng, nhưng bởi vì các Ngài hóa thân thành nhục thể, và nhục thể bị giới hạn cho nên phải truyền Tâm Ấn, nếu không chẳng giúp được nhiều. Vì đầu chúng sinh rất cứng như có bức tường dày chắn ngang; cho nên khi truyền pháp, Sư Phụ sẽ làm bức tường nứt ra một chút. Nhưng có người vẫn không thể nứt ra được! *(Mọi người cười.)*

Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới Ta Bà rất nhiều và rất bận rộn, nhưng bởi vì sự hạn chế của xác thân nên nếu sử dụng lực lượng nhiều sẽ rất mỏi mệt. Hơn nữa, nghiệp chướng của chúng sanh quá nhiều, các Ngài không chịu nổi nên có khi cảm thấy quá mệt mỏi! Nếu có người học trò nào siêng năng tu hành, Bồ Tát sẽ sử dụng để giúp đỡ người khác, nhưng đa số rất lười. Một mặt Ngài phải cứu người, mặt khác dạy học trò, vì vậy phải nỗ lực làm việc, cho nên rất bận rộn và mỏi mệt. Dù Ngài giảng rất nhiều, nhưng không có bao nhiêu người hiểu. Nếu học trò chịu tu hành một chút cũng đã tốt lắm rồi. Có người vừa thọ pháp xong liền chạy mất, không biết bao giờ mới quay trở lại, thật là uống công, uống sức!

Phật Bồ Tát dẫn cả đoàn công tác viên đến thế giới này làm việc và phân tán đi khắp nơi. Đến lúc muốn về thì tìm mãi không ra đàn con lạc. Cũng như chúng ta dẫn một đám trẻ đi chơi, một trăm đứa đi thì phải một trăm đứa về. Nhưng giữa đường chúng phân tán ra, đứa ngấm núi, đứa ngấm hoa, nhìn suối v.v... Có đứa kêu khan cổ họng cũng không chịu về. Nếu không đủ một trăm đứa thì không về nhà được nên chúng ta nhất định phải tìm cho ra mới thôi. Nhưng tìm được đứa này, đứa kia lại chạy đi, rất khó để chúng tụ họp cho đông đủ!

Người chăn dê muốn gom đàn dê lại cũng khó lắm! Có con đã được huấn luyện không chạy lung tung, có con hơi lì, có con mới nhập đàn chưa được huấn luyện, nên rất khó trông coi. Có con nghe lời, sẽ giúp đỡ dẫn những con khác trở về. Nếu nó nghịch ngợm, chẳng những không giúp đỡ mà còn dẫn con khác đi chơi. Gặp những trường hợp như vậy, người chăn dê thật là khổ sở!

Bây giờ quý vị đã hiểu được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chưa? Hôm nay Sư Phụ vui nên mới nói một chút cho quý vị nghe; thường những câu hỏi nhằm chán đó, Sư Phụ không muốn trả lời. Lần sau còn hỏi sẽ bị ném ghế đó! (*Mọi người cười.*) Thiền tông Trung Hoa có công án “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc để làm gì?*” Các đệ tử cứ hỏi tới hỏi lui, người Thầy rất bức bối, chỉ còn cách lấy ghế hay gậy đánh lên đầu họ để khai mở mắt trí huệ của họ. Mắt trí huệ bên trong không mở được thì mở bên ngoài vậy! (*Mọi người cười.*) Xem những người này có tỉnh ngộ được chút nào không?

Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc đâu có liên quan gì đến họ, vậy mà đến ngày nay vẫn còn có người tham công án đó, quý vị nhận ra đẳng cấp của họ chưa? Nhưng họ lại ngạo mạn cho rằng “*ta*” hay mới tham công án. (*Mọi người cười.*)

Hồi Sư Phụ ở Mỹ, ngụ tại chùa của một vị pháp sư người Trung Hoa, chỉ có hàng đệ tử “*cao cấp*” mới được vào đạo tràng tham công án. Lúc đó Sư Phụ không được tham dự, thật là thất vọng! (*Mọi người cười.*) Cho nên chỉ còn cách tu Pháp Môn Quán Âm của mình. (*Mọi người cười.*)

Hiện nay vẫn có người tham cứu “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc để làm gì?*” Họ tham công án rất chăm chỉ và cho rằng tham cứu đến một lúc nào đó, sẽ có giải đáp. Quý vị nên biết rằng những gì còn hỏi và trả lời đều vẫn còn nằm trong sự suy luận của tâm trí, thuộc hạng đẳng cấp thấp. Đối với chúng ta, tham công án không ích lợi gì, đẳng cấp đó như thế nào, chắc quý vị đã rõ!

Họ không biết nên cả ngày cứ hỏi đi hỏi lại. Nếu cứ hỏi mãi như thế, có ngày đầu họ sẽ nổ tung, nên có nhiều người vì đó mà phát điên. Mỗi lần họ cử hành thiền tam, thiền thất đều có người khóc, cười, la hét v.v..., bởi vì họ bị áp lực tinh thần quá dồn dập mà không có lối thoát. Cũng giống như dồn người nào vào góc tường, bắt buộc họ phải đi qua, họ không làm được dĩ nhiên phải nổi điên. Bằng không thì bỏ cuộc hay dùng đầu óc tưởng tượng là mình đã đạt được đẳng cấp nào đó. Tình trạng này dễ khiến cho lòng ngạo mạn của họ nổi lên.

Có lẽ người Trung Hoa thích biện luận. Các vị sư từ Ấn Độ đến, bị họ hỏi nhiều quá, cảm thấy nhàm chán, vừa bực lại mệt, nên nói: *“Được rồi, đây là công án tốt, hãy về nhà ngẫm nghĩ vấn đề này, tự hỏi chính mình. Chừng nào có giải đáp mới lại gặp Sư Phụ.”* Như vậy có thể đuổi họ đi mau một chút! *(Mọi người cười.)* Các vị đại sư vốn dùng công án để khảo nghiệm đẳng cấp của đệ tử hay ngược lại. Chúng ta có thể nói công án dùng để ứng đối vấn đáp về sự tu hành giữa Sư Phụ và đệ tử, chúng ta không thể dùng nó để *“tham” (suy luận)*.

Học trò của Sư Phụ rất hay hỏi loại câu hỏi nhưc đầu này, vì họ hay lý luận nên Sư Phụ chỉ còn cách nói: *“Con về tự hỏi chính mình và xem câu đó như là công án.”* Như vậy Sư Phụ sẽ được dễ thở hơn.

Sư Phụ vốn không dạy công án, nhưng bây giờ lại phải dạy công án. Sư Phụ không còn cách nào để dạy người học trò đó Pháp Môn Quán Âm, người ấy không hiểu được, nhất định đòi biện luận với Sư Phụ, Sư Phụ chỉ còn cách bảo người ấy về tự tham công án, suy luận ra rồi hãy đến tìm Sư Phụ. Đây cũng là một cơ hoãn binh để người học trò đó đi về cho Sư Phụ nghỉ ngơi. *(Mọi người cười.)* Người đó sẽ có cơ hội để tự hỏi, khi hỏi đến nát óc và chán không muốn nghĩ về vấn đề thuộc trí thức phàm phu nữa, lúc đó Sư Phụ mới có thể dạy người này Pháp Môn Quán Âm. Nếu được vậy thì công án còn có chút công dụng, làm

việc tẩy rửa đầu óc trước khi tu hành pháp môn tối cao. Nhưng Sư Phụ không dám tin công án có công dụng này!

Xưa kia ở Ấn Độ đâu có công án, truyền đến Trung Quốc mới có. Đó cũng là hàng thuận theo ý chúng sanh vì người Trung Hoa muốn tu như thế, cho nên chỉ còn cách đem câu hỏi hỏi lại người hỏi để họ tự hỏi họ, như vậy các thiền sư mới được dễ thở một chút. *(Mọi người cười.)* Còn không thì họ cứ hỏi “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì?*” hay “*Ai niệm Phật?*” v.v... toàn là những câu hỏi làm cho thiền sư mệt nhừ.

Trung Quốc còn rất nhiều công án, vị nào còn nhớ? *(Học trò: “Mặt trời mọc ở đâu?”)* Công án này còn có chút công dụng, vì thiền sư muốn biết đẳng cấp của học trò xem có thấy được mặt trời ở bên trong chưa. Còn công án nào nữa? *(Học trò: “Chó có Phật tánh hay không?”)* Thuở đó có người nói với hòa thượng Triệu Châu: “*Các vị khác nói là ‘có’, sao Ngài bảo là ‘không có’?*” Không ngờ người đời sau cứ mãi tham thứ công án đó, luôn cả mấy thế kỷ vẫn còn có nhiều người đeo theo con chó *(mọi người cười)*, tội nghiệp con chó phải gánh vác vô số chúng sanh. Còn công án nào nữa nói cho Sư Phụ nghe? *(Học trò: “Diện mục bản lai trước khi sanh ra.”)* Công án này giống như công án “*Ta là ai?*” Ở Nhật còn có công án “*Mô là gì?*”, mỗi ngày họ cứ niệm mô ô ô... *(mọi người cười)*, khi họ thiền thất, giữa đêm vẫn cứ nghe tiếng mô ô ô...

Đại Hàn có công án “*Con mèo và con chuột, con chuột nhảy vào chén của con mèo ăn cắp đồ ăn, con mèo nhảy vào làm cho cái chén bể.*” Công án đó có nghĩa gì? Ai hiểu? *(Học trò đáp: “Chuột làm bể chén.”)* *(Mọi người cười.)* Sao lại có giải đáp kỳ vậy? Ở Đại Hàn có một vị thiền sư rất nổi tiếng chuyên môn dạy loại công án đó, ông ta là một thiền sư nổi danh quốc tế hiện cư ngụ tại Mỹ và có rất nhiều học trò. Sau này Sư Phụ cũng dạy công án, vì học trò đều không trả lời được nên đều cho rằng Sư Phụ rất giỏi, chỉ có Sư Phụ mới biết giải đáp. *(Mọi người cười.)* Dạy

công án cũng có ích lợi là để người ta không phỉ báng. Sư Phụ thấy người Trung Hoa thích biện luận, Sư Phụ dạy cho họ công án để họ hết đường biện luận mà câm miệng đi về.

Quý vị có hiểu ý nghĩa của công án Đại Hàn không? (*Học trò: “Làm bể chén có nghĩa là truy hỏi đến cùng.”*) Nhà người đến đây, (*Sư Phụ lấy thước báng gõ nhẹ lên đầu – mọi người cười*), về tham cho nhiều chút nữa. Sư Phụ lại hỏi tiếp người học trò đó: “*Nhà người bị ta đánh có cảm thấy mất mặt không?*” (*Học trò: Không.*) “*Đúng rồi, không có mặt làm sao mất. Hôm nay chúng ta đóng kịch giả làm thiền sư và học trò ngày xưa, còn ai muốn diễn nữa?*” (*Mọi người cười.*) “*Hôm nay mình tập bản kịch tham công án.*” (*Mọi người cười.*)

Công án “*Mèo và chuột*” ở Mỹ rất nổi tiếng, tất cả học trò của vị thiền sư đó đều ngày đêm tham khảo công án này, thiền thất xong lại tham khảo tiếp. Có người nào ở đây đã từng tham công án? Sao không thấy ai trả lời? (*Mọi người cười.*)

Thật ra tham công án không có ích gì, chén bể thì đã bể rồi, chuột là chuột, mèo là mèo, mình còn tham khảo vấn đề đó để làm gì? Khi mở miệng là đã sai. Nhưng chưa mở miệng là chưa biết, chứ chưa chắc gì đã khai ngộ. Có nói hay không nói đều sai cho nên đệ tử chưa kịp mở miệng, roi của vị thiền sư đã quất xuống.

Còn tham công án ‘*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì?*’, để làm chi vậy? Chuyện của hai ngàn năm trước không liên quan gì tới mình, nên tham công án đó không có ích lợi, đẳng cấp lại thấp như trẻ con lý luận vậy. Sư Phụ thấy tu Pháp Môn Quán Âm là nhanh chóng nhất, không cần phải suy nghĩ về những vấn đề đầu đầu này mà cái gì cũng biết. Sư Phụ không tham công án Đại Hàn, cũng không theo vị thiền sư đó học mà Sư Phụ cũng đạt được trình độ này, cần gì phải tham công án?

Những ai thọ Pháp Môn Quán Âm nếu không theo lời chỉ dạy của Sư Phụ, tu hành không ra gì lại sẽ phải trở lại làm người, tìm Minh Sư thọ pháp và tu trở lại. Nếu như vẫn tu hành không

tinh tấn thì trở lại nhiều nhất là bốn lần thôi và không bị rơi vào ba đường ác; nên mới nói *“trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu ba đường khổ.”* Người nào học được Pháp Môn Quán Âm sẽ không rơi vào ba đường ác chịu khổ, tối thiểu là sanh làm người, không gánh nhiều đau khổ và nhất định có cơ hội gặp Minh Sư tu hành, không như những người khác.

Bởi vì theo vị Minh Sư tu hành, Ngài giúp chúng ta tiêu trừ ác nghiệp của đời trước nên không bị rơi vào ba đường ác. Bất kể chúng ta có cố gắng tu hành hay không, nghiệp chướng vẫn được tiêu trừ, ngoại trừ những người phản bội và không tin Sư Phụ. Lúc tu hành, họ không muốn Sư Phụ giúp đỡ, tự họ muốn về sáu nẻo, ba đường ác luân hồi sanh tử, nên Sư Phụ không cưỡng ép họ. Thí dụ chúng ta đến tiệm mua một món đồ, về nhà thấy không hợp ý và đem món đồ đó trả lại cho người bán, họ chỉ còn cách nhận hàng và trả lại tiền.

Cũng như thế, nếu như có người không theo Sư Phụ học đạo, phản bội hay ra ngoài phỉ báng v.v..., đương nhiên Sư Phụ phải trả lại nghiệp chướng cho họ, không thể cưỡng ép họ được. Tại thế giới Ta Bà này, Phật Bồ Tát không thể miễn cưỡng cứu người, trừ phi người đó chịu cải biến tư tưởng của họ. Cho dù người đó rất lười, không chịu cố công tu hành, chỉ cần tin tưởng Sư Phụ, sẽ không sa vào ba đường ác, không nhận lại nghiệp chướng của mình.

Đối với những người phỉ báng, không tin Sư Phụ vẫn có phước báu, nhưng họ phải chờ thật lâu mới được gặp Minh Sư và được nhận làm đệ tử. Nếu bây giờ họ tạo nhân quả, muốn nhận lại nghiệp chướng, Sư Phụ cũng không còn cách nào khác hơn là để họ đợi đến một ngày họ nhìn thấy sự sai lầm và chán ngán cõi Ta Bà này, lúc đó thành tâm thành ý cầu xin giúp đỡ, Minh Sư mới có thể trở lại dẫn họ lên. Không phải Minh Sư quên họ mà vì họ tự chọn, đành phải để họ làm. Tình trạng đó khác với người tu hành kém nhưng vẫn tin Sư Phụ, tôn kính Sư Phụ. Tuy rằng họ lười tu nhưng họ muốn được cứu vớt, Sư Phụ sẽ cứu họ.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ con đã theo Ngài tu học mấy lần rồi?*

Sư Phụ: Hồi nãy đã nói rồi, nhiều nhất là bốn lần quý vị sẽ không còn phải trở lại. Bây giờ là thời mạt pháp, không còn có thể giới để mà trở về nữa.

Vấn: *Có lần Sư Phụ thuyết pháp nói rằng nếu như không có thân thể không tu hành được, con không hiểu rõ lắm, như vậy thiên nhân có tu được không?*

Sư Phụ: Không thể được! (Nhưng trong kinh điển có ghi rằng có rất nhiều thiên nhân đến nghe kinh.) Họ chỉ nghe kinh nhưng không thể tu hành, không thể tu Pháp Môn Quán Âm, vì họ không có tay, tai không như tai, mắt không như mắt. (Họ không thể dùng “trí huệ” nghe hay sao?) Đương nhiên có thể nghe nhưng tình trạng khác nhau, trừ phi thiên nhân đó trước kia đã theo Sư Phụ học Pháp Môn Quán Âm mới có thể tiếp tục tu hành. Thí dụ bây giờ quý vị theo Sư Phụ tu hành, nhưng vì tu tập dở dang không thể đến đất Phật, chỉ có thể lên Thiên Đàng mà thôi, nơi đó sẽ có Sư Phụ dạy tiếp, dạy khác với thiên nhân bình thường, họ không thể nghe tiếng bên trong làm sao tu hành được? Họ tu theo đẳng cấp của họ, thí dụ thiên nhân đến đây nghe Sư Phụ giảng kinh, nghe về Pháp Môn Quán Âm, họ rất thích được Vô Thượng Bồ Đề, Cứu Cánh Niết Bàn, nhưng tự họ không thể tu hành Pháp Môn Quán Âm. Nếu họ muốn phát tâm tu hành, họ phải trở lại làm người, đi tìm Minh Sư học đạo. Còn những thiên nhân đã theo Sư Phụ tu học, sẽ tiếp tục đẳng cấp của họ. Trên Thiên Đàng cũng có trường học cho những học sinh, người ngoài không được vào. Thí dụ mình chưa tốt nghiệp trung học, dù có ở cạnh trường đại học cũng không thể vào học, ngay cả những công nhân làm việc trong trường cũng không thể biến thành sinh viên đại học vì đẳng cấp của họ chưa đủ để hiểu.

Vấn: *Sư Phụ có nói rằng loài người giữ một bộ phận tối cao trong âm lưu, vậy đẳng cấp của thiên nhân trong âm lưu còn thấp hơn loài người sao?*

Sư Phụ: Trong âm lưu của âm thanh, thiên nhân giống như ở trong hay ở gần trường đại học nhưng không phải là sinh viên chính thức nên không học gì cả, hiểu chưa?

Vấn: *Nếu chúng ta không tu Pháp Môn Quán Âm, có phải ở ngoài âm lưu này hay không?*

Sư Phụ: Chúng ta ở trong đó, nhưng cũng không ở trong đó, thiên nhân cũng vậy. Họ tuy ở trong, nhưng cũng không thể nói họ ở trong âm lưu. Người nào cũng có âm thanh này, nhưng nếu không có Minh Sư mở cửa thì vẫn không nghe được, cho nên mới nói rằng họ không ở trong đó. Khi được Minh Sư mở cửa rồi thì họ mới thật sự được coi là ở trong âm lưu. Thiên nhân có phước báu lớn có thể ở những nơi đẹp đẽ, nhưng họ không thể tự mở âm lưu.

Loài người cũng vậy, ai cũng có thể nghe được bởi vì họ đều ở trong âm lưu này, nhưng cần có Minh Sư chân chính để mở “*mắt trí huệ*”. Đây là việc làm chuyên môn, chỉ có Minh Sư mới làm được, không phải pháp sư nào cũng có quyền năng này; đó cũng là pháp luật của vũ trụ không phải tự Sư Phụ tạo ra. Trồng cam có cam là việc tự nhiên, đừng hỏi Sư Phụ tại sao trồng cam lại ra cam? Quả và cây cam từ hạt giống mà ra, không thể chỉ hạt lấy cam ăn mà phải chôn nó xuống đất, đợi cây lớn khai hoa kết trái rồi mới ăn được.

Đó là luật của vũ trụ, đừng hỏi Sư Phụ tại sao, Sư Phụ không biết và cũng chẳng muốn trả lời những vấn đề như Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì? Tại sao cây cam không sinh ra táo? Tại sao cây lâu lớn vậy? Tại sao phải nở hoa rồi mới kết trái? Những việc này đều không liên quan gì đến Sư Phụ. Có cam thì ăn, Sư Phụ không muốn tìm hiểu chỉ cho phiền phức. Đương nhiên

chúng ta ai cũng có Phật tánh, nhưng nếu không tu hành thì không thể phát triển được. Chúng ta đều ở trong âm lưu, nhưng nếu không được Minh Sư mở cửa coi như chưa được vào trong.

Vấn: Theo Sư Phụ học Pháp Môn Quán Âm, tùy trình độ tu hành cá nhân mà được dẫn từ Thế Giới Thứ Nhất đến Thế Giới Thứ Năm; tới Thế Giới Thứ Năm mới coi như hoàn toàn giải thoát. Nhưng nếu như có người tâm sân hận quá nặng, dù rằng họ cũng tu Pháp Môn Quán Âm nhưng bị rơi vào cõi A-tu-la, Sư Phụ có cứu họ không?

Sư Phụ: Có, ở đó cũng có trường học. Mỗi ngày họ đến đó tập nổi giận. (Mọi người cười.)

Vấn: Xin hỏi Sư Phụ, Thế Giới Thứ Tư là nơi đen tối vô biên, có người dùng ở đó không?

Sư Phụ: Có. Nếu quý vị ở đó cũng có Sư Phụ đến tiếp. (Vậy thì tốt quá, biết được Sư Phụ cũng như có bảo hiểm vậy.) Đúng, vĩnh viễn có bảo hiểm, không cần phải trả tiền. Bảo hiểm của Sư Phụ là vô lượng vô biên, không thể dùng tiền mua, cho nên Sư Phụ chúc mừng quý vị.

Vấn: Con nghe nói Milarepa ăn thịt, đúng không?

Sư Phụ: Chỉ có một lần thôi. Hôm đó Ngài không có gì để ăn, thợ săn cho Ngài một miếng thịt, Ngài chỉ ăn một nửa, phần còn lại cất vào sau động. Hôm sau Ngài muốn ăn nốt thì thấy có nhiều sâu bọ bám vào, Ngài nói: “Phần thịt này thôi để cúng dường các người.” Hôm Ngài ăn thịt, toàn thân rất là đau nhức. (Lúc đó Ngài chưa thành Phật phải không?) Đúng, lúc đó Ngài còn tu trong động, tu cả ngày nên ăn thịt một lần còn chịu nổi, Ngài có thể rửa nghiệp chướng rất mau. Chúng ta cả ngày ăn thịt, không tu chi cả (mọi người cười), đương nhiên không thể được. Milarepa ở trên núi, tinh thần tinh khiết, nên có ăn một chút thịt

cũng không sao (*Nhưng cũng đau đớn mình lắm!*), còn mình thì không thể ăn thịt vì không đủ phước báu.

Vấn: *Nghe nói Đại Bảo Pháp Vương cũng ăn thịt?*

Sư Phụ: Họ khác với Milarepa. Nhiều người phũ thủy cũng ăn thịt, họ có thần thông không phải là họ đã tu đến mức cao rồi, họ có lực lượng cũng không phải là họ đã cứu cánh giải thoát.

Vấn: *Có người nói một số pháp vương của Mật tông tuy ăn thịt nhưng cũng có thể xuất Tam Giới, có thật không?*

Sư Phụ: Họ nói là việc của họ, Sư Phụ không muốn bình luận, cũng không nhất định phải đồng ý. Lúc Sư Phụ còn tại gia đã ăn chay rồi. Khi còn tu Mật tông tại Đức, có một hôm Sư Phụ hỏi một vị Lạt Ma: “*Ăn chay tốt hay ăn thịt tốt?*” Vị đó đáp: “*Ăn thịt không tốt.*” Sư Phụ hỏi: “*Vậy nhà sư ăn thịt hay ăn chay?*” Vị đó đáp: “*Ta ăn thịt.*” Sư Phụ lại hỏi: “*Tại sao?*” Vị đó đáp: “*Ta ăn thịt từ thuở nhỏ đã quen rồi, không thể sửa đổi được.*” Sư Phụ: “*Sao ăn thịt không tốt?*” Lạt Ma: “*Vì sát hại sanh mạng chúng sinh.*”

Sư Phụ đã nói qua lúc này, Milarepa là tổ thứ tư của Mật tông cũng ăn thịt, nhưng chỉ có một lần mà thôi. Và lúc đó, Ngài có cảm thán rằng: “*Hôm nay sao ta lại ăn uống như những kẻ phạm phu vậy!*” Nếu như đọc qua truyện của Ngài sẽ biết, mỗi ngày đi xin ăn, đều đem đồ chay về, trong sách có nói rất rõ ràng. Có lần Ngài đến nhà bà cô xin ăn, bà không những không cho còn mắng đánh Ngài. Nhưng rồi Ngài hát một bài cho bà nghe, bà rất cảm động và bố thí rất nhiều đồ chay cho Ngài. Thật ra xưa kia người Tây Tạng biết rằng tu hành phải ăn chay, nhưng giờ đã biến đổi; tình trạng của các tông phái và tôn giáo khác cũng vậy. Thời xưa, các thiền sư Nhật Bản đều khuyên người ta ăn chay. Có một ngày, một vị thiền sư Nhật giảng kinh cho người xuất gia nghe, Ngài nói: “*Người xuất gia nên trang nghiêm, nên nỗ lực tu hành, xuất*

gia khác với tại gia. Người tại gia muốn ăn gì cũng được, ăn thịt uống rượu, tu hành loạn bậy. Nhưng người xuất gia tu hành nhất định phải ăn chay, mỗi ngày ăn một bữa.” Người xưa đều biết rằng tu hành phải ăn chay, Phật giáo lúc mới truyền qua Nhật đã dạy rất rõ ràng và tín đồ đều ăn chay. Nhưng bây giờ thì quá hỗn loạn, tu sĩ Nhật Bản đều được ăn thịt, uống rượu và kết hôn. Tuy còn một số ăn chay bởi vì họ không có tiền.

Có một người Mỹ (*Philip-Kaplean*) đến Nhật Bản học thiền mười ba năm và viết một quyển sách kể lại thời gian tu học tại Nhật. Vị này có đến thăm viếng rất nhiều chùa, thấy họ ăn chay nên rất mừng, nhưng họ lại nấu thịt cho ông ta ăn. Ông hỏi họ: *“Tại sao tôi ăn khác với quý vị?”* Họ trả lời: *“Người Mỹ quen ăn thịt rồi.”* Người đó nói: *“Tôi muốn ăn chay”*. Nhưng những vị hòa thượng ở chỗ khác đem cá thịt đến chùa, ông người Mỹ hỏi: *“Sao hôm nay quý vị lại ăn thịt? Quý vị vốn không ăn chay sao?”* Vị hòa thượng trả lời: *“Bởi vì những hôm đó không có tiền mua thịt cá cho nên mới ăn chay, hôm nay có tiền nên mua thịt. Đôi khi chúng tôi tụng kinh cho người, họ cúng tiền để mua thịt hay cúng đường thịt cá và những thứ khác. Có lúc chúng tôi cũng lấy bánh và đồ chay để đổi lấy thịt.”*

Người Mỹ đó nghe rồi trong lòng kinh ngạc. Lúc đó ông ta mới nghiên cứu Phật giáo, tự mình muốn ăn chay lại được mời thịt dùng mặn nên nói: *“Tôi không ăn thịt, chỉ muốn ăn chay.”* Trong cuốn sách của ông cũng cho rằng người tu hành nên ăn chay và trách người xuất gia ăn thịt không có lòng từ bi. Nghĩ rằng nếu như con người bề ngoài không từ bi như vậy thì nội tâm của họ như thế nào mình có thể suy ra.

Sư Phụ rất tán thán cách nhìn của người đó, tuy rằng ông ta khác pháp môn với mình nhưng rất nỗ lực và tâm rất đơn thuần, không tán thán việc ăn thịt uống rượu và kết hôn. Vị này tuy vẫn mặc áo như một người tại gia nhưng đã tự cho mình là hòa thượng, vì khi ở Nhật đã thọ mười giới làm hòa thượng rồi. Ở

Nhật hòa thượng chỉ cần thọ mười giới và nam nữ đều như nhau, tuy họ không phải thọ hai trăm năm mươi giới nhưng vẫn được coi là hòa thượng. Nếu như tu hành bảy hạ, cho dù có thọ hai trăm năm mươi giới cũng không có ích lợi gì. Hiện nay ở Nhật tu hành khác xưa. Có ít chùa vẫn còn tu hành cực khổ, còn các chùa khác đều tụng kinh kiếm tiền, các chùa lớn thì làm lễ kết hôn, làm pháp hội lớn, tung bùng náo nhiệt.

Trong Kinh Lăng Già có nói, nếu như ăn thịt uống rượu quá nhiều sẽ biến thành quỷ dạ xoa, thích ăn thịt người. Giết người cũng như là ăn thịt người, vì đoạt sanh mạng của người khác, lúc ấy người với quỷ có gì khác nhau? Trên thế giới này chúng ta thấy có nhiều nước, mỗi ngày đều có vô số người và loài vật bị giết. Từ quan điểm của Kinh Lăng Già, chúng ta có thể tự hỏi nghiệp chướng có phải vì ăn thịt mà ra? Chúng sanh nào ăn thịt quá nhiều, sau này sẽ sanh vào những quốc gia chiến loạn, thọ lãnh nhân quả của mình.

Nếu ăn thịt nhiều tu hành nhất định không thành. Đã mặc lên bộ đồ của người xuất gia, thọ Bồ Tát giới, phát tâm độ chúng sanh, thế mà ăn thịt uống rượu làm sao được. Đã tạo nhân thì sẽ gặt quả, cho nên mới có những tình trạng bi thảm như ngày nay. Người thường còn dễ tha thứ, đã là hòa thượng càng không nên ăn thịt. Hòa thượng nên hòa bình cao thượng, nếu chỉ xấu một chút cũng không còn hòa bình cao thượng nữa. Đôi khi chỉ có một hai người không tốt, có thể khiến cho cả quốc gia bị ảnh hưởng, vì nghiệp chướng của họ quá nặng.

Ngược lại, các vị đại tu hành có thể ban phước báu cho cả nước. Họ đến đâu, chỗ đó sẽ khác hẳn, đẳng cấp được nâng cao mà mất phạm phu không thấy được. Các vị đại tu hành mới đến chỗ nào, chỗ đó ban đầu thấy loạn, như cãi cọ hay bất đồng ý kiến v.v... bởi vì ma quỷ không muốn rời đi cho nên lợi dụng người yếu đuối đến làm phiền để cản trở. Nhưng tà không thể thắng chánh, một thời gian sau, họ sẽ được độ thoát, bầu không

khí sẽ biến đổi thành hòa bình, lương thiện, phát đạt, dân càng lúc càng nhiều. Chúng ta có nghe nói Phật đến đâu, chỗ đó sẽ có phước báu, là sự thật.

Xưa kia có một Minh Sư đến giảng kinh, có một người đệ tử không thể đi theo được, mới ở nhà xem tờ lộ trình và bản đồ, một mặt quán tưởng hành trình Sư Phụ của họ. Có một ngày người đệ tử này tọa thiền, thấy hành trình của Sư Phụ họ có nước, nơi đó vốn rất khô, nhưng bây giờ người đệ tử thấy Sư Phụ họ đến nơi nào, nơi đó liền có nước, tuy những nơi khác thì vẫn khô khan. Từ đó chúng ta thấy sức gia trì của một vị đại sư vô lượng vô biên, không thể đo lường được.

Nghe nói xưa kia có những vị đại sư đến những nơi vốn thiếu nước, khi các Ngài đến tự nhiên có nước để uống. Đó là đại phước báu. Trong truyện của Huyền Trang có chép, lúc Huyền Trang đi Ấn Độ, đến một ngọn núi cao có một dòng suối chảy. Theo lời đồn thời xưa chỗ đó không có nước, có một vị hòa thượng theo một đoàn thương gia đến chỗ đó nghỉ chân, nhưng không tìm ra nước để uống, mọi người rất lo lắng và hỏi vị hòa thượng phải làm cách nào đây? Vị hòa thượng này vốn không có tiền, không có thức ăn, sống nhờ vào đoàn người này. Khi họ hỏi: *“Chúng tôi đều rất lo, nhưng Ngài lại tự tại, phải chăng Ngài biết cách tìm nước uống? Hay Ngài biết gần đây có nước uống? Xin Ngài giúp đỡ, chúng tôi gần chết khát rồi.”* Vị hòa thượng trả lời: *“Được rồi, ta sẽ đem nước cho quý vị uống nếu quý vị chịu quy y Phật, Pháp, Tăng, phát nguyện thọ trì năm giới.”* Đoàn thương gia đều đồng ý, quy y và trì năm giới rồi vị hòa thượng mới trèo lên núi và căn dặn: *“Khi ta qua đến bên kia, quý vị nên reo to pháp danh của ta, gọi ‘Sư Phụ gì.. gì... đó...’, xin Ngài giúp cho chúng con, hóa ra nước cho chúng con dùng’, nên reo to như vậy mới có nước.”* Họ đều làm theo lời, quả nhiên có nước chảy ra. Nhưng họ đợi rất lâu vẫn không thấy vị hòa thượng đó trở về, họ trèo lên núi và phát giác vị hòa thượng đó đã chết mất. Ông đã dùng hết phước báu.

Cho nên thi triển thần thông chưa chắc đã là điều tốt, nhưng có lúc Phật Bồ Tát quá từ bi, không nhẫn tâm nhìn họ chết khát nên mới dùng thần thông biến hóa ra nước cho họ uống. Nhưng bởi vì dùng “*ngã chấp*” để thi triển thần thông, nên phải dùng “*ngã chấp*” để thọ báo ứng. Dùng thần thông một lần mất đi một mạng, như vậy không đáng. Nếu như vị hòa thượng đó còn sống và tiếp tục tu hành thành Phật, thí dụ như truyền Pháp Môn Quán Âm, độ được nhiều chúng sanh. Nhưng bởi vì chúng sanh đều tìm cầu vật chất, không lo đến thân của người Sư Phụ sẽ ra sao, kết quả như thế nào, và vị Sư Phụ cũng e dè không nói ra, nên dùng thần thông hóa ra nước rồi chết.





2

Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (1)

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 12 tháng 4 năm 1987

Sư Phụ thường nói Phật A Di Đà chưa phải là cứu cánh, Ngài chỉ là đại diện cho một đẳng cấp hay phẩm chất của Phật. Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như thế, khi tâm từ bi của chúng ta được tu luyện đến viên mãn, chúng ta sẽ chứng được đẳng cấp của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đẳng cấp của Quán Thế Âm Bồ Tát là gì? Là đẳng cấp mà lòng từ bi đã được phát triển đến viên mãn, có thể nghe tiếng cầu nguyện đau khổ của tất cả chúng sinh. Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như nhau, các Ngài chỉ là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật A Di Đà đại diện cho cực sáng, cực tinh, cực mỹ, cho nên chúng ta tán thán tên của Ngài là AMITABHA, là Vô Lượng Quang.

Nếu như Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là một địa vị toàn mỹ, thì trong đó Phật A Di Đà chỉ chuyên phóng hào quang dẫn chúng sanh đến chỗ của Ngài để tiếp tục tu hành. Quán Thế Âm Bồ Tát thì chuyên nghe tiếng khẩn cầu đau khổ của chúng sanh. Nếu chúng sanh đau khổ cầu Ngài là Ngài đến, chúng ta chưa chắc thấy được nhưng Ngài dùng lực lượng chiếu đến, tận lực giúp đỡ chúng ta. Đôi khi những việc Ngài giúp không hoàn toàn y theo những gì chúng ta cầu, nhưng Ngài vẫn dùng tận lực để giúp đỡ nên rất nhiều người thích cầu Ngài. Tuy rằng Ngài có lực lượng nhưng những gì chúng ta cầu được chỉ là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi chúng ta quá đau khổ nên mới cầu nguyện Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, là vì Ngài chuyên cứu khổ cứu nạn.

Nếu ta cầu thấy được Phật, thấy được chỗ sáng lạng của chúng ta để cho chúng ta tự biết mình là ai thì phải cầu Phật A Di Đà. Ngài sẽ phóng hào quang cho chúng ta cởi mở, minh bạch, nhận thức được Phật A Di Đà là chính ở trong ta. Còn Phật Dược Sư thì phóng hào quang giúp cho thân thể của chúng ta được khỏe mạnh, trường thọ, tự tại v.v... Ngài cũng là một phần của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ngoài ra còn những vị Phật khác, thí dụ như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đại diện cho trí huệ. Nếu chúng ta muốn mở trí huệ, biết kinh điển hay muốn hiểu rõ việc gì, Ngài sẽ trợ giúp cho chúng ta mau hiểu biết. Đại Thế Chí Bồ Tát thì đại diện cho lực lượng lớn, khi chúng ta cảm thấy yếu đuối, không có lực lượng, không có cách để khắc phục nghiệp chướng hay trở ngại, lúc đó chúng ta cầu Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát, sẽ được Ngài ban cho lực lượng.

Các Ngài kể trên đều là một phần của Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu mỗi ngày chúng ta cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, lại quên A Di Đà, hay cầu Phật Dược Sư, lại quên Đại Thế Chí Bồ Tát hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Cứ cầu tới cầu lui mà vẫn còn thiếu sót nhiều Phật, lực lượng, phẩm chất Phật khác, làm sao đây?

Nếu như chúng ta có thời giờ, đôi khi còn niệm danh Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư, Đại Thế Chí Bồ Tát, hay Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát v.v... Nhưng đa số không có nhiều thời gian, huống chi khi niệm Phật A Di Đà, không những chỉ niệm danh hiệu của Ngài mà còn niệm chú vãng sanh; khi niệm Phật Dược Sư, còn phải niệm chú Tiêu Trừ Tai Nạn Duyên Thọ; Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng nhiều chú và nguyện của các Ngài. Nếu như chúng ta muốn tán thán từng vị một thì vĩnh viễn làm không xuê.

Hơn nữa, khi chúng ta cầu nguyện, nhất định phải thành tâm, thành ý mới linh ứng, nhưng rất khó. Thí dụ chúng ta cầu nguyện năm phút có thể chỉ có một giây được thành tâm hay ngay cả một giây cũng không có. Cả ngày chạy lung tung ở ngoài làm ăn, rồi vợ, chồng, con không cách nào chuyên tâm cầu nguyện cho nên cầu nhiều nhưng không cảm ứng được bao nhiêu.

Hàng ngày chúng ta quá bận rộn, không dễ gì làm cho tâm viên ý mã lắng đọng, muốn nó ngừng mà nó cứ động. Cũng như xe gắn máy hay máy bay đang di chuyển, muốn ngừng cũng phải cần một khoảng thời gian mới dừng hẳn. Nhưng ý niệm của chúng ta chưa kịp ngừng, lại bắt đầu làm việc khác, nên vĩnh viễn không thể ngừng được. Thời giờ có hạn, vì quá bận rộn nên đôi khi còn không có thời gian để ăn cơm, ngay cả lúc ăn cơm cũng phải suy nghĩ, cũng có điện thoại làm phiền. Những người buôn bán đều như vậy cả, họ mời khách đi ăn là để làm thương mại, vừa ăn vừa bàn việc.

Mình có cái thân còn lo chưa xong, nói chi đến cái “*linh thể*” (*trí huệ, linh hồn*). Thân thể có cảm giác, thấy và sờ mó được mà có những lúc nó đau bệnh chúng ta còn chưa chăm sóc nó đàng hoàng thì làm sao chăm sóc cái linh thể hoặc trí huệ đây? Cho nên đời đời kiếp kiếp tìm không ra được Phật Tánh, nhìn không ra chỗ tối cao sáng lạng, có lực lượng tốt cùng của chúng ta. Đời đời kiếp kiếp bị luân hồi, bị thế giới này và các thứ vật chất ràng buộc. Cầu Phật Bồ Tát cũng không có hiệu nghiệm vì chúng ta

không có chuyên tâm cầu nguyện, ngoại trừ tình trạng khẩn cấp may ra cầu còn có một chút cảm ứng.

Tại sao như thế? Bởi vì những lúc chín mất một còn, không còn đường để chọn lựa nên đành bỏ quên mọi việc trên thế gian mà chỉ cần cứu mạng, cầu nguyện với lòng thành nên có một chút cảm ứng.

Thông thường khi chúng ta cầu nguyện đều chú trọng ngoại biểu mà quên hẳn nội tâm. Nhìn bức tượng Phật mà cầu giúp đỡ nên không thấy hiệu quả. Thật ra phần đông cảm ứng đến dưới trạng thái không có tượng Phật. Thí dụ như lúc bệnh nằm trên giường, mắt nhắm lại cầu Quán Thế Âm Bồ Tát lại có cảm ứng, không nhất định phải đến chùa nhìn tượng mới được cảm ứng.

Vì cảm ứng không phải đến từ tượng Phật gỗ, làm sao gia trì cho chúng ta? Vốn chỉ là một miếng gỗ được đẽo khắc thành tượng, nó không những không giúp ích mà còn cản trở không để cho chúng ta *“phản văn văn tự tánh”*, làm cho ta bỏ tâm bên ngoài, trên tường gỗ, hướng ngoại tìm cầu.

Mọi cảm ứng đều đến từ nội tâm, Phật ở trong ta, cũng như Thượng Đế ở trong ta. Giê-su Ki-tô nói: *“Thiên Quốc ở trong các ngươi”*, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Phật tại tâm”*, vậy mà chúng ta không chịu cầu bên trong, lại đi cầu tượng Phật ở bên ngoài, như thế làm sao được? Cho nên đến chùa cầu Phật không có linh ứng nhiều bởi vì chúng ta bỏ tâm bên ngoài, không *“phản văn văn tự tánh”*.

Giả sử như chúng ta có thời gian, mỗi ngày đều cầu nguyện tất cả các vị Phật vẫn không có lợi ích vì tâm vọng ngoại. Cho dù tượng Phật biến thành người sống cũng vẫn là giả vì Phật từ gỗ mà ra, sao có thể thành Phật được? Từ một thân thể con người hiện ra Phật, còn chưa dám tin, nói chi đến từ khúc gỗ? Phật như thế đều là ảo tưởng, không phải là thật.

Sao lại nói rằng tượng Phật không thể giúp chúng ta, lại còn ràng buộc? Bởi vì nó làm cho tâm hướng ngoại, nên tìm không ra

mình. Thí dụ đầu của Sư Phụ đang đội mũ, nhưng suốt ngày cứ ngó ra ngoài nên không thấy mũ đâu, quên mất rằng mũ vẫn nằm trên đầu. Ngoại cảnh đã không giúp được Sư Phụ tìm mũ, còn lỗi cuốn nhãn quang ham nhìn ngắm khiến cho Sư Phụ quên mất là nó đang ở trên đầu và quên ngó lên coi có đội mũ hay không. Thí dụ khác, có người đeo mắt kính, họ cầm kính trên tay mà đi hỏi người khác có thấy kính của họ hay không. Nếu như có người nói cho họ biết: *“Kính nằm trên tay đó,”* thì họ mới sực tỉnh: *“Ta sao lãng trí quá!”*

Cùng một ý đó, nếu ta muốn tìm được mình, hay muốn cầu Phật đều không nên bỏ tâm ở bên ngoài. Nếu như tâm hướng ra ngoài tức là ngoại đạo, bởi vì đạo ở bên trong, Thiên Quốc ở bên trong, Phật trong tâm; có muốn tìm nên hướng vào trong mà tìm. Nói là bên trong, nhưng thật ra cũng không phải là bên trong, vì không có ngôn ngữ thích hợp để diễn tả, nên tạm gọi là bên trong. Quý vị đừng lầm là trong bụng hay cơ quan nào khác.

Vì sao Sư Phụ phải nói là bên trong? Bởi vì chúng ta hay ngó tới ngó lui, đều là nhìn bề ngoài, bây giờ phải xoay đầu nhìn lại mình nên mới gọi là bên trong. Nếu đã quen nhìn tượng Phật, sau này sẽ không dễ gì thay đổi, vì không thấy được tượng Phật, không chịu nổi.

Cũng như một cặp vợ chồng sống với nhau mấy chục năm đã quen rồi. Có một ngày một trong hai người bỏ đi, tâm của người còn lại sẽ rất đau khổ. Nếu như chúng ta đã quen sống một mình thì có một hay nhiều người đi hay đến cũng không ảnh hưởng hay làm cho ta đau lòng được. Giống như vậy, nếu như chúng ta không quen vọng ngoại, muốn nhìn vào trong rất dễ. Còn nếu đã quen nhìn ngắm ngoại cảnh, muốn xoay đầu tìm tự tánh bên trong thì khó vô cùng.

Tu hành cũng vậy, nếu chúng ta đã để *“tâm”* tập trung tại một điểm nào đó rất thấp, sau này muốn sửa lại để tập trung nơi trung tâm tối cao rất là khó. Cho nên không tu thì thôi, còn nếu

tu thì phải chọn pháp môn tối cao. Nếu không gặp được Minh Sư thì tốt nhất đừng có tu, còn không thì càng tu càng mệt, rốt cuộc sẽ biến thành chướng ngại. Bởi vì khi đã quen dễ tâm tại bộ phận thấp, cần trải qua một đoạn thời gian huấn luyện mới có thể sửa đổi. Đối với những người chưa tu pháp môn nào, họ rất dễ xoay vào trong tìm Phật Tánh. Vì vậy nếu tu bất cần sẽ biến thành chướng ngại.

Nhiều người thích tu nhiều pháp môn khác nhau, đa số cũng đạt được thần thông, nhưng những loại thần thông đó dễ dẫn dắt chúng ta vào con đường tà đạo. Cứ bận dùng thần thông sẽ làm cho quên đi cái mục đích cứu cánh giải thoát, cho nên tu để đạt thần thông không có ích lợi, lại còn có hại.

Chúng ta thường nghe nói có người có thần thông trị bệnh, biết được đời quá khứ, hiện tại, vị lai của con người, hay là thi triển bùa phép rất nổi tiếng. Thật ra không có gì hay, Sư Phụ chỉ cảm thấy những người đó rất tội nghiệp, không những không được giải thoát còn tạo rất nhiều chướng ngại. Trải qua thời gian rất lâu vẫn chưa giải thoát được vì bị thần thông trong tam giới giữ lại, không bỏ được nên không thể giải thoát, vì nếu mê thần thông, thì rất khó tu hành pháp môn cứu cánh. Như trẻ em mê đồ chơi quá, bỏ học hành, không tiến cao được.

Khi trẻ con thấy kẹo muốn ăn, ăn quá nhiều rồi không ăn được cơm, không những bị đau răng mà thân thể lại không đủ dinh dưỡng. Cũng như đứa bé thích ngậm núm vú, khi không có, nó sẽ mút tay, càng ngày ngón tay càng teo lại, xấu xí và yếu đi. Cha mẹ của nó phải huấn luyện rất lâu mới có thể bỏ đi cái tật đó. Nó vốn không cần phải bị sự huấn luyện này vì ngón tay dùng để viết và làm việc, không phải để mút nhưng đã trở thành thói quen mà quên đi công việc chính của nó, nên phải cải cách lại.

Thêm một thí dụ nữa, đứa bé nghe tiếng rao bán cà-rem, tâm bị lôi cuốn nên chạy ra xem cho dù không mua. Mẹ nó đã dọn cơm nhưng đứa bé không muốn ăn, ăn vụng và ăn quà vặt đối với

nó có sức hấp dẫn hơn là bữa cơm chính. Trường hợp của thần thông giống như ăn vụng hoặc ăn vặt vậy!

Các thứ thần thông đó không có nằm trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các vị đại sư tuy có thần thông tối cao, nhưng khi họ dùng, không ai có thể thấy được, không phải để cho người ta biết được “*ta*” có thần thông. Cốt yếu chỉ để cứu chúng sanh, giúp họ thoát ly sanh tử mới dùng đến thần thông, chứ không dùng để chữa bệnh nên khác hẳn với loại thần thông bình thường. Nếu muốn dùng thần thông, trước hết hãy đạt được đẳng cấp của Phật Bồ Tát rồi mới dùng, còn không thì chỉ toàn là thần thông của ma, đều là ảo tưởng và trò chơi con nít cả.

Trí óc của chúng ta có rất nhiều lực lượng, đầu óc mà Sư Phụ gọi là MIND, không phải là tim. Bất cứ tu pháp môn nào, hễ từ “*mất trí huệ*” trở xuống đều nằm trong phạm vi của MIND (*trí óc*) này, là tu tà đạo không phải Phật đạo. Thật ra gọi là tà đạo cũng không đúng, chỉ vì trong vũ trụ nó thuộc về đẳng cấp rất thấp, thứ thần thông nhỏ đó mới nhìn thì tưởng là đại thần thông, nhưng thật sự thì hoàn toàn khác hẳn.

Trẻ con có ngũ quan và hình dạng như người lớn, nhưng nó không thể làm việc của người lớn. Sức của trẻ con có hạn, nó không biết lái xe, chỉ lái thứ xe đồ chơi mà cảm thấy tự mãn, cũng biết đọc sách nhưng chỉ đọc sách dành riêng cho trẻ em, cũng biết viết nhưng chỉ viết được một số chữ thôi, cho nên chúng khác với người lớn.

Thần thông của trí óc nằm trong tam giới, còn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ngoài tam giới. Loại thần thông nhỏ chỉ buộc chúng ta trong tam giới, còn thần thông của các vị đại sư là thần thông của A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, tối cao người thường không thấy được, sờ được, đoán được. Khi các vị đại sư dùng thần thông, không ai có thể biết được cho dù có thiên nhãn, người phạm cang không thể biết được.

Nếu dùng thần thông mà phạm phu có thể thấy được thì xét đoán ra đó không phải là thần thông cao. Xe hơi đồ chơi của trẻ

em tuy có hình dạng như xe thiết nhưng năng lực khác xa vì nó nhỏ quá không có ích dụng.

Các vị đại sư có đủ các thứ thần thông của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng họ không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì họ có lực lượng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ không trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta có thể nói rằng họ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và ngược lại có thể nói là không phải, bởi vì hể còn xác thân này là không phải Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng trong thân lại chứa đầy lực lượng của Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát v.v... đều là của họ hết. Cho nên có thể nói là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm việc qua xác thân của họ.

Thông thường chúng ta hay cầu từng vị một, như cầu Phật A Di Đà, nhưng bởi vì không thấy được Ngài, trí óc của chúng ta không thể nhận thức được nên không thấy cảm ứng. Chúng ta cũng không thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Dược Sư và các vị thánh nhân khác nên có cầu cách mấy cũng không có cảm ứng nhiều. Nhưng nếu như có người đại diện các Ngài đến thế giới Ta Bà này, chúng ta sẽ câu thông được với các Ngài.

Loài người cũng vậy, nếu quen, khi nào muốn ta chỉ nhắm mắt là có thể quán tưởng đến người đó ngay, còn đối với người lạ làm sao có thể tưởng tượng được. Và không thể chuyên tâm được. Mà không chuyên tâm thì không có cảm ứng. Cho nên cần phải có một người đại biểu Phật Bồ Tát đến đây. Khi ta muốn cầu Phật Dược Sư liền nhớ đến người này, và tự nhiên thu hút được lực lượng của Phật Dược Sư vào thân thể, khỏi bệnh.

Cho nên nếu cần chữa bệnh, cầu vị Minh Sư tại thế đại biểu cho Phật Dược Sư mới có hiệu quả, bởi vì trong thân của người đó chứa đủ các lực lượng. Khi ta gặp khó khăn, chỉ cần cầu người đó, sẽ được ban cho lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát hoặc

thu hút được lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát từ người đó. Vị Minh Sư cũng là con người giống như ta và đã quen biết nên dễ tưởng nhớ đến, dễ giao cảm. Chúng ta chỉ cần cầu vị Minh Sư đó sẽ được toại nguyện.

Khi chúng ta đau khổ, cần hấp thụ lực lượng từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu muốn khai ngộ, cần có ánh sáng nên hấp thụ ánh sáng của Phật A Di Đà. Muốn có trí huệ, cầu Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Muốn có lực lượng giúp người, hấp thụ lực lượng của Đại Thế Chí Bồ Tát. Chúng ta chỉ cần cầu có một người, nhưng cầu gì đều có đó. Có người nói Sư Phụ chữa bệnh cho người, nhưng sự thật Sư Phụ không chữa vì Sư Phụ không dùng thần thông chữa bệnh. Nhưng vì một vị Chân Sư có đủ các lực lượng, chỉ cần mình cầu xin, lực lượng tự nhiên đến mà Sư Phụ không cần động tay cũng không cần biết thần thông. Sư Phụ đã nói rồi, biết thần thông cũng như trẻ em chơi đồ chơi mà thôi.

Thần thông của một vị đại sư không thể gọi là thần thông, nó là loại phép gia trì tối cao, cứu người nhưng không cứu người (*không phải kiểu thường*). Có người khi tọa thiền thấy Sư Phụ là Lục Tổ Huệ Năng, hay là Bồ Đề Đạt Ma, Phật Thích Ca Mâu Ni, Đại Thế Chí Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát... Thật ra Sư Phụ chỉ là một người nhưng mỗi người thấy khác nhau. Không phải Sư Phụ hóa thành Quán Thế Âm Bồ Tát với người này, thành Phật A Di Đà với người kia, mà là lực lượng toàn vẹn của Sư Phụ bên trong hóa ra, nên mọi người chỉ thấy được một phần nhỏ của lực lượng đó mà thôi. Khi họ thấy được phần nào, nói Sư Phụ là vị đó; họ không thấy được Sư Phụ nguyên vẹn, chỉ thấy được một phần nhỏ như tai hay tay, còn chân, đầu và những bộ phận bên trong họ vẫn chưa thấy được.

Đó là lý do tại sao chúng ta phải tìm một vị Đại Sư. Vị Đại Sư đó có đủ các lực lượng, Ngài không cần làm gì mà chúng ta muốn gì được đó. Ngài có lực lượng toàn mỹ, nên tất cả đều tự nhiên

như vậy. Một đóa hoa không cần cho ta mùi thơm mà tự nhiên nó thơm, vì tự nó là mùi thơm. Cây trầm cũng không cần phải phát ra mùi hay được ta làm gì nó mới thơm, tự nó thơm. Nước hoa hay dầu thơm cũng vậy, ta mới ngửi liền cảm thấy thơm, không cần bảo nó thơm đi, nó cũng thơm mà không phải suy nghĩ.

Nước suối không cần phải phát ra tiếng reo lớn, để bảo cho chúng ta biết nó là nước, cũng không có ý niệm cho chúng ta nước uống, nó tức là nước. Chúng ta muốn uống thì đến uống, nước không cần phải mời hay để ý đến chúng ta, chỉ cần tìm ra nước thì cứ uống.

Cũng như vậy, muốn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát nên tìm vị Phật tại thế. Vị đó sẽ mang lực lượng của Quán Thế Âm Bồ Tát đến cho chúng ta. Cầu Phật A Di Đà cũng nên tìm vị đại sư đó, vì ngài sẽ dẫn lực lượng của Phật A Di Đà đến. Cầu Phật Dược Sư cũng phải tìm vị đó, vì trong túi của vị đó có lực lượng của Phật Dược Sư. Thí dụ trong chợ có bán tất cả mọi thứ, muốn mua đậu hũ, thuốc hay các món khác đều có. Dĩ nhiên nếu đến tiệm đậu hũ cũng mua được đậu, nhưng mua ở chợ có mọi thứ khác nữa nên rất tiện.

Khi ta cầu Phật Bồ Tát, chỉ cầu được một bộ phận mà thôi, nếu muốn cầu toàn bộ, tốt nhất nên tìm vị Chân Sư tại thế có đầy đủ các sức gia trì. Giả sử có người chỉ cầu tâm từ bi hay thoát khỏi đau khổ, đương nhiên có thể cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, còn vấn đề có cảm ứng hay không thì phải coi quý vị có thành tâm hay không. Muốn cầu sanh cõi Tây Phương cũng có thể cầu Phật A Di Đà và có được sanh nơi đó hay không, cũng là chuyện khác nữa!

Nếu chúng ta có thể tìm được một vị có tất cả lực lượng của Phật A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát v.v... thì an toàn hơn, vì vị đó không trốn đi đâu ngoài thế gian này. Khi chúng ta cầu Phật A Di Đà hay Quán Thế Âm Bồ Tát, không thể thấy được các Ngài lại không biết các Ngài có đến giúp không. Còn vị Minh Sư có

đầy đủ các lực lượng của Bồ Tát sống trước mắt, chúng ta thấy được và quen biết được nên Ngài có muốn trốn cũng không thoát, vì vậy chúng ta mới có chỗ nương tựa, an toàn. Muốn cầu Phật Bồ Tát nên tìm những người như vậy, vì họ là đại biểu của Chư Phật Bồ Tát, được lực lượng của các Ngài ban cho. Cũng như có người tội phạm sắp bị tử hình, trong giây phút cuối quốc vương sai cận vệ đem lệnh xá tội, nên không ai dám xử tội hay nói lời nào. Người đem lệnh dĩ nhiên không phải là quốc vương nhưng người đó có lệnh, đại diện cho uy quyền và lực lượng của quốc vương nên mọi người phải phục lệnh, cả tội nhân cũng nhờ lệnh mà được thoát chết.

Muốn cứu tội nhân, nên tìm người có lệnh ân xá của quốc vương mới kịp, bởi vì không biết quốc vương ở đâu mà tìm. Nước xa không thể dập tắt lửa gần, nếu đợi cho quốc vương đến thì đã quá trễ vì đoàn người hộ tống đi rất chậm, nên mới phải có một người đem lệnh vua mới được mau lẹ hơn. Tuy rằng người cầm lệnh không phải là quốc vương nhưng đại biểu cho quốc vương đến cứu người, coi như có uy quyền của quốc vương.

Vị Chân Sư tại thế cũng vậy, tuy không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng có đủ lực lượng của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ban cho vị đó phẩm chất và uy quyền, nên Ngài có thể cứu bất cứ người nào. Khi Sư Phụ nói: “Phật không phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Phật cũng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mới nghe rất mâu thuẫn, không biết quý vị đã hiểu chưa?

Học trò của Sư Phụ khi thiền thất đều thể nghiệm được lực lượng của mình càng lúc càng phát triển, càng ngày càng nhiều. Lực lượng từ đâu đến? Thí dụ có một nhà phát điện, chỉ một sợi dây tiếp nối là toàn quốc có thể sáng, nấu cơm, đun nước, xem tivi đều được. Đường dây càng lớn, điện dẫn càng nhiều nhưng nếu dây quá nhỏ mà dùng điện nhiều quá dễ bị cháy. Nếu như dây

điện lớn dẫn luồng điện mạnh thì sẽ làm được nhiều việc. Thí dụ nguồn điện có thể cung cấp cho toàn quốc thì điện lực của dây điện có thể cung cấp cho xóm làng. Nếu như không biết dùng điện, dù có điện lực cũng không ích lợi gì, nhà cửa vẫn tối tăm, vì không có dây dẫn điện. Mỗi ngày có ngôi cầu, điện lực cũng không thể phát cho chúng ta xài được.

Đại đệ tử của một vị Chân Sư đến nơi nào, nơi đó sẽ có sức gia trì, vị đại đệ tử mới đến, chỗ đó liền đổi khác. Người đệ tử đã có lực lượng như vậy, nói chỉ đến Sư Phụ của họ. Cho nên bất cứ chúng ta học gì, phải biết có kết quả hay không, chứ không phải mù mờ bắt chước theo người ta niệm Phật, niệm chú, tu mật, tu thiền, chỉ tốn phí thời giờ mà thôi. Đệ tử theo Sư Phụ học không bao lâu cũng có lực lượng gia trì nên tự họ cảm thấy pháp môn này hữu dụng, cảm ứng được là pháp chân chính. Nếu không, làm sao biết được công đức và sức gia trì của pháp môn này?

Thí dụ chúng ta làm việc cả mấy tháng mà chưa được trả lương thì làm sao chúng ta biết được là người chủ có tiền hay không? Nói là có tiền mà không phát lương, người ta gần chết đói mà vẫn chưa được trả tiền, như vậy đâu phải là chủ? Toàn là gạt người, biết đâu người chủ cũng sắp chết đói. Nếu cả hai bên đều nghèo mà ta còn xem họ là chủ thì có phải là khờ dại lắm không? Muốn làm chủ nhân phải có vốn, mỗi tuần hoặc mỗi tháng đều phải phát lương để cho chúng ta sinh sống. Nếu như cứ bảo chúng ta cố gắng làm việc mà không trả tiền, thì còn kính nể và gọi họ là ông chủ để làm gì?

Muốn nhận định một người là Sư Phụ, đáng được tôn kính thì phải biết lực lượng của người đó, và họ cũng có thể cho mình ít nhất ban đầu một chút lực lượng, như vậy mới có tư cách làm thầy của chúng ta. Vì trí huệ của họ nhiều hơn ta, đẳng cấp cao hơn, lực lượng lớn hơn nên chúng ta mới tôn người đó làm thầy. Không phải nghe người nào tự xưng là thầy, liền cúi đầu đánh lễ, quy y theo học. Rồi họ không thể cho mình cái gì hết, vẫn luân

hồi, sanh tử, vô minh, thầy trò đều chịu khổ trong tam giới, như vậy tôn họ làm thầy để làm gì?

Khi ta gọi một người là Sư Phụ, nghĩa là tôn xưng vị đó làm thầy, đồng thời cũng là cha, vì vị đó có thể dạy dỗ chúng ta và như cho chúng ta một sanh mạng. Cho nên một vị Minh Sư có thể ban cho chúng ta một “đời sống chân chính”, không để cho chúng ta phải đời đời kiếp kiếp luân hồi. Đó mới là một vị “Minh Sư chân chính”. Không phải cạo đầu là có thể làm thầy, để cho người ta tôn kính cúng dường, thầy như vậy chỉ là một thứ tên để xưng hô chứ không có lực lượng thật của một vị Chân Sư.

Tôn xưng “Thầy” là vì vị đó có thể dẫn chúng ta giải thoát, chỉ cho chúng ta tìm được “*Sư Phụ*” của mình (*hay là chủ nhân, chân thể, diện mục bản lai*). Tôn xưng “Cha” là vì vị đó như người cha, sanh trở lại “*Chân Thể*” của chúng ta, để cho chúng ta vĩnh viễn không chết. Người cha phạm phu của chúng ta còn tối thiểu có thể cho chúng ta nhục thể. Còn người thầy tâm thường không thể cho chúng ta cái gì cả, không cho được nhục thể, càng không thể cho được chân thể. Họ còn chưa tìm được chân thể của họ làm sao có thể cho người khác? Những người thầy đó không phải là Chân Sư, quý vị hiểu rõ chưa?





Một vị Minh Sư có thể ban cho chúng ta một “đời sống chân chính”,
không để cho chúng ta phải đời đời kiếp kiếp luân hồi.
Đó mới là một vị “Minh Sư chân chính”.

Trích từ bài thuyết giảng “*Chân Sư Có Lực Lượng*
Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”



3

Chân Sư Có Lực Lượng Của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (2)

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Tịnh Tọa Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 19 tháng 4 năm 1987

Quý vị có biết Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là gì không? Nếu giáo dân của Thiên Chúa giáo không thích hay không quen với danh từ của Phật giáo thì có thể dùng danh từ “*Thượng Đế*” để thay thế, còn Lão giáo gọi là “*Đạo*”. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, trong tâm kinh gọi là Bát Nhã Ba La Mật Đa. Tiếng Phạn của Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là MAHA PRAJNA PARAMITA. Bây giờ Sư Phụ nói Phật không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng Ngài cũng là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Sư Phụ nói Phật tức chi Phật tại thế, không phải Phật cõi Tây Phương, tuy nhiên Phật cõi Tây Phương và Phật tại thế đều không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bởi vì trước đây Sư Phụ đã nói rồi, một vị Phật tại thế có đủ các phẩm chất trong thân,

có Phật hiện tại, quá khứ, vị lai, thập phương tam thế chư Phật, các Bồ Tát, các Long Thần Hộ Pháp và tất cả các lực lượng siêu phàm. Ngài muốn cứu người nào liền có thể cứu ngay, không cần biết người đó đã được truyền Tâm Ấn hay chưa.

Truyền Tâm Ấn là gì? Chúng ta gọi tắt là “*ấn tâm*”, tức là khi truyền pháp môn tối cao này giúp cho “*mất trí huệ*” hay “*Phật nhãn*” mở ra. “*Phật nhãn*” nằm tại đây. (Sư Phụ chỉ vào *mất trí huệ*.) Phật tử đều biết giữa trán của Phật Thích Ca có một chấm đỏ, điểm đỏ thể hiện cho Phật nhãn hay con mắt thứ ba. Các vị Tổ Thiền tông thời xưa thường nói: “*Như Lai ‘Chánh Pháp Nhãn Tạng’ từ Ma Ha Ca Diếp truyền xuống*” là lý do đó. Nhưng ngày nay đa số đều không biết, tuy rằng có rất nhiều pháp môn tu hành nhưng đều không có liên quan gì đến “*Nhãn Tạng*”. Hình như chánh pháp nhãn tạng đã bị thất truyền vậy.

Trong Thánh Kinh có nói: “*Nếu như mắt của người biến thành một, toàn thân của người sẽ rất sáng.*” Ấn Độ giáo cũng có nói đến con mắt trí huệ, theo tiếng Phạn gọi là TISRA TIL. Thật ra tất cả các tôn giáo vốn đều như nhau. Khi họ tu đến một đẳng cấp nào đó thì họ bắt đầu đi hoằng pháp, nhưng vì đẳng cấp của họ khác nhau nên phải coi công lực tu hành của họ mà định, chứ không phải họ tu khác pháp môn. (Quý vị xem lại quyển *Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ, Hiện Đời Giải Thoát, Quyển 1, Chương 8*.) Sư Phụ không muốn phân tích ở đây đẳng cấp của các vị tu hành thời xưa cao hay thấp, nếu muốn biết, ta chỉ cần đọc sách giáo lý của họ là có thể phán đoán ngay.

Trong lúc thiền thất, Sư Phụ có nói khi Lục Tổ Huệ Năng lãnh y bát đẳng cấp của Ngài đã tới đâu rồi, những người đến thiền lúc đó đều rõ, chúng ta chỉ cần đọc bài kệ Ngài làm là biết được đẳng cấp của Ngài.

Ngày xưa các vị thiền sư khi khai ngộ hay có thể nghiệm, họ liền viết xuống, thầy của họ chỉ cần đọc một lần là biết trình độ của họ đến đâu. Khi chúng ta thọ pháp rồi cũng vậy, có thể

nghiệm phải viết xuống để Sư Phụ biết được đẳng cấp của quý vị. Có sao viết vậy, vì người tu hành không nói dối, nếu như phạm giới sẽ như thế nào? (*Học trò đáp: “Xuống địa ngục.”*) Phải! sẽ xuống địa ngục. Nói láo tức là ‘*chưa thấy chứng nói chứng,*’ mình chưa đạt đến đẳng cấp đó mà nói đã được, chưa thấy ‘*thầy bên trong*’ hay ‘*Phật Bồ Tát*’ mà nói đã thấy. Đó là gạt người, là đại vọng ngữ, phạm tội rất nặng, phải đọa vào địa ngục. Cho nên người tu hành không thể nói dối.

Tuần trước Sư Phụ nói Phật tại thế là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hôm nay nói thêm. Cũng có người gọi đó là “*Thượng Đế*” hay “*Đạo*”.

Bây giờ Sư Phụ vẽ một vòng tròn, trong đó có hai phần, một tối một sáng, khác hẳn nhau. Chúng ta quan sát vũ trụ sẽ thấy rõ, có ban ngày, ban đêm, có người tốt kẻ xấu, có Thiên Đàng, địa ngục, có chỗ đẹp, chỗ xấu v.v... và tất cả đều từ “*Đạo*” này mà ra, từ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đại trí huệ này đến. Nếu không phải từ đó thì từ đâu?

Giả sử có một vị Thượng Đế, tất cả những vật kể trên đều do Ngài tạo ra nên phải nói Ngài rất tốt và cũng rất xấu. Ngài làm Thiên Đàng cho người hưởng hỷ lạc, cũng tạo ra địa ngục để trừng phạt người. Thế giới Ta Bà này cũng từ Ngài mà ra, ở đây cũng có lúc chúng ta thấy rất hỷ lạc nhưng thời gian vui vẻ thì ít mà đau khổ thì nhiều. Cho nên A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vốn có tốt có xấu. Trong hình Thái Cực của Đạo giáo cũng có nửa đen nửa trắng, bên đen có chấm trắng, bên trắng có một chấm đen là nghĩa như vậy.

Đen và trắng tượng trưng cho âm dương. Mặt đen tối dơ bẩn là âm, nghiệp chướng nặng nề, rất đau khổ và đầy sự áp lực. Dương tượng trưng cho sự đẹp đẽ, sáng tươi, nhẹ nhàng, hỷ lạc, tự tại. Thật ra lực lượng tốt hay xấu đều đồng một ý, nên chúng ta đừng tranh luận tôn giáo nào tốt hơn. Chúng ta nên tu hành, đẳng cấp khá rồi mới hiểu được vì sao phải có âm dương.

Bất cứ người nào có được chìa khóa thần bí, có thể giúp chúng ta mở chỗ bí mật của vũ trụ, chỉ dẫn chúng ta đạt được trạng thái âm dương quân bình, không cần biết vị đó theo Phật giáo hay Thiên Chúa giáo, Đạo giáo cũng được, có được năng lực này tức là Đại Đạo Sư.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vốn không có gì tốt, vì đã tạo ra địa ngục và tình trạng xấu cho chúng ta đọa vào. Rất có thể chúng ta vốn không thích tới thế giới Ta Bà này, nhưng nó lại đưa chúng ta đến đây. Có một số người không muốn đầu thai làm người, nhưng khi chào đời có ai hỏi ta có muốn được sanh ra hay không? Vũ trụ này đương nhiên có nhiều nơi rất đẹp, rất vui nhưng cũng có nơi rất đau khổ, có sanh, lão, bệnh, tử. Những trạng thái đó đều do A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tạo ra.

Bất cứ tôn giáo nào cũng đều nói Đạo sanh ra vạn vật trong vũ trụ, Thánh Kinh gọi đó là *“Thượng Đế”*. Phật Thích Ca Mâu Ni dùng những danh từ như *“A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,” “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,”* hay là *“Đại Trí Huệ,” “Lực lượng tối cao”* đều chỉ là một thứ. Vì sao gọi là đại trí huệ, vì nó biết hết mọi việc, phạm văn là MAHA PRAJNA PARAMITA là hoàn mỹ, tức là trí huệ rất lớn, rất hoàn mỹ.

Trí huệ này có thể tạo Thiên Đàng, cho nên tốt hay xấu cũng từ đó mà ra, vậy thì nó có tốt không? Bởi vì chúng ta đều thích vui, sợ khổ, không ai thích địa ngục và thật sự có địa ngục. Nó sẽ không hỏi chúng ta có thích hay không mà đã tạo một cái dơi sẵn ở đó, chỉ chờ chúng ta sợ ý là rơi vào.

Nếu quý vị đọc qua Kinh Địa Tạng sẽ thấy, Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: *“Người trên cõi Ta Bà mỗi một niệm đều tạo rất nhiều nghiệp chướng, không có một niệm nào ngừng.”* Phải làm sao đây? Có phải chúng ta sanh ra để chú định về hướng địa ngục? Nếu mỗi niệm đều tạo nghiệp chướng, không lẽ chúng ta vĩnh viễn không thể giải thoát?

Trong Thánh Kinh cũng có nói là khi chúng ta mới sanh ra là đã có tội của tổ tông rồi, vậy thì bao giờ chúng ta mới được giải thoát? Tội của tổ tông là nghĩa gì? Phật giáo gọi là nhân quả luân hồi. Tổ tông là tiền thân của chúng ta, vì đời trước đã tạo nghiệp nên bây giờ sanh ra để nhận quả báo. Trong Thánh Kinh còn nói: *“AS YOU SOW, SO SHALL YOU REAP”*. *“Trồng nhân gì thì được quả đó.”* Đa số những người Thiên Chúa giáo nghĩ rằng chỉ có Phật giáo mới nói về nhân quả luân hồi, nhưng thật ra trong Thánh Kinh cũng có nói rất rõ: *“Trồng nhân gì thì được quả đó”*, nghĩa là luân hồi. Khổng Tử cũng có nói: *“Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”*, bất cứ việc gì nếu mình không thích thì đừng làm cho người khác, như vậy sẽ tránh được những tình trạng không ưa thích đó, cũng là giáo lý của nhân quả.

Sự thật là tôn giáo nào cũng có nói đến luật nhân quả, có tôn giáo nhấn mạnh, có tôn giáo không nói rõ lắm. Trong một đời người khó thấy được nhân quả, cho nên có nhiều người thắc mắc hay hỏi Sư Phụ, vì sao có người cả đời tạo ác nghiệp, không bố thí, không tin tôn giáo, cũng không có thầy, nhưng suốt cuộc đời đều giàu sang, thông thả.

Có vài đệ tử đi theo Sư Phụ kiếm đạo tràng, vì nhà thuê đã bị người chủ bán, nên than phiền: *“Sư Phụ ơi, họ xấu như thế, dùng bẫy bắt chim, giết gà, giết heo, mà lại ở chỗ lớn, đẹp và sang, còn chúng ta là người tu hành mà cả chỗ ở cũng không có.”*

Thật ra những thứ đó chỉ là phước báu nhỏ mà thôi, nếu ngày mai lửa cháy nhà, cháy sạch cả, thì có phải trở thành tay không? Có lúc trong rừng cũng có hỏa hoạn, cháy rừng hay động đất sập nhà chết người, nên có chỗ tốt để ở, đời sống nhàn rỗi chỉ là phước báu của nhân thiên mà thôi. Có thể đời trước bố thí, cất chùa v.v... nên đời này có tiền hơn. Chúng ta tu hành được phước báu siêu thế giới, được vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử luân hồi, ở những nơi sáng lạng của *“Đạo”* và không còn bị liên hệ với những nơi tối tăm. Phước báu của chúng ta là có thể đến được nơi tốt trong vũ

trụ, nơi đó là đất Phật. Trong “Đạo”, phần trắng là cửa Phật, là nơi giải thoát; phần đen là sanh tử luân hồi, bao gồm Thiên Đàng, địa ngục, thiên nhân, phước báu, nhân quả v.v... Thế giới Ta Bà cũng là một trường học, là nơi để cho chúng sanh học tập, đợi họ học xong và biết được nơi này là đen tối thì mới trở về nơi sáng lạng.

Trên thế giới Ta Bà, khi mình đã học xong thì tốt nghiệp ra trường, xa Sư Phụ, và không còn bị la rầy. Làm bác sĩ, luật sư, làm thương gia, chính trị gia hay là tổng thống, bất cứ ngành gì, chức vụ gì thì trước kia họ cũng đã đi học qua. Lúc họ còn ở trường họ cũng rất cực khổ, rất siêng năng trong nhiều năm mới có thể thành kỹ sư, bác sĩ v.v...

Muốn thành Phật cũng vậy, phải đến thế giới Ta Bà học tập, khi đã thành Phật rồi mới có thể về nơi sáng lạng. Cho nên Phật nhập Niết Bàn không phải Ngài đã thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bởi vì Ngài không có phẩm chất của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cũng như không có phẩm chất của phàm phu. Đương nhiên nếu Ngài muốn, Ngài cũng vẫn có thể đạt được toàn diện đẳng cấp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng một vị Phật lúc còn tại thế đã là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng đồng thời cũng không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Sư Phụ đã nói rồi, bởi vì A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề có lực lượng toàn năng bao gồm tốt và xấu, vì Phật tại thế tuy rằng lực lượng gì cũng có, nhưng Ngài chỉ sử dụng lực lượng tốt mà thôi, vì tâm trí và trạng thái của Ngài đều trụ trong lực lượng tốt. Vẫn có thể gọi Ngài là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì Ngài có uy quyền để cứu người từ nơi đen tối lên nơi sáng sủa, từ địa ngục lên Thiên Đàng. Mà Ngài không phải là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì Ngài hoàn toàn không dùng tới lực lượng xấu của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Lần trước Sư Phụ cũng đã cho ví dụ là Phật tại thế cũng như sứ giả, chỉ cứu người mà thôi. Còn quốc vương có thể cứu người

và giết người, tự thân là pháp luật, có thể sửa đổi pháp luật. Vị sư giả tuy có uy quyền của quốc vương, cứu người sắp bị tử hình, nhưng không như quốc vương có thể hạ lệnh giết người.

Một vị Phật hay một vị thầy tại thế cũng chỉ cứu người mà thôi. Ngài đạt được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (*đẳng cấp tối cao*), có uy quyền và lực lượng tối cao này, nhưng chỉ dùng phần tốt mà thôi. Tại Ấn Độ, một vị Phật hay Minh Sư tại thế rất được tán thán, không có ngôn ngữ nào để diễn tả hết được.

Trong kinh điển có nói rằng nếu như gặp được một vị Chân Sư hay Phật tại thế là phước báu lớn nhất, vì nếu không gặp được họ thì không có cách nào giải thoát. Tiếng phạn gọi Phật là Buddha, tạm dịch là Phật Đà, ám chỉ một người đại khai ngộ, hay một người đã lão luyện trong trí huệ, biết và hiểu mọi việc.

Ở Trung Hoa có vị “*Lão Tử*”, tên thật của vị đó là Lý Nhĩ, người đời sau đều tôn xưng Ngài là “*Lão Tử*”, bởi vì Ngài là một vị thầy, một linh hồn rất lão thành, cái gì cũng biết. Mọi người đều tôn kính vị thánh nhân này nên mới gọi như vậy và vì người Á Châu đều tôn kính người già. Ở Ấn Độ, nếu một người rất thông minh, có đầy trí huệ sẽ được gọi là “*Huệ Lão*”.

Sư Tổ của Sư Phụ khi còn tại thế, có một đệ tử là một “*Huệ Lão*” cho nên đồng tu đều gọi vị đó là Buddha. Ý của họ không phải muốn nói vị đó là Phật, mà xưng tán vị đó là người già có trí huệ, nhưng thật ra vị này còn rất trẻ. Cho nên Buddha không phải chỉ để gọi Phật Thích Ca Mâu Ni mà thôi. Người đắc đạo, đại khai ngộ, được MAHA PRAJNA PARAMITA (*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*), người có “*Đại Trí Huệ*” đều là Buddha, tiếng Trung Hoa dịch là Phật Đà, gọi tắt là Phật, Phật từ ngày nay đều tưởng rằng chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni mới là Phật, vì sao thế? Bởi vì Ngài nổi danh nhất, dù đã trải qua hai ngàn năm.

Thí dụ, khi nhắc đến thánh nhân, chúng ta đều nghĩ đến Lão Tử bởi vì Ngài rất nổi tiếng. Kinh Đạo Đức của Ngài cho đến bây giờ chưa có ai sánh kịp, Ngài có tài viết văn, có thể viết ra

thể nghiệm, nên khi chúng ta đọc sách đó liền nghĩ rằng Ngài là thánh nhân độc nhất. Thật ra còn rất nhiều vị đạo gia khác, đẳng cấp cũng không kém Ngài, nhưng có thể họ không thích viết ra, hay không biết viết ra, hoặc không có đệ tử giỏi để truyền pháp môn, nên không nổi danh như Lão Tử.

Thêm một thí dụ nữa, Lục Tổ Huệ Năng là vị thiền sư nổi tiếng nhất tại Trung Hoa, trong hàng tổ của Thiền tông, chỉ có Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng là có danh, vì sao vậy? Bởi vì hai Ngài có điểm đặc sắc. Bồ Đề Đạt Ma là vị thiền sư đầu tiên đến Trung Hoa, lại khổ tu thiền định trong chín năm. Lục Tổ Huệ Năng lúc chưa xuất gia là một cư sĩ, đến đạo tràng của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn học thiền, mỗi ngày giã gạo trong bếp mà mới tám tháng đã lãnh y bát của thầy rồi. Là một người đốn củi không biết chữ, mỗi ngày giã gạo mà trong tám tháng đã có thể kiến tánh thành Phật, thật là kỳ lạ. Chính vì thế mà hai Ngài rất nổi tiếng.

Thiền tông đương nhiên vẫn còn các Tổ khác, như Tổ Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín v.v..., nhưng vì họ không có điểm đặc biệt nên ít người biết đến. Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng vốn chỉ có tiếng ở các nước Á Châu, như Âu Lạc và Trung Hoa mà thôi, nhưng từ khi Phật pháp truyền sang Tây Phương thì các Ngài trở nên nổi tiếng trên thế giới, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nổi tiếng thế giới, vì Ngài vốn là một hoàng tử mà lại có thể bỏ cả ngai vàng, bỏ vợ con, danh lợi để tu hành khổ cực hơn sáu năm. Một người tuổi còn trẻ mà đã có đạo tâm cao như vậy nên rất nổi danh.

Xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ có tiếng ở Ấn Độ thôi, đến khi vua A Dục tin Phật giáo, Phật Thích Ca Mâu Ni mới nổi danh toàn thế giới, tại sao vậy? Bởi vì lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn chỉ được ba trăm năm, vẫn còn là thời chánh pháp, các đệ tử của Ngài còn có thể truyền pháp, chưa bị biến chất. Vua A Dục theo đệ tử của Phật học đạo, đương nhiên được chứng bồ đề và được khai ngộ. Đọc những lời văn, ta biết được Vua A Dục

là một người rất khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Sau này Vua A Dục đem hết tâm lực làm cho Phật giáo được truyền bá đến nhiều nơi, kể cả phái con và thân nhân đi Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan v.v... hoằng pháp, cho nên Phật Thích Ca mới được nhiều người trên thế giới biết đến.

Nếu không nhờ Vua A Dục, biết đâu chừng Phật Thích Ca cũng chỉ như các vị đại sư khác tại Ấn Độ, chỉ có tiếng ở Ấn Độ mà thôi. Ở Ấn Độ cũng còn những vị Minh Sư khác như Kabir, Tulsidas v.v... nhưng chỉ nổi tiếng tại Ấn Độ mà thôi, vì họ không có đệ tử như Vua A Dục. Thật ra các Ngài đều nói đạo lý giống của Phật và cũng như Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng, không lưu lại nhiều tác phẩm. Phật Thích Ca đã nói nhiều rồi, các Ngài chỉ cần dẫn chứng lời của Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi thêm vào một ít bình luận là đủ rồi.

Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp trong bốn mươi năm, Ngài nói từ Thiên Đàng đến địa ngục và thế giới A-tu-la v.v..., đều có cả, người sau chỉ cần dẫn chứng kinh điển của Phật Thích Ca Mâu Ni là đủ. Nhưng nếu chỉ giảng kinh vẫn chưa thể khai ngộ được, vì giảng kinh chỉ là giáo lý, còn phải có pháp môn và sự khổ công tu hành phối hợp mới được. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế cũng vậy, Ngài dạy các đệ tử các phép tu hành, đồng thời cũng dạy họ giáo lý, cần có hai thứ. Khi học y khoa cũng cần một bên đọc sách, một bên thực tập, nếu không thì không thể trở thành bác sĩ giỏi được.

Muốn thành đạo, bắt cần chúng ta tin tôn giáo nào, nếu như chúng ta không hiểu rõ kinh điển, hiểu lầm ý chánh của vị giáo chủ, chúng ta không thể tìm ra Thiên Đàng. Muốn hiểu rõ kinh điển thì phải tìm Chân Sư, một vị Buddha hay một vị thầy tại thế. Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Nếu như không có Phật lực gia trì, chúng sanh không thể tu thành Phật.”* Ý của Ngài là chỉ Phật tại thế, Chân Sư tại thế, như Sư Phụ đã có nói qua, Buddha là Phật tại thế.

Người Ấn Độ đều hiểu rõ việc đó, vì Ấn Độ đời đời kiếp kiếp là thánh địa, đi đến đâu đều gặp được người tu hành. Nếu viếng thăm Ấn Độ sẽ thấy nơi nào cũng có hòa thượng áo vàng. Bây giờ có người mặc áo trắng nữa vì tông phái khác nhau. Ở Tây Tạng có Bạch giáo, Hoàng giáo, Hồng giáo, v.v... Khi vị giáo chủ của họ mặc áo nào, đệ tử vì tôn kính thầy của họ nên cũng mặc y phục giống như vậy và biến thành tông phái khác nhau.

Ở Ấn Độ, nơi nào cũng nhìn thấy người xuất gia, họ tượng trưng cho đời sống đơn thuần nhưng cao đẹp, những người có trí huệ. Vì truyền thông tu hành nên người Ấn Độ rất tôn kính một vị Phật tại thế. Nếu chúng ta đọc những sách nói về sự tu hành và tọa thiền của Ấn Độ sẽ biết họ tán thán một vị Phật, Chân Sư tại thế như thế nào. Họ nói: *“Nếu mình muốn lên Thiên Đàng, muốn được gặp Thượng Đế, muốn thành Phật, trở thành chúng sanh cao quý nhất, mà không có sức gia trì của thầy mình thì không thể như ý được.”* Vì sao vậy?

Thí dụ như Ngài A Nan theo hầu Phật Thích Ca Mâu Ni mấy mươi năm, mỗi ngày ở bên cạnh Phật, nghe được nhiều giáo lý, và giáo lý nào của Phật Ngài cũng đều hiểu rõ, đều ghi nhớ, nhưng Ngài vẫn không thể đạt được đại trí huệ, mãi đến khi Phật lìa đời, lần đầu tiên tăng chúng tập kết kinh điển, Ngài mới khai ngộ. Làm sao mà Ngài khai ngộ được vậy?

Bởi vì cuối cùng Phật Thích Ca Mâu Ni truyền Pháp Môn Quán Âm cho Ngài nên Ngài mới có thể khai ngộ, còn trước kia thì không thể được, tuy rằng Ngài trang nghiêm nhất, nghe được nhiều nhất và việc gì cũng ghi nhớ hết. Nhờ có A Nan, chúng ta mới đọc được kinh điển lưu truyền từ đời Phật Thích Ca Mâu Ni và có tài liệu tham khảo. A Nan cũng có thần thông, Ngài có thể bay vào tù ngục để giảng kinh cho hoàng hậu Vi Đề Hy. Một người thông minh, văn chương giỏi, lại có thần thông, tu hành vĩ đại như thế mà vẫn chưa được khai ngộ, vẫn cần phải tu Pháp Môn Quán Âm một thời gian sau mới khai ngộ.

Tại sao Sư Phụ nói chỉ có tu Pháp Môn Quán Âm mới có thể khai ngộ? Bởi vì A Nan ngày ngày hầu Phật, có học qua rất nhiều pháp môn như hô hấp, niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm Phật A Di Đà v.v..., kinh điển gì, pháp môn nào cũng biết. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, Ngài cũng có ở đó, và cùng Ma Ha Mục Kiền Liên bay vào tù cùng bà hoàng hậu niệm Phật. Nếu chỉ niệm Phật là đủ, sao Ngài không tiếp tục niệm Phật A Di Đà? Sao Ngài không học phương pháp Phật đã dạy trong kinh “*Quán Vô Lượng Thọ*”, quán tưởng Phật A Di Đà? Tại sao còn phải tu Pháp Môn Quán Âm? Bởi vì những pháp môn đó đều không đủ dùng, không đủ tốt, chỉ có Pháp Môn Quán Âm mới là pháp môn tối cứu cánh.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bất cứ kinh, chú, pháp môn nào cũng đều có A Nan hiện diện, nếu như những pháp môn đó đã đủ tốt thì Phật cuối cùng đã không còn cần phải dạy A Nan tu Pháp Môn Quán Âm. Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, khi hai mươi lăm vị Bồ Tát tự thuật những cách tu hành của họ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chỉ tán thán Pháp Môn Quán Âm. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng chỉ tán thán Pháp Môn Quán Âm. Ngài khuyến khích chúng sanh, nếu như muốn thành Phật thì nên tu Pháp Môn Quán Âm. Nếu Phật Thích Ca Mâu Ni không thương tưởng A Nan, chỉ để cho tu những pháp môn thấp thôi thì Ngài A Nan không thể nào khai trí huệ được. Cho nên Phật mới truyền Pháp Môn Quán Âm cho A Nan, để A Nan khai đại ngộ.

Ở Ấn Độ người cầu đạo đều biết là cần phải tìm một vị Chân Sư, đánh lễ vị thầy đó và xin vị thầy đó truyền pháp môn đại trí huệ này thì mới có thể giải thoát. Họ có thể làm bất cứ việc gì chỉ cần cho thầy họ vui, thương họ và gia trì cho họ, giúp cho họ mở cửa trí huệ, để được giải thoát là đủ rồi. Cho nên họ mới tán thán thầy của họ cao hơn Thượng Đế, cao hơn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thượng Đế thì đẩy họ đến thế giới đen tối này chịu khổ, còn thầy của họ thì giúp họ giải thoát vòng sanh tử luân hồi.

Người Ấn Độ gọi thầy của họ là “*Guru*”, có nghĩa là người trừ đi sự tối tăm, tiếng Trung Hoa gọi là “*Minh Sư*”, những người này có thể giúp cho chúng ta minh bạch, khai ngộ. “*Ngộ*” có hàm ý là minh bạch, nếu như có một vị thầy có thể giúp cho chúng ta khai ngộ thì vị đó tức là Minh Sư, Chân Sư, hay Guru. Bất cứ chúng ta có làm bao nhiêu công đức, phước báu, cất chùa lớn, bố thí tài sản v.v... đều là vọng ngoại, nếu người thầy không cho chúng ta chìa khóa để chúng ta đi vào, làm sao có thể tu hành? Lực lượng gia trì của Chân Sư chỉ là lòng thương của vị thầy, nếu như không có lực gia trì của vị thầy, chúng ta không có cách nào giải thoát. Dù cất rất nhiều chùa, bố thí cho rất nhiều người nhưng nếu không có Chân Sư dạy cho pháp môn tối cao cũng không làm gì giải thoát được.

Thời xưa tại Ấn Độ, có nhiều người đem hết tài sản trao cho Minh Sư rồi cam chịu nhiều cực khổ, treo núi lội sông, chịu nhiều khảo nghiệm, làm bất cứ việc gì Chân Sư bảo họ chỉ vì muốn “*cầu*” pháp môn tối cứu cánh này để giải thoát.

Tôn giả Milarepa chịu khổ cực nhằn nhục đến bảy năm, mỗi ngày phải chịu khảo nghiệm rất gắt gao, cho đến bị đánh đập, chửi bới vô lý. Mỗi ngày đi cất nhà, cất xong bị cố ý phá hoại, bắt cất trở lại, bất cứ Ngài làm điều gì cũng đều bị chê bai. Qua bảy năm sau vị thầy mới truyền pháp cho Ngài. Người tu hành thời xưa có “*đạo tâm*” như vậy mới thành đạt, mới lưu danh đến đời sau, cho nên đến ngày nay chúng ta biết tên các Ngài.

Còn những người mới tu được một ít, rồi ra ngoài phi báng Sư Phụ, chê bai người khác thì vĩnh viễn chẳng được gì hết. Nếu thầy của họ có tâm từ bi lo cho họ, dẫn họ đến thế giới A-tu-la để ở cũng đã là quá tốt rồi, còn không họ phải đọa vào địa ngục. Người phi báng thầy đời đời kiếp kiếp không tìm được Minh Sư, cả tên cũng không nghe được, nói chi là gặp Minh Sư.

Người thời nay rất khó dạy, vì bây giờ là thời mạt pháp. Có thể là các nước có phong tục, cá tính khác nhau, cho nên ở Ấn

Độ, dân vẫn dễ dạy hơn. Ở đó đời đời kiếp kiếp là thánh địa tu hành, từ nhỏ người dân đã ăn chay, học kinh điển cho nên đến dạy là họ tiếp nhận ngay. Họ rất khiêm tốn, khát vọng được đắc đạo, và có đạo tâm cao. Cho nên ở Ấn Độ, mỗi lần có vị Thầy hay Minh Sư nào giảng kinh là sau đó có thể truyền pháp cho cả trăm, cả ngàn người, có lần nguyên cả làng, già trẻ lớn bé thật là đẹp mắt. Họ đã chuẩn bị tinh thần hết rồi, như người nông phu đã cày đất, bón phân, chỉ cần gieo giống là cây mọc.

Truyền pháp tại Trung Hoa Dân Quốc, Formosa, Âu Lạc thì hơi khó. Khi Ngài Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa truyền pháp, gặp rất nhiều khó khăn, quay mặt đối tường tọa thiền cực khổ trong chín năm, vậy mà chỉ có năm người đệ tử khá khá. Chúng ta nên biết Ngài rất vĩ đại, đẳng cấp siêu việt, thuyết pháp cao siêu nhưng lại không có bao nhiêu người đến nghe. Lương Võ Đế cũng chỉ chấp vào thiên nhân phước báu nên không thể hiểu thấu được pháp môn tối cao. Tuy Ngài ở trong Thiếu Lâm Tự nhưng chỉ có Huệ Khả và bốn người khác theo học mà không phải đều là người của chùa Thiếu Lâm, Huệ Khả từ nơi khác đến tìm đạo.

Từ điểm đó quý vị có thể nhận thấy rằng dù cho có ở chung với Chân Sư cũng không có lợi ích gì. Người xuất gia của chùa Thiếu Lâm, mỗi ngày đều thấy Ngài tọa thiền khổ cực mà không động tâm chút nào. Đối với họ, kinh điển là đủ rồi. Niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, đọc Kinh Kim Cang, Pháp Hoa, lạy núi, lạy sông, lạy nước, lạy xương, còn Chân Sư ở đâu thì họ không biết, chín năm tọa thiền chỉ có năm đứa học trò. Nếu Ngài ở cùng với những người ở chợ bán cá, bán thịt, người ta không nhìn ra Chân Sư thì có thể thông cảm được, nhưng người trong chùa mà ít biết đến Ngài mới là chuyện khó hiểu.

Họ cả ngày cứ ôm lấy kinh điển, ăn, ngủ, rồi chết như những chúng sanh khác, bởi vì nơi đó là Trung Hoa, không phải là Ấn Độ nên con người rất khó dạy. Nếu quý vị đọc lịch sử thì quý vị sẽ hiểu là các vị đại sư phần đông đều có liên hệ đến Ấn Độ. Phật

Thích Ca Mâu Ni là người Ấn Độ, Giê-su Ki-tô đã từng học pháp ở Ấn Độ và Tây Tạng mười mấy năm, và cũng ở núi Hy Mã Lạp Sơn tu hành một thời gian. Các vị đại sư đều từ ở Ấn Độ ra, còn không thì thầy của họ từ Ấn Độ đến, không nữa thì họ đến Ấn Độ học. Ở Trung Hoa cũng có một vị thiền sư nổi tiếng, Ngài Ngưu Đầu Pháp Dung, học từ một vị tỷ kheo Ấn Độ, sau này tu mới đạt được đẳng cấp cao như vậy.

Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh bốn mươi chín năm, hoằng du Ấn Độ, phá hủy tượng của Ấn Độ giáo mà họ tôn thờ nhất trong thời đó. Ngài hết sức phản đối hình thức lễ bái, mê tín bề ngoài. Mỗi ngày Ngài đều nói người tu hành nên nhận biết mình, nương vào mình, tìm Phật tánh bên trong của mình mới thật đúng là tu hành, lạy hình Phật bên ngoài không thể nào đắc “Đạo”, trừ phi vị ấy còn tại thế thì có sức gia trì.

Tại Formosa, Sư Phụ mới bắt đầu truyền pháp không bao lâu thì gần bị sự công kích và phỉ báng đê chết. Người tu hành chúng ta nên lương thiện tự tại, không nên công kích phỉ báng người khác mới phải.

Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp tại Ấn Độ, phá trừ sự tôn thờ hình tượng và mê tín của thời đó, dạy người tìm Phật của mình. Khó như vậy mà Ngài vẫn sống an nhàn đến bốn mươi chín năm, sao có thể như vậy được? Bởi vì người Ấn Độ hiền hòa hơn, cởi mở hơn, dù họ không thích cũng nghe thử. Nhiều người tu ngoại đạo sau này trở thành đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Người Ấn Độ dễ dãi hơn, có thể lúc đó họ chưa tìm được Chân Sư nên mới lạy tượng cốt, nhưng khi tìm được Chân Sư rồi, họ biết nghe, biết tự mình tu hành, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni sống đến bốn mươi chín năm không bị phương hại. Nhưng còn Ngài Giê-su Ki-tô thì sao? Ngài mới mở miệng có hơn ba năm, liền bị đóng đinh đến chết, vì sao vậy?

Bởi vì chúa Giê-su Ki-tô truyền pháp tại Do Thái, tình trạng ở đó khác với ở Ấn Độ, lòng người và phong tục đều khác biệt. Khi

Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp, người tin Ấn Độ giáo cũng tôn sùng Ngài là Vishnu, một trong ba vị thần được tôn thờ nhất của Ấn Độ giáo (*ba vị thần là: Shiva, Vishnu, Phạm Thiên*). Tại Ấn Độ, Vishnu đại biểu cho địa vị tối cao, là vị thần rất cao, hay Thượng Đế. Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp, họ cũng gọi Ngài là Phật, tuy Ngài thuyết khác với những gì họ hiểu; nhưng họ tin Phật Thích Ca Mâu Ni là hóa thân của Vishnu, đến thế giới Ta Bà để dạy họ, cho nên họ rất tôn kính Ngài.

Khi Chúa Giê-su Ki-tô truyền Pháp, Ngài cũng có nói rằng Ngài không dạy giáo lý mới, giáo lý của Ngài giống như thời xưa, chỉ giảng cho kinh điển của thời xưa rõ ràng thêm mà thôi. Ngài nói Ngài là công cụ của Thượng Đế, được phái đến đây để truyền pháp, nhưng người Do Thái đóng đinh Ngài trên thập tự giá, vì cho rằng Ngài cuồng vọng, kiêu ngạo.

Phật Thích Ca Mâu Ni tuy truyền một thứ pháp như Giê-su Ki-tô, nói cùng một Chân Lý, nhưng một người sống được bốn mươi chín năm và một người chỉ sống được hơn ba năm mà thôi, thật là thảm thương. Vì sao vậy, bởi vì phong tục và lòng người khác nhau. Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp được cho nhiều người, còn Bồ Đề Đạt Ma, Giê-su Ki-tô, Mật Hản Mật Đức không thể truyền cho một số người nhiều như vậy được vì tình trạng và hoàn cảnh sống của họ khác nhau.

Phật giáo khi truyền đến Tây Tạng biến thể thành Lạt Ma giáo, một số tông phái chủ trương có thể ăn thịt uống rượu, kết hôn. Chúng ta không thể nói người Tây Tạng tin Phật giáo, phải nói là Lạt Ma giáo mới đúng, Phật giáo truyền đến Nhật Bản cũng biến chất, trà trộn vào tinh thần võ sĩ đạo, nên chúng ta không thể nói Nhật Bản giáo là Phật giáo. Tăng sĩ ở Nhật được ăn thịt cá, uống rượu, kết hôn v.v...

Tăng sĩ Phật giáo vốn không thể làm như vậy, nhưng khi truyền đến các nước khác đều biến chất, thành Lạt Ma giáo, “*Samurai*” giáo. Samurai quý vị có biết không? Qua những việc

làm của họ đương nhiên không phải là Phật giáo chân chánh. Phật giáo tại Ấn Độ vốn rất đơn thuần, rất lương thiện, không có những chuyện ăn thịt, uống rượu, giết người v.v... Nếu Phật Thích Ca Mâu Ni đến Nhật Bản hay các nước khác truyền pháp, cũng không thể mau và dễ dàng như vậy, chưa chắc gì đã sống được bốn mươi chín năm. Phong thổ, lòng người đều khác biệt, nếu không phối hợp tình trạng của địa phương thì không thể tồn tại được.

Nếu chỉ có một mình Sư Phụ, Sư Phụ không cần tụng kinh tán Phật, mặc áo người xuất gia, nhưng bởi vì truyền pháp tại Trung Hoa, quý vị thích như vậy, cho nên Sư Phụ cũng hằng thuận chúng sanh, nếu không, quý vị nhìn không thuận ý sẽ không chịu học. Bên ngoài bên trong đều phải cải biến, phải ăn cơm, học tiếng, và mặc y phục theo phong tục Trung Hoa v.v... Nếu bây giờ Sư Phụ nói chuyện Ấn Độ hay Âu Lạc, học trò liền có ý kiến, rằng Sư Phụ hay nói chuyện nước ngoài, không nói chuyện Trung Hoa, cho dù có nói chuyện Quan Công, cũng là Quan Công của Âu Lạc. *(Mọi người cười.)*

(Có người nói: “Con không cảm thấy Sư Phụ là người Âu Lạc, mà là người Trung Hoa.”) Sư Phụ mặc áo Trung Hoa, ăn cơm, hoàn toàn sống như người Trung Hoa, mục đích là để giúp đỡ người Trung Hoa, cho nên bên ngoài có sửa đổi một chút cũng không sao.

Nhưng giáo lý của Sư Phụ khác với Phật giáo Trung Hoa. Lúc truyền Pháp, lực lượng đó không phải là lực lượng của Trung Quốc *(mọi người cười)*, mà là lực lượng của Phật, lực lượng của Thượng Đế. Sư Phụ có dạy quý vị niệm Phật cũng khác với những gì người Trung Hoa đang dạy, nên họ gọi Sư Phụ là ngoại đạo, bởi vì họ không hiểu biết. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, không chỉ dạy người niệm Phật mà thôi, đôi khi Ngài cũng dạy người ta niệm quét nhà, đó cũng coi như là một pháp môn tạm thời. Vậy mà khi Sư Phụ dạy người ta niệm năm vị Phật lại

không phải là một pháp môn hay sao? Sao lại có thể biến thành ngoại đạo mau như vậy? *(Mọi người cười.)*

Những người không thấy rõ sự thật, mở miệng là công kích người khác và cũng không muốn học pháp môn tối cao này. Nhưng Sư Phụ vẫn không nhẫn tâm nên vẫn truyền pháp cho họ. Vì Sư Phụ hành Bồ Tát Đạo, đối với chúng sanh không có tâm phân biệt. Nhưng họ ăn thịt quá nhiều, phước báu quá ít, không thể theo Sư Phụ tu học, không thể lạy Phật tại thế làm thầy. Pháp này có rất nhiều người tu, chỉ riêng ở Ấn Độ đã có mấy chục vạn người, mà không nghe có ai bị phi báng gì, nhưng khi truyền đến Âu Mỹ liền bị công kích, thật là mệt. Sư Phụ ở Formosa dạy chưa được bao nhiêu người đã bị công kích, phi báng.

Bởi vì đây không phải là Ấn Độ, người biết Chân Lý rất ít, cộng thêm nghiệp quả nặng. Có lẽ nghiệp chướng của quý vị nhẹ hơn, nhưng vì ở chung với đồng bào trong nước nên phải bị liên hệ với cộng nghiệp của nước nhà. Tuy rằng họ ăn thịt, mình không ăn, nhưng chúng ta ở đây không thể tránh khỏi, vì chúng ta cần đến những người ăn thịt, uống rượu, để cất nhà, đắp đường, trồng lúa, trồng rau cho chúng ta ăn. Chấn động lực của họ sẽ ảnh hưởng đến rau, đường xá, núi, nước, điện, nhà cửa chúng ta v.v...

Trong tiệm ăn chay cũng có những người ăn mặn và một bên uống rượu, hút thuốc, một bên nấu đồ chay cho chúng ta ăn. Có người một bên nấu đồ mặn, một bên nấu đồ ăn chay cùng một lúc, có lúc quên trộn lẫn với nhau thành đồ mặn hết. Có người mở tiệm chay, nhưng làm ăn ế ẩm nên nấu thêm đồ mặn nữa. Họ cho rằng người tu hành không nên chấp nhất, nên tiệm chay biến thành tiệm mặn cũng không sao, chỉ cần kiếm ra tiền là được. *(Mọi người cười.)*

Nếu chúng ta tu hành không nỗ lực, không tiến bộ, sẽ bị thế giới này ô nhiễm. Cộng nghiệp của thế giới này rất lớn, toàn cõi đâu có bao nhiêu người tu hành? Đâu có bao nhiêu người đến nghe kinh? Đa số còn không muốn đến nghe kinh, nói chi ăn

thuần chay tọa thiền, còn số người đi nghe kinh bao giờ cũng ít hơn số người đi nhảy đầm hay nghe hát. Có quảng cáo trên tivi đi nữa, cũng không có bao nhiêu người đi xem chương trình giảng kinh, nhưng nếu có minh tinh Hollywood, minh tinh điện ảnh sẽ có rất đông người chen chúc đi coi, bên coi, bên ăn hamburger, họ nghĩ phải y như người Âu Mỹ mới gọi là theo kịp thời đại!!!

Giới trẻ thời nay thích nghe nhạc, không thể tọa thiền, tại sao vậy? Bởi vì họ quen nhảy nhót như vượn (*mọi người cười*), như vậy làm sao mà tu? Vì ít người tu nên cộng nghiệp mới lớn, người tu hành chúng ta mới bị ảnh hưởng nhiều.

Thuyết pháp ở đây không phải là chuyện dễ, ở Ấn Độ dễ giảng hơn. Tuy rằng khí hậu ở đó rất nóng, nhưng tâm của họ nguội, nên Phật Thích Ca Mâu Ni mới trường thọ, còn chúa Giê-su Ki-tô thì lại chết sớm. Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc truyền pháp cũng không dễ. Lục Tổ Huệ Năng truyền pháp tại miền nam Trung Hoa cũng không dễ dàng, bây giờ Ngài được nổi tiếng là nhờ đã để lại quyển Lục Tổ Đàn Kinh, nếu không chúng ta cũng không biết Ngài là ai, vì chỉ có một nhóm nhỏ tôn bái Ngài mà thôi.

Nhóm người đó tọa thiền có được thể nghiệm, biết được lực lượng của Lục Tổ Huệ Năng nên mới sùng bái Ngài, nếu không sao lại tôn thờ Ngài? Nếu chỉ cảm y bát là có thể chứng minh trình độ của mình, thì người nào đánh cắp y bát là thành sư tổ rồi. Cho nên họ nhất định phải biết được lực lượng bất khả tư nghị của Lục Tổ Huệ Năng thì mới sùng bái. Lúc đó cũng có rất nhiều người phỉ báng Ngài, đệ tử của Thần Tú tại Bắc phương dùng mọi cách để nói xấu Ngài, gọi Ngài là ngoại đạo. Thật ra Thần Tú cũng thọ pháp từ Ngũ Tổ, cùng học một thầy, một giáo lý, một pháp môn mà phê bình là ngoại đạo, tại sao?

Bởi vì đó là ở Trung Hoa, không phải ở Ấn Độ, không những chỉ ở Trung Hoa, muốn thuyết pháp ở Âu Lạc cũng không dễ đâu. Nhưng ở Âu Lạc có rất nhiều người tu hành, họ cởi mở hơn, có

nhiều Phật tử đến nhà thờ và cũng có nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo đến chùa.

Khi Sư Phụ còn ở Đức, được mời làm trụ trì ở một chùa nhỏ, Sư Phụ mới ở đó có mấy tháng thôi, quý vị đã liên miên gọi điện thoại hỏi thúc Sư Phụ mau trở lại Formosa. Lúc đó ở Đức có tổ chức pháp hội nào, tín đồ Thiên Chúa giáo cũng có đến dự, khi nhà thờ tổ chức pháp hội, Phật tử cũng ghé đến. Mọi người ăn uống vui cười với nhau. Nhưng Sư Phụ nhận thấy họ không có tinh thần khao khát tu hành, cho nên mới rời khỏi. Chứ không phải bởi vì quý vị gọi thỉnh Sư Phụ, một phần là bởi vì thấy họ rất khó dạy, cho nên Sư Phụ mới đến đây. Bởi thế dạy người không phải dễ dàng đâu, dạy người ở Ấn Độ thì Sư Phụ thấy dễ dàng hơn.





Quý vị tin vào vị giáo chủ nào cũng không thành vấn đề, nhưng cần phải
tin tưởng vào bản thân, tìm thấy Bản Lai Diện Mục của chính mình.
Đó mới là điều quan trọng nhất.

Trích từ bài thuyết giảng “*Thế Nào Là Tín Đồ Phật Giáo?*”



4

Cần Nương Vào Pháp Môn Quán Âm Để Giải Thoát Vòng Sinh Tử

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bành Hồ, Formosa**

Ngày 14 tháng 2 năm 1987

Hôm nay vì có duyên của vị Sư Bà này, Sư Phụ mới đến Bành Hồ. Vị Sư Bà đây là người đầu tiên thọ pháp tại Bành Hồ, là một vị xuất gia chân chánh, tâm rất thanh tịnh, đến thọ pháp và còn dẫn theo đệ tử nữa. Phần đông người ta coi đệ tử như một tài sản, phải bỏ trong túi sợ bị mất cắp. Nhưng vị Sư Bà này không có tư tưởng đó, tìm được con đường tốt, liền dẫn các đệ tử đến thọ pháp. Đệ tử của vị này bây giờ lại trở thành đệ tử của Sư Phụ. Nhờ họ, Sư Phụ mới quen biết những người khác và trở lại Bành Hồ. Nếu không, cho đến nay Sư Phụ vẫn chưa biết Bành Hồ ở đâu.

Lần thứ nhất Sư Phụ đến Bành Hồ để thăm viếng đồng bào Âu Lạc. Sư Phụ chỉ biết họ ở vùng này nhưng không biết rõ họ ở nơi đâu? Một vị thầy mà Sư Phụ quy y từ lâu viết thư cho biết, ở Bành Hồ có người tị nạn Âu Lạc, nên Sư Phụ muốn qua đó thăm

họ. Sư Phụ đã đến Formosa nhiều lần, đều tọa thiền mà thôi, rảnh rồi thì quét nhà, chưa hề đi đâu, cho nên lần đầu mới qua đó. Lúc Sư Phụ và một người đệ tử đến Bành Hồ, không quen biết ai, nhưng vì đã mua rất nhiều quà bánh và ghi danh vào thăm viếng người tị nạn Âu Lạc, cho nên trong trại phải người đem xe đến phi trường đón và chở chúng tôi đến trung tâm tị nạn. Họ còn sắp xếp một lữ quán rất rẻ tiền cho chúng tôi ở, nhưng thầy trò thấy ở lữ quán không thoải mái, nên Sư Phụ nói: *“Chúng ta đi tìm thử coi có chùa nào có thể ở một hai ngày được không.”*

Vì ở lữ quán không được nấu cơm, học trò của Sư Phụ mới đi mua những gói mì chay và gặp một người xuất gia hỏi sao lại ăn mì? Đứa học trò mới kể lại tình cảnh của thầy trò. Không ngờ người đó mời thầy trò dọn vào ngôi chùa của mình, và khuyên đừng có mỗi ngày ăn mì gói như vậy, không đủ dinh dưỡng.

Sư Phụ quen tọa thiền từ sáng đến trưa, sau buổi cơm nghỉ ngơi giây lát, rồi lại tiếp tục tọa thiền. Nên mỗi ngày chỉ có giấc trưa, khi Sư Phụ ra dùng cơm, mới gặp Bà một lần. Sư Bà rất ngạc nhiên, vì từ trước đến giờ chưa thấy người xuất gia nào lạ như vậy, ngoài buổi cơm trưa, những thời gian khác Sư Phụ đều tọa thiền hay ngủ, khó thấy được bóng hình.

Sư Bà mới hiểu kỳ hỏi Sư Phụ tu pháp môn gì? Lúc đó Sư Phụ không trả lời, và hỏi lại *“Sư tu pháp môn gì?”* Sư Bà đáp đã niệm Phật hơn ba mươi năm. Sư Phụ lại hỏi: *“Sư có tin rằng niệm Phật như vậy sẽ được vãng sanh Tịnh Độ không?”* Sư Bà đáp: *“Tôi rất lo, vì không thấy có cảm ứng, cho nên sợ không vãng sanh Tây Phương được.”*

Sư Bà còn nói thêm là tuổi đã cao rồi, tu hành lâu như vậy mà chưa biết được có thể vãng sanh Tây Phương hay không, vì không thấy có ấn chứng, cho nên mới lo sợ. Sư Phụ nghe rồi cũng cảm thấy rất đau lòng giúp cho Bà. Xuất gia và niệm Phật hơn ba mươi năm mà chưa thấy có cảm ứng gì, vẫn sợ lúc chết không đến cõi Tây Phương được. Sư Phụ cảm động mới chỉ cho biết:

“Sư muốn đến cõi Tây Phương, phải biết cách ‘niệm Phật’. Bởi vì niệm sai cách, cho nên không có cảm ứng.” Bà ta hỏi: “Vậy niệm như thế nào mới đúng cách?” Sư Phụ mới truyền Pháp Môn Quán Âm, nhưng Sư Phụ không nói tên của pháp môn, chỉ cho biết rằng: “Sư tu như vậy nhất định sẽ vãng sanh Tây Phương.”

Lúc đó Sư Phụ chỉ nói chuyện Tây Phương cho bà ấy nghe mà thôi, không nói đến Pháp Môn Quán Âm là gì, bà ấy cũng không biết pháp môn này ra sao, chỉ biết là có cảm ứng, có thể thấy Phật, thấy ánh sáng của Phật nên rất vui mừng và mãn nguyện. Bởi vì bà ta thích đi Tây Phương, nên Sư Phụ không nói những danh từ phức tạp. Bà ta rất tin Sư Phụ, rất có đạo đức, sau khi thọ pháp có được thể nghiệm, biết rằng pháp môn rất hay, nên dẫn đệ tử đến xin Sư Phụ truyền pháp, rốt cuộc càng ngày càng có nhiều người.

Nếu không nhờ vị Sư Bà này, quý vị khó gặp được Sư Phụ, vì Sư Phụ còn chưa biết Bành Hồ ở đâu, thì nói gì đến việc đi giảng kinh. Ngoài ra, Sư Phụ không thích đi đây đi đó. Trước kia còn trẻ ưa đi du lịch hoàn cầu, bây giờ mệt rồi không muốn đi động nữa. Lúc trẻ du hành các nơi, gần những người hút thuốc chưa cảm thấy gì, bây giờ ngửi mùi thuốc lá thì toàn thân cảm thấy khó chịu, cho nên không thích tới lui nữa. Nhưng vì có người thành tâm, thành ý cầu Sư Phụ, nên Sư Phụ đến.

Mỗi lần Sư Phụ đến đâu, đều nói là không muốn đi giảng kinh nữa, vì mỗi lần du hành rất khó chịu; nhưng rồi lại quên đi, hễ có người thỉnh cầu, Sư Phụ lại đi nữa. Nếu như lần nào cũng nhớ tới tình trạng khó chịu lúc du hành, Sư Phụ sẽ không muốn đi đâu hết, chỉ muốn tọa thiền trên núi. Sư Phụ càng ngày càng lười, đã già rồi mà!

Có ai biết vì sao Quán Thế Âm Bồ Tát là nữ giới không? Nghe nói nữ giới không thể thành Phật, sao Ngài không biến thành nam giới? Như vậy sẽ được tôn kính hơn. Sao còn hiện thân là nữ giới? (Có người đáp: “Để độ nữ giới.”) Nam giới

không thể độ nữ giới hay sao? (Có người đáp: “Chủ yếu là để độ nữ giới, có nghiệp chướng rất nặng.”)

Tại sao nữ giới lại có nghiệp chướng rất nặng? Đó chỉ là lời đồn mà thôi. Chúng ta dễ tin những gì người khác nói, sao không tự suy nghĩ, tại sao nghiệp chướng của nữ giới nhiều như thế? Họ làm chuyện gì xấu? Phật Bồ Tát đều từ bụng nữ giới sanh ra, nói nghiệp chướng của nữ giới rất nặng, vậy có phải là bất hiếu hay không? Nghe người ta nói như vậy mà cũng tin, còn Sư Phụ nói thì không tin. Muốn tin những gì phải có bằng chứng, đừng nghe rồi tin liền, nếu như họ nói quý vị là quý, quý vị cũng tin chẳng? Đừng có tin một cách mê tín, mù quáng, đối với chúng ta đều có hại.

Nên biết rằng không có nữ thì không có nam, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng cần mượn bụng nữ giới mới ra đời được. Đàn bà là ân nhân lớn nhất của nhân loại, nếu có người nói nữ giới có nghiệp chướng rất nặng, là tạo khẩu nghiệp rất nặng. Sư Phụ nghĩ rằng người đời sau tự thêm vào, Phật Thích Ca Mâu Ni không có nói như vậy.

Sư Phụ thấy trong giảng đường này, hình như nghiệp chướng của nam giới nhiều hơn, vì ít nam giới đến nghe. Có ba bốn người muốn theo Sư Phụ, rốt cuộc chỉ có một người lưu lại, còn toàn là nữ giới. Ở đây nữ giới nhiều hơn nam giới, họ rất thích nghe giảng kinh, lại có tâm đạo đức, có lòng cầu đạo hơn nam giới. Theo đó mà nói, nghiệp chướng của nam giới nhiều hơn nữ giới.

Nam giới hay uống rượu, đánh bài, và làm những việc bậy bạ. Còn nữ giới thì đến đây nghe kinh, phần đông còn phải làm việc cả ngày, có người đi làm về còn lo cho gia đình, giặt quần áo của chồng con nữa. Nữ giới vốn có vô lượng tâm, từ bi, hỷ xả, cho nên tâm của nữ giới gần với tâm của Phật Bồ Tát hơn, Sư Phụ muốn nói để quý vị suy luận mà thôi.

Nhưng phải chăng chỉ có nam giới mới gặp chướng ngại? Cũng không phải. Hôm nay có hai người nữ có chướng ngại, một

người nghe nhầm giờ truyền Tâm Ấn, còn người khác thì đồng hồ không reo. Cô ta để hai cái đồng hồ, rốt cuộc cả hai đều không reo, thật là chuyện kỳ lạ. Mỗi ngày cô đều thức dậy lúc ba giờ sáng, hôm nay là ngày truyền pháp cô lại ngủ đến năm giờ mà vẫn không dậy nổi. Khi đến nơi thì đã trễ rồi, cô tức giận không làm gì được.

Cô này vốn ăn chay đã mấy năm, cô nói là tối qua về nhà, húp nhầm một muống canh thịt, hậu quả là hai cái đồng hồ đều không reo. Chỉ có ăn nhầm một miếng thịt, đã có nhiều nghiệp chướng như vậy, nếu ngày nào cũng ăn thịt thì sẽ như thế nào? Quý vị nên tự biết. Còn một cô, hôm nay đến đây nghe kinh, cô vốn đã hứa với Sư Phụ sẽ ăn chay, nhưng có một hôm theo bạn ăn thịt, về nhà cũng bị ngứa ngáy, cho nên bây giờ một chút thịt cô cũng không dám đụng đến.

Thật như vậy, ăn thịt rất đáng sợ, nhưng vì chúng ta không đủ độ nhạy cảm, cho nên không biết được ăn thịt có nghiệp chướng đến mức nào. Sư Phụ thấy chúng sanh rất tội, nhìn mà rơi lệ, bởi vì họ quá vô minh, nói tới nói lui mà cũng chưa hiểu. Tối qua Sư Phụ thấy có khoảng mười hai người muốn thọ pháp, sáng hôm nay chỉ đến có sáu người. Sư Phụ nhìn mà rơi nước mắt, sao lại như vậy? Trong ba ngày giảng kinh rất rõ ràng, minh bạch, quý vị cũng nói là đã hiểu, bây giờ muốn ăn chay theo Sư Phụ học, thì lại bó tay, đầu hàng chướng ngại, đột nhiên đổi ý. Trong lòng quý vị khó chịu, Sư Phụ còn khó chịu hơn.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Nước mắt của chúng sanh còn nhiều như nước đại dương.”* Nhưng nước mắt của Phật Bồ Tát lại còn nhiều hơn nước đại dương nữa. Xưa kia Sư Phụ thấy chúng sanh đau khổ, lòng Sư Phụ càng đau khổ hơn và thường hay rơi lệ, một lòng tìm Minh Sư cầu đạo, khổ cực lận lộn khắp nơi, quyết chí tìm cho được một pháp môn cứu cánh thành Phật. Bởi vì chỉ có thành Phật mới có đủ lực lượng để độ chúng sanh.

Tim được pháp môn rồi còn phải khổ công tu hành, tu đến quên ăn quên ngủ, việc gì cũng xả bỏ. Đến khi có kết quả rồi, muốn chia xẻ cùng chúng sanh nhưng họ không màng, không hiểu, không thọ trì, khiến Sư Phụ lại rơi lệ nhiều thêm. Cho nên chúng sanh tuy khổ, vẫn không khổ bằng Phật Bồ Tát. Nỗi khổ của chúng sanh gián đoạn, ngày có ngày không; bởi vì vô minh, hôm nay thấy khổ, ngày mai nếu gặp người đẹp, gặp việc như ý, có đồ ăn ngon thì lại vui trở lại.

Nhưng Phật Bồ Tát đã hoàn toàn liễu ngộ, không thể một ngày vui một ngày buồn. Mỗi ngày đều thấy chúng sanh đau khổ, mỗi ngày đều rơi lệ, khóc cho sự đau khổ của chúng sanh. Phật Thích Ca Mâu Ni quên nói điểm đó, Ngài chỉ nói có một nửa. Ngài nói: *“Nước mắt của chúng sanh nhiều như biển cả”* mà quên nói nước mắt của Phật Bồ Tát nhiều như thế nào. Có lẽ Ngài nghĩ rằng, nếu có nói ra thì chúng sanh cũng không tin, cho nên thà đừng nói.

Sư Phụ nói để cho quý vị biết, không phải tu thành phật rồi là biến thành gỗ đá, coi sự đau khổ của chúng sanh như không có. Đối với Phật Bồ Tát, không có gì gọi là khổ, nhưng khi thấy chúng sanh khổ, các Ngài vẫn không thể cầm lòng được. Dĩ nhiên đó không phải là nước mắt của tình cảm yếu đuối phạm phu, mà vì lòng từ bi mà rơi lệ.

Trong kinh điển có nói: Phật Bồ Tát thương nhớ chúng sanh cũng như cha mẹ thương nhớ con cái. Chúng ta lại không nhớ các Ngài, cho nên không nghĩ đến tu hành. Đối với chúng ta, cha mẹ, vợ chồng, bạn bè, địa vị, và tài sản trong xã hội còn quan trọng hơn Phật Bồ Tát.

Có người ăn thuần chay sợ người ta cười, sợ vợ giận không nấu cơm, sợ vị hôn phối ly dị, sợ bạn bè cho là người *“vô dụng”*, vì không hút thuốc, uống rượu v.v... không phải là *“đại trượng phu”*; sợ ăn thuần chay sẽ mất việc làm, bởi vì đang có chức vị cao, an toàn; nếu như ăn thuần chay không thể hòa hợp với công

việc, lại không tìm được việc mới sẽ chết đói. Nghĩ như vậy tức là tin thế giới này hơn là tin Phật Bồ Tát. Chúng ta nên biết rằng nếu có người thật tâm cầu đạo, Phật Bồ Tát không để cho chết đói đâu. Thà đói mà đạt Đạo còn hơn vĩnh viễn luân hồi sanh tử. Trước kia, Sư Phụ có niềm tin đó, mới bỏ hết tất cả để tìm đạo.

Khi Sư Phụ chưa xuất gia, đời sống ở Đức rất đầy đủ, sau khi rời khỏi nhà, hai túi đều trống rỗng, tương lai cũng rất mơ hồ. Sau này sẽ ra sao? Có chết đói ở nước ngoài không? Có đi lang thang ngoài đường không? Rốt cuộc đi đâu cũng không sao, rất tự tại, không có tiền cũng được. Trong Thánh Kinh của Cơ Đốc giáo cũng có nói: *“Trước hết nên tìm Thiên Quốc bên trong, sau đó cái gì cũng có.”*

Mất trí huệ của chúng ta chưa mở, không thể thấy được quá khứ, hiện tại và tương lai; không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Người vô minh đều cho rằng, ăn chút thịt đâu có sao. Họ không thấy được quả báo sau này, không hiểu được hậu quả nghiêm trọng của nó. Phật Bồ Tát thấy được nhân quả, không nhẫn tâm thấy chúng sanh vì vô minh mà chịu cực khổ, nên mới cố gắng đi rao giảng Chân Lý cho họ nghe, nhưng không giúp ích được nhiều, nên Phật Bồ Tát mới khóc.

Cũng như khi chúng ta thấy đứa bé chơi trò chơi nguy hiểm, trẻ thơ không biết đâu là nguy hiểm, còn chạy đến đó chơi. Không biết trước hậu quả đáng sợ sẽ xảy ra. Nhưng người lớn biết chơi như thế sẽ rất tai hại, nên bắt cần đứa bé có thích nghe lời nghiêm khắc hay không, đều phải xen vào vì không nhẫn tâm thấy nó bị hại. Cha mẹ có làm như vậy chỉ vì muốn cứu đứa nhỏ, không phải vì lợi ích riêng của họ.

Cùng một lý do đó, Phật Bồ Tát hay các đại sư đến thế giới Ta Bà này không phải vì lợi ích gì. Cho dù có ôm cả vũ trụ đối với họ cũng chẳng ra gì, hưởng chi là danh lợi của thế gian hoặc những thú vui thể xác v.v..., làm sao có thể hấp dẫn họ được? Họ khổ sở dạy dỗ chúng sanh vì lòng từ bi mà thôi, không có mục đích khác.

Giả sử họ còn một chút tư lợi cá nhân, bất cứ họ giảng hay đến đâu, trước sau chúng ta cũng sẽ xét ra được; người tu hành cao làm sao có lòng danh lợi đó.

Dầu sao, hôm nay Sư Phụ cũng rất mừng, thấy đông người đến nghe kinh, thấy còn có nhiều người thích nghe chuyện đạo đức tu hành. Có lẽ hoàn cảnh của quý vị hiện giờ chưa cho phép quý vị tu, nhưng vẫn có lòng khao khát cầu đạo, điểm này đủ làm cho Sư Phụ cảm động.

Vũ trụ và thân thể của chúng ta có liên hệ với nhau, từ đây (*Sư Phụ chỉ mắt trí huệ*) trở xuống đến bàn chân là hệ thống bài tiết. Cho nên bất cứ chúng ta tu pháp môn nào, hễ có liên quan đến những trung tâm từ con mắt trí huệ trở xuống, chúng ta vẫn còn nằm trong thành, trụ, hoại, không.

Yoga và các pháp môn khác nương vào thân vô thường tu hành, nương tựa vào hơi thở, đầu mũi, đơn điền, để lưỡi ở hàm trên v.v... đều là vô thường. Nước cam lồ là khi tọa thiền tự nhiên có, chứ không phải để lưỡi ở hàm trên mới có. Nếu như cố để lưỡi ở hàm trên, nước đó là nước miếng, nước cam lồ giả. Quán tâm, quán đầu mũi, quán đơn điền, hay là tu khí quan, đều vô thường, là cảnh giới rất thấp, là bộ vị thấp trên thân của chúng ta, nên tu hành theo đó sẽ không đạt được trình độ cao.

Đầu não trên thân của chúng ta là cao nhất, khi có nghi vấn, chúng ta sẽ nhíu mày để tập trung tư tưởng, mỗi người đều có kinh nghiệm đó. Quý vị nghĩ xem, mình dùng bộ vị nào suy nghĩ đây? Có phải dùng nơi này suy nghĩ? (*Sư Phụ chỉ nơi mắt trí huệ*.) Hay là dùng mũi, dùng tâm suy nghĩ? Tâm là cảm tình, nếu như tâm người quá trầm lắng, cảm tình cũng nặng, sẽ không có sức phán đoán rõ ràng và kém sự quyết định lý trí.

Cho nên người ta nói, cảm tình của nữ giới nặng hơn, có thể nghiệp chướng rất nặng là nghĩa đó. Nữ giới dễ rơi lệ. Không phải là nam giới không có cảm tình, có, nhưng họ không dám khóc. Bởi vì từ nhỏ cha mẹ đã dạy, con trai mà khóc là xấu lắm;

đại trượng phu, anh hùng không nên khóc. Họ bị huấn luyện như vậy, cho nên lớn lên cũng không dám khóc, có khóc cũng khóc trong lòng. Sư Phụ có thể làm như vậy được. Nhưng Sư Phụ muốn khóc là khóc, tại sao không biểu lộ tự nhiên?

Như thế không có ý là “ta” bị tâm kiềm chế, nếu như chúng ta dùng “tâm” tưởng tượng, cảm tình sẽ trở thành yếu đuối, nhưng tu Pháp Môn Quán Âm để ý thức của chúng ta ở trên (*chỉ mắt trí huệ*) sẽ mạnh hơn. Nhưng đó là thể nghiệm bên trong, rất khó mô tả cho rõ được. Sư Phụ chỉ có thể cho quý vị biết, dùng Pháp Môn Quán Âm có thể giáo dục, tịnh hóa đầu óc, cởi mở tâm linh của chúng ta, để không còn yếu đuối như trước, để suy nghĩ được rõ ràng hơn, và biết tự kiềm chế lấy.

Trước kia “tâm” bị nhốt tại đây (*Sư Phụ chỉ tim*), bị sáu căn, sáu trần ảnh hưởng, bây giờ thì chạy tới đây (*Sư Phụ chỉ mắt trí huệ*) coi xét, lo liệu mọi việc tốt đẹp, và vui vẻ hơn trước. Để “tâm” tại đây (*mắt trí huệ*), tuy chưa phải là cảnh giới cứu cánh, nhưng nó sẽ giúp chúng ta tu hành tới cảnh cứu cánh (*tối cao*), không trì kéo chúng ta xuống.

Để “tâm” tại mắt trí huệ sẽ cảm thấy sung sướng, hiểu được nhiều chuyện, giúp chúng ta mau thoát ra Tam Giới. Lúc đó đầu óc phàm phu không còn tồn tại nữa, ngoài Tam Giới đều là linh thể, Bản Lai Diện Mục, chủ nhân của chúng ta. Chủ nhân khác với mình, như hồn với phách. Hồn là chủ nhân, phách là “mind”. Nếu như không có đầu óc giúp đỡ, chúng ta không tu được. Cho nên nói, thân, khẩu, ý đều phải tu. Nhưng “ý” không dễ kiềm chế, như con ngựa hoang cần phải huấn luyện, cần có chuyên viên mới có thể trị được ngựa hoang.

Cũng như thế, dùng Pháp Môn Quán Âm mới có thể giúp cho đầu óc của chúng ta trở về cổ hương, lúc đó nó sẽ hiểu biết mệnh lệnh của linh thể. Cho nên thời xưa người Trung Hoa nói: “*Tâm của tôi rất loạn, cần phải dùng ‘tâm’ tu hành, thì mới có thể thanh tịnh.*” Bởi vì đầu óc cũng ở đó, cho nên không nói đầu óc,

không nói ý, chỉ nói tâm. Nhất tâm bất loạn, dùng tâm tu hành, những câu đó đều do người xưa tu hành khá rồi, họ nghĩ ra những câu văn đề ngày nay chúng ta sử dụng rất có ý nghĩa.

Cho nên bất cứ ta nương theo những bộ phận nào từ mắt trí huệ trở xuống, vẫn bị cảm tình của nhân loại ràng buộc, vẫn còn bị kiềm chế trong Tam Giới. Có lúc mình có ác mộng, bởi vì chủ nhân hay là đầu óc của chúng ta (*mind*) chạy xuống đơn điện, cho nên mới có ác mộng, thấy những thứ không tốt, trên thực tế mình không có đi đâu, không chịu khổ, hưởng lạc gì. “*Nhất thiết vi tâm tạo*” là nghĩa đó.

Khi ta ngủ cũng như chết, không có sức để điều khiển chính mình. Người tu hành cao không có ngủ, bởi vì linh thể của họ đi lên (*mắt trí huệ*). Tu hành đôi khi cũng có tình trạng hôn trầm, vì chúng ta không để tâm ở trên (*mắt trí huệ*), bị kéo xuống đây (*đơn điện*), cho nên phải tu nhiều một chút, mới có đủ sức đẩy mình lên. Muốn lên thì khó, muốn xuống lại dễ. Quý vị phần đông tu hành đều bị hôn trầm, ngủ hồi nào không hay. Tâm không đến cảnh giới cao, còn trong Tam Giới, mới có những chuyện đó. Nếu như mình đặt tâm tại mắt trí huệ, hay gọi là Phật nhãn, Pháp nhãn, không ngủ cũng không sao, cả ngày ý thức đều rất tỉnh táo.

Trên thân người có nhiều trung tâm, đó đều là cửa vào những cảnh giới khác. Nếu mình không tự điều khiển được, không tu hành, không tập luyện tâm mình để cho chủ nhân và đầu óc của mình tập trung tại con mắt trí huệ rồi từ đó đi ra, lúc vãng sanh, linh hồn mình sẽ đi ra từ những cửa khác. Thảm nhất là ra từ dưới, là những cảnh giới thấp. Từ mắt trí huệ trở xuống mà đi, theo thứ tự thì có: trời, người, A-tu-la, quỷ đói, thú vật, và địa ngục v.v... Cho nên chúng ta nghe nói khi người mới vãng sanh, nếu như trên đỉnh đầu còn nóng sau cùng, là được sanh đến cõi Phật.

Cho nên, bất luận linh hồn (*chủ nhân*) của chúng ta lúc lìa bỏ thân xác, biết hay không biết có thể thoát khỏi địa ngục hay không, chúng ta đều nên đặt nó tại mắt trí huệ, tức là mắt Phật,

còn những việc khác hãy tính sau. Dù mình tu pháp môn nào, chỉ cần đặt tâm tại con mắt trí huệ, là đã gần Thiên Quốc rồi. Từ đây (*mắt trí huệ*), mình mới có cơ hội ra khỏi Tam Giới.

Tuy rằng mắt trí huệ trên thực tế không có mắt, không có cửa, nhưng thật ra nó cũng như cửa, chỉ vì bị đóng lại không thấy được mà thôi, nếu như gặp được vị thiện tri thức, họ sẽ mở cho mình. Không phải khoét một lỗ trên con mắt trí huệ, mà là mở “*mắt*” trong linh thể của chúng ta. Người mà mắt trí huệ đã mở lớn rồi sẽ biết mắt của người nào mở hay đóng.

Những bộ phận khác như: mắt, mũi, tai, miệng v.v... đều có cửa. Và những pháp môn khác đều dùng mũi, mắt, hơi thở, hay là quán tim, đơn điền, khí quản, bộ sinh dục v.v...

Bây giờ Sư Phụ hỏi quý vị, nếu như mình chú ý nơi nào, tâm của mình sẽ đặt ở đó có phải không? Vậy mình để ý chỗ vô thường làm gì? Như lưỡi, mũi, miệng, bụng (*đơn điền*) tượng trưng cho vật gì? Nó không tượng trưng cho Phật, cũng không tượng trưng cho trí huệ, cửa ở đó đã mở rồi, người không có phước báu, khi chết rồi linh hồn sẽ ra từ cửa này. Cho nên không cần đem đầu óc tập trung tại đầu mũi, miệng, đơn điền, v.v... tự nó sẽ chạy ra cửa đó.

Quán đơn điền sẽ thấy toàn cảnh giới giả, ở đó rất nóng, trong đó cũng có địa ngục, nếu như chúng ta chú ý hơi thở, đơn điền, những đẳng cấp đó rất là thấp. Người tu hành chân chánh hiểu biết, nếu như hôn trầm, sẽ chạy vào đơn điền, còn tu hành không cao không biết được. Bây giờ mình còn chưa tu hành, còn chưa có hôn trầm, để ý đơn điền làm gì? Tu bộ vị nào cũng có lực lượng, tu nhĩ căn, tu tâm, tu đơn điền đều có lực lượng, nhưng lực lượng đó là sức thần trong Tam Giới, lực lượng trong Tam Giới không có liên quan đến sự giải thoát.

Muốn huấn luyện chủ nhân của chúng ta, đầu óc của chúng ta được tự do, trước tiên nên quen với tình trạng tự do. Phải để tâm và chú ý lực của chúng ta tại một chỗ ở bên ngoài. Gọi là bên

ngoài, nhưng cũng là ở trong. Ngoài thể giới nhưng trong linh thể, như vậy nó mới tự tại được. Bởi vì thân này là tù ngục, bất cứ để tại trung tâm nào của thân xác, đều còn là tù ngục, bất cứ mình đi vào đâu, vẫn còn ở trong căn nhà này.

Muốn giải thoát, muốn thoát khỏi nhà này, tù ngục này, cần phải có hy vọng thoát ra ngoài. Các tù nhân đều ước mong được ra ngoài, mình làm sao hy vọng ở trong cái tù ngục này? Đâu có lý đó. Cho nên pháp môn chân chánh là dạy người quán và huấn luyện để quen với tình trạng tự tại. Ngày ngày bảo đầu óc đừng có lo xác thân vô thường chỉ có một trăm năm này.

Hôm qua Sư Phụ dạy quý vị nhìn nơi đó, quý vị đều hiểu rằng không nên nhìn nơi nào nữa, ngoại trừ nơi Sư Phụ đã dạy. Nhưng những người còn chưa thọ pháp, đối với giáo pháp của Sư Phụ còn chưa đủ tin, khi về nhà đừng có theo đó làm. Bởi vì khi linh hồn hay là chủ nhân ra đi, vì không hiểu rõ tình trạng, sẽ không biết cách xử sự ra sao? Quý vị còn ăn thịt, uống rượu, hút thuốc, thân chưa có sạch, cho nên sẽ mời những linh hồn xấu đến đem chúng ta đi làm chỗ.

Pháp Môn Quán Âm này chứa đựng mọi thứ cần thiết, sức bảo hộ cũng có, hướng đạo dẫn đường cũng có, các cảnh giới đều giảng rõ. Cho nên quý vị sẽ không lạc đường, đến đâu cũng biết được, đều hiểu rõ cảnh giới đã thấy là gì. Nếu như hai người đều tu Pháp Môn Quán Âm, họ sẽ thấy cảnh giới như nhau, nếu như cảnh giới giả họ không cách nào thấy giống như nhau được. Bởi vì người tu Pháp Môn Quán Âm, đạt được đẳng cấp như nhau sẽ gặp cảnh giới như nhau, cũng như từ Bánh Hồ đến Đài Bắc, trên đường có ký hiệu gì, người nào đi qua, nhất định sẽ thấy những ký hiệu như nhau.

Cho nên tu pháp môn này rất an toàn, các tình trạng trên đường đều nói rõ ra hết, nếu như còn gặp những chuyện khó giải, vẫn còn có Sư Phụ hóa thân bên trong bảo hộ, bên ngoài có vấn đề gì thì có nhục thân Sư Phụ giúp đỡ, cho nên an ổn nhất.

Nếu như chúng ta không tuyển chọn pháp môn tốt, tu hồ đồ, sẽ có nhiều rắc rối. Bởi vì khi linh hồn (*hay là chủ nhân*) ra khỏi thể xác, như là vãng sanh, nếu thiếu người hướng đạo, sẽ có A-tu-la, ma, vong hồn đến dẫn chúng ta đi “*chơi*”. Họ sẽ hóa thành Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật A Di Đà, thần, hay là thiên sứ đến gạt chúng ta, họ cũng hóa ra những cảnh giới đẹp đẽ, mà sau đó biến trở lại thành tình trạng ghê gớm, nhưng lúc đó đã rơi vào bẫy, muốn thoát cũng không kịp nào.

Cho nên muốn tu hành, muốn được giải thoát, cần phải tìm một người hướng đạo có kinh nghiệm, rành đường, biết cách bảo hộ không để cho chúng ta lạc đường. Được người hướng đạo, bảo hộ và chiếu cố, chúng ta mới có thể an tâm tu hành. Nhưng có nhiều người tự mình tu mù, luyện bậy, hay là tìm sai thầy, học sai pháp môn, cho nên càng “*tu*” càng có chướng ngại. Sau cùng bởi vì bị ma chướng, biến thành mắc bệnh thần kinh!

Tu hành không phải là chuyện dễ, bởi vì quý vị không biết phân biệt cảnh giới thật giả. Người tu Pháp Môn Quán Âm, lúc thọ pháp, Sư Phụ dạy cho bí quyết, biết phân biệt thế nào là thật giả. Còn đa số những pháp môn khác, không có sức phân biệt này, họ dạy tọa thiền, đạt đến một đẳng cấp nào đó rồi ngưng lại, còn không cũng sẽ có trục trặc.

Có một số người thích niệm Phật, cho nên hôm qua Sư Phụ cũng dạy pháp “*niệm Phật*”. Bởi vì có Sư Phụ dạy, cho nên quý vị cứ y theo phương pháp của Sư Phụ dạy mà tu, nếu như có điều gì, có thể nhờ Sư Phụ giúp đỡ. Nhưng đừng có đem phương pháp này dạy lại cho người ngoài, vì trường hợp của họ khác với mình, cho nên sẽ có phiền phức. Ngày thường quý vị cứ theo phương pháp này niệm Phật, nhưng nếu muốn được cứu cánh, vẫn cần phải nương vào âm thanh bên trong.

Bởi vì tu đến mức nào đó, không còn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, lúc đó, cần phải nương vào âm thanh kéo chúng ta lên. Tu các pháp môn khác, khi đạt đến mức nào rồi thì ngưng lại. Thí dụ như

tu pháp môn hít thở, cũng nhập định, rất thoải mái, nhưng khi ta đến một thời kỳ nào đó, không còn thấy hơi thở, ngồi đó như cục đá, không có hơi thở, cũng không có cái gì để nương tựa, lúc đó, tuy rằng ngồi đó nhập định, nhưng không có tiến bộ, không thể lên cao hơn nữa.

Tu Pháp Môn Quán Âm, Sư Phụ sẽ dạy ba phương pháp, trong đó có hai phương pháp chỉ dẫn chúng ta đến tột đỉnh trong Tam Giới, còn muốn ra ngoài Tam Giới, cần phải nương vào “*âm thanh*” và Sư Phụ. Vì ngoài Tam Giới có một nơi không có âm thanh và ánh sáng, lúc đó cần phải có Sư Phụ dẫn đạo, còn không, không thể tiếp tục lên cao, cho nên cần có Sư Phụ và lực lượng bảo hộ.

Sư Phụ nói ba phương pháp, nhưng nếu bao gồm Sư Phụ nữa thì biến thành bốn phương pháp, không có Sư Phụ không được, bởi vì có một nơi luôn cả âm thanh và ánh sáng đều không có, tu tới đó bị ngưng lại, vì tìm không ra đường, không dễ gì lên, cũng không còn âm thanh rõ rệt để nương theo, nơi đó rất đen tối. Vượt qua được nơi đó rồi mới an toàn.

Thế giới này là nơi phân cách Tịnh Độ và Uế Độ, chúng ta ở cõi Uế Độ không thể lên, lực lượng của Tịnh Độ cũng không thể truyền xuống, khi lực lượng ở trên xuyên qua đó đã biến dơ. Nếu như lực lượng của Phật Bồ Tát muốn gia trì đến Uế Độ, làm lợi ích cho chúng sanh, thì phải dùng một cái thể xác mới có thể thực hiện, cho nên Phật Bồ Tát cần phải hóa thân làm người, mới có thể độ chúng sanh. Bề ngoài không khác gì thể xác của phàm phu, nhưng bên trong là lực lượng của Thượng Đế.

Thí dụ nước trên núi rất sạch, nếu như không có ống nước sạch dẫn nước đến nhà, nước sẽ bị dơ và không uống được, bởi vì đường xá trong thành rất dơ, sẽ ô nhiễm nước. Lực lượng của Phật Bồ Tát cũng như vậy, ở cõi Tịnh Độ thì rất sạch, nhưng khi đến Uế Độ thì không thể sử dụng.

Cho nên muốn dùng lực lượng thuần chất, phải nhờ một xác thân. Xác thân của một Minh Sư có thể đem lại thứ lực lượng này phân chia toàn thể giới, mà lực lượng của Phật Bồ Tát khởi bị ô nhiễm. Xác thân đó như ống nước, bảo hộ lực lượng trong sạch bên trong, vì nguyên do đó, chúng ta mới tán thán Phật tại thế, Chân Sư tại thế. Còn không, Phật Bồ Tát chỉ cần phóng Phật quang từ Tịnh Độ trực tiếp đến thế giới Ta Bà là đủ rồi, đâu cần phải có Phật Thích Ca Mâu Ni và các vị đại sư từng đời đến thế giới này độ chúng sanh?

Khi truyền Tâm Ấn, quý vị sẽ được lực lượng thuần chất, chân chánh của Thượng Đế, là Phật âm. Nếu không, cho dù là Phật âm, đến thế giới này cũng trở thành âm thanh của thế giới này. Chúng ta nghe tiếng chim, tiếng nước, tiếng hải triều v.v..., ở bên ngoài, đó đều không phải là tiếng thuần khiết. Nghe những thứ tiếng đó không thể giải thoát, cũng không thể có tình trạng nhập định hỷ lạc, không thể lên cảnh giới cao, liễu ngộ đại trí huệ. Không thể liễu ngộ cảnh giới Phật, không thể theo Phật học.

Những tiếng nghe được khi tu Pháp Môn Quán Âm là tiếng thuần khiết ở bên trong linh thể, trong kinh Phổ Môn và Pháp Hoa đều có nói đến tiếng chuông, tiếng trống, tiếng sấm, Phạm Âm, Thắng Bi Thế Gian Âm v.v..., là những tiếng do đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni thể nghiệm được khi thọ pháp. Lúc đó họ mới được truyền Tâm Ấn, thể nghiệm còn chưa cao, họ ghi lại những gì họ thể nghiệm được. Bây giờ mình đọc Kinh Phổ Môn, là đọc thể nghiệm của người ta. Kinh Phổ Môn là lời Phật nói cho Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát nghe, đó là thể nghiệm lúc thọ pháp của Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát. Ngài ghi xuống những thể nghiệm gì Ngài có.

Cũng như sáng nay lúc Sư Phụ truyền pháp quý vị có được những thể nghiệm vậy, tình trạng giống nhau, quý vị sẽ viết “*Sư Phụ Thanh Hải lúc giảng Pháp Môn Quán Âm nói ra những*

tiếng đó,” quý vị viết xuống những thể nghiệm của mình, giống như thể nghiệm của Phổ Môn. Nhưng thể nghiệm của quý vị hôm nay vẫn chưa phải là đẳng cấp cao. Và Sư Phụ cũng khuyên quý vị viết xuống những thể nghiệm của mình, đừng để cho người khác biết để khỏi bị chướng ngại.

Người đời sau đọc những thể nghiệm của quý vị, tưởng rằng Sư Phụ dạy quý vị nghe tiếng bên ngoài, thật ra đó là thể nghiệm bên trong linh thể của quý vị. Người không hiểu sẽ tưởng rằng Phạm Âm, Hải Triều Âm là cảnh giới tối cao, kỳ thật đó chỉ mới bắt đầu mà thôi, cảnh giới cao còn có âm thanh cao hơn, sáng nay khi Sư Phụ truyền pháp đã kể cho quý vị nghe và hiểu rồi.

Mình coi kinh điển cũng được, nhưng nên biết những gì ghi chép trong kinh điển là thể nghiệm của đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni lúc họ thọ pháp, khi họ bắt đầu tu học đẳng cấp của họ cũng không có cao lắm. Sáng hôm nay lúc Sư Phụ truyền pháp, có phải có nhiều người có thể nghiệm như Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát? Chỉ vì sau này Ngài tu cao hơn một chút, đẳng cấp mới đổi khác. Nhưng có người lúc thọ pháp đã cao hơn thể nghiệm của Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát. Nhưng kinh điển cũng có thể giúp quý vị ấn chứng một ít giáo lý của Sư Phụ nếu còn nghi ngờ hoặc thích nghiên cứu thêm, như vậy quý vị mới hiểu pháp môn Sư Phụ dạy là pháp thật hay giả.

Bây giờ quý vị nên hiểu, vì sao Sư Phụ nói tụng kinh không có ích gì? Kinh điển không có ích dụng vì đó là thể nghiệm của người ta, nó không có liên hệ gì đến mình. Nói thí dụ như hôm nay quý vị đem những gì Sư Phụ dạy và thể nghiệm lúc thọ pháp ghi xuống, để một nơi nào đó, có người đem nó về mỗi ngày tụng thể nghiệm của quý vị, như vậy đối với họ có ích gì? Trường hợp đó như đa số người hôm nay tụng Phẩm Phổ Môn vậy, có ích gì đâu? Tụng nhiều chỉ tốn hao thần khí mà thôi. Thật như vậy. Sư Phụ cần phải nói thật cho quý vị biết, kinh điển không có lợi ích gì, Sư Phụ nói sự thật không sợ quý vị sát hại. *(Mọi người cười.)*

Hồi nầy nói đến một vị Minh Sư, thiện tri thức tại thế, còn tốt hơn Phật quá khứ. Cho nên phải có xác thân của Minh Sư mới có thể truyền lực lượng thuần khiết này cho người. Nhưng chỉ có thể dùng tâm truyền tâm, truyền cho “*người*” mà thôi, không dùng ngôn ngữ. Bởi vì chỉ có người mới có thể tiếp thụ thứ lực lượng đó, những chúng sanh khác không có cái “ý” đó, ý thức của loài vật không có mạnh như vậy, chúng nó không thể hiểu, không thể giữ lấy lực lượng này. Phải có thân người mới có thể thọ và giữ lấy lực lượng này được.

Cho nên Phật Bồ Tát đến cõi Ta Bà cũng phải có xác thân mới có thể giữ lực lượng thuần khiết này, rồi mới có thể truyền cho người khác. Cũng như ống nước, nó được tạo ra để bảo hộ chất nước và dẫn nước, nếu như dùng những thứ khác, kết quả sẽ không được tốt đẹp lắm.

Thân người cũng như vậy, ngoại trừ chuyên dùng để chứa và bảo hộ lực lượng đó, còn có thể chia cho người khác. Như một ống nước có thể tiếp nối với nhiều ống, có thể dẫn nước đến nhiều nơi mà chất nước vẫn như nhau.

Trong vũ trụ có một nhà máy phát điện rất lớn, bất cứ vật gì cũng đều do nó tạo ra. Sanh mạng, loài vật, vũ trụ, ngôi sao, mặt trăng, mặt trời v.v..., đều từ nó sanh ra, nó không sanh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt, bất cứ mình dùng bao nhiêu cũng được. Nhưng nếu như mình không tiếp nối được với lực lượng lớn này, mình sẽ biến thành một sanh vật rất cô độc, rất đau khổ, có nhiều chương ngại, nhiều phiền phức, không có trí huệ lớn. Chỉ có thể dùng lực lượng, trí huệ nhỏ của mình, miễn cưỡng đi khắc phục và chế ngự những tình cảnh khó khăn. Nhưng nếu như mình tiếp nối được với lực lượng lớn đó, mình không cần làm gì, cũng tự nhiên khắc phục được hết cả khó khăn.

Cho nên cần phải tiếp thông với lực lượng lớn này, như vậy không những có thể tự cứu mình, còn có thể giúp vô số chúng

sanh. Bây giờ quý vị mới thọ pháp, cũng có thể giúp đỡ chúng sanh, nhưng mà lực lượng còn nhỏ mà thôi. Tu hành càng nhiều, lực lượng càng lớn, cảnh giới càng cao, lực lượng càng nhiều. Cho nên người đại khai ngộ có thể gia trì cho thế giới này, có thể giúp đỡ nhiều chúng sanh hơn. Tuy chúng sanh có lúc không biết mình đang nhận được sự gia trì. Điều này cũng không sao. Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Độ chúng sanh, nhưng không có chúng sanh được độ.”* Ý của Ngài nói, độ như không độ chúng sanh vậy. Khi mình giúp chúng sanh mình cũng không nhất thiết phải tự biết, bởi vì lúc đó mình không có cảm giác có *“Ta”*.

Bây giờ những người thọ pháp đã có điện, ít nhiều cũng có thể gia trì thân nhân của mình, cho nên người thọ pháp, ít nhất năm đời tổ tiên đều siêu sanh, bởi vì câu thông được với nhà máy phát điện, cho nên sẽ có lực lượng lớn, sau này còn giúp cho thế giới này rất nhiều. Cũng như nhà này vốn không có nhiều đèn, nhưng nhờ có đường dây điện chính tiếp nối với nhà máy phát điện, sau đó mới nối thêm vài đường dây nhỏ, như vậy tất cả đồ dùng trong nhà như tủ lạnh, quạt máy, điện thoại, truyền hình, đèn điện, lò điện v.v... đều nhờ sợi dây điện chính tiếp thông với nhà máy phát điện mới có thể sử dụng được.

Một người thọ pháp, năm đời tổ tiên được siêu sanh, và còn giúp đỡ rất nhiều thân nhân, bạn bè, những người nào chúng ta thấy tội nghiệp là họ đã được phước báu rồi, nhưng bởi vì thứ phước báu đó không có biểu lộ rõ ràng, cho nên họ có thể như không biết. Thí dụ họ mới kể chuyện đau khổ của họ cho một người tu Quán Âm nghe, không bao lâu tình trạng của họ chuyển tốt, họ cũng không hiểu tại sao? Đó là bởi vì trên thân của người tu Quán Âm có lực lượng của Minh Sư, có thể san sẻ cho họ một chút ít phước báu. Quý vị tu hành càng nhiều, lực lượng càng lớn, cho đến một ngày quý vị thành Phật, thành Minh Sư, có thể đi truyền pháp cho người khác, lúc đó có lực lượng hoàn toàn, có truyền cho bao nhiêu người, cũng không giảm sức gia trì.

Giống như có nhiều tiền quá dùng không hết, có thể chia cho người ta. Bây giờ mới bắt đầu làm việc, kiếm tiền còn ít, chỉ mới đủ dùng, đủ sống, sau này càng ngày càng kiếm được nhiều tiền, phát tài rồi, có thể bố thí cho cô nhi, quả phụ, bệnh nhân, người nghèo v.v... Trường hợp của người tu hành cũng như vậy, có thể bố thí phước báu cho tha nhân.

Bây giờ quý vị đã hiểu rõ chưa? *(Mọi người đáp: “Hiểu.”)* Cảm ơn! Quý vị đều khai ngộ rồi. *(Mọi người cười.)* Sư Phụ rất ngạc nhiên có thể nói cho quý vị hiểu được mau như vậy, hình như mình có duyên với nhau. Bởi vì lúc giảng kinh, Sư Phụ còn nghĩ thầm, phải nói làm sao cho quý vị hiểu được, thật không dễ chút nào! Những gì Sư Phụ đã nói đều bộc lộ tự nhiên, cho nên Sư Phụ cũng rất kinh ngạc có thể nói được thuận suông như vậy. Nhờ sự gia trì của Thập Phương Chư Phật, để cho Sư Phụ có thể diễn đạt một cách đơn giản và nói rõ ràng, và chư Phật cũng gia trì cho quý vị có trí huệ để có thể nghe hiểu mau như vậy. Sư Phụ rất cảm tạ Thượng Đế và Chư Phật Bồ Tát mười phương.





5

(1) Chương Ngại Lớn Của Sự Tu Hành *(2) Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát*

Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa

Ngày 17 tháng 12 năm 1986

Nhạc khí vốn dùng để đánh thức chúng ta, để đừng quên âm thanh kỳ diệu bên trong, bởi vì chúng ta cũng có thể nghe được như âm thanh bên ngoài; thật ra, còn mỹ diệu ảo diệu hơn thế nữa. Trong Kinh Pháp Hoa có nói, các vị Bồ Tát có thể nghe được thứ âm thanh đó mà nhĩ căn không hư hại, có thể nhìn đến Thiên Đàng, địa ngục, và rất nhiều cảnh giới, mà nhãn căn không bị hư hại, bởi vì sức chấn động của các Ngài khác với sức chấn động bình thường của phàm phu.

Có một số người tuy không có tu Pháp Môn Quán Âm, nhưng chỉ cần họ là người tu hành, khi tâm họ vắng lặng, đôi khi cũng nghe được âm thanh kỳ diệu. Vì kiếp trước họ có tu hành, cho nên bây giờ còn để lại một chút lực lượng, ảnh hưởng quá khứ, nhưng họ cần phải nỗ lực tu hành thì mới thể nghiệm được loại

âm thanh đó; tuy nhiên họ không thể điều khiển được, không phải muốn nghe là được vì họ chỉ khai ngộ chút ít mà thôi? Cho nên tiếng nhạc khí bên ngoài, là để thức tỉnh nội căn của mọi người, để cho đẳng cấp và trí huệ được nâng cao một chút, sau này mới có thể tiếp nhận, hiểu được giáo lý của các vị đại sư.

Nếu như muốn tự tu hành để nghe được những tiếng bên trong thì rất khó. Thứ nhất, cần phải tu rất nhiều mới có thể nghe được. Thứ hai, nếu nghe được rồi cũng không biết phân biệt âm thanh nào thấp, âm thanh nào cao? Âm thanh nào cao hơn? Những âm thanh nào không nên nghe v.v... Bởi vì nếu không biết, thì sẽ đi lạc đường.

Có nhiều loại âm thanh: Âm thanh của Phật, của ma; có âm thanh thật và giả, cho nên tự mình tu hành không dễ, cần phải tìm một vị “*Chân Sư*” có lực lượng có thể truyền pháp cho chúng ta. Khi ta thọ pháp rồi, có thể nghe được âm thanh bên trong, như vậy sẽ an toàn hơn. Vị Chân Sư sẽ lo cho chúng ta, cho chúng ta biết loại âm thanh nào tốt hơn, cao hơn? Âm thanh nào đừng nên nghe? Âm thanh nào nguy hiểm v.v..., chứ không phải chỉ nghe âm thanh nào tốt hơn.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói Kinh Pháp Hoa và Kinh Lăng Nghiêm là kinh tối cao. Sư Phụ cũng đồng ý, bởi vì trong hai bộ kinh này, đều có nói về phương tiện tu hành. Trong Kinh Pháp Hoa còn có nhắc đến một chút thể nghiệm. Nếu như mình đọc Kinh Pháp Hoa sẽ thấy mình cũng có những thể nghiệm đó. Còn không, pháp sư nào cũng cho rằng pháp môn của mình là tối cao, chúng ta có cách nào để chứng minh đây? Kinh Pháp Hoa chính thật là bộ kinh tối cao, quý vị nếu rảnh, nên đọc bộ kinh đó. Phật Thích Ca Mâu Ni còn nói, đừng có truyền kinh này một cách quá bừa bãi, bởi vì người không hiểu được nghĩa thâm sâu của kinh này sẽ phỉ báng, tạo nghiệp chướng rất nặng.

Trong kinh đó Phật có nói về thể nghiệm bên trong, thể nghiệm của hạng Bồ Tát, người phạm phu không thể nào hiểu

biết được. Không có người nào có thể nghe được những thứ âm thanh đó; vì không nghe được những tiếng đó, nên cho dù có tu một trăm năm cũng không có ích, vẫn không có thể nghiệm.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Pháp Hoa, có năm ngàn Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và Bồ Tát tại gia v.v... rời khỏi pháp hội, vì họ không tin Phật, không tin có pháp môn cao như vậy. Họ cho rằng nếu quả như có pháp môn cao như vậy thật thì sao hồi giờ họ chưa từng nghe qua? Những người đó có lẽ không phải đệ tử của Phật. Cũng như bây giờ, cũng có nhiều người xuất gia nhưng không nhất định mọi người đều là đệ tử của Sư Phụ, hay đồng tu một pháp môn. Tại Ấn Độ, cho đến nay vẫn còn nhiều người xuất gia, nhưng không phải tất cả đều tu Pháp Môn Quán Âm, có thể nghe được tiếng kỳ diệu bên trong như Kinh Pháp Hoa đã kể, như vậy họ vẫn chưa đạt được đẳng cấp của hàng Bồ Tát.

Thí dụ, đôi lúc Sư Phụ phát bài giảng cho học trò, trong đó có nói đến chút ít thể nghiệm. Nếu như họ đưa cho người ngoài coi, người ta hoàn toàn không hiểu được Sư Phụ nói gì, rồi đâm ra hiểu lầm. Bởi vì Sư Phụ muốn học trò của mình tu hành, muốn cho họ biết thể nghiệm như thế nào, nên mới in phát cho các học trò, không phải để cho người ngoài coi, không phải làm quảng cáo cho nhiều người biết.

Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Đừng truyền Kinh Pháp Hoa một cách bừa bãi”* là ý đó. Bởi vì Ngài giảng kinh đó cho hàng đệ tử của Ngài, cho những người đã có thể nghiệm nghe mà thôi, có hiểu chưa? Ngài nói cho hàng Bồ Tát cao đẳng, đệ tử tu Pháp Môn Quán Âm nghe, chứ không phải nói cho người ngoài nghe, người ngoài không biết Phật Thích Ca Mâu Ni nói gì? Nghe tiếng gì? Nhìn thấy Thiên Đàng gì? Làm cách nào thấy được, nghe được? Người phạm làm cách nào biến thành Bồ Tát? Họ hoàn toàn không hiểu, nên mới phỉ báng, và tạo nghiệp rất nặng.

Sư Phụ in bài cũng như vậy, cốt để cho quý vị đọc, chứ không phải dành cho người ngoài xem. Sư Phụ có nói, sau khi quý vị thọ pháp, nếu như tin vào Sư Phụ, bảo đảm sẽ đi Tây Phương, vĩnh viễn liễu thoát sanh tử. Không phải Sư Phụ muốn học trò tin vào xác thân của Sư Phụ, mà muốn quý vị tin vào pháp môn, giáo lý này. Sư Phụ dạy mỗi ngày nên tọa thiền bao lâu, và nên trì giới, không sát sanh, không trộm cướp, không uống rượu, không vọng ngữ, không tà dâm, thì quý vị cần phải biết rõ ràng và thực hành đúng như vậy, mới là tin Sư Phụ; không phải tin thể xác này. *(Sư Phụ tự chỉ mình.)*

Nếu như quý vị không muốn đi con đường này, ra ngoài phi báng công kích v.v..., như vậy sẽ tạo nghiệp rất nặng, đó là quý vị cố ý muốn luân hồi sanh tử, muốn rớt xuống, muốn tự chọn như vậy thì Sư Phụ cũng chịu thôi. Phật Bồ Tát cũng không thể xen vào ý thức của người khác. Chúng sanh muốn làm gì thì để họ làm, các Ngài chỉ cho chúng sanh biết con đường nào tốt hay xấu, và chúng sanh phải tự chọn đường mà đi.

Tình trạng của Phật Thích Ca Mâu Ni lúc đó cũng vậy, không phải Phật Bồ Tát trừng phạt chúng sanh, không phải vì chúng sanh phi báng Kinh Pháp Hoa cho nên Phật giận muốn phạt họ, hay làm những gì để hại họ. Phật Bồ Tát không có khủng bố chúng sanh như vậy. Nhưng vì luật trong Tam Giới là thuộc về Ma Vương, chúng ta muốn theo Phật Bồ Tát học, nó cũng để cho chúng ta đi. Nếu như Phật Bồ Tát đã thân làm đệ tử, Ma Vương cũng chịu thôi, không thể xen vào. Nhưng nếu như ta tự chọn rời khỏi Phật Bồ Tát, lập tức Ma Vương sẽ đến kiểm chế, rồi sau đó mới tạo thêm phiền não, làm cho chúng ta đau khổ.

Cho nên bất cứ lúc nào, hãy học trò làm ngược với giáo lý của Sư Phụ, không tôn theo giới luật và quy củ của Sư Phụ dạy, coi như phá giới tự tìm phiền phức, họ sẽ thể nghiệm được lời của Sư Phụ là thật hay giả. Quý vị nhìn những người sau khi thọ pháp rồi mà không giữ giới, không tu hành, trở lại ăn thịt, ngó mặt của họ coi

ra sao? Đời sống của họ như thế nào? Quý vị nhìn sẽ thấy, sắc mặt của họ khác với lúc thọ pháp, không còn sáng sủa, nói chuyện cũng khác trước, không trong sạch, không có ánh sáng, toàn màu đen.

Cho nên muốn tự tìm phiền muộn cũng được, Phật Bồ Tát cũng chịu thôi. Đã cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ, sớm dẫn mình lên, mà mình không chịu đi, Phật Bồ Tát tới rồi cũng không cần, như vậy còn cách gì hơn? Kinh của Sư Phụ không thể tặng bậy cho người, ngoại trừ biết người đó có đẳng cấp cao mới cho, còn không sẽ mệt lắm, vì sao? Để Sư Phụ nói cho nghe. Thí dụ chúng ta mắc bệnh, khi chưa tìm được bệnh viện và bác sĩ tốt nhất, chúng ta còn đầy hy vọng, còn đi tìm mọi nơi, có phải không? Nhưng nếu gặp được một bác sĩ tài ba, mình lại không nhận thức được, không tin, không để cho họ chữa bệnh, như vậy những vị bác sĩ càng không có cách nào cứu chữa. Nếu là bệnh thường, khi chưa gặp bác sĩ giỏi, còn có thể đi khắp nơi tìm minh y; còn bệnh đã trầm trọng rồi, thì phải mau mau tìm minh y mới có thể chữa trị được. Ngược lại có bác sĩ giỏi nhất ở trước mắt mà cũng không chịu tin, thì chỉ có nước chờ chết mà thôi.

Cùng nghĩa đó, khi còn chưa tìm được hóa thân Phật Bồ Tát, chưa tìm được pháp môn tối cao, có thể từ từ đi tìm những pháp môn khác, hy vọng có một ngày, nhất định có Phật Bồ Tát đến cứu. Nhưng nếu đã tìm được Phật Bồ Tát rồi, lại khước từ không chịu, như vậy còn ai có thể dạy chúng ta? Còn ai có thể cứu chúng ta? Nghe hiểu không? Cho nên thọ pháp rồi cần phải tự tu, tự hiểu. Sư Phụ đã nói quá nhiều, đôi lúc luôn cả phần bí mật không nên nói cũng đã nói ra, vậy mà vẫn chưa tin thì không còn biện pháp nào nữa.

Bây giờ là thời mạt pháp, tuy rằng có rất nhiều hóa thân Phật Bồ Tát đến thế giới này, mà vẫn không cách nào độ hết. Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế cũng không độ được bao nhiêu người. Trong phẩm “*Tùng địa dũng xuất*” của Kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “*Có hằng hà sa số Bồ Tát, mỗi một*

thời đều hóa thân, từ đất mà ra để độ chúng sanh.” Vậy các Ngài đi đâu hết rồi? Vì sao có Bồ Tát nhiều như vậy mà chúng ta không thấy?

Có Phật Bồ Tát thật cũng không thể thấy được, chỉ vì chúng ta không tin. Bởi vì Bồ Tát hóa thân, không phải hóa thành kim thân kim sắc, huỳnh thân huỳnh sắc như nhiều người tưởng tượng. Các Ngài đến thế giới này như người thường. Vì sự lợi ích của chúng sanh, Bồ Tát mới hóa thân thành người, nên chúng ta làm sao biết được? Vì thế, nếu như có người có thể hướng dẫn cho chúng ta thể nghiệm như kinh điển đã ghi chép, ta nên tin họ, bởi vì ta có thể đem thể nghiệm của mình so sánh với kinh điển, nếu đúng y như vậy thì nên tin, còn không phải đợi đến chừng nào mới tin? Còn ai có thể để cho mình tin?

Dương nhiên, không phải mọi người đều có thể thấy hóa thân của Sư Phụ. Đẳng cấp chưa đủ cao chưa có thấy được. Nhưng cũng phải tu hành, phải tin những người có đẳng cấp cao, vì họ có thể nghiệm, biết được Sư Phụ là ai; nếu không mọi người chỉ nhờ kinh điển là đủ rồi, cần chi phải có thầy hướng dẫn? Sư Phụ nói sẽ cho quý vị thể nghiệm gì, quý vị nhất định sẽ có thể nghiệm đó. Sư Phụ nói gì có đó, như vậy chẳng lẽ còn chưa đủ chứng minh hay sao? Còn không đợi đến lúc nào mới tin được một vị sư phụ?

Trên thế giới Ta Bà này, lực lượng phát triển của Phật Bồ Tát có hạn, và không thể thi triển thần thông. Nếu như quý vị tin thì được nhờ, còn không tin thì thôi. Nhưng Sư Phụ bên trong có lực lượng rất lớn, Ngài là Bồ Tát, cho nên khi mình gặp khó khăn, Ngài sẽ giúp đỡ, cho dù mình không thấy được, hãy thành tâm cầu nguyện, Ngài nhất định sẽ lại. Khi mình gặp khó khăn, tình trạng khẩn cấp, hay là tâm có nghi vấn, đừng quên cầu hóa thân Sư Phụ bên trong giúp đỡ.

Xác thân Sư Phụ không nói được nhiều, nhưng hóa thân Sư Phụ bên trong có thể nói hết, những gì mình không thấy cũng có thể nói. Ngôn ngữ nào Sư Phụ bên trong cũng nghe hiểu. Xác

thân Sư Phụ sống trên thế giới Ta Bà này, lực lượng phát triển có hạn, cũng làm một con người bình thường như những người khác; nhưng Sư Phụ bên trong có lực lượng và công đức bất khả tư nghị, mình nên tin tưởng Ngài, đừng có hoài nghi chi.

Cho dù quý vị không theo Sư Phụ tu hành, quý vị cũng không thể tự phán đoán các pháp môn khác tốt hay xấu? Người phạm khó mà biết được. Sư Phụ có thể nói rõ cho quý vị biết, đa số các pháp môn khác không có thể nghiệm thật. Rất tiếc pháp môn của Sư Phụ không thể cứu được càng nhiều chúng sanh, bởi vì họ không tin theo.

Nhưng quý vị đã thọ pháp này rồi thì nên tin, đối với quý vị mới có ích. Sư Phụ cũng không thể nói gì hơn. Thể nghiệm vốn không thể nói ra, nếu như Sư Phụ cho học trò nói ra hết, quý vị nghe rồi, bỏ việc làm, bỏ chồng, bỏ vợ, đến với Sư Phụ thì mệt lắm. *(Mọi người cười.)*

Cho nên đừng nói thể nghiệm, tự tu sẽ có, cho dù quý vị chưa đạt được thể nghiệm như đã mong ước, cũng phải tin. Rồi sẽ có!

Có người tu các pháp môn khác không đúng cách sẽ bị tẩu hỏa nhập ma, hiểu chưa? Người tu hành kỵ dùng thần thông. Có một số người khi chưa gặp Sư Phụ, tu thần thông, niệm chú gì đó, bắt ấn tay ấn chân, đề trị bệnh hay đuổi ma quỷ; những người đó nếu như tu Pháp Môn Quán Âm, lúc khởi đầu hay có nhiều phiền phức, bởi vì vị thần họ tôn thờ trước kia sẽ đến quấy nhiễu, không cho họ nâng đẳng cấp lên cao được, nhưng chỉ cần tin vào Sư Phụ, tiếp tục tu hành Pháp Môn Quán Âm, một thời gian sau sẽ không còn phiền phức nữa.

Bởi vì trước kia họ lợi dụng quỷ thần để chữa bệnh, đuổi ma quỷ, bây giờ bị quỷ thần cản trở việc tu hành, không để cho đẳng cấp được nâng cao, cho khởi đi lên. Nếu như họ không thật tin Sư Phụ, sẽ bị ma quỷ kéo đi.

Bởi vì xác thân là nhà của mình, mình có quyền mời người nào đến cũng được, bất luận Sư Phụ là người gì, cũng không có

quyền cần. Nhưng nếu như ai hoàn toàn tin Sư Phụ, sẽ được Sư Phụ giúp đỡ. Ngược lại không tin Sư Phụ mà tin ma quỷ, chúng cũng đến giúp đỡ, nhưng chúng càng giúp đỡ thì ta càng bị phiền phức mà thôi.

Có người vì kiếp trước có tu hành chút ít, bây giờ còn sót lại một chút lực lượng. Khi chưa gặp Sư Phụ, lực lượng cũng bị hạn chế, biến thành thứ lực lượng đen tối, bị ma lợi dụng. Sau này gặp Sư Phụ, muốn tu hành cũng khó. Nếu như không thật tin Sư Phụ, không thật nương vào lực lượng của Sư Phụ, khó mà khắc phục những chướng ngại đó, sẽ bị nhiều ma chướng đến quấy nhiễu thêm.

Có một số người tu hành mới có một chút lực lượng liền kiêu ngạo, muốn biểu lộ năng lực của mình cho người ta biết, nhà có ma cần phải niệm chú gì v.v... Người ta không có mời mà họ đã đến, đó là chuyện mệt nhất.

Tu hành không dễ, nhưng cũng rất dễ. Không dễ, ý nói không xen vào chuyện của người khác không dễ gì làm được. Không dạy người cũng không dễ, người mới học, mới tu hành, không dễ gì chịu cảm niệm. *(Mọi người cười.)*

Tu hành có được một chút thể nghiệm, một chút lực lượng đã cho người ta biết. Cho nên tu được bao nhiêu công lực, đều bị ma quỷ nghe biết. Ma quỷ, nó cũng ưa chọc ghẹo, nó sẽ nghĩ: *“Ha ha, người này kiêu ngạo quá, thích khoe khoang, được rồi để ta đến chọc chơi.”* Nó sẽ đến phá quấy, nếu như nó không đủ lực lượng, nó sẽ tìm *“chủ”* của nó. Quỷ cũng có nhiều đẳng cấp, cho nên chúng ta thường nói: *“Đạo cao một thước, ma cao một trượng.”*

Chúng ta nên thận trọng, nên âm thầm tu hành. Có người tu hành chưa chứng quả, cả nước đã biết rồi *(mọi người cười)*, ít nhất là khắp xóm làng và láng giềng đều biết hết. Minh tu không được bao nhiêu, đã dạy người ta niệm chú này, chú nọ! Nếu như người xuất gia tụng niệm thì còn có thể chấp nhận, đằng này

người tại gia cũng siêu độ vong linh. (*Mọi người cười.*) Tự mình không có phước báu mà còn siêu độ cho ai? Quý làm sao đến ăn? Người tụng không biết chừng chưa đủ ăn, mà còn cho quý ăn, thật là kỳ lạ.

Tự mình không đủ phước báu, còn làm bậy bạ, thật nguy hiểm vô cùng. Sau này nếu tu hành hơi cao một chút, quỷ thần sẽ đến kéo đi. Vì trước kia mình làm bạn với họ, bây giờ muốn trốn, dọn đi nơi khác, họ đương nhiên không thích; và xưa kia họ kiểm chế mình, được mình tôn kính, lạy lục họ, cầu họ giúp đỡ, đuổi những ma quỷ khác. Bây giờ mình không tôn kính họ, muốn giải thoát, muốn liễu thoát sanh tử, muốn siêu thoát khỏi Tam Giới, muốn được quả vị cao hơn, họ đương nhiên không chịu cho nên mới đến kiểm chuyện.

Tu hành mà không “*cắm khẩu*” được là nguy lắm. Có người nói chuyện quá nhiều, các thể nghiệm đều nói ra hết, có lực lượng gì, thần thông gì, đều cho người ta biết, người ta chưa hỏi mà đã nói ra rồi. Những người thích cho người ta biết, thần khí trong người không tốt, tối đen. Có quỷ có ma nào mà lại cần để họ đến niệm chú cầu siêu v.v..., làm như vậy là xen vào nhân quả của người khác, như vậy phiền phức lắm. Lực lượng của mình chưa đủ, còn muốn cho người khác để ý ta có tu hành, có đẳng cấp cao, thật là mệt hết sức. Họ chưa nói hết câu, ma chương đã đến rồi.

Không muốn gần gũi với bậc thiện trí thức, mà cứ muốn gần gũi với quỷ ma. Khoe khoang cũng là một thứ ma chương, là thái độ của ma, không phải thái độ của Phật Bồ Tát, hiểu chưa? Đó là cá tính của đẳng cấp rất thấp, là một thái độ rất xấu. Cho nên quý vị tu hành, nếu như thấy những người ưa khoe khoang, tốt nhất nên tránh xa, để khỏi bị truyền nhiễm, bị nhiễm bệnh “*khoa trương*” của họ.

Người khoe khoang có thể cũng có đẳng cấp cao thật, nhưng càng lúc sẽ càng có nhiều ma chương. Cho dù không có đi nữa,

sau này đến cảnh giới cao một chút, cũng không thể giữ được cảnh giới đó, bởi vì định lực không đủ, không thể lưu tại cảnh giới đó lâu, nghe hiểu chứ? Nếu như không thể vượt qua cảnh giới này, thì làm sao lên được cảnh giới cao hơn? Đó bởi vì không thể “*ngâm miệng*” mà ra. Nếu như bây giờ không thể kín miệng, sau này thành Phật làm sao đây? Thành Phật làm sao có thể nói toạc ra hết? Chưa có người nào thành Phật mà như vậy, thành Phật khoa trương đâu có ích gì?

Người tu hành nên tu một cách âm thầm, cho nên Sư Phụ mới không cho phép quý vị nói cho người khác biết pháp môn và thể nghiệm của mình. Nhưng có lúc không phải cố ý, mà vô tình nói lộ ra, trường hợp đó có thể tha thứ được. Vì có lúc đệ tử thấy hóa thân Sư Phụ đến cứu, hay giúp đỡ, quá cảm động, cho nên khi gặp Sư Phụ, không để ý bên cạnh có người hay không, vọt miệng nói ra, không cố ý khoa trương, thì bị lộ ra một chút cũng không sao. Nhưng nếu như mình tự khoa trương thì mệt lắm. Khi mình khoa trương, mà đến lấy mất công đức và lực lượng của mình, còn tạo chướng ngại cho mình, sau đó mình phải từ ABC học lại, khó bảo tồn cảnh giới cao đã đạt. Định lực phải đủ mới có thể lên đẳng cấp cao, bằng không, không thể lưu tại đó được.

Giống như tình trạng ở ngoài đời, thí dụ mình làm việc cho Bộ Quốc Phòng, là một cơ quan rất quan trọng, địa vị tuy chưa cao; nhưng nếu như không giữ bí mật, sau này cho dù mình làm việc giỏi đến đâu, học lực cao đến đâu, chính phủ cũng không dám cho mình làm Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, bởi vì mình không kín miệng, sợ bí mật của quốc phòng bị lộ ra ngoài hết!

Người tu hành cũng vậy, chưa thành tựu đã khoa trương như thế, ai dám để mình thành Phật? Trong sự tu hành có nhiều chỗ, nhiều việc, nhiều đẳng cấp quý vị còn chưa biết. Bồ Tát cũng có nhiều đẳng cấp. Có Sơ Địa Bồ Tát, Nhị Địa Bồ Tát..., Bát Địa Bồ Tát, Thập Địa Bồ Tát, còn có Ma Ha Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát là tối cao trong hàng Bồ Tát.

Nhưng có một hạng Bồ Tát, họ không cứu người, chúng ta gọi họ là “*Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát*”. Các Ngài công đức rộng lớn như biển, đã thanh mà lại tịnh nữa, cho nên mới gọi là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Lực lượng của các Ngài như nước biển, việc làm của các Ngài rất phẳng lặng, như nước trong, không có ai có thể cảm giác được các Ngài. Nhưng chúng ta có thể biết được Ngài là hóa thân Bồ Tát. Cho nên Thanh Tịnh Bồ Tát còn cao hơn các vị Ma Ha Tát bình thường khác.

Trên cõi vũ trụ này, còn có nhiều đẳng cấp, nhiều địa vị mình cần phải đạt đến. Tu hành còn ít, không có gì đáng hãnh diện, có được một chút thần thông đã nói tung nước miếng, thấy được một ít quá khứ, hiện tại, vị lai có ích gì? Bây giờ mình có dự đoán ngày mai thế giới này sẽ bị hủy diệt, mình cũng không thể cải biến được gì, ngược lại từ hôm nay cho đến ngày mai, mình lo sợ quá chừng, lại mất ăn mất ngủ nữa. Còn những người không biết ngày mai thế giới sẽ ra sao, họ ngủ rất ngon, ít ra họ có thể hưởng thụ an ninh trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Cho nên biết được quá khứ, hiện tại và tương lai thật không có ích gì hết. Muốn dự định vị lai của mình, thì bắt đầu từ hôm nay, quý vị nên làm một người có đạo đức, trong đời sống hàng ngày nên trì “*ngũ giới*” cho rõ ràng, không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Trì năm giới cho nghiêm chỉnh là đủ rồi, không cần nói chi đến nhiều giới. Chỉ cần trì năm giới cho rõ ràng, không tin Sư Phụ cũng không sao, không tu Pháp Môn Quán Âm, không muốn liễu thoát sanh tử cũng được.

Tuy rằng không tin Sư Phụ, nhưng cũng nên làm một người tốt, trì năm giới cho đàng hoàng, sau này tới thiểu còn có thể trở lại làm người; còn không thì hết cách. Sư Phụ không dạy quý vị giáo lý gì xấu, quý vị có thể không tin người thầy này, nhưng nên tin giáo lý của Sư Phụ, Sư Phụ chỉ dạy cho quý vị những giáo lý

tốt mà thôi. Muốn làm người cũng dễ, chỉ cần trì năm giới cho rõ ràng, sau này khỏi còn phiền phức, chỉ cần giữ kỹ năm giới, có tu hay không tu Pháp Môn Quán Âm đi nữa thì cũng không sao, còn không thì khó mà được trở lại thân người.

Thân người rất quý báu, không có thân người, thì không có sáu căn, sáu trần, nên không thể tu hành. Chúng ta đều biết sáu căn, sáu trần là chướng ngại đáng ghét nhất, nhưng mình cần chúng nó để tu hành. Nghe tiếng bên trong vốn không dùng nhĩ căn, nhưng không có tai thì mình làm sao nghe? Lúc tọa thiền cũng không cần mắt nhìn cảnh giới, nhưng không có thân này, mình cũng không thể thấy cảnh giới Phật, không biết tình trạng Thiên Đàng, địa ngục, thế giới Tây Phương Cực Lạc như thế nào, có đúng không? Cho nên thân người rất là quý báu.

Không muốn làm người rất dễ, muốn làm người rất khó; muốn làm Phật Bồ Tát lại càng khó nữa. Làm một vị Bồ Tát đã không dễ, muốn làm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát thì càng trùng trùng gian khổ. Làm một vị “*Thanh Tịnh Bồ Tát*”, một vị Bồ Tát vô hình, tối cao, cần phải vượt qua những khảo nghiệm nghiêm khắc không thể hình dung tưởng tượng được. Rất khó, rất khó mà làm được. Chúng ta đã luân hồi sanh tử mấy triệu lần, cũng chưa từng nghe qua thứ khảo nghiệm ghê gớm như thế.

Nếu như chúng ta đọc sách, thấy các bậc Đại Sư tu hành thời xưa, chịu các khảo nghiệm và trải qua đau khổ, dù là khảo nghiệm ghê nhất, đau khổ nhất của các Ngài, cũng chưa so nổi với những khảo nghiệm và đau khổ của Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát phải chịu đựng.

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát đã gần như là Phật rồi, Phật thì “*bất động*”, còn Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát thì “*động*”, các Ngài đi khắp vũ trụ, lo cho trật tự toàn hoàn vũ, trách nhiệm của họ là chăm sóc cái vũ trụ này. Còn Bồ Tát Ma Ha Tát lo cứu linh hồn của con người, dẫn họ về nhà, ai có muốn đi Tây Phương thì theo Bồ Tát Ma Ha Tát mà học, họ hóa thân

đến Thế Giới Ta Bà cứu người, dẫn linh hồn trở về cố hương, về Thiên Quốc, về Tây Phương Tịnh Độ.

Thường mình tụng Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, nhưng không biết các Ngài là ai, cho dù các Ngài xuất hiện trước mặt, mình cũng không cách nào biết được. Chỉ có Bồ Tát Ma Ha Tát biết ai là Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Người thường không cách nào biết được, bởi vì họ không để lộ đẳng cấp và quyền năng ra ngoài. Nhìn họ rất tầm thường, còn tầm thường hơn người bình thường, dù cho các Ngài có đến thế gian này không ai biết các Ngài là Bồ Tát. Các Ngài không thi triển một tí ti thần thông nào, chỉ âm thầm làm việc. Phàm phu hoàn toàn không hiểu được. Dù các Ngài có ở trước mặt chúng ta cũng không hay.

Công việc của Thanh Tịnh Bồ Tát, khác hẳn với các Bồ Tát Ma Ha Tát khác, không xen vào nhân quả của người ta. Nhưng Bồ Tát Ma Ha Tát có thể xen vào, hiểu chưa? Ngài có thể cứu người dưới địa ngục đưa lên Thiên Đường, Ngài có thể đưa người có nghiệp chướng nặng đi Tây Phương. Những hoàn cảnh đó, Ngài Thanh Tịnh Bồ Tát chỉ đứng một bên nhìn mà thôi. Công việc của các Ngài là coi sóc sự vận chuyển của vũ trụ; duy trì sự tồn tại của vũ trụ; các Ngài không cứu người, cho dù mình đói chết, hay bị hỏa ngục đốt, họ cũng không lo. Đối với người phạm mà nói, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát như rất lạnh lùng, thật ra không phải vậy, chỉ vì công việc của các Ngài không như nhau mà thôi.

Làm một vị Thanh Tịnh Bồ Tát không dễ, Sư Phụ nghĩ rằng quý vị sẽ rút hết. Muốn trở thành Thanh Tịnh Bồ Tát cần phải tiếp nhận hệ thống huấn luyện rất cứng rắn, rất nghiêm khắc, sự đau khổ của phương thức huấn luyện không thể diễn tả bằng ngôn ngữ, người phạm phu chưa từng nghe qua, cũng không thể tưởng tượng được. Cũng như trong quân đội, có các huấn luyện về bộ binh, hải quân, không quân, tình báo, lực lượng đặc biệt,

sự huấn luyện của lực lượng đặc biệt là khổ cực nhất, có phải không?

Làm Bồ Tát cũng như vậy, đẳng cấp khác nhau, nên tiếp nhận sự huấn luyện khác nhau. Muốn thành Thanh Tịnh Bồ Tát, cần phải tu hành rất cực khổ, không phải vì tu hành cực khổ mới thành Thanh Tịnh Bồ Tát, mà là muốn thành Thanh Tịnh Bồ Tát phải nhẫn chịu những khổ cực nhất của sự tu hành. Thanh Tịnh Bồ Tát đều được đặc biệt chọn lựa, chứ không phải chúng ta muốn là có thể thành Thanh Tịnh Bồ Tát. Người tu hành nếu như chưa vượt qua Tam Giới không thể nào được chọn.

Thanh Tịnh Bồ Tát được chọn từ cảnh giới thứ năm. Nếu còn trong Tam Giới không thể làm Thanh Tịnh Bồ Tát. Bởi vì trong Tam Giới, chúng ta còn luân hồi sanh tử, bầy vớ trên thế giới này chưa học xong nên không được tuyển chọn để tiếp thụ thứ huấn luyện gắt gao nhất. Muốn làm Thanh Tịnh Bồ Tát, trước hết nên trở thành Bồ Tát của cảnh giới thứ năm. Nếu thích ứng mới có tư cách được chọn, khi được chọn rồi, còn phải tiếp nhận huấn luyện gắt gao, thứ huấn luyện này còn lợi hại và thống khổ hơn hệ thống của địa ngục.

Tu hành có nhiều đẳng cấp, con đường tu hành rất dài, rất là dài, cho nên mới tu chưa được bao nhiêu đừng có khoa trương. Sư Phụ bảo quý vị đừng nói thể nghiệm cho người khác nghe, là tốt cho cá nhân của quý vị, không có quan hệ gì đến Sư Phụ. Quý vị muốn nói cho cả nước nghe cũng được, đối với Sư Phụ không có sao hết, nhưng chỉ hại cho mình mà thôi.

Cho nên tu hành thì nên tu âm thầm, bởi vì chúng ta muốn giữ đẳng cấp của chúng ta, muốn từ từ đi lên, thành Phật, thành Bồ Tát cao đẳng. Nếu có người mới tu, có một chút thần thông, nhưng tâm không định, đã ra ngoài đi tuyên truyền. Nên biết những người đó không thể tin cậy được. Người tu hành chân chánh nhìn những người đó, biết ngay họ có nhiều chương ngại, họ bị “*bệnh thiên*”.

Người không mắc bệnh thiền sẽ không ra ngoài khoa trương, hiểu chưa? Người tu hành nên rất khiêm nhường, tu càng cao càng khiêm nhường, càng sợ người ta biết mình tu hành, càng sợ người biết lực lượng của mình như thế nào. Có người lúc mới tu hành còn được lắm, có được một chút đẳng cấp, có được một chút thể nghiệm; nhưng vì khoa trương nói quá nhiều, rốt cuộc nhiều ma chướng đến, tu càng cao ma chướng càng nhiều.

Cho nên tu hành sợ nhất là nói thể nghiệm, nói nhiều rồi thể nghiệm đều biến chất, không chính xác, còn không thì mất hết thể nghiệm, chỉ có ảo tưởng, bởi vì định lực bị tổn phí, linh khí cũng bị phá vỡ. Khí linh cảm vốn là một bức tường bảo hộ, nhưng vì tự mình thổ lộ quá nhiều, bị ma khoét lỗ chui vào.

Cho nên tu hành sợ nhất là thái độ khoa trương ngạo mạn, càng kiêu ngạo càng mệt. Sư Phụ cũng hiểu, muốn người tu hành tin một vị thầy không phải là chuyện dễ, do đó nếu quý vị không tin Sư Phụ cũng không phải là lỗi của quý vị, mà do không khí thời mạt pháp tạo thành, cho nên mới gọi thời này là thời mạt pháp.

Tu hành không dễ, trong Kinh Lăng Nghiêm có nói, trong thời mạt pháp, chỉ cần thành tâm tu hành, dù một chút đình thôi, Phật Bồ Tát cũng đến giúp đỡ rất nhiều. Nhưng ít người có lòng thành và tín tâm muốn tu hành chân chánh; đa số lựa chọn con đường đơn giản và nhẹ nhàng, không muốn sự gian khổ, và quá nghiêm khắc. Tu Pháp Môn Quán Âm, nhất định phải ăn thuần chay, và mỗi ngày phải tọa thiền hai tiếng rưỡi đồng hồ, ngoài ra, không được sát sanh, vọng ngữ, không tà dâm, không trộm cướp, và không uống rượu v.v... Đối với nhiều người, như vậy quá nghiêm, quá khổ.

Trên thế giới này, có người nếu muốn thành bác sĩ, hay luật sư, muốn có địa vị trên xã hội, đều phải học hành khổ cực, có phải vậy không? Muốn thành Phật Bồ Tát, muốn được liễu thoát sanh tử, muốn một đời giải thoát, làm sao tránh khỏi sự chịu đựng một chút khổ hạnh?

Trong thời mạt pháp, chỉ cần chúng ta thành tâm tu hành chút đỉnh, Phật Bồ Tát sẽ giúp đỡ rất nhiều; như vậy là quá tốt rồi, nếu không quý vị ngồi thiền hai tiếng rưỡi đồng hồ có ích chi vì không thâm vào đâu cả! Phật Thích Ca Mâu Ni cũng tọa thiền cả ngày, còn nhiều người tọa thiền mười mấy, hai mươi tiếng đồng hồ, lại không được gì. Nếu không có lực lượng của Phật Bồ Tát giúp đỡ, chúng ta tu hành cũng chẳng đạt kết quả gì.

Thật ra tu hành không cực khổ, nhưng muốn trừ thái độ kiêu ngạo thì hơi khó, muốn kín miệng lại càng không dễ. Thái độ kiêu ngạo và khoa trương là khó sửa nhất. Người tu hành không có nhiều thể nghiệm và đẳng cấp không tiến bộ, bởi vì có thái độ kiêu ngạo, hoặc nói quá nhiều, tu hành không bao nhiêu mà nói quá nhiều.

Phật Thích Ca Mâu Ni cũng cấm đệ tử của Ngài khoa trương. Mục Kiền Liên có thần thông, Phật không cho dùng. Sư Phụ cũng vậy, tu hành nhiều tự nhiên có thần thông, nhưng không được khoa trương. Mình có Tha Tâm Thông cũng đừng cho người ta biết, nếu không người ta sẽ sợ, sợ bị mình hiểu thấu lòng họ, có phải không?

Có các thứ thần thông khác như Thần Túc Thông, Thiên Nhân Thông v.v..., cũng nên giữ kín. Người khác biết, chỉ hại cho mình. Có người sẽ đồ kỵ, không thích mình cao hơn họ; nếu mình nói những chuyện họ không thích, họ sẽ tìm cách dùng Hắc Thần Thông hại mình. Cũng như Mục Kiền Liên, vì Ngài dùng thần thông, rốt cuộc bị ngoại đạo dùng Hắc Thần Thông giết hại.

Cho nên Sư Phụ cảnh cáo hoài, đừng có cho người khác biết đẳng cấp của mình. Nhưng vẫn có người không trị được chứng bệnh này, đó là cá tính của họ, rất khó sửa, cho nên gặp nhiều phiền phức. Nếu như mình biết được những người này, tốt nhất đừng có gần gũi và đừng có nghe lời của họ, nếu không sẽ bị vạ lây như bệnh truyền nhiễm vậy.

Nếu mình sống chung với người có ma chướng, hay chỉ cần ngồi rất gần, cũng đã bị nhiễm hết một nửa rồi. Đi thăm bệnh nhân, tiếp xúc với họ, một nửa bệnh đã truyền sang mình, mình phải tiêu một nửa nghiệp chướng của họ. Nếu không thì sao Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới này, khi ra đời cũng biến thành phàm phu? Làm phàm phu trước đã, sau này tu mới thành Phật Bồ Tát, nếu không tu, cũng bị nhiễm trần như thường.

Phật Thích Ca Mâu Ni như quý vị đều rõ, Ngài là Hộ Minh Bồ Tát, từ Cung Trời Đâu Xuất giáng trần để cứu thế, đó là công việc của Ngài. Nhưng sau khi Ngài ra đời, trong suốt ba mươi năm đầu, không làm gì lợi ích cho chúng sanh. Ngài là một vị hoàng tử, ngày ngày chỉ hưởng thụ thế gian, không biết đến tu hành là gì?

Lúc Ngài ra đời, có thể đi bảy bước, biết tự thân là ai, Ngài nói: *“Thiên thượng địa hạ, duy ngã độc tôn.”* Nhưng khi Ngài lớn lên, cũng vô minh và còn vô minh hơn người thường nữa; có nhiều gái đẹp vây quanh, ngày ngày hưởng thụ thế gian, việc gì cũng không nghĩ tới. Bởi vì Ngài bị hoàn cảnh an nhàn bao bọc, được cha mẹ của Ngài cưng chiều. Những người chung quanh không cho Ngài biết bất cứ điều xấu nào, không cho người khác thức tỉnh Ngài tu hành, cho nên trước ba mươi tuổi, Ngài vẫn là một phàm phu.

Ngài là hóa thân của Đại Bồ Tát. Trong thời cổ xưa Ngài đã thành Phật rồi, nhưng sanh vào thế giới này cũng không khỏi trở thành người phàm. Cho nên thế giới này rất đáng sợ, cho dù là Phật Bồ Tát ra đời, nếu như không tu hành cũng nhất định bị mê lạc. Cho nên bất luận thế nào, nhất định phải tu trở lại.

Quý vị thường hỏi Sư Phụ: *“Mỗi người đều có ‘Phật tánh’ có phải hay không? Vì sao mọi người vẫn còn là phàm phu?”* Bởi vì khi mọi người đến thế giới này rồi bị phàm phu “truyền nhiễm”, bị phàm phu “độ”. Thế giới này cũng như khu bệnh truyền nhiễm vậy, ban đầu chỉ có một người mắc bệnh, sau này

truyền thành hai ba người, càng truyền càng nhiều, sau cùng toàn khu đều có bệnh; có lúc toàn thể mọi người, tất cả loài vật trong thành đều chết sạch, không còn một con mèo con chó, từ đó mà thấy bệnh truyền nhiễm thật đáng sợ.

Giống như vậy, Phật Bồ Tát đến thế giới này mà không tu hành, cũng biến thành phàm phu. Sư Phụ đã nói: *“Mọi người vốn là Phật, đều có Phật tánh, vậy sao không ai biết, không ai thấy?”* Bởi vì quý vị bị thế giới này độ lâu như vậy, bây giờ mới bắt đầu tu hành, làm sao lập tức nhớ biết được liền? Nhưng chỉ cần nỗ lực tu hành, sau này vẫn trở thành Phật Bồ Tát, *“tu hành sẽ thành Bồ Tát, không tu hành sẽ thành phàm phu”* đó là định lý, không còn gì khác đáng nói nữa.

Quý vị coi, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng phải tu hành sáu năm mới thành Phật. Giê-su Ki-tô tu hành mười mấy năm, sau cùng mới thành vị thầy vĩ đại, có phải không? Khi Lục Tổ Huệ Năng gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, Ngài đã khai ngộ, được Ngũ Tổ truyền pháp rồi, Ngài còn phải ẩn tu mười sáu năm. Bồ Đề Đạt Ma xưa kia không thể độ chúng sanh, chắc có lẽ lúc đó còn chưa đủ lực lượng (*Sư Phụ cười*), giảng kinh người khác không nghe, cho nên giảng cho vách tường nghe chín năm. Nghe nói bởi vì Ngài trường kỳ tọa thiền, khiến cho hai chân không thể đi, người đời sau thấy trong tranh đều là hình dáng Ngài đi đứng, đó đều là Ngài hóa thân để cho người ta thấy.

Có câu *“Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”*, sống chung với người xấu sẽ trở thành xấu, sống chung với thiện trí thức thì trở thành thiện trí thức, gần gũi với người có học vấn, sẽ học được chút đỉnh, tiếp xúc với người khờ dại sẽ trở thành dốt nát. Người rành tiếng Anh, nếu như trong ba mươi năm không nói cũng sẽ bị quên. Ngày ngày cần phải tập nói tiếng Anh. Nếu như lâu ngày tiếp xúc với người không biết nói tiếng Anh, sau này không còn nói được nữa, còn không thì nói không trôi chảy.

Cũng như bây giờ Sư Phụ nói tiếng Âu Lạc cũng không trôi chảy lắm, bởi vì đã không nói tiếng Âu Lạc quá lâu, và nói tiếng Anh cũng có một chút ấp úng. (*Mọi người cười.*) Nhưng mà qua Mỹ vài ngày thì không còn trở ngại nữa, còn nếu như ngày ngày nói tiếng Trung Hoa như vậy, qua ba mươi năm sau, chắc có lẽ hết biết nói tiếng Anh. Tu hành cũng vậy, theo học người nào thì sau này cũng sẽ giống như họ, cho nên phải lựa "*Chân Sư*" cho cẩn thận.

Bây giờ quý vị còn muốn trở thành Thanh Tịnh Bồ Tát nữa hay không? (*Có người đáp: Muốn.*) Nhưng có người bị Sư Phụ la một chút, đã thành mặt ngựa, như vậy mà còn muốn thành Thanh Tịnh Bồ Tát? (*Mọi người cười.*) Muốn làm loại Bồ Tát này khó lắm, nếu như quý vị phát nguyện muốn trở thành Thanh Tịnh Bồ Tát thì phiền lắm, làm một vị thầy tầm thường đã có nhiều phiền phức như vậy, còn làm Thanh Tịnh Bồ Tát thì sẽ như thế nào?

Trên vũ trụ này, trừ Phật ra, Thanh Tịnh Bồ Tát có địa vị tối cao, Phật là địa vị tối cao trên vũ trụ, là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, Thanh Tịnh Bồ Tát đứng ngôi thứ nhì, hiểu chưa? Thanh Tịnh Bồ Tát là pháp luật siêu vũ trụ, Ngài lên trời xuống đất như mình đi chợ búa, muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, không có gì cao hơn Ngài, bởi vì Phật không có động, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là như như bất động, cho nên trên thực tế, Thanh Tịnh Bồ Tát vẫn là tối cao.

Vấn: Xin hỏi Sư Phụ, Phật chỉ có một vị hay sao?

Sư Phụ: Không phải, Phật là chỉ lực lượng này. Thí dụ ở Anh quốc, địa vị cao nhất là nữ hoàng, nhưng không có xen vào chánh sự, chỉ đại diện cho địa vị tối cao mà thôi. Nhưng thủ tướng lại nổi tiếng hơn hết, quốc gia nào cũng biết đến. Mỗi người lên làm thủ tướng đều là xuất danh nhất, còn nổi tiếng hơn nữ hoàng, người nào cũng nể sợ, họ muốn làm gì thì làm.

Đương nhiên địa vị của nữ hoàng là tối cao, nhưng không có quyền lực như thủ tướng, có phải không? Nữ hoàng không cần tới lui, không cần sửa đổi pháp luật. Nhưng thủ tướng thì việc gì cũng lo, thái độ rất cứng, đôi khi người ta phản đối. Thí dụ bà Thatcher là thủ tướng cứng đầu có tiếng nên người ta tôn là Thiết Nương Tử, bởi vì thái độ của bà rất cứng rắn, có quyền lực lớn, luôn cả nữ hoàng cũng khuyên: *“Nhà ngươi nên nhường bước một chút, đừng có cứng rắn quá!”* nhưng bà ta không nhường là không nhường, có phải vậy không?

Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát cũng như thế, Ngài có lực lượng tối cao trong vũ trụ này, nếu như quý vị muốn thành Thanh Tịnh Bồ Tát, thì phải nỗ lực cho nhiều. Nhưng Sư Phụ sợ quý vị chịu không nổi thứ hệ thống huấn luyện nghiêm khắc, cho nên mới để cho từ từ làm Bồ Tát trước rồi mới từ từ leo lên. Nhưng nếu như thành tâm phát nguyện, có một ngày nhất định trở thành Thanh Tịnh Bồ Tát. Chỉ cần mình quyết tâm muốn trở thành quả vị nào đều có thể như nguyện, nhất định như vậy, duy không có thực hiện ngay mà thôi, có lẽ đời sau hay là trải qua vài kiếp sau sẽ được mãn nguyện, chỉ cần mình có ý nguyện, sau cùng cũng sẽ thành.

Vấn: *Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát có đến thế giới này không?*

Sư Phụ: Có chứ! Sao lại không đến? Ở nơi nào cũng có Ngài. *(Ngài đến thế giới Ta Bà cũng có nghiệp chướng hay sao? Ngài có bị thế giới ô nhiễm hay không?) (Mọi người cười.)* Không có, Ngài đến không có đem nghiệp chướng, cũng không có bị thế giới truyền nhiễm. *(Có phải Ngài dùng hóa thân đến thế giới này không?)* Ngài khác với hóa thân của Bồ Tát Ma Ha Tát, tự Ngài là pháp luật, Ngài hoàn toàn có lực lượng riêng, có thần thông, muốn cái gì thành cái đó. Ngài khác với Bồ Tát thường, thần thông, lực lượng, quyền lực của Ngài vĩnh viễn tồn tại. *(Vậy con cũng muốn làm Thanh Tịnh Bồ Tát.)* Sư Phụ biết nhà ngươi

muốn làm Thanh Tịnh Bồ Tát. *(Mọi người cười.)* Nhưng không có dễ như vậy, tu đến thế giới thứ năm đã rồi mới tính sau.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, Thanh Tịnh Bồ Tát đến thế giới này, cần quá trình thụ thai trưởng thành hay không?*

Sư Phụ: Không cần, Ngài khác với Vị Bồ Tát thường. *(Ngài đến thế giới này chỉ vì công việc hay sao?)* Đúng, Ngài muốn đến thì đến, muốn đi thì đi. Khi vị Bồ Tát thường muốn đến thế giới này thì phải đầu thai, nhưng Thanh Tịnh Bồ Tát không cần làm như vậy, Ngài muốn biến thành cái gì thì biến thành cái đó. Trong một sát na có thể biến thành ruồi, thành đá, nhưng bên trong con ruồi hay cục đá có lực lượng; bất cứ Ngài biến hóa thành những gì, Ngài hoàn toàn biết rõ Ngài là Thanh Tịnh Bồ Tát, Ngài muốn biến mất thì biến mất, muốn có thì có, muốn biến thành người thì biến thành người, muốn thành chó thì thành chó, nhưng con chó Ngài biến thành, không phải là chó thường, nó không có nghiệp chướng. Ngài làm người cũng không bị nghiệp chướng của người khác truyền nhiễm, không có bị xã hội nhiễm ô, bất cứ Ngài biến thành thứ gì, ý thức của Ngài hoàn toàn tỉnh táo. Địa vị của Thanh Tịnh Bồ Tát là tối cao, nếu như thật có Thượng Đế tối cao, thì Ngài chỉ thấp hơn có một chút mà thôi, Thượng Đế là cao nhất, Ngài là hạng nhì. Hiểu chưa?

Vấn: *Thanh Tịnh Bồ Tát thụ huấn ở đâu?*

Sư Phụ: Thụ huấn tại cảnh giới cao. *(Ngài vĩnh viễn là Thanh Tịnh Bồ Tát? Hay là sau này Ngài cũng thành Phật?)* Vĩnh viễn là Thanh Tịnh Bồ Tát, thành Phật để làm gì? Ngài muốn thành Phật cũng được, nhưng mà Ngài không cần.

Vấn: *Thưa Sư Phụ, Sư Phụ nói Thanh Tịnh Bồ Tát đối với ngoại cảnh tuyệt đối không có động tâm, nếu như có một chúng*

sanh cầu hóa thân của Ngài Thanh Tịnh Bồ Tát, Ngài có giúp đỡ không?

Sư Phụ: Ngài không có giúp đỡ. *(Vì sao như vậy?)* Bởi vì có những Bồ Tát khác làm những công việc đó! *(Nhưng Ngài có thể tiện tay cứu mà!)* Cứu người đó để làm gì? Thanh Tịnh Bồ Tát không có quan tâm tới cá nhân nào hết, Ngài coi ngó toàn cõi vũ trụ, Ngài không chỉ lo cho một hai người, hay là một hai đoàn thể; Ngài không giống như Bồ Tát Ma Ha Tát. *(Nếu như Ngài thấy có người gần chết, Ngài cũng không cứu hay sao?)* Làm sao cứu? Nếu như mình không phải là bác sĩ, người ta cầu mình coi bệnh, làm sao mà coi? Ngài cũng không thể làm thứ công việc đó. Ngài quá bận, Ngài không thể lo chuyện của một hai người, chuyện của toàn thể giới Ngài cũng không lo đến, Ngài rất bận, rất bận, bận ghê lắm, không có thời gian để lo cho một vài cá nhân.

Vấn: *Sư Phụ nói chúng ta đã luân hồi bao nhiêu kiếp rồi, nhưng nền văn hóa của thế giới này mới có năm ngàn năm, hay là mười ngàn năm, vậy Sư Phụ nói luân hồi nhiều lần như vậy, đi đâu mà luân hồi đây?*

Sư Phụ: Nếu như thế giới này hủy diệt rồi, chúng ta đến những thế giới khác luân hồi, vẫn còn có nhiều địa cầu khác!

Vấn: *Nghiệp chương có phải có thể làm cho hình thể của con người biến đổi, thành kiến, thành người, hay là thành loài vật?*

Sư Phụ: Phải, nhưng trên căn bản vẫn còn là linh hồn của con người, sau này hợp trở lại cũng sẽ biến thành người. *(Linh hồn của con người là vĩnh viễn, làm sao biến thành con kiến được?)* Sao không biến thành được? Bởi vì phạm giới, phạm pháp luật của cảnh giới cao, cho nên biến thành con kiến. Linh hồn của chúng ta vốn càng ngày phải càng cao, nhưng nếu như chúng ta phạm pháp luật của cảnh giới cao, sẽ rớt xuống trở thành loài vật.

Vấn: *Nếu như tu đến những cõi trên, vạn nhất phạm giới, cũng còn phải trở lại hay sao?*

Sư Phụ: Đương nhiên rồi, còn không Sư Phụ đâu còn bảo quý vị nên nghiêm trì năm giới? Sư Phụ sẽ nói: Quý vị tu hành là đủ rồi, hiểu chưa? Chỉ tu hành mà không giữ giới không được, “*Giới, Định, Huệ*” cần phải đầy đủ, cho nên Sư Phụ bảo quý vị giữ năm giới, làm người tốt. (*Ý của con là, đã tu đến cảnh giới thứ năm, đã là Bồ Tát rồi, nếu như phạm giới, vẫn phải rớt xuống hay sao?*) Cũng không thể phạm giới chứ! (*Bồ Tát ở cảnh giới thứ năm, còn có Sư Phụ của Ngài hay sao? Nếu không thì ai lo cho Ngài?*) Vị này đến nghe kinh quá ít, đó là câu hỏi căn bản, Sư Phụ đã giảng mấy lần rồi, lúc còn chưa đạt đến cảnh giới thứ năm, còn có Sư Phụ, sau khi đến cảnh giới thứ năm rồi, thì tự mình lo cho mình. Sau khi trở thành Sư Phụ rồi, còn theo Sư Phụ học cái gì? Lúc đó có thể đi dạy người.

Vấn: *Sư Phụ có cách nào đưa thí dụ, nói rõ Thanh Tịnh Bồ Tát chịu những huấn luyện nghiêm khắc như thế nào?*

Sư Phụ: Điều này không cách nào nói được, bởi vì ở thế giới này còn chưa có thứ hệ thống huấn luyện đó. (*Mọi người cười.*) Hồi nãy Sư Phụ đã nói rồi, thứ huấn luyện đó còn lợi hại hơn, đau khổ hơn địa ngục nữa, quý vị không thể nào tưởng tượng nổi. (*Ở cảnh giới cao như thế, sao còn có chuyện xấu đó?*) Đó không phải là chuyện xấu, đó là sự huấn luyện cần phải có.

Vấn: *Có phải mọi người đều có thể làm Thanh Tịnh Bồ Tát?*

Sư Phụ: Điều đó do sự cao minh tuyển chọn, sau khi được chọn lên rồi, họ sẽ từ từ huấn luyện. (*Ai tuyển chọn vậy?*) Thanh Tịnh Bồ Tát, Ngài cần ai thì lựa chọn người đó, mình không thể biết trước, đợi đến khi được chọn rồi, chúng ta sẽ biết được, và sẽ chịu đựng những khảo nghiệm đau khổ gì. Nhưng quý vị còn ở trên thế giới này, không có được tuyển chọn đâu, Sư Phụ bảo

đảm điều đó (*mọi người cười*), quý vị phải đạt đến thế giới thứ năm rồi mới nói, thoát qua được Tam Giới rồi mới có thể được lựa chọn.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, không tọa thiền, chỉ niệm năm Phật hiệu, có thể thành công hay không?*

Sư Phụ: Cũng nên tọa thiền tối thiểu hai tiếng rưỡi đồng hồ, còn những thời gian khác thì niệm Hồng Danh. Niệm Phật là vì mình muốn tập trung tư tưởng, muốn giữ lực lượng của mình.

Vấn: *Nếu như vì lý do của thân thể, không thể tọa thiền lâu dài làm sao đây?*

Sư Phụ: Cũng phải ráng tiếp tục tọa thiền, càng tọa thiền càng tốt, thật vậy, không có sao hết, càng đau càng phải tọa thiền, còn không, không còn liều thuốc khác để cho quý vị. Làm Pháp Quán Âm là tốt nhất, Pháp Quán Âm có thể chữa trăm bệnh, nhưng nếu như thân thể không khỏe, không thể làm Quán Âm, thì nên nằm xuống, hay là ngồi trên ghế, nhưng phải ngồi thẳng lưng đừng có dựa ghế. Bất cứ nơi nào đều có thể tọa thiền, chứ không phải ngồi xếp bằng mới là ngồi. Dùng “*tâm*” tọa thiền, chứ không phải dùng thân thể. Cho nên thiền không phải là ngồi, không phải xếp bằng. Ngài Huệ Năng nói: “*Tâm niệm không khởi gọi là ‘tọa’, thấy tự tánh bên trong bất động gọi là ‘thiền’.*” Sư Phụ cũng dạy qua quý vị có thể nằm như thế nào để thiền, có phải không?

(*Thưa Sư Phụ, ý Sư Phụ nói tọa thiền với tư thế nào cũng được, điều quan trọng nhất là “tâm” phải thiền mới được?*) Đúng, nhưng cũng nên để chú ý lực ở chỗ mắt trí huệ, để tâm ở giữa trí huệ, và niệm các Phật hiệu mà Sư Phụ đã dạy. (*Vậy nếu nằm thì sao?*) Nằm cũng vậy, tâm vẫn để ở trung tâm đó, niệm pháp môn của Sư Phụ, nằm chỉ cải biến tư thế, chứ pháp môn không có biến đổi.

Vấn: *Tọa thiền nơi công cộng có sao không?*

Sư Phụ: Không có sao, ngồi trên xe buýt cũng có thể tọa thiền, đừng cho tư tưởng phân loạn. Không phải xếp bằng ngồi cho thẳng mới là tọa thiền. Đối với người mới học, ngồi xếp bằng dễ định hơn, và không dễ buồn ngủ. Nhưng đối với những người tu cao, bất cứ giờ nào, chốn nào, đều là tọa thiền, khi nói chuyện, họ cũng có thể tọa thiền, đi bộ cũng tọa thiền, cho nên nói rằng, đi, đứng, nằm, ngồi đều là thiền. Có lúc họ cũng thiền chung với học trò, để làm gương tốt cho học trò, nếu không họ không cần làm như vậy nữa. *(Mở mắt cũng có thể tọa thiền ư?)* Có thể. *(Thưa Sư Phụ, Sư Phụ nói đi bộ cũng có thể thiền, làm sao thiền?)* Nó thuộc về đẳng cấp cao hơn, sau này mới nói *(mọi người cười)*, hiện giờ quý vị chỉ cần học ngồi thiền cho đàng hoàng là được rồi.





Trên thế giới này, nếu mỗi người đều mang những vật dụng dư thừa,
chia sẻ cho người khác thì thế giới sẽ hòa bình, rất vui vẻ,
không còn chiến tranh và trộm cắp.

Trích từ bài thuyết giảng "Những Ai Có Thể Đến Thế Giới Cực Lạc?"



6

Lìa Đời Chỉ Còn Nhân Quả Mang Theo

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Cơ Long, Formosa**

Ngày 5 tháng 12 năm 1986

Hôm nay hơi đặc biệt, tụng Kinh tán Phật nhiều, mục đích để cảm tạ chư Phật Bồ Tát ban ân huệ cho gia đình người vắng sanh này. Đa số không biết sanh, lão, bệnh, tử như thế nào? Đời thời gian đến mới hiểu được. Lời Phật nói đều là chân thật. Phật nói đời là vô thường, sanh, lão, bệnh, tử là bốn thứ khổ lớn, không ai có thể thoát khỏi.

Nhưng bởi vì hàng ngày bận làm việc, không nhớ đến khổ, có nhớ đi nữa cũng chỉ qua chốc lát rồi quên rất mau. Vạn nhất có một ngày, người thân nhất, kính thương nhất rời khỏi thế gian, xa lìa chúng ta, lúc đó sẽ cảm thấy như thế nào?

Những cái khổ thông thường ít có in sâu vào trí óc con người, nên họ quên rất mau, rất có thể còn nói rằng: “Tu hành đâu có ích gì, khổ cực làm chi? Niệm Phật, tin Phật, nghe kinh, tọa thiền để

làm chi? Nhìn từ bề ngoài như không có ích dụng gì, nhưng trên thật tế rất hữu dụng.

Trên thế giới này, bất cứ mình có những gì, đến khi chết, đều phải để lại. Người mình thương nhất, tài sản, đồ vật quý báu, đều không đem theo được, lúc đó mình rất cô đơn, không có ai thích đi theo mình, nếu họ có thích đi chẳng nữa cũng không được. Nói thí dụ như vợ hay là chồng vắng sanh, mình có muốn chết theo cũng không được. Lại thí dụ như vợ chồng hay tình nhân, muốn gần gũi lâu dài mà tự sát cả hai, nhưng sau khi chết cũng không thể đi cùng một con đường, rất có thể một người đi Đông một người đi Tây, bởi vì nghiệp chướng của hai người khác nhau.

Nếu như mình tụng những bài tán Phật, cho dù cả trăm ngàn ức năm cũng tán thán không hết, vĩnh viễn không đủ để cảm tạ ân huệ của Phật Bồ Tát. Không có Phật Bồ Tát, chúng ta không thể lìa khỏi đau khổ, được vĩnh viễn tự tại hỷ lạc. Cho nên mình nói một hai câu, tụng một hai bài, lạy hai ba lạy đều không đủ, nhưng cũng là đủ, bởi vì Phật A Di Đà nói, nếu như tưởng nhớ Ngài, một niệm cũng đủ rồi, Ngài cũng sẽ đến rước.

Nhưng nhiều người niệm Phật mấy chục năm, khi vắng sanh, không nhất định đều có Phật đến rước, rất có thể bởi vì trình độ tưởng nhớ không đủ, hay là không thể câu thông được với Phật. Thông thường mình niệm danh hiệu của Ngài, tán thán danh hiệu của Ngài, nhưng nếu như không câu thông được với lực lượng của Ngài, rất có thể Ngài sẽ không đến rước.

Trong số các học trò đã thọ pháp này, có mấy người đã vắng sanh, khi họ vắng sanh, nhất định được Phật Bồ Tát đến rước. Khi truyền pháp, Sư Phụ có cho quý vị hay, quý vị sau này nhất định có thể vắng sanh Tịnh Độ, coi tình trạng lâm chung của những người đệ tử đã vắng sanh, thì sẽ rõ là chuyện thật. Nếu mình nghe nói còn có thể nghi ngờ, còn biết sự thật thì không còn nghi ngờ gì nữa. Biết được khác với nghe nói, biết được cũng khác với tin, mình có thể tin đến 99%, nhưng mình nhận biết được 100%.

Nghe Phật nói trong kinh, nếu như mình niệm Phật A Di Đà, lay Phật, tin Phật v.v..., sau khi lìa đời sẽ vĩnh viễn không còn trở lại, vĩnh viễn ở chung với Phật. Mình nghe Phật nói như vậy thì tin, nhưng không thể nào bằng tự mình đích thân biết Ngài đến tiếp dẫn. Nếu như biết được Phật đến tiếp rước, lòng tin của mình sẽ cương quyết, chân thành hơn, và càng cảm kích Phật. Lòng tin của mình sẽ càng ngày càng kiên cố.

Tại Đài Bắc có một người được Sư Phụ truyền Tâm Ấn, cách hai tuần sau Sư Phụ qua Đức và thêm hai tuần nữa thì người đó vãng sanh. Lúc đó Sư Phụ không có ở Formosa, nhưng khi người đó vãng sanh, thấy Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đến rước, người này còn tỉnh táo nói với người nhà: *“Bồ Tát đến, Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đến.”* Nói xong rồi mới an lạc lìa đời, không có cảm thấy đau khổ chút nào.

Cho nên trong quá trình sanh, lão, bệnh, tử, có lẽ sanh, lão là khổ, bệnh lại càng khổ hơn, nhưng *“tử”* không nhất định là khổ, mình có thể tránh cái đau khổ của tử. Nếu như chúng ta câu thông được với Phật Bồ Tát, chúng ta có thể vui vẻ mà đi, khi lìa đời mà được Phật Bồ Tát bảo hộ, chết cũng như ngủ một giấc rồi tỉnh dậy vậy, không có một chút đau khổ và còn sung sướng hơn khi còn ở trên cõi trần.

Người được truyền Tâm Ấn đã có chuẩn bị, chuẩn bị cái gì? Bởi vì lúc truyền pháp, Sư Phụ đã dùng phương pháp, giải trừ nghiệp chướng bó buộc, cho nên nói *“nhất thiết vi tâm tạo,”* vì là *“nhất thiết vi tâm tạo”* nên mới dùng tâm sửa tâm, chứ không thể dùng ngôn ngữ để nói.

Cho nên lúc truyền pháp, Sư Phụ không nói chuyện, trước khi truyền pháp Sư Phụ còn nói chút ít cho quý vị rõ, nhưng đến khi truyền pháp, thì hoàn toàn không dùng ngôn ngữ, vì Sư Phụ không có tâm, tâm của Sư Phụ ở đâu cũng có. Sư Phụ sống chung với Phật Bồ Tát, nhưng không phải ở cõi đời. Xác thân này cũng không phải là Sư Phụ. Vốn không có Sư Phụ, *“có”* là bởi vì quý

vị thấy được, cho nên nói là “*có*”, còn “*không*” vì vốn vô hình tướng. Nhưng nếu dùng ngôn ngữ để nói, thì gọi là dùng “*tâm truyền tâm*”.

“*Tâm*” vốn cũng không có, nhưng cũng không thể nói không có, nếu như không có, vậy thì truyền pháp gì? Nhưng pháp này cũng không cách nào nói ra được, nó là “*không tướng*”. Pháp này cũng không phải là pháp của Sư Phụ. Nó là pháp vĩnh viễn tồn tại, là pháp của Phật Bồ Tát, là pháp của đại sư. Lực lượng này cũng không phải là lực lượng của Sư Phụ, là lực lượng của Thập Phương Tam Thế Chư Phật Bồ Tát, xuyên qua thân của Sư Phụ, để truyền lực lượng này cho chúng sanh. Như máy khâu thanh, khâu thứ âm thanh này trước rồi mới phát ra cho thính giả nghe.

Nếu như có người nói rằng có loại lực lượng này, đó chưa chắc là sự thật. Không có một người nào có lực lượng lớn như vậy, nó không phải là lực lượng của cá nhân. Nhưng khi một người tu hành đến đẳng cấp nào đó, phàm ngã biến thành không, không có ta, không có người, lúc đó mình trở thành ông tiếp nối của chư Phật, chư Bồ Tát, dung hòa với lực lượng của Phật Bồ Tát, đến lúc đó mình muốn gì có đó, muốn cứu ai cũng được, muốn tiêu trừ nghiệp chướng của nhóm người nào cũng được, không cần cầu nguyện hay phải nghĩ đến cầu những gì, hề có một niệm là có thể thực hiện, sau cùng cho đến một niệm cũng không có. Độ người, nhưng không có người được độ, không có ý niệm độ người, cái gì cũng không, nhưng cái gì cũng có.

Những người đó mình nói là họ đã đắc đạo hay là thành Phật, thành đại sư v.v..., đều được hết. Nhưng tự họ không có nghĩ gì hết, họ không có cho rằng họ là đại sư, không có nghĩ gì cả, hoàn toàn không có quan niệm “*ngã*”, nếu như mình gài gài những người đó, sẽ được nhiều phước báu bởi vì những người đó đã không còn “*tự ngã*”, họ hòa đồng một thể với Phật Bồ Tát, hoàn toàn không có quan niệm của “*cá nhân*”.

Nhưng trên thế giới này, họ vẫn là một con người, nhìn họ như là con người thường, nói chuyện cũng như con người thường, cũng ăn cơm, làm việc như người thường, nhưng họ không còn “*ý thức*”, linh hồn cũng không có, họ không phải là một “*cá nhân*”, họ không có ở một nơi nào nhưng họ cũng có ở khắp mọi nơi, bất luận nơi nào, chỉ cần mình nhớ đến, họ liền xuất hiện. Việc đó không thể dùng ngôn ngữ nói rõ được, bởi vì Sư Phụ sợ quý vị hiểu lầm, cho nên mới nói một chút, không hiểu quý vị có thể hiểu được cách nói của Sư Phụ hay không, bởi vì dùng ngôn ngữ thật không nói ra được, muốn nói ra cũng không dễ.

Mỗi người đều có quá nhiều nghiệp chướng, nếu không có lực lượng của Phật Bồ Tát giúp đỡ, không thể giải thoát, cũng không thể đi lên. Đương nhiên mình nên nương vào sức mình, nhưng phải thọ pháp rồi, mới có thể nhờ vào sức của mình, còn chưa được truyền Tâm Ấn, khó mà nương vào sức lực của mình được. Bởi vì mỗi kiếp làm người, đã có nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp thời quá khứ đợi mình, và đời này còn gánh định nghiệp trên vai, và những nghiệp chướng hiện tiền nữa.

Nghiệp chướng là hậu quả mà mình làm sai, cho nên gọi là nghiệp chướng hay là nhân quả. Nhân quả không tốt, bị tâm của chúng ta thâm vào, bị máy chụp hình bên trong của chúng ta chụp vào, sau này không thể chối cãi mình không có làm, bởi vì bất cứ chúng ta làm gì đều bị chụp vào, thâm vào. Máy thâm âm nhân tạo đôi khi còn có trục trặc, thâm không được hay là bị hư, nhưng bộ máy thâm âm bên trong mình không có bị sơ hở, cho nên mình không cách nào chối được.

Mỗi lần một người sanh ra, mang theo nhân quả xấu hoặc tốt mà đời đời kiếp kiếp đã trồng, gọi là nghiệp chướng. “*Nghiệp chướng quá khứ*” này bám sát bên sau, rồi còn “*định nghiệp*” trên vai, còn có nghiệp chướng hiện tiền, cho nên không rời được. Đợi đến lúc nào mình mới có thể hoàn toàn trả hết được những nghiệp chướng này? Đây thật vĩnh viễn không cách nào trả hết

được. Cho nên phải có Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới Ta Bà độ mình, giúp đỡ mình, cứu mình lên trên, còn không mình sẽ vĩnh viễn bị dính cứng vào đó.

Lẽ dĩ nhiên chỗ nào cũng có Phật Bồ Tát, nhưng mình tìm không thấy, bởi vì mắt thịt nhìn có hạn, chỉ có thể nhìn từ đây đến kia, như vậy đã là xa lắm rồi, ngay cả viễn vọng kính cũng không thấy được Phật Bồ Tát, Phật Bồ Tát ở trước mặt chúng ta cũng không thể biết được. Mỗi lần có ai cầu Phật Bồ Tát, các Ngài đều đến, rất có thể họ hóa thành những hình tướng khác, không nhất định có dáng dấp như tượng Quán Âm này, nhưng dáng này cũng là một trong những hóa thân của Phật Bồ Tát.

Nhưng khi Phật Bồ Tát hóa thân đến, có người không hiểu được, về nhà còn phàn nàn, ta thành tâm cầu nguyện như vậy, sao Phật Bồ Tát không đến? Có, các Ngài đến mấy lần, nhưng mình không biết được cũng không thấy được, bởi vì mình cứ mong đợi Quán Thế Âm Bồ Tát xuất hiện như hình tướng mình đã mong ước. Y phục và tóc Ngài phải như thế nào, nếu như Ngài không xuất hiện hình dáng như vậy, thì mình không nhận được. Nhưng chúng ta quên rằng, Quán Thế Âm Bồ Tát là *“ba mươi hai ứng biến trần xá”*, Phật Thích Ca Mâu Ni có *“trăm ngàn ức hóa thân”*, Phật A Di Đà có thể *“quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệt vô biên”*, thành ra mỗi vị Bồ Tát, mỗi vị Phật không nhất định có dáng giống như hình vẽ, Ngài có thể hóa thân thành dáng rất bình thường.

Trong phẩm Phổ Môn có nói, *“Nếu như nên dùng tỳ kheo, tỳ kheo ni để độ chúng sanh, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ biến hóa thành tỳ kheo, tỳ kheo ni đến độ, nếu như dùng Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di để độ, Ngài sẽ biến hóa thành Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đến độ. Nếu dùng quan lớn đến độ, Ngài sẽ biến hóa thành quan lớn đến độ, Ngài cũng biến hóa thành nô lệ hay là rông, trời, Bà La Môn v.v... đến hóa độ chúng sanh.”* Cho nên mình không có cách nào biết được ai là ngoại đạo? Ai là nội đạo? Hễ người nào giúp

mình khai ngộ, cho dù đáng đáp họ như thế nào, đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Muốn cầu đạo, điều quan trọng nhất là đừng phê bình người, tâm nên cởi mở. Tâm phải mở rộng, đừng có quá chấp trước, đừng có phê bình, đừng có đứng một bên nói: *“Tôi không muốn học, bởi vì họ là Bà La Môn, bởi vì người đó là người tại gia, tôi không nghe lời của người này, bởi vì người này là tỳ kheo ni, tôi nhất định theo tỳ kheo để học, bởi vì công đức của tỳ kheo ni không bằng tỳ kheo v.v...”*

Không phải Phật Bồ Tát không đến giúp đỡ, vấn đề là tại vì tâm của mình quá chấp trước, quá hẹp hòi, người phàm mình không hiểu được ai là ai, mình cứ có một thứ thành kiến, cho rằng Sư Phụ phải có dáng như vậy, Bồ Tát phải có dáng như thế nọ, cá tính của Bồ Tát phải như thế kia, nói chuyện nên ngọt như mật, như vậy mới là Bồ Tát. Đó chỉ là thành kiến của phàm phu, trên thực tế rất có thể không phải như vậy.

Cho nên mình nên *“theo pháp đừng có theo người”*, mình đến cầu pháp là cầu pháp môn, cầu pháp lý, cho nên đừng coi vào vấn đề của cá nhân. Phật Bồ Tát đến thế giới Ta Bà dạy người không dễ, các Ngài phải dùng rất nhiều phương tiện, có lúc cần phải dùng giáo pháp nhu hòa để cổ vũ và để cho người ta có lòng tin, đôi khi phải dùng phương pháp nghiêm khắc để cho người ta thức tỉnh.

Bởi vì nghiệp chướng của mỗi người không như nhau, nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp của mình rất nhiều, Sư Phụ thường nói: *“Nghiệp chướng vốn là không”*, nhưng mình còn chưa đạt đến đẳng cấp đó, hơn nữa số người, còn chưa phải là A La Hán hay Bồ Tát, cũng không phải là Phật, cho nên không thể hiểu rõ mình không có nghiệp chướng, không chừng quý vị tin lời Sư Phụ nói, nhưng tâm của quý vị còn chưa đủ đơn thuần, còn chưa tin đến 100%, cho nên khi lìa khỏi thế giới này, sẽ bị nghiệp lực của nghiệp chướng kéo xuống, kéo đến cảnh giới thấp, kéo đến chỗ

đau khổ. Phật Bồ Tát luôn phóng hào quang để cứu chúng sanh lên, nhưng bởi họ bị lực lượng của nghiệp chướng kéo xuống, cho nên không thể tiếp được lực lượng của Phật Bồ Tát.

Mật tông của Phật giáo có một quyển sách gọi là “*Trung Âm Đắc Độ*” (*Liên Hoa Sinh Đại Sĩ sở viết*), trong sách Ngài nói đến, khi con người vãng sanh, có thể nhìn thấy được rất nhiều ánh sáng, màu trắng, màu tím, màu đỏ, màu kim, màu xanh v.v... Ánh sáng cực sáng là hào quang của Phật. Ánh sáng nhu hòa hơn và dịu mắt hơn là của A-tu-la, ngạ quỷ, địa ngục, thân người. Nhưng bởi vì mình không biết, cho nên khi vãng sanh thấy ánh sáng và màu sắc nhu hòa nào đó, mình liền chạy vào, chạy vào rồi là tiêu. Lập tức sanh làm người, làm A-tu-la, làm ngạ quỷ, làm súc sanh, không thể thăng thiên, thăng Tây Phương.

Bởi vì mình chưa đủ dũng cảm kiên định, muốn gần gũi Phật không dễ. Bởi vì lực lượng của thân thể còn chưa đủ, chịu không nổi loại hào quang cực sáng, lực lượng cực lớn này. Phật quang không chừng làm cho mắt khó chịu, nhưng ánh sáng này có lực lượng giải thoát, tiếp dẫn vong linh đến nơi tịnh độ vĩnh viễn hỷ lạc.

Nhưng đa số người, khi vãng sanh đều ở trong trạng thái hôn mê, không biết gì hết, bởi vì tiền sanh không có tu hành, không tịnh hóa ý thức của mình, không tịnh hóa tinh thần của mình, cho nên khi vãng sanh không biết nên làm sao? Không có sự chỉ dẫn của Sư Phụ, không được Phật quang tiếp dẫn, linh hồn sẽ không biết đi đâu. Thấy nơi nào dễ chịu thì đi đại vào đó.

Con người ưa thích sự dễ chịu, ở trên thế giới này cũng vậy, thấy chỗ lộng lẫy thì thích đến xem, thích ở nhà cửa thoải mái, ngủ giường lớn và êm, ăn món ăn ngon. Khi chết rồi cũng vậy, thấy nơi nào dễ chịu liền chạy vào, nhưng nơi dễ chịu không hẳn là nơi tốt nhất. Khi mình vãng sanh, Phật Bồ Tát đều phóng hào quang đến tiếp, nhưng người phạm tội không nổi, cho nên không thể đi, chứ không phải Phật Bồ Tát thấy chúng ta nghiệp

chương sâu dày, mà không đến tiếp rước. Thật ra có đến rước, cũng có hóa thân đến, nhưng vong hồn không thấy được. Phật Bồ Tát có phóng hào quang đến nhưng họ chịu không nổi.

Cho nên khi người còn ở tại thế thì phải nên tu hành. Thân khẩu ý đều phải tu, nếu như không tu cả ba, khi vãng sanh vẫn bị nghiệp chướng kéo xuống. Nói thí dụ “*miệng*” của chúng ta tu rất tốt, khi sống không phê bình làm hại người khác, không tranh luận cãi lộn, như vậy miệng của mình tịnh hóa, không có khẩu nghiệp, khi vãng sanh, khỏi bị nghiệp lực của khẩu kéo xuống. Còn tu ý, ý cũng rất thanh tịnh, không nghĩ chuyện xấu, cũng không muốn tổn hại người khác v.v..., như vậy “*ý*” cũng coi như tịnh hóa. Miệng và ý đều rất tốt, nhưng thân vẫn chưa tốt, sao lại nói rằng chưa tốt?

Nói thí dụ mình ăn rất nhiều thịt, uống nhiều rượu, cho nên thân không có sạch, tuy rằng thân không sạch, Phật cũng không màng, vẫn phóng hào quang cứu chúng ta, nhưng khi ta vãng sanh, sẽ có nhiều bệnh khổ, uống rượu quá nhiều, rất có thể bị say sẩm, không có thông minh, trong kinh Phật có nói, người uống rượu, trong đời này sẽ có nhiều khổ sở, đau bệnh, và đời sau tái luân hồi, sẽ biến thành ngu dốt không thông minh, ảnh hưởng đó không chỉ có một đời, mà còn bị nhiều đời. Cho nên trong giới luật có định Phật tử không được uống rượu. Còn về chuyện ăn thịt thì Phật Thích Ca Mâu Ni nói rất rõ trong Kinh Lăng Già, bởi vì ăn thịt có nhiều nghiệp chướng, hậu quả rất xấu, cho nên Ngài cấm đệ tử vĩnh viễn không được ăn thịt. Ngoài ra trong Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Phạm Võng, cũng có nói đến vấn đề không được ăn thịt, và các kinh điển khác cũng có nói đến chút ít. Riêng Kinh Lăng Già và Kinh Lăng Nghiêm nói về vấn đề đó rõ nhất.

Phật Bồ Tát không có lo mình ăn mặn hay chay, hay là có bao nhiêu nghiệp chướng. Nhưng nếu như chỉ tu khẩu và ý, mà không tu thân, nghiệp chướng vẫn kéo mình xuống, nó sẽ ảnh hưởng

đến đẳng cấp lúc vãng sanh, bởi vì đó là pháp luật tự nhiên. Ăn thịt, uống rượu sẽ hủy hoại thân thể của chúng ta, đừng nói đến tinh thần hay linh hồn, riêng chỉ có thân này đã ảnh hưởng rất nhiều rồi.

Lúc một người vãng sanh, thân thể vì bệnh khó chịu mà lăn qua, trở lại, thân lay động thì “ý” khó mà tập trung. Đôi khi một người bị bệnh, tinh thần cũng bị ảnh hưởng, có khi chỉ đau đầu chút ít mà đầu óc đã khó sử dụng một cách linh hoạt, cũng không thể tập trung tư tưởng. Hay là khi thân thể có những bệnh đau khác, tinh thần sút kém, nói chuyện cũng không rành mạch, bởi vì tư tưởng bị phân tán, một mặt nghĩ đến làm ăn, một mặt nghĩ đến bệnh đau của mình. Cho nên thân khẩu ý đều phải tu, và phải tu cho rõ ràng.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ Phật có nói, từ Thượng Phẩm Thượng Sanh đến Hạ Phẩm Hạ Sanh, cách nhau rất là xa, tuy rằng đều là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, nhưng khoảng cách thật là xa. Trong kinh còn có nói, người Hạ Phẩm Hạ Sanh, không phải vãng sanh liền được gặp Phật, phải ở trong liên hoa, trải qua rất lâu, rất lâu, đợi đến hoa nở, mới có thể thấy Phật, thấy thì cũng chỉ thấy được đại biểu của Phật mà thôi, vẫn còn chưa thấy được Phật chánh thật. Thượng Phẩm Thượng Sanh có thể thấy được liền Phật A Di Đà. Cho nên Hạ Phẩm Hạ Sanh khác xa với Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Còn những người không tu hành, nương vào phước báu của người tu hành, hay là nương vào lực lượng của một vị Sư Phụ, cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Đương nhiên vị Thầy này cần phải có phước báu rất lớn mới được, nhưng phước đó không bảo đảm được đẳng cấp Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Thượng Sanh dành cho những người nỗ lực cực khổ tu hành, bằng không thì không công bình. Nếu như nghiệp chướng của một người rất nhiều, mà còn được Hạ Phẩm Hạ Sanh, như vậy đã tốt lắm rồi, đối với người không có tu hành cần có phước

báu như vậy mới được, nói thí dụ đã gặp được vị đại sư, hay là thân nhân của người đó có tu hành, mới có thể sanh Tây Phương, còn không sẽ xuống địa ngục, hay là sanh làm người trở lại để chịu khổ, hay là đầu thai làm súc sanh v.v... Cho nên được sanh Tây Phương đã quá tốt đẹp rồi.

Vì sao mình phải đạt Thượng Phẩm Thượng Sanh? Vì sao phải nghe lời Sư Phụ, nỗ lực tu hành? Bởi vì muốn Thượng Phẩm Thượng Sanh, Thượng Phẩm Thượng Sanh có ích gì? Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng có thể đến Tây Phương, vì sao nhất định phải được Thượng Phẩm Thượng Sanh? Bởi vì Thượng Phẩm Thượng Sanh mở trí huệ, có thể lập tức thành Phật.

Tu hành không phải vì cá nhân, nếu như chỉ vì cá nhân, Sư Phụ có thể đem đệ tử lên không thành vấn đề, cho dù một người chỉ là đẳng cấp Hạ Phẩm Hạ Sanh, nhưng đã đủ an toàn rồi, bởi vì từ nay về sau không còn đau khổ, không còn sanh, lão, bệnh, tử, có thể ở trên đó tu từ từ, một ngàn năm, một vạn năm, một ức năm cũng không sao. Cho nên nếu như một mình mình muốn lên, không thành vấn đề, đừng có quá nôn nóng.

Nhưng có người nôn nóng lắm, gấp rút lắm, bởi vì họ còn muốn độ những chúng sanh khác, họ thấy chúng sanh đau khổ, cũng như chính họ đau khổ vậy, cho nên họ rất nhiệt thành cố công tu hành, bởi vì muốn mau được thành Phật. Thành Phật là gì? Là thành Đại Sư (*Phạn Văn là Buddha*), thành người đại tri thức, ý nghĩa của Buddha là người đại khai ngộ. Thành Đại Sư rồi, không những độ bà con của mình mà thôi, còn có thể độ rất nhiều chúng sanh khác.

Cho nên thọ pháp rồi, năm đời được siêu sanh, vì sao? Có câu “*một người đắc đạo, chín tộc siêu sanh*”, cho nên Sư Phụ bảo cho quý vị biết, thọ pháp này rồi, năm đời siêu sanh, đừng nói chỉ cho quá xa, nhưng tối thiểu là năm đời, còn thêm bốn đời nữa tùy trình độ tu hành của cá nhân mà định, nhưng ít nhất là năm đời được siêu sanh.

Nếu như một người thọ pháp này năm đời được siêu sanh, vậy quý vị có thể tưởng tượng sau khi thành Phật sẽ như thế nào? Mỗi một người theo Sư Phụ thọ pháp, sẽ có năm đời siêu sanh, từ đó mình biết rằng thành Đại Sư có thể độ rất nhiều người, độ một người cũng như độ năm đời của người đó siêu sanh cùng một lượt, độ như vậy mới được nhiều. Cho nên mình trở thành Thầy có phải tốt hơn không? Còn có thể độ được nhiều người khác, không nhất định chỉ có thân nhân của mình mà thôi, lẫn kẻ địch và người ghét mình nhất mình cũng phải độ, đó là chuyện thật.

Thí dụ có người phỉ báng Sư Phụ, ghét Sư Phụ rất nhiều, người đó càng ghét Sư Phụ, càng có phước báu, bởi vì khi ghét Sư Phụ phải nghĩ đến Sư Phụ, không có tưởng niệm Sư Phụ làm sao hận Sư Phụ được? Bởi vì khi người này nghĩ đến Sư Phụ, càng nghĩ càng ghét, thì phước báu của Sư Phụ sẽ chạy qua họ.

Cho nên độ chúng sanh có rất nhiều cách, có người phải để cho họ ghét, nếu không họ không thể nghĩ đến mình, họ tưởng niệm đến mình thì họ sẽ được phước báu. Bởi vì khi mình thương người nào, tâm, đầu óc, thân thể của mình đều hoàn toàn nghĩ đến người đó. Còn hận ghét người khác cũng như nhau, có phải không? Tâm, đầu óc của mình cũng hoàn toàn hận ghét người này, luôn cả lúc ăn cơm, ngủ nghỉ cũng không quên được, có phải vậy không? Vậy thì tốt lắm, để họ ghét, khi họ ghét, họ sẽ tưởng niệm, tưởng niệm cũng có phước báu, khi mình tưởng niệm người nào đó, mình sẽ bị họ ảnh hưởng.

Phật Bồ Tát có rất nhiều phương tiện để độ người, có người nên để họ thương mình, có người thì nên để họ ghét mình, có người nên khuyến khích họ, dùng lời nói nhẹ nhàng cảm hóa họ, có người thì phải trách mắng, để cho họ ghét mình, để cho họ tưởng nhớ mình, nhớ đến đau thấu tim, như vậy họ cũng có phước báu. Cho nên Phật Bồ Tát không nhất định phải ngọt ngào, có câu “*y pháp bất y nhân*” là nghĩa đó.

Nhưng mà người phạm phu không biết được ai là ai, nếu như chúng ta nghe nói có người có thể đem chúng ta đến Tây Phương, và họ có năng lực, có thể cho mình thấy một ít ấn chứng. Có được chút ấn chứng, mới có thể tin, còn không làm sao chúng mình có phải là thật hay không. Bởi vì người phạm phu không cách nào biết được ai là ai. Nhưng mình có thể cảm giác, dùng trực giác và giác quan thứ sáu, mình cũng có thể cảm giác được người nào đặc biệt hơn, người nào chẳng có gì hết, có phải không? Nghe nội dung nói chuyện của người đó, và nhìn người đó, mình sẽ hiểu biết một chút.

Hiện giờ những người nghe kinh tại đây, có thể có người không thích giáo lý Sư Phụ đã nói, bởi vì Sư Phụ nói không thể ăn thịt uống rượu. Trên thực tế, đó không phải là Sư Phụ nói, mà là Phật nói, trong Kinh Lăng Già, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Phạm Võng đều có nói. Người Trung Hoa có câu: *“Nhất nhất chúng sanh vô sát nghiệp, hà thời thế giới động đao binh?”* Sư Phụ không hiểu câu này do ai nói, nhưng rất có tiếng.

Cho nên đừng có ghét Sư Phụ, đừng có hận Sư Phụ, bởi vì Sư Phụ nói sự thật, không được ăn thịt, uống rượu..., xưa nay những thánh nhân đều nói như nhau, Phật Thích Ca Mâu Ni, Giê-su Ki-tô, và các vị thánh hiền của Trung Hoa và thế giới đều nói như nhau, chứ không phải hôm nay Sư Phụ mới nói như vậy, Sư Phụ chỉ học theo tiền nhân, học theo thánh hiền thời cổ. Sư Phụ đọc kinh điển của cổ nhân, rồi nói cho quý vị nghe, nếu như quý vị không ưa cũng không sao, nhưng đừng có để trong tâm.

Sư Phụ cũng thích làm như người ta, dạy quý vị hưởng thụ thế gian, bảo quý vị ăn thịt, uống rượu cũng được, khi vãng sanh cũng có Phật A Di Đà đến rước, Sư Phụ rất muốn nói như vậy để cho Sư Phụ càng nhẹ gánh càng không có phiền phức. Như quý vị đã biết, đa số mọi người trên thế gian này đều thích hưởng thụ chơi bời, ưa ăn cá, ăn thịt, uống rượu. Bây giờ giáo lý của Sư Phụ khác hẳn với sự ưa thích của họ, họ đương nhiên không ưa thích.

Nhưng người tu hành cần phải nói sự thật, và tự mình cần phải tu hành trước, phải “*tu lý thực hành*”, tự mình tu hành có thành tựu rồi, mới có thể giúp những người khác tu hành, nếu không làm như vậy, xuất gia cũng vô ích.

Người tu hành nên biết bao nhiêu thì nói bấy nhiêu, người khác có thích nghe hay không cũng không sao, nhưng cần phải nói sự thật. Đó là trách nhiệm cần có của người tu hành. Nếu như Sư Phụ muốn để cho người ta ưa thích, Sư Phụ cần gì dùng phương pháp nghiêm ngặt như vậy! Cũng như nhiều pháp sư, họ có đệ tử nhiều, bởi vì họ không có nói gì, họ rất đơn giản, mình muốn làm gì thì làm, họ không có dạy những gì đặc biệt, như vậy ít phiền phức hơn, mà lại được đại chúng hoan nghênh, có lẽ công việc của họ là như vậy, nhưng công việc của Sư Phụ hơi đặc biệt, Sư Phụ nên nói sự thật.

Trong Thánh Kinh cũng có nói, đừng có ở chung với người ăn thịt, uống rượu, đừng có ăn đồ hôi tanh, nhưng nhiều người đọc Thánh Kinh chỉ coi lướt qua, chứ không có hiểu rõ ý kinh. Phật tử chúng ta cũng vậy, đọc kinh Phật cũng không cần hiểu thấu giáo lý, nhiều người tu hành thích coi Kinh Lăng Nghiêm, bởi vì Kinh Lăng Nghiêm đối với người tu hành là một bộ kinh điển tối quan trọng. Nhưng khi đọc cũng chỉ đọc phớt qua, không chịu tìm hiểu vì sao Phật dạy đừng có ăn thịt? Đọc đến chỗ đó thì lật qua rất mau.

Bồ Đề Đạt Ma truyền Kinh Lăng Già đến Trung Quốc, bộ kinh đó cũng rất là quan trọng, nhiều người thích Bồ Đề Đạt Ma, cho rằng Ngài là vị thiền sư thứ nhất của Trung Hoa, nổi tiếng và quan trọng nhất. Nhưng khi đọc Kinh Lăng Già, lại coi sơ qua, những chương nói đến ăn thịt đều không coi, không hiểu trong đó nói gì? Họ mượn cớ nói cổ văn thâm sâu khó hiểu, thật ra cổ văn cũng không khó, sao lại không hiểu nổi? Nguyên do là họ không muốn tìm hiểu, không muốn nhớ. Cho nên Sư Phụ cứ thức tỉnh quý vị, nói cho quý vị nghe thêm lần nữa, kỳ thật chẳng có gì

mới để nói, hoàn toàn đều là giáo lý của thời xưa, đều là lời Phật, Chúa, Huệ Năng, Bồ Đề Đạt Ma, Bách Trượng v.v... đều có nói qua, mỗi vị Đại Sư đều nói y như nhau, bây giờ Sư Phụ đáng lẽ không cần lập lại những lời đó. Những gì đáng nói, các Ngài đều nói hết rồi, nhưng chúng sanh là như vậy, coi qua mấy lần cũng không muốn hiểu, cũng không muốn ghi nhớ, nghe qua mấy lần cũng quên mất, cho nên phải nói đi nói lại, đều nói những chuyện như nhau mà thôi.

Nếu như là người không tu hành, làm gì cũng không sao. Nhưng nếu như một người muốn trở thành toàn thiện, toàn mỹ, thì phải tu theo pháp môn của Chúa, Phật, chư Bồ Tát, tu giống như pháp môn của các vị Đại Sư thời xưa. Trong Pháp Bửu Đàn Kinh Ngài Huệ Năng cũng có nói, Ngài sống chung với thợ săn, nhưng Ngài cũng không ăn thịt, nếu như họ hỏi Ngài sao không ăn thịt? Ngài đáp rằng bụng không được tốt, không thể tiêu hóa.

Quý vị biết rằng Lục Tổ Huệ Năng là một vị thiên sư nổi danh nhất ở Trung Quốc, Ngài đã hoàn toàn chứng ngộ, nhưng Ngài còn chưa dám ăn thịt. Cho nên quý vị đừng có nói với Sư Phụ ăn thịt cũng tu hành được, tu cái gì? Những người đó đẳng cấp của họ không bằng một góc của Ngài Huệ Năng, làm sao dám ăn thịt? Ngài Huệ Năng lúc đó đã được y bát, đã là Lục Tổ, là vị đại sư có lực lượng lớn, nhưng Ngài còn chưa dám “không chấp trước” cũng không dám nói ăn thịt và không ăn thịt đều như nhau.

Nhưng có người nói với Sư Phụ, tu hành đừng có chấp trước, ăn thịt và không ăn thịt đều như nhau, nhất thiết vi tâm tạo. Tự họ còn chưa hiểu tâm là gì? Tâm làm sao mà tạo? Lục Tổ Huệ Năng không dám nói, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi cũng không dám nói, người thường chúng ta làm sao dám nói tu hành đừng có chấp trước vào ăn thịt hay không ăn thịt, nhất thiết vi tâm tạo. Nhiều người nói với Sư Phụ như vậy, Sư Phụ cũng không biết nói gì hơn, chỉ cười mà bỏ qua. Trong lòng học trò của Sư Phụ cũng có người như vậy, cho rằng mình tu cao lắm

rồi, ngạo tư tưởng của Sư Phụ quá cổ hủ, không theo kịp thời đại, quá chấp trước.

Chúng sanh thật quá kiêu ngạo, đó là nghiệp chướng phiền phức nhất, là chướng ngại lớn nhất. Một người có thể phạm nhiều tội, từng giết hại nhiều chúng sanh, vô minh rất nặng, làm nhiều điều xấu, nhưng chỉ cần có một niệm sám hối, hay là nảy sanh một ý niệm tu hành, Phật Bồ Tát cũng có thể dùng lực lượng lớn giúp đỡ, rửa sạch nghiệp chướng cho kẻ đó!

Khi truyền pháp, nghiệp chướng dồn dập của những kiếp trước đều được rửa sạch, không để lại một chút nào, Sư Phụ có thể bảo đảm trước Phật Bồ Tát. Nhưng những người có thái độ kiêu ngạo thì không thể rửa sạch họ được. Vì nếu có thái độ kiêu ngạo, cũng như đã xây trước một bức tường dày, bao vây mình lại, sức gia trì của Phật Bồ Tát rất khó xuyên qua bức tường đó.

Có nhiều người tu hành chưa được bao nhiêu, đã hô hào tu hành đừng có chấp trước, hồi nào đến giờ chưa từng nghe có vị Đại Sư nào dám nói như vậy. Nếu như Phật Thích Ca Mâu Ni không dám ăn thịt, mình cũng đừng nên ăn. Nếu như mình cũng tự xưng là Phật tử, thì nên tuân theo lời của Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đã nói rất rõ ràng trong kinh điển, *“Bất cứ trong trường hợp nào, mình cũng không nên ăn thịt, nếu như muốn học tập lòng từ bi của Bồ Tát, muốn thành Phật, vậy bất cứ nơi nào, thời gian nào đều đừng nên ăn thịt.”* Phật đã nói rõ như vậy, mình làm sao còn dám ăn thịt?

Luôn cả Ngài Lục Tổ Huệ Năng, sống trong hoàn cảnh khổ khó đó, còn chưa dám ăn thịt, mình còn dám ăn? Nhưng có số người mới tu chưa bao lâu, đã không hồ thẹn kêu gọi *“đừng có chấp trước”*. Nếu như người đó là vô minh, không có tu hành, hoàn toàn không hiểu biết giáo lý của Phật, họ nói như vậy, còn có thể thông cảm. Còn đồng tu đã là người tu hành, đã có Sư Phụ dạy họ đạo lý, rốt cuộc họ còn nói như vậy, thật là đáng thương xót, họ quá kiêu ngạo, ngã của họ quá lớn.

Chấp trước một chút không đến nỗi gì, không “*chấp trước*” thì mệt lắm. Tự mình còn chưa hiểu nhân quả là gì, còn chưa đạt đến đẳng cấp siêu nhân quả, tốt nhất nên chấp trước một chút, tuân theo kinh điển mà tu hành. Không nhất định phải nghe theo lời Sư Phụ, có lẽ sợ có chỗ Sư Phụ nói sai, nhưng quý vị có thể tự coi kinh điển, coi Phật, Chúa và các Thánh Nhân nói những gì, thì theo đó mà tu.

Đừng có bao giờ phung phí thân người, mất thân này rồi, không biết sau này mình còn làm người nữa không? Làm thiên nhân cũng không có tốt gì, tuy rằng Thiên Đàng còn vui sướng hơn thế gian này, nhưng không dễ tu hành, bởi vì không có thân người không thể tu, sau này hưởng hết phước trời, rơi trở lại thế giới này, rất có thể làm côn trùng.

Trước kia ở Ấn Độ, có một vị Sư Phụ, có một ngày đi với người đệ tử đến một chỗ, thấy một con trùng, mới nói với người đệ tử: “*Con trùng này mới từ trời Đế Thích rớt xuống.*” Mới đây, vị này còn ở trên trời Đế Thích, bây giờ rớt xuống, đã biến thành trùng, như vậy đâu có gì tốt? Trong kinh điển có nói, người trời lúc hết phước báu, sẽ hiện năm tướng suy rất đau khổ. Người phạm lúc chết cũng rất đau khổ, và không biết sẽ tái sanh nơi nào.

Đa số người phạm đều là vô minh, và nghiệp chướng rất sâu nặng, chết rồi liền đọa địa ngục, không còn thời gian để chờ đợi, nếu như nghiệp chướng không nhiều, vong linh sẽ ngao du khắp nơi, không biết sẽ đầu thai về đâu? Đợi cho thời gian luân hồi đến, mới có thể tái sanh, nhưng chưa biết sẽ làm người, loài vật hay quỷ? Người có phước báu lớn, khi vãng sanh liền có Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn, nhưng trường hợp đó rất ít có, nếu như dễ được Phật Bồ Tát đến tiếp dẫn như vậy, thì số người trên thế giới này, sẽ không đến nỗi càng lúc càng nhiều.

Vì sao người niệm Phật càng lúc càng nhiều, nhưng loài người cũng càng lúc càng nhiều? Bởi vì họ niệm không đúng

cách, dùng tâm không thật, cho nên không thể câu thông với Phật. Cũng như hai bên đều có máy điện thoại, nhưng nếu thiếu dây điện thoại, hai người tự nói tự nghe, không được câu thông với nhau cũng vô ích.

Cho nên mình làm người, có được thân người rất là quý báu. Phật Thích Ca Mâu Ni từng nói một thí dụ, như một con rùa mù trong biển sâu, trăm năm mới xuất hiện một lần, đồng thời có một tấm ván cũng trăm năm mới trôi qua đó một lần, con rùa mù này khi nổi lên mặt nước, phải đút đầu qua cái lỗ của tấm ván, thật khó được như vậy.

Làm người quý báu, khó được như thế là bởi vì chỉ có kiếp người mới có thể thành Phật, làm thiên nhân hay các chúng sanh khác không thể thành Phật, cho nên kiếp người mới quý báu. Nếu như biết cách tu hành, mọi người đều có thể thành Phật, còn nếu không biết cách tu hành, cho dù có được thân người, cũng không làm được gì.

Mỗi một kiếp tái sanh làm người, là có cơ hội để thành Phật, nhưng mỗi kiếp làm người, đều có nhiều chướng ngại, bị nhiều ma chướng bao bọc, không còn cách nhận biết thiện trí thức, không thể nào biết được pháp môn cao, cho nên không thể giải thoát, thật là điều đáng tiếc. Cho dù gặp được thiện trí thức, mình vẫn còn có thái độ hoài nghi, không thể tin liền sự chỉ dẫn của thiện trí thức, nhưng mà gặp được thiện trí thức còn hơn là không gặp, bởi vì dù sao, mình cũng bị sự ảnh hưởng của vị thiện trí thức, được hạt giống phước điền, bất cứ lúc nào, chỉ cần mình muốn dùng hạt giống này, lập tức có thể dùng nó.

Nhưng vị thiện trí thức cũng chỉ ban cho hạt giống của phước điền mà thôi. Mình muốn dùng nó, thì phải trồng nó, hàng ngày tưới nước chăm sóc. Giống như người ta cho mình hạt cam, nếu mình không trồng nó, không tưới nước, nó cũng không mọc lên, còn nếu như mình trồng nó xuống bất cứ lúc nào, và tưới nước thì nó sẽ mọc lớn lên.

Cũng như gặp được thiện trí thức vậy, bất cần mình có tin hay là hoài nghi, họ cũng gia trì mình, cho mình một chút đẳng cấp, lực lượng và phước báu của họ. Thí dụ như mình đến tiệm bán dầu thơm, tuy không có mua cái gì, nhưng người bán hàng cũng cho mình thoa thử một tí dầu thơm, mình cũng có một chút mùi thơm. Lại thí dụ mình đứng gần thác nước, tuy không có tắm, nhưng cũng bị hơi nước phun lên thân, mình cũng cảm thấy hơi nước dính thân, rất mát mẻ.

Vấn: *Cảnh giới của thiên nhân khác với cảnh giới của Phật như thế nào?*

Sư Phụ: Khác nhau rất xa. Cảnh giới của thiên nhân là đi rồi còn trở lại, không trở lại cũng không được. Cảnh giới của Phật là đi rồi không còn trở lại, muốn trở lại hay không trở lại cũng được. Còn thiên nhân là khi thời gian đến, phước báu cạn, nhất định phải trở lại thế giới Ta Bà. Cảnh giới của trời nằm trong tam giới, còn trong sanh tử luân hồi. Cảnh giới của Phật là ngoài Tam Giới, ngoài sanh tử luân hồi, điều đó khác biệt rất lớn.

Hồi nãy Sư Phụ có nói người trên cõi Trời Đế Thích còn rơi xuống làm côn trùng, nhưng Phật Bồ Tát không bị như vậy. Sau khi chứng được cảnh giới Phật rồi, vĩnh viễn không còn trở lại thế giới Ta Bà này, vĩnh viễn không còn sanh tử luân hồi, trừ phi tự phát nguyện muốn trở về độ chúng sanh, bởi vì không nhẫn tâm nhìn thấy chúng sanh còn chìm đắm trong thế giới đau khổ này, cho nên phát nguyện trở lại độ họ.

Vấn: *Giáo lý của Phật nói nhân quả bất diệt, nhưng Sư Phụ nói, ở cảnh giới cao hơn không có nghiệp chướng, nhưng nghiệp chướng vốn là không và nhân quả bất diệt, hai thứ này thuộc về từng thứ khác nhau, con còn hiểu rất ít về phương diện đó, xin Sư Phụ nói nhiều hơn một chút, cho chúng con hiểu thêm.*

Sư Phụ: Có nhân thì có quả, không thể nói rằng không có, trên thế giới này nên có nhân, cũng nên có quả, không có nhân quả thì không có thế giới này. Nhân quả rất dễ thấy được, trên thế giới này nếu như mình đánh người ta một cái, trong tâm của họ nhất định cũng muốn đánh mình, rất có thể họ đánh trở lại thật, đó là nhân quả. Mình trồng hạt giống cam, nhất định sẽ mọc lên cây cam, đó là nhân quả. Mình đi làm việc sẽ có tiền, không có làm việc sẽ chết đói, đó cũng là nhân quả, sẽ thấy được rất mau. Mình kết hôn thì nhất định có một người vợ, không có kết hôn thì không có vợ, rất là đơn giản. Mình làm việc xấu tức sẽ bị ảnh hưởng xấu, làm việc tốt nhất định được ảnh hưởng tốt, đó cũng là nhân quả, tất cả đều là nhân quả trong Tam Giới.

Chúng ta vốn không phải là phàm phu, không phải con người thường, bởi vì mình nhận định mình là con người thường, cho nên mới biến thành phàm phu, nếu như mình cứ nghĩ mình là phàm phu, sẽ vĩnh viễn không thành Phật. Nấu cát không thể thành cơm, cát là cát, cơm là cơm, khi hạt lúa còn chưa nấu thành cơm, nó như cát và cứng như đá, vô lại thô. Nhưng nếu như bỏ vỏ đi, biến thành gạo, liền có thể nấu thành cơm. Nhưng đối với cát, mình có làm cách nào, chiên, xào, nấu, nghiền thành bột, nó vẫn là cát, không thể thành gạo được. Ngược trở lại gạo có nấu như thế nào, hay làm thành bột cũng ăn được, còn cát có nghiền thành bột cũng không ăn được.

Cho nên Sư Phụ dù nói cho quý vị hay, quý vị vốn là Phật, quý vị cũng không tin, bởi vì thời gian chưa đến, tự mình còn chưa đạt đến đẳng cấp có thể tin mình vốn là Phật. Nhưng Sư Phụ có thể khẳng định bảo cho quý vị rõ, quý vị không phải là phàm phu, thân thể này cũng không có tầm thường như vậy, thân này rất ảo diệu, mình không cần châm xăng, cũng không cần làm gì, nhưng tim của mình cứ nhảy mãi, lưỡi của mình hàng ngày có thể thưởng thức mọi thứ khẩu vị, nó có thể phân biệt chua, ngọt,

đắng, cay, mặn, lạnh, nóng, v.v... Sao mà những công cụ này lại có nhiều công năng ảo diệu như vậy? Bởi vì mình có trí huệ, có Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Nhưng cũng có những người ở trên thế giới này không tu hành, ít phước báu, không sao dùng được nhiều Ma Ha Ba La Mật như vậy, họ chỉ có thể dùng một ít bộ phận kém cỏi mà thôi.

Đại trí huệ là cái gì cũng biết, đều minh bạch. Hiện giờ nhân loại tuy chỉ dùng một phần nhỏ của trí huệ, nhưng đã biết nhiều như vậy, có thể tạo hòa tiền để lên cung trăng, có thể phóng vệ tinh bay vòng địa cầu, có thể tạo máy bay, xe lửa, tàu lặn, có thể làm được nhiều việc. Trí huệ nhỏ và phổ thông như thế đã phát huy được công dụng lớn như vậy, nếu như tìm được trí huệ cao tốt, bản lai của mình, thì sẽ như thế nào?

Quý vị không phải là phàm phu, quý vị đến từ nơi Phật, từ đại trí, đại huệ. Khi đến đây rồi, bị nhiều vật chướng ngại, không thể sử dụng. Giống như con người ở trên đất liền, nếu như xuống nước, không thể phát huy toàn thể năng lực, bởi vì nước không phải là chỗ ở của mình, cho nên phải dùng những công cụ hỗ trợ, phải mang ống hơi, mặc áo bơi người nhái, v.v... Tuy rằng mình có đầy đủ công cụ, nhưng năng lực của mình còn rất có hạn, không có thể vận dụng lanh lẹ như trên đất liền.

Giống như vậy, chúng ta từ chỗ Phật đến thế giới Ta Bà, là để tìm kinh nghiệm, học kinh nghiệm, để nhận thức tự mình còn có những tiềm năng, những lực lượng gì. Đúng vậy, mình là Phật tại cõi Phật, nhưng không có ích gì, vì mình không biết mình có năng lực gì, có lực lượng gì, có trí huệ gì vì đất Phật không cần dùng những năng lực ấy. Cho nên phải làm người, làm trời, làm loài vật, làm tám vạn bốn ngàn thứ chúng sanh để học thể nghiệm, mục đích là để hiểu trí huệ của mình bao lớn, có thể vận dụng như thế nào. Còn không mình làm người để làm gì? Làm người rất có ích, làm người rồi, sau đó trở về làm Phật, lúc ấy là Phật có đại trí huệ, là Phật biết tự nhận biết.

Xưa kia làm Phật, không biết ai là Phật, không biết mình là người như thế nào? Phật vốn là không, không lại không đi, như như bất động, nhưng làm qua người rồi thì biết được, cho nên có lợi ích hơn. Mình từ Phật đến, sau này vẫn làm Phật, từ kiếp người mà thành Phật, mới chính hiểu được Phật. Vốn đã là Phật rồi, nếu không mình tu như thế nào cũng không thành Phật được, bởi vì nầu cát không thể thành cơm. Quý vị vốn không phải là phàm phu, cho nên mới nói là không có nghiệp chướng, Phật làm sao có nghiệp chướng? Nghiệp chướng này đều là giả. Cũng như mình diễn kịch, mình vốn là người thường, nhưng khi diễn kịch, phải đóng các vai trò, làm người tốt, người xấu, làm vua, làm cướp, làm người tù, làm người lương thiện, làm người xuất gia v.v..., bất cứ đóng vai nào, cũng chỉ là diễn kịch, diễn hết tuồng, mình lại trở thành con người thường như trước.

Những diễn viên giỏi, họ diễn như là thật, khi họ diễn tuồng, họ cảm giác họ là vua, là người xấu. Mình thường khen họ diễn rất xuất thần. Khi diễn viên hoàn toàn chăm chú diễn kịch, thì có nhân quả, vì họ giết người, cho nên có người đến báo thù, hay là người tình thương yêu người khác, cho nên đôi phương mới cảm thấy đau khổ, sẽ khóc v.v... Đôi khi phải diễn vai trò tranh đấu với người khác, người diễn viên sẽ cảm thấy tức giận thật. Khi diễn vai trò bị hành hạ, sẽ cảm giác rất đau khổ. Nhưng khi họ tỉnh dậy, vào sau khán đài uống nước, họ biết họ quá chuyên say trong kịch. Cái ta của thực tế, không phải là người trong kịch, cho nên họ bắt tay với kẻ địch trong tuồng, chúc với nhau diễn tuồng thành công. Nhưng khi trở về khán đài, cảm giác của họ lại biến đổi, phải bắt đầu diễn cho thật giỏi.

Chúng ta cũng vậy, khi làm người, quên mất mình là Phật, cũng không biết Phật Tánh là gì? Nếu như biết được, sẽ khó làm người, cũng không biết nên làm cách nào. Làm người cũng như nằm mộng vậy, vốn không có vấn đề khó nghĩ gì, nhận thức được mình là việc rất vui, rất hỷ lạc. Nhưng làm người vẫn phải

làm, cũng như minh tinh đóng tuồng, khi ở sau khán đài nói chuyện với đối thủ, họ hoàn toàn quên mất vai trò trên khán đài, nhưng chỉ vài phút sau khi trở lại khán đài, vẫn phải diễn như thật và giống như trước.

Chúng ta cũng vậy, vốn không có việc gì phải lo lắng. Minh tu hành là để đánh thức mình, muốn hiểu biết mình là ai, không để mình chấp trước vai trò trong tuồng, đừng có quá bi thương, đau khổ, nhìn coi mình là ai, mình chỉ diễn kịch mà thôi, chứ không phải là người đó, không phải là ông A, ông B, ông C, v.v..., đều không phải hết, mình không phải là phàm phu, cho nên phải cố gắng tu hành, cho đến khi nào nhận biết mình không phải là phàm phu, lúc đó sẽ rất vui mừng, làm gì cũng được, không có đau khổ gì hết.

Nhưng hiểu biết thì hiểu biết, còn người thì nên làm tròn trách nhiệm của mình, không nên vì biết được mình là Phật, rồi không chịu làm tròn trách nhiệm làm người. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật rồi, Ngài vẫn la rầy đệ tử, vì Ngài phải làm tròn trách nhiệm của vị Thầy, Ngài đâu có thể nói, tất cả chúng sanh đều là Phật, họ muốn tu gì thì tu. Đâu có. Ngài quả trách A Nan, La Hầu La, và các đệ khác, Ngài la rầy rất nhiều. Có một hôm Ngài cảm thấy rất buồn, bởi vì nói gì đệ tử đều không nghe, cho nên Ngài mới bỏ đi, một mình lên núi ở ba tháng, ban đầu các đệ tử đều tìm không ra, sau này tìm được Ngài mới thỉnh Ngài về, Ngài mới nhận lời, nếu không Ngài không muốn về. Thành Phật là thành Phật, nhưng hễ làm người, sống trên thế gian này thì phải có trách nhiệm. Làm thầy thì phải làm thầy giỏi, không thể nói ta đã là Phật, ta có thể không lo việc gì nữa. Trách nhiệm của mình là gì thì tiếp tục làm cho trọn. Phải làm con hiếu, chồng tốt, vợ hiền, thầy giỏi. Người nào đáng la thì la, đáng an ủi thì an ủi, không khác với lúc còn chưa thành Phật. Riêng chỉ biết rõ trong tâm, biết được mình là ai. Biết được bản tính của mình rồi, thì không còn quá chấp trước vào trách nhiệm của mình. Sau khi

khai ngộ, bề ngoài giống như lúc còn chưa khai ngộ, lúc còn chưa khai ngộ làm gì, bây giờ cũng vẫn làm như vậy, nhưng khi làm, trong tâm rất rõ ràng, họ làm trọn trách nhiệm, nhưng không có chấp trước vào trách nhiệm.

Vấn: *Phật pháp thường nói, người tu hành phải bỏ hết tất cả. Làm sao mới gọi là bỏ hết tất cả? Làm cách nào mới có thể bỏ hết tất cả? Làm sao giải thích tất cả là một, một là tất cả?*

Sư Phụ: Vị này hỏi như vậy để làm gì? *(Tôi đọc được từ một quyển kinh)*. Loại sách này là để cho người tu hành cao, người không có chấp trước coi, bởi vì kinh điển không phải chỗ nào cũng viết cho người thường coi. Các vị đại sư giảng kinh có lúc đặc biệt nói cho một hay hai người trong hàng đệ tử nghe, hay là nói cho một đoàn đệ tử cùng một đẳng cấp nghe, nhưng người đời sau đọc kinh từ đầu đọc đến cuối vẫn không biết trong kinh nói những gì, là vì mình chưa đạt được đẳng cấp đó. Bây giờ Sư Phụ có trả lời vấn đề đó cũng vô ích, đợi cho người hỏi đạt đến đẳng cấp đó, lúc đó Sư Phụ cũng nói như trong kinh, bảo người hỏi bỏ hết, để xuống hết, nhưng bây giờ vấn đề này không có liên quan gì đến người hỏi.

Hai câu hỏi đó, Sư Phụ đều không muốn trả lời, bởi vì Sư Phụ không hiểu đối với quý vị có ích gì không? Sư Phụ nghĩ, dùng ngôn ngữ tranh luận không có ích dụng lắm. Đôi khi học trò tọa thiền, có thể có một chút thể nghiệm gì đó, đến một đẳng cấp nào đó, mới đi hỏi vị Sư Phụ: *“Sư Phụ, con thấy cái này, thấy cái nọ, con cảm giác như vậy, cảm giác như kia, đó là ý nghĩa gì? Đẳng cấp gì?”* Cứ hỏi mãi, rất có lẽ lúc đó Sư Phụ của vị đó mới nói: *“Bỏ hết xuống, chưa có gì đâu. Tất cả vốn đều là không, cho nên đừng có chấp trước, đừng có ngưng tại đó, cái đó chưa có gì đâu, phải bỏ hết tất cả.”*

Bởi vì có nhiều người có được một chút thể nghiệm, sẽ chấp vào cảnh giới đó, không thể lên cao hơn nữa, mình có rất nhiều

thể nghiệm, thể nghiệm nhỏ chưa có gì, bỏ qua đi, bỏ hết tất cả là nghĩa đó.

Câu hỏi thứ hai, một là tất cả, tất cả là một, ý nó cũng như nhất thiết vì tâm tạo. Đứng ngay đẳng cấp thấp nhất mà trả lời, là tự mình tu hành rồi sẽ tự biết. Đứng vào đẳng cấp cao một chút mà đáp, tu hành cao rồi, cái gì cũng biết. Sư Phụ không thích nói rõ vấn đề này, vì sợ quý vị không hiểu, sẽ hiểu lầm.

Chúng sanh từ đại trí huệ mà ra, từ cái đại “nhất” này mà ra, cho nên nói vạn pháp là một, một là vạn pháp. Thượng Đế, hay gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác này là địa vị tối cao. Thiên Chúa giáo gọi là Thượng Đế, bởi vì lúc đó, dân nơi đó tin Thượng Đế, nếu không dùng danh từ Thượng Đế, họ không nghe lời của Giê-su Ki-tô. Nếu như Sư Phụ dạy tín đồ của Thiên Chúa giáo, Sư Phụ cũng nên nói Thượng Đế, nói gì cũng được, chỉ cần lợi ích chúng sanh là được rồi, nếu họ đã không thích Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì Sư Phụ dùng Thượng Đế cũng được, đâu có gì không được? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tối cao, Phật vẫn còn chưa phải là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn Bồ Tát thì thấp hơn nữa, Bồ Tát cũng có nhiều cấp bậc, có cao có thấp, bởi vì quý vị không hiểu rõ. Kinh điển của Thiên Chúa giáo trong thời xưa đã bị sửa đổi rất nhiều, bị thiếu sót rất nhiều đạo lý hay, bởi vì đối với những người có đẳng cấp thấp, rất có thể Giê-su Ki-tô kể chuyện cho họ nghe. Nhưng đối với những người có đẳng cấp cao hơn, Giê-su Ki-tô cũng có giảng đạo lý cao, không phải chỉ kể chuyện nắn đất thành người mà thôi. Khai ngộ rồi, mình đọc Thánh Kinh hay là kinh Phật, trình độ hiểu biết khác hẳn hơn trước. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề này là cao nhất, mình phiên dịch là đẳng cấp tối cao, tối cao có phải là Thượng Đế không? Bên Thiên Chúa giáo, Thượng Đế là tượng trưng tối cao, nhưng Thượng Đế này không phải là một con người, vì tín đồ có tư tưởng sai lầm, đem Thượng Đế nhân

cách hóa, dùng ảo tưởng của họ, tạo ra Thượng Đế giống như họ suy nghĩ thuộc về cá nhân của họ.

Cho nên bây giờ mình mới nghe đến Thượng Đế, liền miễn cảm, bởi vì mình dùng cách nghĩ của mình tạo thứ Thượng Đế này, tự mình lập một hình dáng Thượng Đế. Thượng Đế không phải như hình dáng đó, Thượng Đế là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, là một lực lượng rất trung lập. Nó có thể tạo rất nhiều vật, và tạo toàn cõi vũ trụ, nhưng nó nhất tâm bất động, công việc của nó là tạo hóa mà thôi. Nó không lo mình tốt hay xấu, lúc nào mình trở về quê hương của nó, nó cũng không để ý. Nó biết rằng có một ngày nào đó mình sẽ trở về, mình có ý chí tự do, có thể tuyển chọn. Hôm nay, ngày mai, năm tới, trăm năm, ngàn năm, hay là trăm ngàn vạn năm về sau mới trở về cũng được. Con người có lực lượng rất lớn có thể tuyển chọn, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Chúng ta có thể một đời thành Phật.”* Nhưng không phải người nào cũng có thể một đời giải thoát, bởi vì tự mình không lựa chọn, có lẽ không gặp thiện tri thức, hay là tự mình không muốn về nhanh như vậy, vì còn rất nhiều người lưu luyến thế giới này, không có nghĩ đến phải về nhà, không muốn giải thoát, không muốn thành Phật, thích ở đây hưởng thụ thế giới này, đó cũng là tự mình lựa chọn, Thượng Đế không có nói ngày mai mình nên về hay là năm sau mình nên về. Thượng Đế rất là trung lập.

Mọi người đều có thể được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề này, nhưng có người không muốn, muốn hay là không muốn, thuộc về vấn đề của cá nhân, không phải vấn đề của Thượng Đế. Sau này tất cả mọi vật đều phải trở về *“nhất”*, nhưng không phải cùng về trong một ngày, có xa biệt, sớm muộn, mau hay chậm. Mình muốn lúc nào về cũng được. Cái *“nhất”* tuyệt đối trung lập này không có lo chuyện đó, bởi vì nó biết, từ nó mà ra, thì nhất định sẽ trở về với nó, cho nên nói *“một là tất cả, tất cả là một”*.

Vấn: *Sư Phụ, có phải mình đừng chấp trước vào tin Thiên Chúa giáo hay là tin Phật giáo?*

Sư Phụ: Đúng, rất đúng. Đừng có chấp trước, quý vị tin gì cũng được, mình đều từ lực lượng lớn này mà ra, mình gọi nó là Phật Tánh, Chánh Đẳng Chánh Giác, Thượng Đế hay là Đạo cũng được. Nó không màng, điều quan trọng là mình phải lo cho mình chừng nào trở về.





Người tu hành nên biết bao nhiêu thì nói bấy nhiêu, người khác
có thích nghe hay không cũng không sao, nhưng cần phải nói sự thật.
Đó là trách nhiệm căn cơ của người tu hành.

Trích từ bài thuyết giảng "Lìa Đời Chỉ Còn Nhân Quả Mang Theo"



7

Khai Ngộ Là Phật, Vô Minh Là Chúng Sinh

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa**

Ngày 1 tháng 12 năm 1986

Người khai ngộ nhìn tất cả chúng sanh đều là Phật, nếu như quý vị tu hành thật sự, có một ngày sẽ hiểu được đẳng cấp này, sẽ biết rằng tất cả chúng sanh đều là Phật, đều là Bồ Tát.

Không có Phật thì không có chúng sanh, không có chúng sanh thì không có Phật, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, ngoài điều đó ra, không biết nói thế nào bởi vì chúng sanh còn chưa hiểu được họ là Phật, cho nên Phật Bồ Tát phải hóa thân đến dạy, từ từ dạy họ, dẫn dắt họ cho đến khi nào họ biết được chính họ là Phật.

Chúng sanh vốn đã là Phật rồi, nếu biết được liền thành Phật, còn không thì vẫn là phàm phu, giữa Phật và phàm phu chỉ khác biệt ở chỗ biết được hay không biết được, Phật là chúng sanh biết được mình là Phật, chúng sanh là Phật không biết được điều này. Khác nhau ở chỗ đó.

Đối với Phật hay là người khai ngộ mà nói, cho đến người phi báng họ cũng là Phật, các Ngài không có một chút hận tâm nào, các Ngài vẫn có lòng thương, cũng gia trì cho họ, cũng cầu Phật Bồ Tát giúp cho những người này sớm khai ngộ. Cũng như nhà mình có nhiều trẻ con, đối với những đứa khoẻ mạnh mình cũng thương, lo lắng cho chúng nó, nhưng đối với đứa con bệnh hoạn, mình quan tâm, và chăm nom nó nhiều hơn một chút, thương nó nhiều hơn, có phải vậy không? Chúng nó đều là con hết, nhưng mình chăm sóc đứa có bệnh nhiều hơn.

Hiện giờ là đời mạt pháp, muốn dạy người không dễ, cho nên Sư Phụ nghĩ Ngài Hòa Thượng Quảng Khâm cũng không dạy gì nhiều là phải, Ngài chỉ bảo người ta niệm Phật, sau này có lẽ Sư Phụ cũng làm như vậy, chỉ dạy người ta niệm *“Nam Mô A Di Đà Phật”*. Bởi vì dạy pháp môn tối cao sẽ quá phiền phức. Hòa Thượng Quảng Khâm cũng từng nói: *“Người đời nay ‘đạo tâm’ rất nhỏ, không bằng một phần mười của người xưa.”* Sư Phụ cũng đồng ý điểm đó, đó là sự thật chứ không phải coi thường người thời nay.

Tại Formosa, trước kia có vài vị đại sư, họ cũng không dạy pháp môn nào cao thâm, Sư Phụ không hiểu họ có biết hay không, nhưng hình như không có ai dạy, cho nên ở Formosa, đa số chưa hiểu biết pháp môn cao thâm. Nếu như có người đến dạy pháp *“Vô Thượng Thâm Thâm Vi Diệu”* này thì khó khăn lắm, chúng sanh không dễ tiếp thụ. Cho dù ở thời xưa, có truyền pháp cũng là chuyện thần bí, pháp môn tối cao không phải dễ dàng như vậy, không phải người nào cũng có thể tìm được.

Cho nên người xưa cầu pháp, phải leo núi vượt sông đi tìm thầy, quý vị chắc đã nghe qua nhiều cốt truyện như vậy, muốn đi tìm Chân Sư phải trải qua bao nhiêu trở ngại, chịu bao nhiêu khổ đau mới tìm được. Tìm được rồi, còn phải sống chung bao nhiêu năm, chứ không phải gặp được Sư Phụ liền được thọ pháp, còn phải bị khảo một khoảng thời gian, cho đến khi vị thầy thấy

được rồi mới bắt đầu truyền pháp. Cho nên thời xưa không dễ cầu pháp.

Mình nghe nói Ngài Huệ Khả khi cầu pháp, quỳ trên tuyết, tuyết sâu đến đầu gối, nhưng Bồ Đề Đạt Ma không có để ý đến, trải qua ba ngày như vậy, cho đến khi Ngài Huệ Khả chặt cánh tay cúng dường Tam Bảo, lúc đó Bồ Đề Đạt Ma mới nhìn một cái, hỏi Ngài: *“Nhà ngươi muốn gì?”* Không phải Ngài Bồ Đề Đạt Ma không có lòng từ bi, mà vì Ngài thấy đạo tâm của con người thời đó mà thất vọng, đến nỗi vị quân vương Lương Võ Đế cũng chỉ tham nhân thiên phước báu mà thôi, không muốn cầu cứu cánh Niết Bàn.

Đa số người ở thời đó đều tham nhân thiên phước báu, xây cất chùa, cúng dường, tụng kinh, tranh luận ý nghĩa của kinh, nghe hiểu không? Tự họ không có tu hành, không có khai ngộ. Cho nên Ngài Bồ Đề Đạt Ma quay mặt vào vách đá chín năm, không nói chuyện, không dạy người. Không phải Ngài không có từ bi, không phải bởi vì Phật Bồ Tát đời đời kiếp kiếp thân bí như thế, không muốn dạy người pháp môn tối cao, mà là không thể nào dạy, muốn dạy người, nhưng chúng sanh không thể tiếp thụ, không thể nhẫn nhục, làm sao mà dạy?

Khi Sư Phụ đến Formosa cũng không muốn dạy người, nhưng sau này thấy có một số người rất chân thành, tối thiểu lúc đó như là rất chân thành, cho nên Sư Phụ cũng công khai nhiều một chút, nhưng mới có công khai có một chút đỉnh đã có phiền phức rồi, liền gặp lời thôi. Thứ nhất, họ hoài nghi, đâu mà có pháp môn tốt như vậy? Dễ học như vậy? Thứ hai, nếu như có thứ pháp môn đó, sao ở Formosa không có người dạy? Thứ ba, họ nói ở Formosa có nhiều cao tăng như vậy, sao không có người biết được pháp môn này?

Họ không thể tin Sư Phụ, không tin sau khi thọ pháp này năm đời được siêu sanh, tự mình cũng được giải thoát. Khi truyền pháp Sư Phụ sẽ cho quý vị hay sẽ có những thể nghiệm gì, là nhất

định sẽ có thể nghiệm đó, chứng minh những gì Sư Phụ đã nói là thật, hiểu chưa? Sư Phụ nói gì, nhất định sẽ có cái đó, nhưng vẫn có người không tin, chỉ tin kinh điển mà thôi, tin Phật Thích Ca Mâu Ni hai ngàn năm trăm năm trước, nhưng lại không biết được Ngài chính thật là ai.

Trong phẩm Phổ Môn có nói: “Người trì danh hiệu Quán Thế Âm, nếu vào lửa, lửa không thể đốt, nếu bị ngập, sẽ không mắc cạn, nhưng quý vị rất rõ, nếu như rơi vào lửa sẽ bị lửa đốt, vậy mà vẫn cứ tin, như vậy có phải là mê tín không?”

Nhưng Sư Phụ nói, theo Sư Phụ học pháp môn này sẽ có cảm ứng gì, có thể nghiệm nào, quý vị sẽ có thể nghiệm thật sự y như Sư Phụ từng nói, nhưng nếu như vẫn còn chưa tin lời của Sư Phụ, chỉ tin Quán Thế Âm Bồ Tát, tin kinh điển, không thể chứng minh, không thể có kết quả, như vậy Phật Bồ Tát làm sao giúp đỡ? Lời của Sư Phụ so với lời của phẩm Phổ Môn, cái nào chân thật hơn? Cái nào có liên ấn chứng? Liên có kết quả? Trong lòng quý vị đều rất rõ ràng.

Đa số người đều tin phẩm Phổ Môn, không tin Sư Phụ, cũng đành chịu thôi (*Học trò đáp: “Con tin Sư Phụ.”*) Sư Phụ biết vị này tin, Sư Phụ chỉ bất quá muốn nói cho quý vị nghe, Phật Bồ Tát không dễ dạy người, nghe hiểu không? Dạy họ nếu làm như vậy, sẽ có thể nghiệm, họ cũng không tin, vẫn cứ đi tin thứ kinh điển không thể có chứng minh, không thể có thể nghiệm. Đối với đại sư cũng có lòng phân biệt, phân biệt vị này là Đại Sư Âu Lạc, vị nọ là Đại Sư Trung Hoa. Vì sao Đại Sư Trung Hoa nhiều như vậy lại không có một người biết được pháp môn này? Cho nên đây nhất định là ngoại đạo.

Nhưng một mặt khác lại tin Phật Thích Ca Mâu Ni của Ấn Độ, tin người Ấn Độ thời hai ngàn năm trăm năm trước, chứ không tin Pháp Sư Âu Lạc hiện thời, chỉ vì vị này là người ngoại quốc, tin rằng Phật Thích Ca Mâu Ni xưa kia có thể biết được pháp môn này, nhưng hiện nay người Âu Lạc này không sao biết được, hình

như hai ngàn năm trăm năm nay chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni có thể biết được, những người khác không thể biết được, chỉ có Đại Sư Trung Hoa có thể biết được, nếu như Đại Sư Trung Hoa không biết được, thì Đại Sư Âu Lạc cũng không thể nào biết được (*mọi người cười*), có phải vậy không? Thật hết cách nói.

Có tâm phân biệt rất là mệt, Phật Bồ Tát không có tâm phân biệt, nhưng người phàm phu có, cho nên mới mệt. Phật Bồ Tát độ người không có để ý học vấn của người đó như thế nào, đẳng cấp như thế nào, và nghiệp chướng của người đó như thế nào. Các Ngài không có lo đến những thứ đó. Nhưng chúng sanh rất coi trọng mọi điều. Chúng sanh không có sợ nghiệp chướng của họ sâu nặng, họ chỉ lo vị Pháp Sư này dạy không đúng. Họ cũng quên rằng họ đối với giáo lý của Phật giáo cũng không hiểu được bao nhiêu, đẳng cấp tu hành của họ cũng không có gì, họ quên rằng họ vẫn là con người vô minh, lại đi phê bình pháp sư khác vô minh. Phê bình vị pháp sư này hình như không hiểu biết, bởi vì pháp sư này là người Âu Lạc, người Ấn Độ, bởi vì người này là tại gia, người xuất gia, bởi vì người này tự xuống tóc, hay là người khác giúp họ xuống tóc v.v..., những chuyện toàn không có liên quan đến khai ngộ gì hết.

Lúc Ngài Lục Tổ Huệ Năng lãnh y bát, Ngài vẫn là người tại gia, vẫn còn chưa xuống tóc, nhưng Ngũ Tổ đã truyền y bát cho Ngài, trải qua mười sáu năm sau, Ngài mới ra truyền pháp dạy người, rồi mới nhờ vị trụ trì của chùa Bảo Linh xuống tóc giùm, vì nếu không xuống tóc không thể chánh thức dạy người xuất gia, cho nên cần phải xuống tóc ngay, để trở thành pháp sư chánh thức. Do đó mình biết, nếu như cho rằng xuống tóc rồi mới khai ngộ thì không đúng.

Hôm nay học trò của Sư Phụ đọc lời khai thị của Hòa Thượng Quảng Khâm cho Sư Phụ nghe. Lời của Ngài cũng giống như lời của Sư Phụ. Ngài nói: *“Nếu như không biết tu hành, cho dù có xuất gia cũng rất đáng tiếc.”* Thật như vậy, nếu như không có tu

hành chân thật, xuất gia cũng không có ích, không hiểu “Đạo” vẫn là “ngoại đạo”. Chứ không phải nói Phật giáo là nội đạo, Thiên Chúa giáo là ngoại đạo, Sư Phụ đã nói nhiều lần rồi, các vị đại sư đều nói cùng một đạo lý, nhưng trình độ của mình phải đủ cao mới có thể nghe hiểu, trình độ thấp kém không thể hiểu biết, hiểu chưa?

Nếu như nói chỉ có xuất gia mới có thể tu hành, tại gia không tu được, vậy Đại Sư Duy Ma Cật từ đâu mà ra? Quý vị có biết Đại Sư Duy Ma Cật không? Ngài cũng là người tại gia. Nếu như cho rằng nữ chúng không thể thành Phật, không thể khai ngộ, vậy còn Long Nữ thì sao? Trong Kinh Pháp Hoa có ghi, Long Nữ tám tuổi thành Phật, Long Nữ là phái nữ, mới chỉ có tám tuổi mà thôi, mà cũng không phải là người, nhưng cũng có thể thành Phật.

Đa số người vốn cho rằng rồng không thể thành Phật, rồng và thiên nhân không thể thành Phật, chỉ có con người mới có thể thành Phật, chỉ có nam chúng mới có thể thành Phật, như vậy là sai lầm, không phải chỉ có Sư Phụ nói như vậy, Phật cũng nói như vậy. Nếu như chỉ có nam chúng mới có thể thành Phật, thì trong Kinh Pháp Hoa không có chuyện Long Nữ thành Phật. Huống chi trong Kinh Duy Ma Cật có nói: “*Không có nam, không có nữ*”. Thật như vậy, vốn không có nam, không có nữ, chỉ có Diện Mục Bản Lai, tức là Bát Nhã Ba La Mật.

Khi Ngài Lục Tổ Huệ Năng cầu pháp với Ngũ Tổ, Ngũ Tổ nói: “*Nhà ngươi là người Nam, làm sao thành Phật được? Lục Tổ đáp lời: “Người tuy chia Nam Bắc, nhưng Phật tánh không chia Nam Bắc*”. Cùng lý đó, mình cũng có thể nói con người có chia nam nữ, có chia Formosa, Âu Lạc, nhưng “*Phật tánh*” không có, nếu như còn chấp trước vào biệt tính quốc tịch, thì không thể tìm được Phật tánh, và không tìm được Chân Sư. Bởi vì Sư Phụ không phải là xác thân này, cuối cùng mình cũng phải lìa khỏi Sư Phụ này, tự làm thầy của mình, tìm chủ nhân của mình, sau cùng biến thành Sư Phụ của mình.

Cho nên Sư Phụ chỉ là người truyền tin, cũng như người phát thư vậy, chỉ phụ trách đưa thư đến, mình có thể không đọc thư liền, nhưng có lẽ mình sẽ rót nước trà, và đem chút ít bánh cho người phát thư, và không chừng còn cho họ một ít tiền uống nước, rồi cảm ơn họ, nhưng mà cuối cùng người phát thư này cũng phải đi, tiếp tục làm tiếp công việc, bởi vì còn có những thư khác cần phải đưa cho những người khác.

Thư của mình, mình phải tự coi, bởi vì lá thư này không có liên hệ gì đến người phát thư. Đại sư có thể trao thư cho mình, nhưng vấn đề là họ có dạy cho mình những gì hay không? Những gì họ dạy có phù hợp với kinh điển hay không? Lúc họ truyền pháp cho mình, thể nghiệm của mình có giống như những gì được kể trên kinh điển không? Điều đó mới là quan trọng. Đừng có lo người đó là nam hay nữ, người miền Nam hay miền Bắc, hay là người của nước nào, những điều này đều không quan trọng.

Nếu như mình đọc quá nhiều kinh điển, sau này sẽ biến thành chấp trước, không hiểu đọc kinh điển để làm gì. Kinh điển vốn như bản đồ, để cho mình tham khảo mà thôi, nó cho mình biết, các vị đại sư thời xưa và các vị Bồ Tát cùng các vị tu hành, khi họ khai ngộ có những thể nghiệm gì? Mà mình bây giờ có thể có những thể nghiệm như họ hay không? Đó mới là mục đích đọc kinh của mình. Còn không, đọc kinh không có phước báu. Sư Phụ nói thật cho quý vị nghe, một tí phước báu cũng không có, đừng có tưởng rằng đọc kinh tụng kinh là có phước báu, phước báu gì?

Bồ Đề Đạt Ma nói ăn bánh vẽ không có no, cho nên Ngài muốn đốt Kinh Niết Bàn, bởi vì có một người, ngày ngày tụng Kinh Niết Bàn, Bồ Đề Đạt Ma mới hỏi: *“Ông tụng cái này để làm chi? Ông ta đáp: “Tụng cái này sẽ giải thoát, có phước báu rất lớn.”* Lúc đó Bồ Đề Đạt Ma trả lời: *“Đưa kinh cho ta, ta phải đốt nó, ăn bánh vẽ làm sao mà no.”*

Cho nên đọc kinh không có ích gì nhiều, đọc kinh điển, mỗi ngày tụng Nam Mô..., tự mình lại không hiểu biết ý nghĩa của kinh điển, “ý tướng” của mình cũng loạn bậy loạn bạ, không có ích gì, còn chưa bằng một bộ máy khâu bằng, máy khâu bằng tụng còn hay hơn mình, nó không có khi nào tụng sai.

Nhưng mình đôi khi bên tụng, bên ngủ, cho nên tụng sai, vốn nên tụng câu kế tiếp, rốt cuộc không biết “ý tướng” chạy đi đâu, như vậy rất có thể có phiền phức, nếu như Phật Bồ Tát thấy mình tụng kinh tụng loạn bậy, rất có thể nổi giận, có thể không? (*Mọi người cười*). Có lẽ họ không giận, nhưng Long Thần Hộ Pháp sẽ giận, Thiên Long Bát Bộ thấy mình không cẩn thận, không tôn kính, không biết chừng làm khó mình, phước báu chưa có đã có rắc rối, nhưng đó là chuyện nhỏ, kệ nó.

Cho nên mình tu hành đừng nên có tâm phân biệt, nếu như mình không hiểu được điểm đó, thì kinh điển chỉ đem phiền phức lại cho mình mà thôi, khiến cho mình biến thành chấp trước. Cho nên kinh điển không có ích dụng chi, tâm phân biệt này không có giúp ích cho mình, mình bỏ được nó càng sớm càng mau thành Phật, sau này luôn cả “Phật” này cũng không có, làm sao còn có chúng sanh? Chúng sanh đều không có, làm gì còn có nam nữ? Làm sao còn có cái phân biệt Âu Lạc, Formosa?

“Không có” không phải là không, mà là không có cái “phân biệt”, không có tư tưởng về quốc tịch, nghe hiểu chứ? Mỗi một nước cũng như một căn nhà lầu, nói ví dụ, quý vị ở trong nhà có hai tầng, lầu trên lầu dưới đều là nhà của quý vị, quý vị thường chạy lên chạy xuống, cũng không có cảm giác gì đặc biệt, không có cảm thấy được gì, không phải nói không có nhà lầu này, cũng không thể nói lầu trên và lầu dưới như nhau, lầu trên là lầu trên, lầu dưới là lầu dưới, chỉ là không có cảm giác có gì đặc biệt, nghe hiểu chứ?

Bây giờ Sư Phụ muốn nói đạo lý cao hơn một chút, bởi vì quý vị có lẽ sẽ hỏi, vì sao “Phật là chúng sanh? Chúng sanh

là Phật?” Vì sao chúng sanh không thể thành Phật liền? Vì sao chúng sanh vẫn là chúng sanh, Phật vẫn là Phật? Có phải có câu hỏi này trong đầu không? Vì sao mỗi vị đại sư đều nói, chúng sanh vốn là Phật, vốn đã là Phật rồi, vậy đến thế giới Ta Bà này làm chúng sanh để làm gì? Bởi vì cần phải đến thế giới này học tập, sau này mới có thể nhận thức được mình là “*Phật*”, đó là chuyện rất ảo diệu, nhưng sự thật là như vậy.

Bởi vì nếu như mình ở nơi sáng chói, sanh ra và trưởng thành đều tại nơi đó, mình sẽ không hiểu được sáng chói là gì, nghe hiểu không? Nếu như có một ngày, mình cần phải đi đến chỗ đen tối, nơi đó không có đèn, không có ánh sáng, sau khi trở về mình mới biết, thì ra chỗ mình ở có ánh sáng, ở bên ngoài rất đen tối.

Cũng thế, nếu như không có chúng sanh, mình không hiểu được Phật là gì? Cho nên cần phải đến thế giới này học tập “*thành Phật*”, học tập nhận thức mình là Phật, học tập địa vị của mình, Phật tánh của mình, lực lượng của mình, diện mục bản lai của mình, nghe hiểu không? Mình vốn là Phật rồi, không phải đợi đến mình tu hành mới có thể thành Phật, nếu như mình vốn không phải là Phật, có tu hành cũng không thể thành Phật, Phật không phải là tu hành mà có thể thành được.

Phật là Phật, là bất khả tư nghị, không thể dùng lực lượng, năng lực, khổ cực, cầu nguyện, tụng lớn tiếng, tu hành khổ hạnh, thái độ tôn kính khiêm nhường, hay là sống có đạo đức của mình là có thể đắc, không được đâu. Mình làm người vốn nên làm một con người có đạo đức, nên cố gắng tu hành, nhưng không phải bởi vì cố gắng tu hành mới thành Phật, không phải như vậy. Phật đã là Phật, không thể dùng những gì để tạo Phật, nhưng nếu không dùng thứ pháp môn đó cũng không thể thành Phật, bởi vì thứ pháp môn đó, thứ đạo lý đó, là để cho mình huấn luyện lấy mình, cho mình tỉnh dậy, biết mình là Phật.

Có một câu chuyện, có một vị phú ông có hai đứa con trai, cả hai đều rất giàu có, đều rất thông minh, đều xuất thân từ nhà giàu

và sanh trưởng trong cùng một hoàn cảnh. Có một ngày người em muốn ra ngoài để học đời, cho nên mới xin cha cho ra ngoài đời tiếp xúc để học hỏi.

Người em ra ngoài, nếm rất nhiều khổ sở, sống rất cực nhọc, nhưng cũng học được rất nhiều đạo lý, cho nên càng lúc càng thông minh, càng lúc càng có trí huệ, càng có tài, biết được nhiều chuyện và cũng phát giác được tiềm lực của mình, mà xưa kia chưa từng biết đến mình có những năng lực này. Bởi vì sống ở nhà giàu, có đầy tớ, công nhân, người hầu cận phục thị, không cần động tay chút nào, muốn gì có đó, cho nên không biết đến mình có năng lực gì. Ra ngoài đời học, mới phát giác, thì ra mình có nhiều năng lực và thiên tài bất khả tư nghị như vậy, càng lúc càng vui và hiểu rõ mình có nhiều lực lượng như vậy.

Nhưng khi còn chưa biết được lý này, người em cũng đụng chạm nhiều khó khăn, cuối cùng gặp tình trạng rất khổ sở, bị bệnh, lại không tiền, không có người chăm sóc, không có nhà ở, cái gì cũng không có, bị người ta bạc đãi, lúc đó mới nhớ nhà quá. Cho nên nghĩ rằng, mình phải về nhà, không nên sống thảm thương như vậy. Sống trong nhà rất là tốt, tại sao mình phải ra ngoài, biến thành ăn mày? Lúc đó người em rất nhớ nhà, muốn trở về sống chung với gia đình. Sau khi về đến nhà, người cha rất hoan nghênh, rất vui mừng, liền cho mặc áo quần tốt nhất và cho ăn thức ngon nhất, cho đồ tốt đẹp nhất, còn mở tiệc hoan nghênh người em trở về.

Lúc đó người con trưởng hỏi ông cha: *“Còn phần con thì sao? Sao không mở tiệc cho con? Sao không đặc biệt cho con? Con vẫn rất trung thành như xưa, con đâu có bỏ nhà ra đi? Hàng ngày con gần gũi, thờ phụng cha, nhưng cha không cho con gì hết.”* Người cha mới bảo: *“Đồ của ta đều là của người hết.”*

Bây giờ tình trạng sinh sống của hai anh em cũng y như trước, người em không có mất mát gì, vẫn giàu sang như cũ, nhưng có cái gì tốt hơn người anh? Quý vị có biết không? Là có

thêm kinh nghiệm sinh sống, có thêm trí huệ thông minh, có thêm tài năng, tự giác ngộ được nhiều hơn, biết rõ mình nhiều hơn xưa, có phải không?

Nhưng người anh, cũng như con cung, tuy sống rất thoải mái, nhưng đâu có ích gì đâu, có phải không? Tuy cũng giàu như nhau, nhưng thiếu cái trí huệ mà người em đã có. Bây giờ người em hiểu rõ rất nhiều việc, càng biết mình hiểu mình nhiều hơn, càng độc lập, còn người anh thì không biết gì hết.

Phật vốn đã là Phật rồi, điều đó không sai, nhưng cần phải làm chúng sanh rồi sau này mới biết mình là Phật. Chưa có làm qua chúng sanh thì không biết được. Nghe hiểu không? Chưa từng làm qua chúng sanh, tuy cũng là Phật, nhưng không có ích nhiều. Cho nên mình mới đến thế giới Ta Bà, học làm người, học tập những tình trạng đau khổ gian cực, sau này mới biết được “*hỷ lạc*” là gì? Học tập tình trạng “*vô thường*”, sau này mới biết được “*vĩnh viễn*” là gì? Học tập thế giới “*vô minh*” này, sau đó mới biết được “*trí huệ*” là gì?

Trước khi quý vị còn chưa “*hoàn toàn*” học tập xong, tuy rằng là Phật, nhưng vẫn là “*Phật Vô Minh*”, lần lần sẽ biến thành Phật khai ngộ, thành Phật chính thật, hoàn toàn y như trước. Mình vốn cái gì cũng đã có rồi, không phải đợi đến khi khai ngộ mới có, chỉ có mình không tự hiểu được mà thôi, hiểu chưa?

Trước khi khai ngộ và sau khi khai ngộ đều như nhau, trước kia có nhiều lực lượng như vậy, khai ngộ rồi, vẫn có nhiều lực lượng như vậy, chỉ có trước kia mình không biết được mình có nhiều lực lượng như vậy, bây giờ mình biết rồi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “*Phiền não là Bồ Đề, chúng sanh là Phật.*” Ngài không có nói dối, hôm nay Sư Phụ giải thích ý nghĩa này cho quý vị nghe, vì sao Phật là chúng sanh? Vì sao Phật lại đến thế giới này làm chúng sanh, phải chịu nhiều đau khổ như vậy?

Thật ra, đau khổ cũng không phải là đau khổ, chỉ là mình đương học tập, nó cũng như mình đến trường để đi học vậy, bắt

cứ học tiểu học, trung học, đại học đều không dễ dàng, nhưng sau khi học hết các khóa trình rồi, mình sẽ biến thành thông minh hơn, lớn lên rồi, mình sẽ có địa vị của mình, có tính độc lập, cho nên cần nên học, không học không được, không học không thể biết được mình có những năng lực gì.

Nói thí dụ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vốn đã là Phật, sao có thể nói rằng nữ chúng không thể thành Phật? Đó là nói bậy, thành Phật tức là thành Phật, không có gì phân biệt. Cho nên Sư Phụ nói với quý vị nhiều lần, ngoại đạo, nội đạo đều là đạo. Tốt xấu đều là Phật, không có tốt cũng không có xấu, nhưng đó là cảnh giới tối cao, khi mình còn chưa đạt đến cảnh giới đó, mình phải học tập, vẫn phải làm việc tốt, không thể nói, vì tốt cũng như xấu, cho nên không muốn học, đảng nào mình đã là Phật rồi, không cần tu hành. Không thể nghĩ như vậy, hiểu chưa?

Mình vốn là Phật nhưng vẫn cần tu hành, bởi vì mình còn chưa chính thật hiểu rõ mình là Phật, có phải không? Sư Phụ nói như vậy, quý vị tin, bởi vì quý vị tin Sư Phụ. Nhưng quý vị vẫn còn chưa chính thật nhận thức được mình, cho nên cần phải tu hành, nếu không mình sẽ có rất nhiều đau khổ, khi còn chưa nhận biết mình, người ta rửa một chút là tức ngực, người ta hận mình, mình cũng hận trở lại, bởi vì chưa nhận biết được tất cả chúng sanh đều là Phật, chưa có đạt đến tâm bình đẳng, còn chưa làm được tâm không phân biệt. Cho nên cần phải tu hành, tu đến khi nào tâm không còn động, coi tất cả chúng sanh như mình vậy, như vậy mới gọi là chính thật hiểu biết mình. Quý vị có câu hỏi, xin bắt đầu hỏi.

Vấn: Con người từ Quang Âm Thiên xuống, vậy “Quang” và “Âm” này có phải thuộc về vật chất hay không? Thành Phật rồi, có phải không còn “Quang” và “Âm”? Hay là, Phật không còn có hiện tượng vật chất đó?

Sư Phụ: Câu hỏi này đã trả lời rồi, Quang Âm Thiên chưa phải là thế giới của Phật, Sư Phụ không có nói đó là thế giới của Phật, Kinh A Hàm mới nói đến Quang Âm Thiên. Lúc thế giới này mới tạo thành, thiên nhân từ Quang Âm Thiên xuống ở đây, nhưng không phải là Phật xuống, hiểu chưa? Người của Quang Âm Thiên cũng là Phật, nhưng chưa thành Phật, đẳng cấp của họ cao hơn người hiện thời một chút. Nhưng khi ăn ngũ cốc trên địa cầu này, cấu tạo của thân thể càng lúc càng thô thiển, đẳng cấp càng lần càng thấp. Sau cùng biến thành hình dạng như người nguyên thủy. Hồi đó, người của Quang Âm Thiên cũng không phải là Phật, nhưng rất có thể ở thế giới Quang Âm Thiên, có vài vị Phật hóa thân đến dạy người của Quang Âm Thiên, hiểu chưa? Tình trạng này cũng như ở thế giới Ta Bà này, có Phật Bồ Tát hóa thân đến làm người để độ người vậy. Nơi nào cũng có Phật Bồ Tát. Cho nên Kinh A Hàm có ghi chép, lúc ban đầu, chưa có người trên thế giới này, lúc đó người của Quang Âm Thiên đến ở. Họ là chúng sanh có phước báu. Hồi đó họ có ánh sáng, rất sáng, cho nên ánh sáng của họ chiếu rọi tứ phía. Hồi đó còn chưa có mặt trăng, mặt trời. Sau một thời gian, bởi vì lòng hiếu kỳ thúc dục, họ bắt đầu ăn thực vật của thế giới này. Thấy có nhiều đồ cứ ăn thử. Sau này, càng ngày ăn càng nhiều. Cuối cùng thân thể càng trở thành thô thiển, mất đi cái thân thể tinh vi sáng chói trước kia cho nên không bay lên được, ánh sáng càng ngày càng ít. Sau cùng biến thành dáng của người nguyên thủy.

Nhưng không phải người nào cũng biến thành như vậy, có người không có ăn, cho nên thân vẫn phát ánh sáng, có lẽ lúc còn ở Quang Âm Thiên họ có theo Phật Bồ Tát học, cho nên khi đến thế giới này, Phật Bồ Tát cũng xuống dạy họ. Người có thân sáng, học mau hơn chút, học thành rồi, có thể truyền pháp cho đồng bào của họ, không thành vấn đề. Nếu như con người có thể dạy con người, người của Quang Âm Thiên sao lại không thể dạy

người của họ? Có đúng không? Ở thế giới này có Phật Bồ Tát hóa thân, ở thế giới của Quang Âm sao lại không có Phật Bồ Tát hóa thân? Ở thế giới này có thể tu, người của Quang Âm Thiên sao lại không thể tu? Hiểu chưa?

Quang Âm Thiên không phải là nơi cứu cánh của mình, cũng không phải là cố hương của Bản Lai Diện Mục của mình, nhưng mình từ đó rơi xuống, bởi vì lúc đó còn chưa thành Phật, vẫn còn ở tại Quang Âm Thiên, rớt vào thế giới này biến thành người, nếu như còn tu không xong, rất có thể ngày mai biến thành loài vật, cây cỏ. Muốn thành Phật, ít nhất phải làm người, thành Phật rồi còn có thể tái trở lại làm gì cũng được, bây giờ còn chưa thành Phật, cũng có thể làm người? Thành Phật rồi có thể làm một con người tự tại, là vì muốn độ chúng sanh, nhưng thành Phật phải làm một vị *“Phật minh bạch”*, thành một vị *“Phật có lực lượng”*, như vậy mới là chính thật thành Phật.

Có nhiều Phật không biết được họ là Phật, cho nên có phiền não, nếu không biết được mình là Phật, cũng như những chúng sanh tầm thường, không có ích gì, hiểu chưa? Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Thân người rất quý báu, không làm người không thể thành Phật.”* Thiên sứ và các chúng sanh khác rất có thể có thần thông hơn mình, nhưng họ cũng không thể thành Phật, bởi vì chỉ có làm người mới có cơ hội học tập nhiều việc.

Ở trên trời quá vui sướng, không có cơ hội nào thức tỉnh mình tu hành. Ở địa ngục quá đau khổ, không thể tu. Ở cõi Ta Bà có đau khổ, vui sướng, hiểu lầm, vô minh, trí huệ, khai ngộ, không khai ngộ v.v..., có nhiều tình trạng khác nhau, cho nên mình có thể học tập rất mau các thứ sinh hoạt, có đủ tài liệu, để mình thể nghiệm lấy, huấn luyện cho mình, cho mình có cơ hội tu hành thành Phật, những thế giới khác không có cách nào tu được. Cho nên thân người rất quý báu, phải bắt lấy cơ hội, mau mau tu hành, nếu không muốn theo Sư Phụ tu hành, thì đi tìm pháp sư khác tu,

tu cái gì cũng được, chỉ cần có thể thành Phật là được rồi, nhưng không dễ gì tìm được một vị Sư Phụ biết được pháp môn thành Phật, có thể dẫn quý vị giải thoát.

Vấn: *Chúng sanh vốn là Phật, sao còn phải tu hành?*

Sư Phụ: Phật không biết được mình là Phật, cho nên phải làm người, qua sự so sánh, mới có thể biết, thì ra con người là như vậy, Phật là như vậy, sau này sẽ từ từ tu thành Phật. Cho nên nói, “*Thiên hạ vốn vô sự.*” Vốn đã là Phật rồi, muốn tu hành cũng là Phật, không tu hành cũng là Phật, nhưng không tu hành là “*Phật Vô Minh*”, tu hành rồi, nhận thức được mình, cho nên là “*Phật Minh Bạch*”, “*Phật Trí Huệ*” cũng như Sư Phụ đã kể câu chuyện hai anh em vậy.

Vấn: *Tu hành phải làm như thế nào?*

Sư Phụ: Thì tụng kinh, niệm A Di Đà Phật là đủ rồi. (*Mọi người cười.*) (*Chúng tôi đều niệm thần chú Kim Cang.*) Có phải Sư Phụ của bạn truyền dạy phải không? (*Có người dạy tôi niệm.*) Vậy thì đừng niệm, nếu như có Sư Phụ dạy những gì, đừng có tùy ý dạy người, người ta bày thần chú Kim Cang, rất có thể họ đọc sách mà học, tình trạng đó khác hẳn với vị Sư Phụ truyền thần chú, nghe hiểu không? Lời chú “*Úm Ma Ni Bát Mê Hùm*” mọi người đều biết, nhưng nếu như có vị Sư Phụ trực tiếp truyền cho, thì mới có lực lượng, nó khác với tự học theo sách, cho nên đừng có dạy người, đừng có nói cho người ta nghe.

Vấn: *Gần đây người Formosa rất thích thông linh, thứ thông linh này có khác gì với Pháp Môn Quán Âm?*

Sư Phụ: Ở Formosa rất lưu hành thông linh, bạn có muốn tu thần thông hay không? (*Mọi người cười.*) Nếu muốn thì đi mà tu! Hỏi Sư Phụ làm gì? Sư Phụ không có khuyến khích người ta dùng

thần thông. Không phải chúng tôi không có thần thông, nhưng chúng tôi không dùng thần thông, dùng thần thông chỉ khiến cho mình bị cột tại đẳng cấp thấp, nghe hiểu không? Bởi vì đẳng cấp cao nhất không có thần thông, không có gì hết, tu hành là để đạt đến cảnh giới tối cứu cánh, cho nên chúng tôi không có lo đến thần thông. Thần thông vẫn còn trong Tam Giới, học tập và sử dụng thần thông, không thể xuất Tam Giới, không thể đến cảnh giới tối cao.

Nhưng thần thông cũng có ích dụng, có người muốn chơi thần thông, nhưng Sư Phụ không có khuyến khích học trò học thần thông, cũng cấm học trò sử dụng thần thông. Tu hành nhất định sẽ có thần thông, ít nhiều thì cũng có, nhưng chúng tôi không dùng, có cũng không dùng, chúng tôi không có cố ý học thần thông, không có cố ý sử dụng thần thông.

Vấn: *Làm sao trị tham, sân, si?*

Sư Phụ: Mình phải tự kiểm chế lấy mình, tu hành có thể giúp một chút ít, dùng “trí huệ” trị nó. *(Nhưng tôi không thể thường phát ra tâm ý chân thành, trong tâm cứ tham, mà không thể kiểm chế, thí dụ có lúc muốn giúp đỡ người, nhưng trong bụng cứ tính toán, vì sao phải làm, không làm lại khó chịu, cứ dằn co tính tới tính lui, không thể dùng tấm lòng chân thành đi giúp đỡ người.)* Bạn không phát được lòng thành, bởi vì không có lực lượng, nhưng mà miễn cưỡng giúp đỡ còn tốt hơn là không, ít nhất đôi phương cũng được mình giúp đỡ, nhưng có lúc có người cũng lợi dụng lòng tốt của mình, đi giúp họ làm chuyện bất chánh.

Cho nên giúp đỡ người cũng phải coi tình trạng. Miễn cưỡng giúp đỡ người ta vậy là tốt lắm rồi, có người hoàn toàn không có ép mình, họ không muốn giúp là không giúp, nhưng bạn không muốn giúp đỡ, vẫn biết ép mình giúp người ta, như vậy đã tiến bộ rồi, tự mình có thể kiểm chế tập quán lười biếng của mình. Tâm

lý ích kỷ có thể tự kiểm chế một chút, từ từ kiểm chế mình, cải biến mình, làm cho mình càng lần càng tốt, cho đến một ngày nào đó bạn không có ép mình, cũng tự động đi làm.

Cũng như lúc mình mới học lái xe, phải chú ý rất nhiều chuyện, thường không biết lái như thế nào, nhưng mỗi ngày cứ tập, dần dần sẽ càng quen thuộc, sau cùng biến thành tự động, cho dù bên nói chuyện, bên lái xe cũng được. Mới bắt đầu, không nói chuyện cũng lái không vững, có phải như vậy không? Con người cũng vậy, mình phải phấn đấu, không thể nào mới sanh ra, liền làm một vị Phật tại thế đã thành tựu, cho nên càng tập luyện, càng tự nhiên, sau này biến thành thói quen. Bạn rất chân thật, không che giấu khuyết điểm của mình, như vậy là tốt lắm rồi, có bao nhiêu người dám nói như vậy? Dám nói tham, sân, si của mình nặng như vậy? Tuy có khuyết điểm, nhưng cũng có ưu điểm. Bạn biết được khuyết điểm của mình cho nên có ưu điểm. Không biết được nhược điểm của mình mới mệt, mới kiêu ngạo, biết được nhược điểm của mình mới khiêm tốn, mới sám hối, người khiêm tốn mới có thể tu hành, người kiêu ngạo không thể tu. Kiêu ngạo là chướng ngại lớn nhất về tu hành, vì kiêu ngạo cho nên không muốn hỏi người, vì kiêu ngạo cho nên không tin Sư Phụ còn cao hơn “*mình*”, biết nhiều hơn “*mình*”, có thể chỉ dẫn “*mình*”, như vậy là chướng ngại rất lớn.

Vấn: *Trong nhà có thờ Phật Thích Ca Mâu Ni và Quán Thế Âm Bồ Tát, sáng tối lễ bái, như vậy có tốt không?*

Sư Phụ: Rất tốt, nhưng cần phải dùng “*tâm*” lay. (Có gặp khó khăn, cầu xin các Ngài giúp đỡ được không?) Cần phải vậy. Xưa kia Sư Phụ cũng làm như vậy, bây giờ vẫn như vậy, chỉ có bề ngoài thấu hiểu khác nhau mà thôi. Bây giờ Sư Phụ quỳ ở trong tâm, cầu ở trong tâm, không có dùng tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có thể cầu! Cả hai mươi bốn tiếng đồng hồ Sư

Phụ đều đang cầu Bồ Tát, nhưng khác một cái là trước kia chỉ khi nào gặp khó khăn mới cầu, ngày thường thì quên mất, hề gặp khó khăn, liền quỳ trước tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cầu nguyện, lúc không có khó khăn, thì để Ngài đứng một bên, cả năm cũng không ngó đến.

Bây giờ Sư Phụ hai mươi bốn tiếng đều cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, cho nên không thấy được. Xưa kia, người ta thấy bề ngoài của Sư Phụ quỳ lạy, như là rất thành tâm thành ý, rất tin Quán Thế Âm Bồ Tát vậy, bây giờ họ thấy Sư Phụ không có cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, cho rằng Sư Phụ là ngoại đạo, nhưng họ có biết đâu, hiện giờ Sư Phụ còn thành tâm hơn xưa nhiều, nhưng bởi vì bề ngoài không thể thấy được, cho nên không hiểu bên trong của Sư Phụ như thế nào.

Cầu nguyện Quán Thế Âm Bồ Tát, không cần phải quỳ trước tượng Bồ Tát mà cầu, nhưng bởi vì chúng sanh yếu đuối, mới bắt đầu, nếu như không có tượng Phật, để họ nương tựa, họ không thể tập trung tư tưởng, thành tâm khẩn cầu. Cho nên lúc ban đầu còn cần hình tượng bên ngoài để lạy, qua một thời gian sau này, cho dù không có âm sắc, không có hình tượng, mình cũng có thể tu hành, có thể cầu nguyện như thường. Nhưng có người không có rõ lý, hiểu lầm Sư Phụ. Thấy Sư Phụ không có cầu Quán Thế Âm Bồ Tát, không có đánh lễ tượng Phật, cho rằng Sư Phụ là ngoại đạo, sao lại có sự hiểu lầm như vậy? Vốn đều là “đạo”, sao lại có sự hiểu lầm như vậy? Vốn đều là “đạo”, sao lại biến thành ngoại đạo? Nhưng vì đẳng cấp của chúng sanh không như nhau, không cách nào yêu cầu mỗi người đều hiểu rõ đạo lý này, quý vị đều nghe hiểu lời của Sư Phụ không? Bây giờ rất có thể hiểu, nhưng ngày mai lại quên hết (*mọi người cười*), ngay hôm sau lại nói Sư Phụ là ngoại đạo (*mọi người cười*), rồi qua vài hôm nữa, lại cho rằng Sư Phụ là nội đạo, qua năm sau, không biết chừng sẽ cho rằng đẳng cấp của Sư Phụ rất cao. Cứ đổi đi đổi lại như vậy,

đều là tư tưởng trong tâm của quý vị, Sư Phụ vẫn là Sư Phụ, hôm nay như vậy, ngày mai cũng không biến đổi, ngày hôm sau vẫn như vậy. Nhưng bởi vì đẳng cấp của quý vị khác nhau, cho nên không hiểu. Nhiều người bây giờ bị Sư Phụ la, trong tâm không vui, nhưng đợi đến năm sau sẽ rất cảm tạ, bởi vì đẳng cấp biến đổi, cho nên tư tưởng cũng nâng cao và biến đổi.





Người đại khai ngộ có thể gia trì cho thế giới này, có thể giúp đỡ nhiều chúng sanh hơn. Tuy chúng sanh có lúc không biết mình đang nhận được sự gia trì. Điều này cũng không sao.

Trích từ bài thuyết giảng "Cán Nương Vào Pháp Môn Quán Âm Để Giải Thoát Vòng Sanh Tử"



8

Vì Sao Thiên Của Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản Khác Nhau

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Cơ Long, Formosa**

Tháng 3 năm 1987

Tất cả các pháp môn đều tốt, tham công án, niệm Phật, lạy Phật, Mật tông, Hiển tông, Thiên Đài tông, Tào Động tông, pháp môn nào cũng tốt hết; có người nói rõ hơn: tôn giáo nào cũng tốt hết, Phật giáo cũng tốt, Thiên Chúa giáo cũng tốt, Đạo giáo cũng tốt, nhưng họ không hoàn toàn hiểu được tốt chỗ nào. Nói thì rất dễ, cái gì cũng tốt, tôn giáo nào cũng tốt, tôn phái nào cũng tốt, nhưng chính họ không biết được tốt ở chỗ nào, miệng thì nói tốt, trong lòng cứ dằn co, tâm không ổn định, cho nên cứ chạy tùm lum, không biết đi đâu học, không biết được tôn phái nào, pháp tu nào mới là tốt nhất.

Hôm qua Sư Phụ có nói, các tôn giáo vốn đều tốt, nhưng diễn biến đến nay, càng ngày càng không tốt, thời nay các tôn giáo đều không tốt đẹp như xưa. Sư Phụ nói như vậy cũng hơi sợ, sợ tôn

giáo nào cũng đến tìm Sư Phụ (*mọi người cười*). Vì sao không tốt đẹp? Tốt nhưng mà cũng không tốt, bởi vì không có Chân Sư là không tốt. Minh lạy Phật, niệm Phật hay là tụng kinh, đọc kinh, nghiên cứu kinh điển hay là cầu nguyện Thiên Chúa, Giê-su Ki-tô v.v... đó chỉ là cấp sơ đẳng mà thôi, sau đó chính mình phải tìm được bản tánh của mình, lúc đó những phương pháp kể trên đều không thể giúp cho mình được, cho nên Sư Phụ mới nói là không tốt. Nhưng cũng không phải nói là hoàn toàn không tốt, nhưng nếu như chỉ vì mục đích cứu cánh tối cao thì không đủ tốt.

Bởi vì từ xưa đến giờ chưa nghe ai nói Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày lạy Phật, niệm Phật mới thành Phật. Cũng chưa có nghe qua Lục Tổ Huệ năng mỗi ngày lạy Phật đọc kinh, nghiên cứu kinh điển mới thành Tổ Sư, thành Lục Tổ. Lúc Ngài ẩn tu, cũng không dám nói là đang tu hành, ăn chay cũng không dám cho người ta biết, huống chi dám dùng những pháp môn nào nhiệt? (*Mọi người cười*). Cũng không nghe ai nói Giê-su Ki-tô mỗi ngày đi lạy núi, lạy kinh, hay là nghiên cứu kinh điển mới thành con Thiên Chúa, có phải không? Các Ngài không có làm những việc như vậy, rất có thể ban đầu, các Ngài cũng làm như vậy, nhưng cuối cùng các Ngài tọa thiền, đều tìm thấy mình mới có thể thành Phật, thành đạo.

Phật Thích Ca Mâu Ni tọa thiền sáu năm rất khổ, luôn cả ngủ cũng không dám nằm xuống, Giê-su Ki-tô cũng tọa thiền, làm sao biết được? Bởi vì cuối cùng trước khi Giê-su Ki-tô đi hoằng pháp, Ngài không ăn, không ngủ ở trong sa mạc 40 ngày, rồi mới đi giảng kinh. Nếu như tự mình nhốt mình lại, ở trong sa mạc 40 ngày, mình có thể đoán được, trước kia Ngài đã tọa thiền lâu rồi, chứ không phải từ trên trời rớt xuống. Nếu như chỉ tọa thiền 40 ngày, đẳng cấp sẽ như Giê-su Ki-tô, có thể đi hoằng pháp, chúng ta đều biết điều đó không thể có được.

Chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng, Ngài ẩn tu hơn mười sáu năm, mỗi ngày tọa thiền, sau đó mới có thể thành Minh Sư.

Nhưng có người nói Lục Tổ Huệ Năng không có tọa thiền, Sư Phụ nói Ngài có, bởi vì có người hỏi Ngài lúc tọa thiền Ngài thấy những gì? Ngài đáp: “*Lúc tôi tọa thiền, có thấy mà cũng không thấy.*” Bồ Đề Đạt Ma cũng ngồi quay mặt vào vách đá chín năm. Từ những chuyện của các vị Đại Sư, chúng ta có thể khẳng định rằng muốn thành Phật, hay thành Đạo, nhất định phải tọa thiền. Nhưng thử hỏi, tọa thiền cũng có nhiều tôn phái, cũng có nhiều pháp môn, vậy chúng ta phải tọa thiền như thế nào?

Hôm qua Sư Phụ có phát cho quý vị một ít bài giảng, trong đó một phần Sư Phụ có nói đến tất cả các pháp môn tu hành đều là Pháp Môn Quán Âm (*Chương 8, Quyển 1 của Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ*), quý vị về nhà có xem chưa? Người nào đọc rồi hôm nay sẽ biết, những vị Minh Sư thời quá khứ có tọa thiền hay không? Họ cũng tu Pháp Môn Quán Âm, quý vị đọc bài giảng sẽ biết được, cho nên hôm nay Sư Phụ không cần nói lại. Hôm nay Sư Phụ muốn nói, vì sao Pháp Môn Quán Âm lợi ích như vậy?

Chúng ta nghe nói có nhiều vị thiền sư dạy những pháp môn khác nhau; khoan nói chuyện này, bây giờ chúng ta nói về niệm Phật. Đa số người ta đều cho rằng niệm Phật không phải là Thiền tông. Những ai tu hành cao đều biết rằng tất cả các pháp môn khởi đầu đều là Pháp Môn Quán Âm, niệm Phật cũng vậy.

Hồi xưa niệm Phật không giống như cách niệm Phật bây giờ, ngày nay chúng ta tụng niệm danh hiệu Phật, không phải là niệm Phật. Tụng niệm danh hiệu Phật là như thế nào? Là tụng bằng miệng, cũng như tụng kinh vậy. Niệm kinh là chúng ta tưởng niệm kinh điển, chúng ta có nghi vấn, hay là nghĩ đến ý nghĩa trong kinh điển, như vậy mới là niệm kinh. Đọc kinh là đọc từng trang một, tụng kinh là tụng ra tiếng, cho nên tụng niệm “*Nam Mô A Di Đà Phật*” cũng là tụng Phật, có hiểu ý này không?

Niệm Phật không phải như vậy, niệm Phật tức là tưởng niệm, nếu như tưởng niệm một người, hay là một vật, chúng ta phải nhận biết trước mới có thể tưởng niệm. Nếu không quen biết

trước, làm sao có thể tưởng niệm? Nếu nói rằng, chúng ta không tụng Phật lớn tiếng, mà chỉ mật niệm trong tâm, như vậy cũng không đúng, bởi vì khi chưa quen biết Phật A Di Đà thì niệm cái gì? Nếu như quý vị chưa có quen biết một cô gái đẹp, về nhà làm sao quý vị có thể tưởng nhớ đến cô ta? Muốn tưởng cái gì, nhớ người nào, chúng ta bắt buộc phải quen biết người đó, có hiểu ý Sư Phụ chưa? Cho dù là giữa hai người, nếu như không quen biết cũng không thể nhớ, huống chi là chỗ Phật cao như vậy, chúng ta không quen biết các Ngài, chúng ta nhớ gì? Cho nên ngày nay, tất cả đều là tụng Phật, chứ không phải niệm nhớ Phật.

Niệm Phật vốn cũng là Pháp Môn Quán Âm, vì sao Pháp Môn Quán Âm cũng là pháp môn niệm Phật? Bởi vì khi hành giả mở trí huệ rồi, câu thông với Phật, câu thông với Phật Tánh, Phật lực, lúc đó chúng ta sẽ cảm giác được, tìm được “*Phật Tánh*” này, lúc đó mỗi ngày chúng ta đều tưởng niệm. Người tu hành chân chánh, có phước báu lớn, nếu như theo Sư Phụ học, giả sử có một ngày người đó rất bận, không thể tu hành đúng giờ, sẽ cảm thấy lạ lạ, như là không có ăn cơm vậy, đó là bởi vì “*tưởng niệm*” mà ra.

Xưa kia các vị thiền sư đều nói “*Thiền không dùng ngôn ngữ*”, có phải vậy không? Nếu thật như vậy, thì tụng Phật ngày nay là ngôn ngữ rồi, chúng ta dùng ngôn ngữ của thế gian tụng: “*Nam Mô A Di Đà Phật*”. Nếu không dùng ngôn ngữ tụng Phật, có tham công án, lạy kinh cũng không đúng, dùng thân này tu, dùng thân này lạy, làm sao đắc được Bồ Đề? Tụng Phật hay là tham công án, đều phải cần ngôn ngữ, hít thở cũng phải để ý đến thân thể, hít thở là hơi vô thường, luyện khí hay là luyện công gì đó, đều là dùng thân vô thường mà tu, dùng đồ vật vô thường, làm sao đạt đến địa vị cứu cánh lâu dài?

Ngày nay có rất nhiều thứ “*pháp môn tu hành*”, có người lạy kinh, có người nghiên cứu kinh điển, có người tụng Phật, có người lạy Phật, có người lạy xương, lạy xá lợi. Xá lợi là từ

xương mà ra, đối với Sư Phụ lay xá lợi cũng chỉ là lay xương thôi!

Nếu như lên núi hành hương là pháp môn tu hành tốt nhất, thì những người già, hay là yếu đuối, không có chân để đi, không có chân để lay, vậy họ làm sao tu? Nếu như tham công án là pháp môn tốt nhất, giả sử có người không có trí thức, không biết tự hỏi nhiều câu hỏi thì làm sao tu? Không biết chừng họ không hiểu tiếng Quan Thoại, hay là ngôn ngữ của vị Đại Sư đó, vậy làm sao tu?

Lúc Sư Phụ đến Nghi Lan giảng kinh, có một vị Sư trụ trì tại một chùa cấm đệ tử đi nghe Sư Phụ giảng kinh, vị đó nói rằng: “*Lấy kinh điển làm thầy*”. Vị đó đem kinh điển biến thành Sư Phụ của họ, tưởng rằng có kinh điển là đủ rồi. Được rồi, nếu như đọc kinh điển là pháp môn toàn mỹ, vậy có người không biết chữ, không thể đọc sách, làm sao tu được? Cho dù là người tu pháp môn hít thở, cũng phải nghe được mới tu, nếu như người đó điếc, vừa mù vừa điếc thì làm sao tu? Không thể ngồi xếp bằng thì làm sao tu? Không có chân làm sao tu?

Thiên của thời nay đều nhấn mạnh vào ngồi xếp bằng, ngồi kim cương tọa, cho là không động đậy chút nào mới có thể thành Phật. Nhưng có người không thể ngồi kim cương tọa, họ không biết xếp bằng, rất có thể lúc đi lính bị cắt mất một chân, hay bị bệnh mà bị cưa mất một chân, họ không thể xếp bằng làm sao mà tu? Trẻ nhỏ không thể xếp bằng làm sao mà tu? Chỉ có Pháp Môn Quán Âm là thích hợp cho mọi người tu, bao gồm luôn cả người tàn tật, có hiểu ý của Sư Phụ chưa?

Bây giờ nói đến thiên Ấn Độ. Thiên của Phật giáo vốn từ Ấn Độ truyền qua, nó dung hòa cái tu hành của Phật giáo và tư tưởng của Đạo giáo, biến thành thiên Trung Hoa. Pháp môn tu hành của Ấn Độ rất là nhu hòa, người tu của Ấn Độ rất nhu hòa, không có chuyện đánh mắng nhiều như vậy. Nhưng pháp môn tu hành nhu hòa của Ấn Độ, truyền đến Trung Hoa trở nên hung hãn hơn. Cho nên mình nghe nói các thiên Sư đời xưa có đánh học trò.

Phật giáo truyền đến Tây Tạng cũng trở nên rất hung hãn, cho nên Sư Phụ của Tôn Giả Mật Lạc Nhật Ba, mỗi ngày mắng đánh, đánh mắng đến mấy năm rồi mới truyền pháp cho Ngài. Thiên truyền đến Nhật càng tệ thêm, không những đánh mắng, mà còn gây thêm sự chết chóc! Cho nên mình nghe nói xưa kia ở bên Nhật, nếu như tham công án không thành công, sẽ mổ bụng tự sát trước mặt thầy của họ, Sư Phụ nghe được chuyện này, toàn thân nổi da gà. Tu hành sao lại dùng bạo lực như vậy? hung ác như vậy? Nếu thật như vậy, Sư Phụ cũng không dám tu đâu.

Vì sao càng truyền đi thì càng tệ? Ở Ấn Độ không có chuyện đó, truyền đến Trung Hoa phải đánh mắng rất dữ, nếu như niệm một tiếng A Di Đà Phật, cần phải súc miệng ba ngày. Sau này truyền đến Tây Tạng phải đánh người luôn mấy năm. Truyền đến Nhật biến thành mổ bụng. Sao lại có thứ biến đổi này? Có ai biết? Không có ai biết hay sao? Được rồi, để Sư Phụ giải thích.

Bởi vì Ấn Độ đời đời kiếp kiếp là thánh địa tu hành, lúc nhỏ họ đã bắt đầu ăn chay trì giới rồi. Sư Cổ và Sư Tổ của Sư Phụ đều ăn chay hồi năm, sáu tuổi. Ở Formosa, Sư Phụ cũng có truyền pháp cho trẻ em trên sáu tuổi, các em nhỏ đó cũng biết tọa thiền, thể nghiệm cũng rất tốt. Người Ấn Độ biết được tu hành là gì, rất có thể trẻ nhỏ không có tọa thiền nhiều, nhưng các em đã bắt đầu ăn chay, không dám giết một con kiến hay con muỗi, và muỗi cũng không chích, họ tọa thiền trên núi, rắn cũng không đến cắn, cạp cũng không đến ăn, vì sao vậy? Vì lúc nhỏ họ đã ăn chay, thứ không khí hiền hòa, khiến cho loài vật thấy họ như không có gặp họ vậy. Động vật có công kích chúng ta là bởi vì chúng ta rất kích động, phát ra bầu không khí khủng hoảng, giết hại; cho nên loài vật gặp người, nó liền có cảm giác phải kháng cự. Nhưng người tu hành, vốn đã hiền hòa, không có thứ lực lượng hung ác, cho nên loài vật không cần kháng cự, nó cũng không có cảm giác phải công kích người đó.

Nói thí dụ chúng ta đánh hay mắng người ta trước, người ta mới công kích lại? Nếu như chúng ta đối với người khác rất thân thiện, thì không có chuyện gì hết. Cũng như vậy, loài vật cũng sợ người, nó đánh hơi của người được. Cho nên chúng ta nghe nói thời xưa người tu hành cao, có từ trường tốt, chim đậu lên mình họ, cọp khỉ và các loài vật khác đều đến gần làm quen, chúng ta nghe nói có tình trạng như vậy. Nhưng ngày nay ở Ấn Độ vẫn có như vậy. Trước kia Hòa Thượng Quảng Khâm của Trung Hoa tu hành cũng được như vậy.

Bởi vì Ấn Độ đời đời kiếp kiếp là chỗ tu hành, không khí ở đó khác với ở đây, trong nước có 90% số người hiện giờ vẫn còn ăn chay không ăn thịt, cả mấy ngàn năm nay đều như vậy, cho nên bầu không khí ở đó rất nhu hòa. Hy Mã Lạp Sơn đời đời kiếp kiếp là chỗ đại tu hành, không khí ở đó không thể nào bị ô nhiễm, bởi vì Hy Mã Lạp Sơn không dễ leo lên, mùa đông không cách nào leo lên, mùa hè cũng không dễ leo lên đó.

Lúc Sư Phụ đi bộ lên Hy Mã Lạp Sơn cũng rất khó khăn, tuy lúc đó là mùa hè, không phải ai muốn lên Hy Mã Lạp Sơn cũng leo lên được, cho dù mình có xe cũng không có cách đi đến chỗ rất thần bí, rất xa, có máy bay cũng không bay đến chỗ đó, mình khó biết, khó hiểu được họ ẩn tu ở những chỗ nào. Cho nên không thể có những người bậy bạ trên thế giới lên đó hủy hoại không khí tu hành ở đó.

Người ở đó đều rất hiền hòa, nếu như có người muốn theo một vị Sư Phụ tu hành, vị Sư Phụ đó không cần dùng pháp môn có bạo lực để dạy đệ tử, bởi vì bản thân của học trò đã lương thiện lắm rồi, nghiệp chướng không có nặng, họ theo Sư Phụ tu hành, cũng không có đem phiền phức cho Sư Phụ của họ, hòa khí đã có sẵn cho nên giữa thầy trò không có nhiều sự hiểu lầm, hay là giận ghét.

Từ nhỏ họ đã được huấn luyện về đạo đức, tâm địa rất lương thiện, họ cũng rõ, sau này cho dù có kết hôn hay không trước sau

họ cũng sẽ xuất gia, đa số người đều có cách nghĩ đó. Có thể họ không xuất gia, nhưng ở nhà họ đã bắt đầu tu hành, vì từ nhỏ đã theo cha mẹ tu hành, cho nên đối với họ mà nói, sự tu hành hay là tìm Minh Sư, hay là sức gia trì, hay là giải thoát v.v..., đều là rất quen thuộc, là chuyện rất thông thường, rất tự nhiên. Cho nên ở Ấn Độ sự quan hệ giữa thầy trò rất là sâu dày, rất nhu hòa.

Nhưng Phật giáo truyền đến Trung Hoa, hay là truyền đến Tây Tạng, Âu Lạc, Nhật Bản, bầu không khí đó nó khác liền! Có hôm một trong những vị Thầy mà Sư Phụ quen biết đến một chỗ giảng kinh, mặc dù chỉ thuyết có một ngày mà thôi, nhưng cả làng, nam nữ già trẻ, chó mèo gà dê đều chạy đến cầu pháp, Ngài truyền cho toàn xóm làng, cả mấy ngàn người, đều tụ nhau tại một nơi, dùng mấy phoong thanh truyền pháp, dường như có mười cái ống loa. Vị Thầy ngồi trên chỗ rất cao, bởi vì nếu không ngồi nơi cao, không thấy được dân làng. Có mấy ngàn người cùng đến học.

Vì sao cả mấy ngàn người có thể cùng đến học một lượt? Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy? Bởi vì họ đã chuẩn bị xong rồi, đã ăn chay lâu rồi, và khát vọng có một vị “Guru”, Đại Sư Phụ đến dạy họ. Vì thế khi một vị Sư Phụ như vậy đến giảng kinh, họ liền hiểu biết, cũng có thể nghiệm, có lẽ họ thấy thân vị Sư Phụ ấy có hào quang, hay là có những tình trạng khác v.v..., liền tin ngay, cho nên Ngài mới có thể truyền pháp một lần cho cả mấy ngàn người.

Mấy ngàn người cùng ngồi chung thọ pháp, cảnh tượng quang đặng nghiêm trang nhìn rất là đẹp mắt. Họ ngồi hai bên, một bên nam, một bên nữ, tuy họ rất nghèo, áo quần rất bình thường, nhưng họ đều mặc y phục đẹp nhất đến nghe giảng kinh. Y phục của nam chúng rất trang nghiêm, toàn thân trắng bạch, nhìn rất đẹp, nữ chúng cũng vậy, y phục thì có nhiều màu rực rỡ, nhưng cũng rất đẹp đẽ, tinh sạch.

Họ đều ngồi hết vào đó, không có động đậy, người trong đạo tràng có thể nghe tiếng ruồi, muỗi bay vi vu, họ yên tịnh như vậy,

tôn kính, khát vọng như vậy, toàn thân đều thọ pháp, luôn cả chó mèo gà dê đều đến nghe kinh (*mọi người cười*), nhìn mà thấy cảm động, và cảm thấy họ rất dễ thương.

Cho nên tại Ấn Độ truyền pháp rất dễ dàng, lúc Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài đi khắp nơi truyền pháp, người, trời và Thập Phương Tam Thế Phật đều tán thán Ngài, nói Phật Thích Ca Mâu Ni là tốt nhất, tài nhất, có thể thuyết pháp tại thế giới dơ ác, vì giảng giải pháp môn vô thượng khó mà hiểu được hết, cũng khó mà được chấp nhận. Nhưng Sư Phụ nghĩ Phật Thích Ca Mâu Ni còn chưa có gì phi thường, bởi vì thời đó là thời chánh pháp, con người quá hiền, thời kỳ 2500 năm trước, bất luận họ có hung ác đến đâu, cũng không có hung ác bằng chúng sanh thời nay, có phải vậy không?

Xưa kia nếu như có một người hung ác, chỉ có họ tự biết, hay là chỉ có người nhà, láng giềng, bạn bè biết, những người bị họ ảnh hưởng cùng lắm chỉ có hai, ba chục người mà thôi.

Nhưng ngày nay nếu như có một hai người làm điều xấu, liền có nhiều người bị ảnh hưởng, bởi vì có rất nhiều phương tiện truyền tin, như là báo chí, truyền hình, máy thu âm v.v..., sẽ ảnh hưởng đến nhiều người, cho nên một người làm sai, nhiều người sẽ bị ảnh hưởng. Quý vị coi, hiện thời có băng thu âm, băng thu hình, máy thu âm, máy truyền hình, báo chí, điện thoại v.v... những thứ này đối với mình rất tiện lợi, nhưng nếu như có người dùng những thứ này để làm việc xấu, cũng dễ như chơi. Cho nên những phong trào bại hoại ngày nay có thể truyền bá rất mau, nhiều người sẽ theo học và bị ảnh hưởng.

May là Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp tại Ấn Độ, nơi đó đời đời kiếp kiếp là thánh địa tu hành, con người rất hiền hòa, cho nên Ngài truyền pháp đương nhiên là dễ dàng. Cho dù là vị Thầy mà Sư Phụ quen biết bây giờ truyền pháp tại Ấn Độ, cũng là chuyện rất dễ dàng, không có gì đặc biệt, Sư Phụ nghĩ nếu như họ đến Trung Quốc hoằng pháp, mới là chuyện phi phạm.

Tại Ấn Độ một lần có thể truyền pháp cho cả mấy ngàn người, không có người hoài nghi hay là phỉ báng, nhưng nếu như đến Trung Quốc, có lẽ năm năm mới truyền pháp được cho một vài người. (*Mọi người cười.*) Cho nên Bồ Đề Đạt Ma quay mặt vào vách đá tọa thiền chín năm, mới có năm đứa học trò.

Bây giờ quý vị nên biết, vì sao Thiền Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, biến thành phương thức đánh mắt, bởi vì nghiệp chướng nơi đây quá nặng, từ nhỏ họ đã ăn thịt rồi. Thiền Ấn Độ truyền đến Nhật Bản còn tệ hơn nữa, bởi vì tinh thần háo thắng của họ quá mãnh liệt, cho nên tham công án không ra đến nỗi phải mổ bụng tự tử. Cho nên “*Pháp*” truyền đến đâu, đều bị ảnh hưởng bởi phong tục nước đó. Tại Ấn Độ thiền rất là nhu hòa, truyền đến Trung Quốc thì hung ác hơn, và rồi khi truyền đến Nhật Bản lại còn tệ hại hơn.

Mình nghe nói lúc Phật Thích Ca Mâu Ni truyền pháp, đều ngồi trên đài liên hoa, đài liên hoa đó có ý nghĩa gì? Bởi vì các đệ tử của Ngài sùng bái Ngài, cho nên dùng hoa trang hoàng, cúng dường chỗ ngồi của Ngài. Không phải chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni mới có tình trạng này, bây giờ cũng có, các vị Thầy mà Sư Phụ biết lúc truyền pháp, họ cũng trang hoàng rất đẹp, cũng như căn nhà mới để kết hôn vậy.

Thí dụ đến chỗ giảng kinh, các đệ tử kiểm trước miếng đất trống, làm một cái đài rất cao, tứ phía đều trang trí hoa tươi, dùng hoa tươi kết đầy tứ phía của cái đài, có hoa gì đẹp nhất, đều trang trí trên đó. Đôi khi họ dùng hoa xếp thành tên của vị pháp Sư đó trước đài cao, hay là dùng hoa sắp ra chữ “*hoan nghênh Sư Phụ*”. Có lúc họ tìm một miếng vải lớn, hay là tấm thảm, trải ra rất là xa, trên đó đều dùng hoa trang trí. Đương nhiên không phải lần truyền pháp nào cũng vậy, tùy theo chỗ và tục lệ.

Thường trong ngày lễ “*Sinh Nhật*” họ đều lấy hoa tươi sắp trên thảm, “*Hoan nghênh Sư Phụ*” hay là “*Chúc Mừng Sinh Nhật*” những chữ như vậy, họ sắp rất dài rất xa, rồi Thầy của họ

mới đi trên thảm hoa lên đài cao, ngồi trên đài liên hoa, đài liên hoa là từ đó mà ra. Đến nay tại Ấn Độ vẫn còn có tình trạng đó, có lúc họ làm như là một cái hoa sen để cho Sư Phụ của họ ngồi trên đó, bốn bên đều là hoa, ở ngoài cũng toàn là hoa, đài liên hoa cũng là dùng hoa làm thành.

Khí hậu ở Ấn Độ rất khô, hoa rất ít lại quý; Sư Phụ không hiểu được họ từ đâu đem nhiều hoa đến như vậy, hiện nay mình lấy hoa cúng dường tượng Phật là từ phong tục truyền thống của Ấn Độ mà ra. Họ vốn lấy hoa cúng dường Phật tại thế; hiện giờ họ vẫn cứ cúng dường Phật của họ y như vậy. Lúc một vị Sư Phụ đi giảng kinh, họ đều lấy hoa thơm cúng dường đặt ở phía trước. Khi vị Sư Phụ ngồi ở ghế liên hoa trên đài cao, họ liền đem hoa rải lên trên thân hay là trước chân của Ngài. Đôi khi toàn thân Ngài phủ đầy hoa biến thành Sư Phụ “*hoa tươi*” có đủ màu sắc của các loại hoa, như vậy mới là “*cúng dường*”. Người thời nay đều không hiểu cúng dường là gì!

Các vị Thầy này bất cứ đi đến đâu, họ đều chuẩn bị cho các Ngài rất nhiều món ăn chay, như vậy là cúng dường Phật. Họ không lễ bái thần hay tượng Phật gì cả. Sau khi họ theo Minh Sư tại thế học, những vị thần mà họ đã thờ đều “*nổi mốt*”, họ không cần phải tắm rửa cho thần nữa! Vì họ biết rằng lạy hay tắm rửa cho tượng thần đều không có công ích gì hết!

Lúc chưa tìm được Sư Phụ họ đều lạy các tượng gỗ, tượng đá. Khi gặp Minh Sư rồi, họ đều đem hoa tươi và trái cây để trước mặt Ngài. Đặc biệt nhất là trong ngày sinh nhật của Ngài, họ tổ chức rất long trọng. Vào ngày đó người đến thọ pháp nhiều nhất bởi vì sinh nhật của vị đại Minh Sư là ngày có nhiều phước báu nhất, ngày kiết tường nhất, ngày có nhiều lực lượng gia trì hơn. Rất nhiều thiên nhân, Phật Bồ Tát đến chúc mừng vị “Phật tại thế” đó. Nếu chúng ta có thiên nhân, chúng ta sẽ thấy được. Cho nên có người đặc biệt chờ đến ngày sinh nhật của các Ngài mới đến thọ pháp. Cả mấy ngàn người, mấy vạn người đến cung chúc

Ngài, không giống như ở đây, mỗi lần chỉ có một, hai người hay là một hai trăm ngàn người!

Ở Ấn Độ họ đến cả mấy chục ngàn người. Cho nên trước ngày này, họ phải tìm một chỗ trống rất lớn để lập đài cao lớn, trang trí các thứ hoa tươi, mọi người đều tự cắm trại ở lại đến hai ba ngày, mỗi ngày theo Sư Phụ của họ hát chung với nhau, cung chúc Ngài, kể chuyện của Ngài, kể chuyện khi họ được theo học với Sư Phụ của họ kết quả như thế nào, đời sống cải biến như thế nào! Lực lượng của Sư Phụ bên trong giúp họ như thế nào, họ nói đến là họ chảy nước mắt, họ thật tình kính ái Sư Phụ của họ, cho nên không cần dùng “*huong băng*”.

Khi thấy được Thầy, mắt của họ không muốn rời khỏi một giây, bởi vì đã lâu lắm họ không được gặp Ngài.

Ấn Độ rất lớn, họ không thể gặp được Sư Phụ của họ dễ dàng như vậy, muốn gặp mỗi ngày lại càng không thể được, cho nên gặp được Sư Phụ của họ, mắt họ không muốn rời khỏi nữa, bất cứ Ngài đi đến đâu thì nhìn đến đó! Họ cứ nhìn chăm chú vào mắt Thầy, nhìn cho thỏa lòng rồi mới về nhà. Còn chưa nhìn được mắt của Ngài họ không chịu rời khỏi.

Cho dù là có ở chung với Thầy cũng vậy, mỗi lần Ngài đi giảng kinh đệ tử đều đi tiễn đưa đến nơi rất xa. Cứ chạy theo xe của Ngài, có lúc Ngài cũng cố ý lái chậm hơn để người ta có thể nhìn thấy được Ngài. Có đệ tử chạy rất mau có thể nhìn thêm một lần nữa! Tuy rằng mỗi ngày sống chung với Ngài đều vẫn phải như vậy! Bởi vì rất có thể Ngài đi giảng kinh mười ngày, hai tuần lễ, hay là một tháng không trở về. Cho nên khi Ngài đi, đệ tử đều đi tiễn đưa.

Lúc Thầy của Sư Phụ trở về, các đệ tử cũng đi nghinh đón, đem bông thơm để đặt trên xe của Ngài, về đến đạo tràng rồi, tất cả đệ tử đều đến đánh lễ Ngài. Đệ tử ở Ấn Độ là như vậy; họ có sự quan hệ sâu dày giữa thầy trò. Đương nhiên là khỏi dùng gậy có phải không? Cũng không cần phải trách mắng họ! Họ đã biết

rõ rồi! Còn đánh mắng để làm gì! Cho nên ở Ấn Độ không có dùng hương bãng (*gây*), bất cứ mình đến trung tâm tịnh tọa nào đều không thấy một hương bãng (*gây*) nào hết. Nếu như mình hỏi họ về hương bãng, họ cũng không biết gì hết mà còn hỏi ngược lại mình hương bãng (*gây*) là gì! Họ đều là những người rất thành tâm thành ý đến cầu đạo. Khi vị Sư Phụ chưa đến truyền pháp, họ đều ngồi ngay ngắn, không lay động. Khi Thầy đến, họ cũng không làm ồn cho dù đến một tiếng động nhỏ! Không giống như học trò ở đây, lúc Sư Phụ chưa đến, thì dùng cơ hội này để nói chuyện không ngừng! Chỗ nào cũng nghe tiếng nói! Không có một chút trang nghiêm nào cả! Cũng thiếu thốn thái độ cung kính cầu pháp! Cho nên truyền Tâm Ấn rồi có người chạy mất, ra ngoài phỉ báng, phê bình Sư Phụ là ngoại đạo, nội đạo, trung đạo, hậu đạo. (*Mọi người cười.*)

Nếu như Phật Thích Ca Mâu Ni đến Formosa hay Đại Lục hay là đi Âu Lạc truyền pháp, Sư Phụ sẽ vỗ tay xưng tán Ngài! Truyền pháp ở Ấn độ rất dễ dàng không có gì đặc biệt. Nếu Sư Phụ đến Ấn Độ truyền pháp cũng sẽ thành công như vậy. Điều này không đáng kể! Ở Ấn Độ chỉ cần biết nói tiếng Ấn Độ, việc hoằng pháp là chuyện rất dễ dàng! Người phàm phu như Sư Phụ mà cũng đã có ba người đệ tử Ấn Độ, mà lúc đó Sư Phụ còn chưa có ý hoằng pháp, tại họ ép buộc Sư Phụ truyền pháp. Sư Phụ chỉ ở lại nơi đó một hai ngày, đã có ba đứa đệ tử rất trung thành. Mặc dù chỉ ở lại một hai ngày rồi đi, nhưng cho đến giờ, họ vẫn còn viết thư hỏi thăm, vẫn còn rất cung kính như trước! Ba năm sau khi Sư Phụ trở lại thăm, họ reo mừng “*Đại Sư Phụ trở về rồi!*” Cả xóm làng đều biết, đều rủ nhau đến coi Đại Sư Phụ lớn như vậy! (*Sư Phụ ra dấu, mọi người cười.*) Làm cho Sư Phụ mắc cỡ quá trời! Sư Phụ chỉ muốn âm thầm trở về thăm họ, vì đã ba năm rồi không gặp mặt. Nên muốn trở lại xem họ tu hành như thế nào? Sư Phụ nghĩ thầm không biết chừng họ đã quên mất Sư Phụ là ai rồi, không ngờ họ reo mừng đến như

vậy! Nhiều người đều chạy đến để xem “Đại Sư Phụ” của họ. (Mọi người cười.)

Vì sao họ có lòng kính ái đó? Vì sao họ tu hành mà không cần phải đánh mắng? Bởi vì đẳng cấp của họ đã cao rồi, hiểu rằng Phật giáo không có ích lợi gì, Phật tại thế mới có ích lợi. Người Ấn Độ hiểu được Sư Phụ của họ là “Phật”. Nếu như đẳng cấp của họ không cao, không hiểu được thứ tình trạng như thế, vẫn cứ đi lạy kinh, lạy Phật giáo, Phật pháp mà không hiểu được Phật ở nơi đâu. Cho dù họ tìm không được “Phật tại tâm” ít nhất họ còn nhận biết được “Phật tại thế” ở bên ngoài như vậy mới có thể nói đẳng cấp tu hành đã cao rồi!

Nếu như tu hành mấy chục năm mà vẫn còn lạy Phật giáo, vậy tu hành cái gì? Phật giáo không nói chuyện, không có trả lời công án của mình, không có gia trì, không có giúp đỡ mình tu hành, chỉ có “Phật tại thế” mới có thể làm được. Cho nên người Ấn Độ tu hành không cần đánh mắng gì hết! Đẳng cấp của họ đã cao, đến nỗi không cần phải nói đến chuyện này. Sự tôn kính Sư Phụ của họ như thế, đã chứng minh rõ ràng là họ đã hiểu rõ lắm rồi. Cho nên không cần nói gì hết họ cứ tiếp tục tu hành là đủ!

Cùng một tình trạng, cùng một vị Sư Phụ đó; nếu như đến Trung Quốc thì có lẽ phải đánh mắng học trò rất nhiều, vì sao vậy? Bởi vì họ không tôn kính Sư Phụ của họ, không đủ thành tâm để tu hành! Môn đồ thích biện luận với thầy của họ. Nếu như Sư Phụ của họ bảo họ làm gì, họ sẽ nói họ nghĩ nên làm như vậy mới đúng! Mỗi ngày họ đều muốn biện tới, biện lui với thầy của họ, bởi vì đẳng cấp quá thấp! Cho nên thầy cũng không có biện pháp khác để giúp đỡ họ, chỉ có thể mỗi ngày đánh mắng cho đến một khoảng thời gian sau nghiệp chướng của họ tiêu trừ bớt đi, “ngã chấp” của họ giảm bớt phần nào, bởi vì họ bị Sư Phụ của họ dùng phương thức đánh mắng, mài dũa thành dáng điệu đẹp đẽ; lúc đó mới có thể hiểu biết được một chút. Vì lý do trên cho nên các vị thiền sư thời cổ ở Trung Quốc, đều dùng phương pháp

cứng rắn để dạy học trò! Người đông phương bao gồm Trung Quốc, Âu Lạc, Nhật Bản, v.v... ưa thích văn chương và những gì trí thức hơn, nhưng mà trí thức và văn chương vẫn còn nằm trong Tam Giới, vẫn là học vấn của thế giới này! Không có liên quan gì đến vấn đề giải thoát.

Tại Ấn Độ, đối với người Ấn Độ mà nói, học vấn, tiền bạc không có gì quan trọng, giải thoát thành Phật mới là điều quan trọng nhất! Nước của họ có vẻ nghèo nhưng họ rất vui vẻ, Sư Phụ ít khi thấy người Ấn Độ buồn rầu! Bất luận gia đình của họ nghèo hay giàu có, địa vị cao hay thấp, họ đều tươi cười. Thấy họ mỗi ngày đều rất hỷ lạc, bởi vì tâm họ đơn thuần. “*Tâm tịnh tức quốc độ tịnh*”, cho nên mấy ngàn năm nay họ ít có chiến tranh, không có nội chiến nhiều, cho đến gần đây mới có bởi vì bị nhiều ảnh hưởng của các nước ngoài. Mấy ngàn năm qua phần lớn người Ấn Độ ăn chay, bây giờ họ dần dần ăn thịt thật là tình trạng đau buồn. Nhưng cũng không cách nào hơn! Thời mạt pháp chỗ nào cũng bị ô nhiễm!

Quả địa cầu của chúng ta bây giờ dần dần biến thành rất nguy hiểm. Nếu như quý vị đọc báo sẽ biết, tầng không khí bảo hộ bao bọc quả địa cầu, bởi vì thử nỏ quá nhiều nguyên tử, hạch tử, mà xuất hiện nhiều lỗ hổng, nếu như không mau bù đắp, chúng ta sẽ vãng sanh rất mau, lia khỏi thế giới này rất sớm, không cần niệm Phật cũng sẽ vãng sanh chung, hoàn toàn vãng sanh hết. (*Mọi người cười.*)

Ở Ấn Độ, họ không coi trọng Phật giáo, mà tôn kính Phật tại thế. Các nơi khác, không coi trọng Phật tại thế, mà tôn thờ Phật giáo. Cho nên thiên Ấn Độ, thiên Trung Hoa và thiên Nhật Bản đều khác nhau. Bởi vì người tu hành tại Ấn Độ, họ nhận thức được Phật ở đâu, cho dù họ vẫn còn chưa nhận thức được Phật tối cao ở bên trong, tối thiểu họ vẫn nhận thức được Phật tại thế ở bên ngoài, thờ Phật mà đã thành Phật.

Nhưng khi thiền được truyền đến Trung Quốc rồi, người tu hành một bên đi lạy Phật gỗ, một bên trở về biện luận với Phật tại thế của họ, có hiểu ý của Sư Phụ chưa? Tại Nhật Bản cũng vậy, họ cung kính đem khúc gỗ về nhà trang hoàng lễ bái, ngày mai lại trở về biện luận với Sư Phụ của họ, về nhà lại lạy Phật gỗ, như vậy nếu như không đánh đệ tử, làm sao dạy được?

Cho nên mình nghe rất nhiều chuyện “*thiền*”, diễn tả các thiền Sư thời xưa đều rất hung, lúc học sinh hỏi câu hỏi, liền bị ném ghế, ném gậy lên đầu. Có một cốt truyện, có một vị học sinh hỏi thiền Sư: “*Vì sao Ngài Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc?*” Vị đó hỏi đến lần thứ ba, vị Sư Phụ liền bảo: “*Đưa ghế đó cho ta.*” (*Mọi người cười.*) Khi người học trò đưa ghế cho vị Sư Phụ, Ngài lấy ghế liền đánh người học trò, vì không có cách để nói. Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa làm gì, có quan hệ gì đến mình? Sao hỏi nhiều như vậy? Hỏi chuyện đó để làm gì? Có phải cần phải đánh mới có thể “*khai*” phải không? Không khai ngộ được bên trong thì khai ngộ bên ngoài. (*Mọi người cười.*)

Ở Ấn Độ không có thứ vấn đề đó, không có “*Tôi là ai?*” “*Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì?*” “*Ai niệm Phật?*” các thứ công án đó... Tại Trung Quốc vì họ thích hỏi như vậy, cho nên các thiền sư cũng hăng thuận chúng sanh, biến câu hỏi thành thoại đầu, sau này biến thành “*đánh đầu*” (*mọi người cười*), sau này quán đơn điền không thành, cuối cùng nên “*khai*” đơn điền (*mọi người cười*), bởi vì hỏi mà không khai ngộ được, cho nên phải khai cái này (*Sư Phụ chỉ bụng*), ít nhất khai bụng còn đơn giản hơn khai ngộ. Cho nên càng tu càng chương ngại, bởi vì dạy pháp môn bên trong, họ không thể tiếp thu, chỉ còn nước dạy thứ bên ngoài.

Quý vị có biết Hoà Thượng Quảng Khâm tu cái gì không? Ngài tọa thiền rất tinh tấn, nhưng lúc nhiều người đến hỏi Ngài làm sao tu hành, Ngài đều dạy họ tụng “*Nam Mô A Di Đà Phật*”,

có phải như vậy không? Bởi vì Ngài biết, không còn cách nào khác hơn nữa để dạy họ được.

Nhiều người cũng đến hỏi Sư Phụ, Sư Phụ cũng nói tụng “*Nam Mô A Di Đà Phật*”, là đủ rồi, bởi vì Sư Phụ không cách nào nói những chuyện khác, nếu như nói Chân Lý, họ sẽ ra ngoài phỉ báng người này là ngoại đạo, không bày niệm Phật, mà bày người ta quán âm gì đó. Formosa có nhiều cao tăng như thế, sao chưa từng nghe nói qua pháp môn này? Cho nên kết luận của họ là, pháp môn này nhất định là ngoại đạo. Thành kiến của chúng sanh sâu như vậy, Sư Phụ cũng không có biện pháp dạy họ. Bởi vì còn có nhiều thứ thuộc về bên ngoài, nếu như chấp trước nơi đó thì càng tu càng đi ra ngoài.

Thí dụ có người theo Sư Phụ học, họ đương nhiên rất thích Sư Phụ, học có kết quả, biết được Sư Phụ là ai, rất thích, ngày thường bởi vì không có thời giờ đến gặp Sư Phụ, cho nên thỉnh hình của Sư Phụ về nhìn. Nhưng nếu người khác không theo Sư Phụ học, thấy những người học trò đã thọ pháp đem hình về coi, họ cũng bắt chước đem hình về coi, tưởng rằng Sư Phụ dạy họ tụng Nam Mô A Di Đà Phật, rồi họ lại đem hình của Sư Phụ về, cho rằng như vậy là đủ rồi. Họ sẽ bảo rằng miễn sao họ cùng có Sư Phụ như nhau, có hình giống nhau, có gì khác nhau đâu? Đương nhiên là khác biệt, có thọ pháp và không thọ pháp đương nhiên không giống nhau.

Cho nên muốn dạy người không phải là chuyện dễ, cho dù là học trò đã thọ pháp, đã dạy họ tìm được Bản Lai Diện Mục của mình, nhưng họ cũng không nhận biết được Bản Lai Diện Mục này, còn hỏi Sư Phụ: “*Phật Tánh của con đâu? Khi nào mới tìm được? Lúc nào con mới khai ngộ?*” Hôm qua Sư Phụ đã truyền Tâm Ấn cho họ, mà hôm nay còn hỏi: “*Con theo Sư Phụ học đến lúc nào mới khai ngộ?*” Hôm nay hỏi vấn đề này, năm sau hỏi trở lại vấn đề cũ: “*Sư Phụ, sao con còn chưa khai ngộ? Bản Lai Diện Mục của con đâu? Làm sao mới tìm được chính mình?*”

Người như vậy, cho dù tìm được Bản Lai Diện Mục cũng không nhận biết, bởi vì quên mất Bản Lai Diện Mục quá lâu, nó đã nổi mốc lâu rồi, khi tìm được trở lại vì đẳng cấp quá thấp kém cũng không thấy được, tuy rằng những người đó đẳng cấp quá thấp, nhưng họ cũng có thể tu, cũng được giải thoát, theo Sư Phụ học, thọ pháp rồi, đương nhiên được giải thoát, đẳng cấp cũng khác với trước, tùy theo trình độ siêng năng tu hành của cá nhân nhiều hay ít.

Lúc này Sư Phụ có nói đến, có rất nhiều pháp môn tu hành, thí dụ như tham công án, tối thiểu nên có chút trình độ về trí thức, mới có thể tham công án, hay là thích biện luận mới có thể tham công án. Ngoài ra còn nghiên cứu kinh điển. Còn có quán đơn điền, quán hơi thở, quán xương trắng, quán không sạch (*bất tịnh*) hay là quán tướng A Di Đà Phật v.v...

Pháp môn nào cũng phải dùng ngôn ngữ, còn phải có điều kiện, có năng lực, đối với các pháp môn kể trước, lực căn đều phải hoàn bị mới có thể tu, có hiểu ý của Sư Phụ không? Cần phải có mắt, không thể điếc, người ta tu lưỡi hay tu mũi, đều phải có đầy đủ công năng của mũi và lưỡi, nếu như có người mũi của họ xẹp quá, vậy họ làm sao quán mũi? Có hiểu chưa? Không may bị xe đụng bị tàn tật không còn sống mũi làm sao quán mũi? Như vậy là pháp môn không hoàn mỹ rồi.

Quán đơn điền cũng phải hiểu, quán như thế nào mới có thể quán, nếu như người đó rất dốt, hay là điếc, mù thì làm sao giải thích cho họ biết quán đơn điền là gì? Đây là việc rất phức tạp, không dễ gì muốn quán đơn điền là quán được. Đơn điền vốn dùng để tiêu hóa đồ ăn của mình, không phải dùng để quán gì hết, đơn điền là cảnh giới thấp, quán nơi đó sau khi chết sẽ đi nơi đó, bởi vì khi chết ý niệm của chúng ta đặt ở nơi đó, mình sẽ đi đến đó, có phải vậy không? Nếu như quán đơn điền, thì khi trở lại phải làm gì? Làm lỗi, sâu trong bụng. Cho nên phải cẩn thận, quán ở đâu sẽ đi nơi đó.

Quán mũi, trở về sẽ biến thành đồ bài tiết của lỗ mũi, hay là biến thành lông mũi. Quán tim trở về cũng biến thành tim. Trong tâm có những gì? Có máu huyết, thần kinh, huyết quản, đều không có ích dụng! Quán những nơi đen tối, cảnh giới phàm phu vô thường có ích gì?

Nếu như nói quán mũi, quán hít thở, quán tâm, quán đơn điền có thể thành Phật, cho dù chỉ là giả sử mà thôi, cũng không có cách nào giải thích cho viên thông, bởi vì có người vừa mù lại vừa điếc, không thấy được, cũng không thể nói, vậy làm sao dạy họ tu? Có hiểu chưa? Nhưng Sư Phụ có một pháp môn, cho dù người điếc cũng có thể tu, người mù cũng được, Sư Phụ cũng có học trò điếc, mù, họ đều có thể nghiệm. Người mù có thể thấy được ánh sáng, thấy được Phật Tánh, người điếc cũng có thể nghe được âm thanh bên trong, không dùng ngôn ngữ cũng có thể truyền pháp, cho dù có người vừa mù lại vừa điếc, Sư Phụ cũng có thể truyền Tâm Ấn cho họ, họ cũng có thể nghiệm như người thường.

Cho nên Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối hoàn mỹ, người nào cũng tu được, trẻ nhỏ cũng tu được, Sư Phụ có học trò được sáu tuổi, thể nghiệm của họ cũng như Kinh Phổ Môn. Còn người già 80 tuổi cũng có thể tu, họ đều có thể nghiệm tốt như nhau.

Như vậy mới là pháp môn hoàn mỹ, còn không, nếu như người không có chân không thể xếp bằng, thì không thể tham công án. Không có trí thức, tuổi quá lớn, cũng không thể tham công án. Hay là tuổi quá nhỏ, như trẻ nhỏ, làm sao dạy nó tham công án? Làm sao dạy nó quán đơn điền? Người có bệnh làm sao xếp bằng? Người không có đuôi làm sao xếp? Cho nên một pháp môn toàn mỹ có thể thích hợp cho tất cả căn cơ, tất cả giai cấp, tất cả nam nữ già trẻ, mù điếc câm đều có thể học, pháp môn hay như vậy chỉ có Pháp Môn Quán Âm mà thôi. Tất cả các pháp môn khác nếu như còn phải dùng lục căn, lục trần để tu, hay là phải dùng đầu óc của mình để quán tưởng, đều chưa phải là pháp môn hoàn mỹ.

Cho nên Pháp Môn Quán Âm đòi đòi kiếp kiếp đều là pháp môn tối cao, là nguyên do đó. Bởi vì chỉ có pháp môn này mới có thể cứu cánh thành Phật, các pháp môn khác đều chẳng có lợi ích gì nhiều, nhiều pháp môn chỉ là suy đoán ra mà thôi, bởi vì không tìm được Pháp Môn Quán Âm, cho nên đoán tướng, có lẽ người xưa tu như vậy, cho nên họ tự phát minh nhiều pháp môn, tự tu bậy bạ.

Thí dụ không biết làm sao làm bánh mì, thấy người khác dùng bột mì làm như vậy, mình cũng làm theo, rốt cuộc làm bậy bạ, cũng không ra một ổ bánh mì. Lúc Sư Phụ mới đến nước Anh, ở nơi đó không có bánh mì ngon, nhớ hồi ở Sài Gòn ăn thứ bánh mì Pháp, rất giòn và thơm. Nhưng ở Anh, ngoài thành phố lớn, những chỗ khác không có loại bánh mì giòn đó, họ đều bán bánh mì mềm, cũng như bánh mì cắt từng miếng mà mình đã thấy, Sư Phụ không thích thứ này lắm, mà thích bánh mì Pháp hơn, cho nên tự làm lấy, nhưng Sư Phụ không biết cách làm, hồi giờ chưa từng thử qua. Lúc còn ở Âu Lạc, việc nhà đều có người làm lo hết, Sư Phụ ra nước ngoài rồi mới học nấu cơm, vì lúc đó Sư Phụ không có người làm, tất cả đều phải tự lo.

Lúc đó Sư Phụ học làm bánh mì, lần thứ nhất làm thành bánh mì vừa cứng và vừa đen (*mọi người cười*), lần thứ hai tiến bộ hơn thành màu café, lần thứ ba có một nửa màu café, còn một nửa không biết nên gọi là màu gì (*mọi người cười*), cũng không phải màu trắng. Sau này Sư Phụ hỏi người láng giềng, bà ta bày Sư Phụ cách làm ra sao, bà làm ra rất ngon lành, Sư Phụ học theo nhưng lần thứ nhất cũng không thành, dù sao vẫn còn tốt hơn những lần trước, bởi vì nhìn đã có dáng của ổ bánh mì, ăn nó cũng có chút mùi của bánh mì.

Lúc trước làm bánh mì không thể ăn được, vì thiếu thầy chỉ dẫn, thấy người khác làm bánh mì như rất đơn giản, Sư Phụ tưởng chỉ cần có nước và bột mì, rồi lấy tay nắn bột, bỏ vào nướng là đủ rồi, rốt cuộc nướng đen thui. Thật sự, không phải dễ như vậy, trong quá trình có nhiều chi tiết phải nắm cho đúng.

Nói thí dụ phải bỏ bao nhiêu bột mì, bao nhiêu nước, bao nhiêu đường, bao nhiêu muối, bao nhiêu bột nổi, nên dùng bao nhiêu sức? Nhồi nắn bao lâu? Bỏ vào lò nướng bao lâu? Độ nóng phải giữ ở mức nào? v.v..., như vậy bánh mì ra lò ăn mới thơm ngon. Cho nên không có dễ dàng như vậy. Xưa kia Sư Phụ tưởng rằng bột mì trộn với nước vò thành một cục, bỏ vào lò nướng là xong, kết cuộc biến thành cục đá, thật ra cũng không phải là cục đá, nhưng mà nó lại cứng lại đen, ăn một lần liền đau bụng, không biết chừng sẽ vãng sanh (*mọi người cười*), cho nên không dám ăn, sau này biết có người láng giềng dạy người ta làm bánh mì, mới theo học, và làm được rất nhanh.

Nếu như mình học làm bánh mì còn cần phải có người thầy chỉ dẫn. Vậy nếu muốn học thành Phật thì sao? Có phải càng phải tìm một vị Chân Sư hướng dẫn? Người láng giềng bày Sư Phụ làm bánh mì, Sư Phụ rất cảm ơn bà ta, sau đó bà ta còn dạy Sư Phụ làm nhiều thứ bánh, lần nào Sư Phụ làm bánh mì hay bánh, Sư Phụ đều đem một ít cho bà ta, cho đến nay Sư Phụ vẫn rất cảm ơn bà ta. Nhưng chúng ta học Phật lại quên đi, theo Sư Phụ học pháp môn rồi, không còn biết lo gì nữa hết. Mới tu hành phải gần gũi Sư Phụ nhiều một chút, người mới tu hành sẽ có nhiều nghi vấn, nhưng không phải hỏi toàn là những câu bậy bạ, như Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc làm gì? Nếu như đem những thứ đó hỏi Sư Phụ, Sư Phụ cũng sẽ ném ghế. (*Sư Phụ và mọi người cười.*)

Có người còn hỏi càng kỳ cục hơn: “*Sư Phụ ơi! Phật cao hơn Trời, hay là Trời cao hơn Phật?*” Hỏi thứ câu hỏi đó Sư Phụ cũng sẽ ném ghế (*mọi người cười*). Hỏi cái đó làm gì? Đẳng cấp của mình còn chưa đủ tư cách sờ vào giày của Trời, vậy hỏi Trời để làm gì? Đôi khi nào mình đạt đến đẳng cấp của Trời, tự nhiên sẽ rõ. Bây giờ muốn đánh giày của ông Trời, ông còn chưa chịu cho mình đánh giày!

Nước nào cũng có người chuyên môn đánh giày cho người ta, họ ngồi bên lề đường, chờ đánh giày cho mình. Mình mới tu

hành, còn chưa đạt đến đẳng cấp đánh giày cho họ, còn hỏi gì, Phật và Trời ai cao hơn ai? Mỗi ngày cứ biện luận thứ đó, hay là hỏi có Thượng Đế hay không? Thượng Đế có phải cao hơn Phật? Hay là Phật cao hơn Thượng Đế? Hỏi thứ câu hỏi đó thật uổng thời giờ, cho nên đôi khi Sư Phụ nghe thấy mệt, vì hỏi quá nhiều tên.

Có người đến hỏi Sư Phụ: *“Lão Tử có phải tốt hơn Phật?”* Hỏi quá nhiều tên, quá nhiều tôn giáo, Sư Phụ mệt chết, vì họ không hiểu được Kinh Đạo Đức của Lão Tử, cho nên mới hỏi thứ câu hỏi đó. Thượng Đế cao hay là Phật cao có nhằm nhò gì đến mình? Sư Phụ bây giờ không cần lo gì đến Phật hay là Thượng Đế, không lo đến cả hai, ai cao ai thấp họ phải so với nhau, chuyện đó hỏi Sư Phụ làm chi? Có hiểu không? Nếu như Phật muốn đánh giặc hay là so sánh với Thượng Đế, đó cũng là chuyện của họ, không có liên hệ gì đến Sư Phụ, đối với quý vị cũng không có liên hệ gì, hỏi thứ câu hỏi đó sẽ để cho các thiền sư cầm ghế, cầm gậy mà ném mình.

Nhưng chỗ tu hành của Sư Phụ không có hương bãng, nhưng Sư Phụ sẽ cầm những thứ khác, Sư Phụ có trái cây rất nhiều (*mọi người cười*), không cần đợi cho quý vị hỏi hết câu, Sư Phụ sẽ ném quả trước, như vậy nghiệp chướng mới *“tiêu hóa”* được mau một chút. Nơi đây Sư Phụ không ném trái cây, vì đây không phải là đạo tràng của Sư Phụ. Nhưng ở chỗ của Sư Phụ, Sư Phụ sẽ ném, nhưng mà người bị ném trúng rất vui mừng, họ thích ăn trái cây của Sư Phụ.

Bây giờ quý vị đều nên biết, những pháp môn tầm thường đều vẫn còn là hạng A B C được dùng cho lúc mới tu. Cho nên trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối cao, điều đó không có sai, Sư Phụ có tu qua, cho nên biết được, học trò của Sư Phụ có tu pháp môn đó, họ cũng đều biết được, ngoại trừ những người học trò đầu óc cứng đặc biệt, không tu hành cũng không thường đến

cộng tu. Sư Phụ không thể dùng ghế mở trí huệ cho họ, cho nên khai ngộ nhỏ (*mọi người cười*), chỉ khai ngộ có chút xiu, rất có thể lại khép trở lại, cho nên mới mệt. Nếu những ai thật lòng cố gắng tu hành, họ đều biết Pháp Môn Quán Âm là pháp môn tối cao, tối cứu cánh.

Bây giờ muốn hỏi gì thì hỏi, nhưng đừng có hỏi Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa làm gì? (*Mọi người cười.*) Cho đến ngày nay vẫn còn có nhiều người tham công án này, Sư Phụ không hiểu tham như vậy có ý nghĩa gì, nhưng có nhiều vị thiền sư còn dạy thứ này, đó là uổng phí thời giờ, nếu như bây giờ Bồ Đề Đạt Ma tái sanh, trở ra dạy mình, lúc đó hỏi mới thật sự có ích dụng.

Nhưng mà mình có thể hỏi như, “*Bồ Đề Đạt Ma hiện giờ ở đâu? Tôi muốn tìm Ngài.*” Tìm được vị Bồ Đề Đạt Ma tại thế mới là công án tốt nhất, không nên vì một vị đã qua đời một hai ngàn năm trước, lại không có liên quan gì đến mình, mà nghĩ suy nết óc.





9

Pháp Môn Quán Âm: Âm Thanh Bên Trong

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa**

Ngày 16 tháng 4 năm 1987

Giảng kinh cũng giống như viết văn, viết thơ vậy; có lúc không muốn viết gì hết, có lúc lại có cảm hứng rất nhiều, nửa đêm cũng có thể sáng tác được những bài văn và những câu thơ hay.

Nhưng trường hợp của tiên sinh Lý Bạch thì hơi đặc biệt. Nghe nói ông ta uống rượu cho tới say mềm mới viết ra những câu thơ hay. Tại sao vậy? Đa số người cho rằng lúc Lý Bạch say sẽ quên mất ngã cháp, quên mất hổ thẹn, quên mất phiền não, nên lúc đó những gì bộc lộ ra đều là thơ chân thuần.

Sự thật hình như không phải như vậy. Thi sĩ uống rượu thường vì họ cảm thấy thất vọng với xã hội này, không có tri kỷ, nên mượn rượu để tạm an ủi lấy mình, tạm quên đi thế tục khổ não này. Nếu như quý vị đi hỏi những thi sĩ khác, họ sẽ nói: “*Lúc đầu óc mình mất mới có thể làm thơ và viết ra rất tự nhiên.*”

Sư Phụ giảng kinh cũng rất tự nhiên. Nếu như ngày hôm qua Sư Phụ chuẩn bị nội dung cho buổi giảng kinh hôm nay, bây giờ nói ra hình như sẽ không hay. Giảng tự nhiên là tốt nhất, chuẩn bị trước thì không được tốt lắm. Có sự chuẩn bị tức là có dùng đầu óc phàm phu của mình để suy nghĩ. Cho nên quý vị ít khi nào thấy Sư Phụ cầm kinh điển. Theo kinh điển chuẩn bị trước rồi giảng sẽ biến thành một kỹ thuật của nhân loại, không phải là giảng kinh Phật.

Sư Phụ không mấy thích cầm kinh điển để giảng, nhưng Sư Phụ thường dẫn chứng từ kinh điển để so sánh, vì muốn cho người ta tham khảo kiểm chứng, và mới dễ tiếp nhận giáo lý của Sư Phụ. Chúng sanh hay chấp nhất, họ quen với kinh điển lâu lắm rồi, nếu Sư Phụ không dẫn chứng nội dung từ trong kinh điển, họ khó mà chấp nhận được. Trên thực tế Sư Phụ không dùng kinh điển để giảng cũng được, những gì Sư Phụ nói đều hoàn toàn y như giáo lý của các Chân Sư thời xưa.

Hôm nay Sư Phụ nói về “*Âm Thanh*”. Theo Thánh Kinh, “*Âm Thanh*” tức là Thượng Đế. Trên Thánh Kinh nói: “*In the beginning was the Word (sound). The Word was with God, and the Word was God. Everything was made by this and nothing was not made by this.*” Nghĩa là gì?

“*Bắt đầu có vũ trụ đã có Âm Thanh, có “Word”.* Âm Thanh cùng ở với Thượng Đế, Âm Thanh là Thượng Đế, vạn vật trong vũ trụ đều từ âm thanh mà sanh ra.” Ý của đoạn văn này là: “*Âm Thanh tức là Thượng Đế.*”

Trong Thánh Kinh còn nói, trong ta có Thượng Đế, có Thiên Quốc. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng nói, mình có Phật tánh ở bên trong, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. “*Tánh*” là chỉ phẩm chất, tất cả chúng sanh đều có phẩm chất thành Phật, nhưng chỉ làm người mới có cơ hội thành Phật. Những chúng sanh khác, thí dụ, có người hỏi Hòa thượng Triệu Châu: “*Chó có Phật tánh hay không?* Ngài Triệu Châu đáp: “*Không*”. Không phải chó

không có Phật Tánh, Ngài trả lời “*không*”, không có nghĩa là không có. Ngài trả lời như không trả lời vậy. Bởi vì họ là thiền sư, câu trả lời rất kỳ lạ, trả lời “*không*” không có nghĩa là chớ không có Phật Tánh.

Giả sử chớ có Phật Tánh, chớ tu hành có thể một đời thành Phật hay không? Nếu như thành Phật thì sẽ thành Phật gì? Thành Phật Chớ. (*Mọi người cười.*) Hiển nhiên là không phải. Nhìn hình dáng của Phật đều giống như chúng ta, cho nên chỉ có con người mới có thể thành Phật. Chưa từng nghe hoặc thấy Phật chớ. Chớ tuy có Phật Tánh, nhưng không thể tu một đời thành Phật. Nếu như muốn tu hành thành Phật, phải thành người trước, thành người rồi mới có thể tu lên thành Phật.

Vì sao chỉ người mới có thể tu thành Phật? Điều này cũng như hỏi tại sao ban ngày lại có mặt trời, ban đêm lại có mặt trăng vậy. Không có tại sao. Vốn tự nhiên như là như vậy. Cho nên muốn thành Phật, cần phải làm người trước.

Âm thanh này Thiên Chúa giáo gọi là Thượng Đế. Nếu như âm thanh này ở bên trong ta, có phải ý nói “*Thượng Đế cùng ở chung với mình không?*” Nếu Thượng Đế ở chung với ta, thì ta cũng gần như đẳng cấp của Thượng Đế rồi. Giả sử Thượng Đế ở bên trong mình, thực hiện điều khiến tất cả hành động của chúng ta, như vậy phải chăng chúng ta là Thượng Đế? Âm thanh này trong kinh điển Phật giáo gọi là Phật Tánh, ngoài ra không còn Phật Tánh nào khác.

Vì sao âm thanh này là Phật Tánh? Phật Tánh là gì vậy? Nếu cho rằng có Thượng Đế, thì Thượng Đế nghĩa là gì? Thượng Đế là đẳng cấp tối cao, là lý tưởng tối cao. Ngài tượng trưng cho một tư tưởng hay một quan niệm tối cao, cho nên Thượng Đế có thể tạo ra vạn vật, Phật giáo gọi là “*Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*” hay Phật Tánh. Nếu Thượng Đế nghĩa là vậy, thì Âm Thanh cũng thế. Âm Thanh tức là Thượng Đế, cũng là Phật Tánh, và tất cả mọi vật đều từ Âm Thanh mà ra.

Về điểm này bất cứ kinh điển Phật giáo hay Thánh Kinh đều có nói đến. Tu Pháp Môn Quán Âm rồi sẽ hiểu. Tu Pháp Môn Quán Âm càng nhiều, hiểu biết được càng sâu. Tuy mình chỉ nghe âm thanh, nhưng sau khi tu một thời gian sẽ biết tất cả, muốn biến hóa cái gì cũng được. Lúc mình tọa thiền, sẽ thấy hóa thân Sư Phụ đi đây đi đó, đến bệnh viện thăm quý vị, đến nhà quý vị dạy quý vị những gì đó, dẫn quý vị đi thăm Thiên Đàng, viếng địa ngục.

Tất cả đều là hóa thân của Sư Phụ, vì sao? Vì Sư Phụ tu Pháp Môn Quán Âm nên biết rằng tất cả mọi vật đều từ Âm Thanh sanh ra. Sư Phụ cũng là Âm Thanh này, có hiểu không?

Xác thân này (*Sư Phụ tự chỉ mình*) chỉ là nhục thể mà thôi, không phải là Sư Phụ. Đây chỉ là y phục Sư Phụ mặc. Sư Phụ mặc rất nhiều y phục. Thí dụ hiện giờ giảng kinh nơi công cộng, theo lễ phép, Sư Phụ mặc áo hải thanh. Nếu như đi trên đường, Sư Phụ lại mặc y phục khác. Tất cả đều là y phục của Sư Phụ mà thôi. Hôm nay Sư Phụ mặc áo vàng, hôm qua màu café đậm. Không phải Sư Phụ biến đổi, chỉ có y phục khác nhau mà thôi.

Xác thân này cũng như vậy, nó không phải là Sư Phụ. Sư Phụ là Âm Thanh. Nhục thể chỉ là lớp y phục Sư Phụ mặc mà thôi. Mang bộ áo nhục thể này cho người ta thấy được. Nếu như Sư Phụ chỉ là âm thanh thì quý vị làm sao chạm vào được? Sư Phụ làm sao giao thiệp với quý vị?

Bên trong của quý vị cũng có âm thanh này, nhưng nó còn chưa được phát hiện, chưa được mở ra, chưa được phát triển. Nhục thể của quý vị cũng là y phục của Âm Thanh, y phục của một thứ lực lượng mà mình gọi là Thượng Đế. Nếu không gọi là Thượng Đế mà xưng là Phật Tánh, thì xác thân này là y phục của Phật Tánh, có hiểu không?

Âm Thanh hay Phật Tánh vĩnh viễn tồn tại. Bất cứ mình làm gì, làm người, làm chó, làm voi, làm rồng, làm ngựa, làm sư tử, làm cọp v.v... âm thanh đó vĩnh viễn ở bên trong mình. Hễ mình

mặc y phục con người là có thể dùng Âm Thanh này, Phật Tánh này. Lúc mình mặc y phục cạo hay những loài động vật khác, thì không thể dùng Âm Thanh này được. Hiểu ý Sư Phụ chưa?

Âm Thanh hay là lực lượng này bao hàm vạn vật trong vũ trụ, có thể biến thành thân thể này, và đương nhiên cũng có thể biến thành những thân thể khác. Cho nên đôi khi quý vị mới thấy Sư Phụ là Quán Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phật Thích Ca Mâu Ni v.v... Thật ra tất cả đều là một, đều từ Âm Thanh, từ lực lượng của Thượng Đế, từ Phật lực, Phật Tánh, từ vị Thầy lớn nhất hóa ra. Vũ trụ vạn vật đều từ vị Thầy đó mà ra, thành nhục thể này, thành hóa thân, thành thân thể của trăm ngàn ức hóa thân, thành Quán Thế Âm Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát, hay Thập Phương Tam Thế Phật Bồ Tát.

Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang, Ngài cũng từ Âm Thanh mà ra. Nhưng khi quý vị đọc Kinh A Di Đà, không hiểu được thậm thâm vi diệu pháp của Kinh, cho nên Phật A Di Đà mà quý vị hiểu, rất có thể, khác với những gì Sư Phụ giảng.

Nếu như Phật Thích Ca Mâu Ni nói có một người tu thành Phật A Di Đà, tại sao Sư Phụ lại nói: *“Phật A Di Đà cũng từ âm thanh đó sanh ra?”* Bởi vì ánh sáng cũng là âm thanh, nhưng vi tế hơn một chút. Âm thanh là ánh sáng hơi thô một chút. Hai thứ đều là chấn động lực.

Cho nên nói Phật A Di Đà là Âm Thanh không có sai. Tu hành Pháp Môn Quán Âm nhiều rồi tự nhiên sẽ biết.

Âm Thanh này cũng không phải là âm thanh, nó là một thứ ánh sáng, một thứ ánh sáng có âm thanh; hay có thể nói nó là một thứ hào quang êm dịu. Cũng có thể nói đó là âm thanh rất đẹp mắt, vì có ánh sáng, lại có âm thanh. Cho nên nói *“quán âm”* chứ không phải *“nghe âm”*. Không thể dùng tai nghe nó được, bởi vì âm thanh này cũng không phải là âm thanh. Rất có thể lúc khởi đầu mình dùng tai nghe, nhưng không phải vì có tai nên mới nghe được. Phải nhờ Sư Phụ truyền pháp mới có thể nghe được.

Từ mắt trí huệ “*quán âm*”. Dùng trí huệ quán sẽ biến thành một khối ánh sáng vừa rực rỡ vừa nghe được, rất ảo diệu. Điều này Sư Phụ không biết phải dùng ngôn ngữ gì để diễn tả. Sư Phụ đã cố gắng hết sức mới có thể diễn tả được bấy nhiêu, không biết quý vị có hiểu không?

Nhưng dùng ngôn ngữ vẫn còn chưa hay, chưa đẹp như sự thật, bởi vì điều này không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được. Thí dụ đóa hoa này rất đẹp, rất thơm. Nếu như Sư Phụ dùng ngôn ngữ diễn tả, Sư Phụ nói nó màu đỏ, lá xanh, có mùi thơm v.v... nói nửa buổi vẫn không phải là bông hoa đó. Nếu có người chưa từng thấy đóa hoa đó, họ sẽ không tưởng tượng ra được.

Dù là một bông hoa cũng không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được huống chi những cảnh giới cao bên trong, là những trạng thái vi tế vô hình, làm sao có thể dùng ngôn ngữ nói ra được. Sư Phụ chỉ tận dụng khả năng nói ra một chút, để quý vị có một khái niệm vì sao mình phải tu âm thanh, âm thanh này đại khái là như thế nào? Như vậy quý vị mới biết chút ít về Pháp Môn Quán Âm.

Nhưng những gì Sư Phụ nói ra vẫn chưa phải là Chân Lý. Chân Lý không thể dùng ngôn ngữ, bởi vì ngôn ngữ không phải là Chân Lý. Khi mình diễn tả một bông hoa, đó không phải là bông hoa thật. Diễn tả một người, cũng không phải là người đó. Tu Pháp Môn Quán Âm rồi sẽ hiểu rõ tại sao trong Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo nói: “*Âm thanh này là Thượng Đế thật, là Tào Hóa thật.*” Bởi vì vạn vật đều do âm thanh tạo ra và là của âm thanh. Không có âm thanh thì không có vũ trụ. Bản thân của chúng ta tức là âm thanh. Xác thân này không phải là cái ta thật sự, âm thanh này mới chính là bản lai. Không phải âm thanh tạo ra chúng ta, mà chính chúng ta là âm thanh vậy.

Thí dụ có một người, tuy đã làm vua, nhưng quên mất mình là vua. Cho dù có người nhắc: “*Ông chính là vua*”, người đó cũng không tin. Bởi vì người đó quá bận, tinh thần gần suy sụp,

đến nỗi quên đi mình là ai, và khi gặp khó khăn lại muốn đi xin cầu vua giúp đỡ. Điều này có phải là tức cười không?

Chúng ta cũng vậy, cả ngày đều chỉ để ý đến những thay đổi của ngoại cảnh, sự chuyển biến của vạn vật, nhìn người này, xem người nọ, ngắm hoa, ngắm nước, rốt cuộc quên mất ta là ai, quên mất tất cả đều là của ta. Toàn vũ trụ do chúng ta tạo ra, đó là một điều vô cùng vi diệu. Nếu chúng ta muốn khám phá ra Bản Lai Diện Mục của mình, thì phải tu Pháp Môn Quán Âm. Còn không, cho dù có đợi trăm ngàn ức năm, cũng không có kết quả.

Cho nên Sư Phụ nói quý vị không cần cầu Phật Bồ Tát, chỉ cần tu Quán Âm là được rồi. Nhưng quý vị đừng có ra ngoài nói lại cho người khác. *(Mọi người cười.)* Người đời ưa thích chuyện bên ngoài, không muốn nghe thứ đạo lý này, vì vậy có người không ưa thích Sư Phụ. Chúng sanh còn quá chấp, khư khư ôm giữ những tập quán cổ xưa. Nếu có người đem Phật gõ đi, họ không còn chỗ để nương tựa, sẽ chịu không nổi. *(Mọi người cười.)*

Họ quên mất tự mình có thể đứng rất thẳng mà không cần dựa vào tường. Nếu cứ phải dựa vào tường, lỡ tường sập thì sao? Có phải sẽ không còn gì để dựa nữa không? Nếu bảo họ đừng có dựa vào tường, họ sẽ giận lắm, vì không biết làm sao để đứng thẳng. Cũng như một người, từ nhỏ đã quen với một tư thế nào đó, một ngày mình khuyên họ đổi với tư thế khác đẹp mắt hơn, người đó cũng không bằng lòng vì họ đã quen rồi.

Âm thanh bên trong cũng vậy. Sau khi thọ Pháp liền nghe được, tu một thời gian rồi cái gì cũng biết, Phật Bồ Tát sẽ đến gặp chúng ta, viếng thăm chúng ta. Vậy, tại sao mình còn lạy Phật gõ và cầu họ?

Chỉ cần mình tu Quán Âm chư Phật sẽ đến. Tu Pháp Môn Quán Âm là cách cầu nguyện tốt nhất. Không cần quỳ, không cần thắp nhang, và không cần lạy, tu Pháp Môn Quán Âm rồi, Chư Phật Bồ Tát đều tới, có phải như vậy không? *(Có người đáp:*

“Phải.”) Quý vị đều thấy, có phải không? (Có người đáp: “Có cảm giác như vậy”.) Không phải chỉ cảm giác thôi (mọi người cười), thấy được thật, người thấy được sao không nói? (Không dám nói. Sư Phụ nói thể nghiệm không thể nói cho người khác nghe). Không phải, Sư Phụ nói quý vị đừng kể tỉ mỉ, thí dụ “tôi thấy được Phật Bồ Tát nào” chỉ kể sơ qua là có thấy hay không, nói như vậy không có sao.

Tu Pháp Môn Quán Âm sẽ thấy Phật Bồ Tát, không cần đi chùa, Ngài sẽ tự đến chỗ của mình thăm. Không tu Pháp Môn Quán Âm, cho dù đến chùa cầu nguyện cũng không thấy, chỉ có thể thấy Phật gỗ mà thôi. Tu Pháp Môn Quán Âm rồi, không cần cầu nguyện, Phật Bồ Tát cũng đến thăm mình, như vậy có phải hay hơn không? Nhưng thấy Phật Bồ Tát cũng chưa có gì, chỉ là khởi đầu mà thôi, vẫn còn trên nửa đường, là phải vượt qua đẳng cấp Phật. Vượt qua không phải là mình cao hơn Phật, mà cần phải vượt qua đẳng cấp Phật có hình tướng, để nhập vào đẳng cấp vô hình vô tướng, vô âm vô sắc. Đó mới đúng là ý của Sư Phụ. Sư Phụ không có nói mình tu rồi sẽ cao hơn Phật. Quý vị đừng hiểu lầm như vậy. Sư Phụ rất sợ quý vị nghe không trọn vẹn, chỉ nghe có một hai câu rồi hiểu lầm ý của Sư Phụ.

Vì có hình có tướng, nên vẫn còn đáng đáp, và vẫn không phải là Phật. Nhưng khi chúng ta thấy được hạng Phật đó rồi, ít nhất cũng thỏa mãn lòng khát vọng của mình. Minh cứ cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ, nếu thấy được Phật Bồ Tát hào quang, sáng rực và các cảnh giới của Ngài, sẽ mừng lắm phải không? Chúng ta sẽ càng có lòng tin, tiếp tục tu hành cho đến khi vượt qua đẳng cấp âm sắc, vượt qua Phật có hình tướng, cao hơn Phật có hình tướng, hiểu chưa? Phật chính thật là vô hình vô tướng. Phật chính thật là Phật Tánh, Âm lưu hay là âm thanh. Thượng Đế thật ra là âm thanh, lực lượng của Tạo Hóa hay năng lực của Tạo Hóa.

Nếu mình là Thượng Đế, có Thượng Đế ở bên trong, vậy sao không bắt lấy Ngài? Bắt lấy Ngài thì mau hơn. Con chim nằm

trong tay ta, hay con chim trong lồng còn tốt hơn 100 con chim bay trên trời, có phải vậy không? Chúng bay trên trời vẫn chưa phải là của mình, cho dù 100 con chim cũng vô ích. Mình chỉ có một con trong tay là an tâm rồi, bởi vì nó sẽ không bay mất.

Cũng vậy, bên trong của chúng ta đã có Phật tánh, sao không giữ lấy Phật tánh này và hỏi: “*Người là ai? Người ở đâu?*” Sao còn phải cầu bên ngoài, phải đi chùa, phải lạy Phật gỗ? Những thứ đó đều không phải là Phật tánh, không phải là Thượng Đế.

Trong Thánh Kinh có nói: “*Thiên Quốc ở trong ta.*” Kinh Phật nói: “*Phật tại tâm.*” Nếu vậy sao ta không bắt lấy, tối thiểu cũng nên giữ gìn, đừng để Phật trong tâm của mình chạy mất, đứng đó chờ vị này ra rồi đánh lừa. (*Chỉ Sư Phụ*)

Trên thực tế, không phải Sư Phụ bảo quý vị đừng lạy Phật. Ý của Sư Phụ là: “*Quý vị đừng có lạy Phật gỗ, đừng có lạy Phật giả.*” Sư Phụ bảo quý vị lạy Phật thật, lạy Phật gần gũi nhất, lạy Phật biết nói chuyện. Phật gỗ không thể nói chuyện, Phật đá cũng không thể liên lạc với mình, không thể giải quyết vấn đề của mình. Nhưng tu Pháp Môn Quán Âm, Phật bên trong sẽ xuất hiện, đến gặp mình, dẫn mình đi coi Tây Phương, coi Đông Phương, Bắc Phương, Nam Phương, sẽ trả lời câu hỏi của mình, giúp cho đời sống của mình, giúp về phương diện tu hành của mình.

Khi chưa gặp được Phật bên trong, thì theo Sư Phụ học cũng không sao. Ít nhất Sư Phụ cũng trả lời vấn đề của quý vị, nói chuyện với quý vị, uống trà với quý vị; khi quý vị có phiền não, có thể đến khóc để Sư Phụ la, tiêu đi nghiệp chướng của quý vị, sau đó sẽ hết chuyện.

Nhưng nếu như quý vị đến khóc lóc kể lể với Phật gỗ, Phật gỗ vẫn ngồi im lặng, không nhúc nhích, và mắt nhắm lại. Quý vị có thấy Phật gỗ đến an ủi người nào chưa? Nếu như Phật gỗ có thể chạy xuống la mình một chút, mình cũng rất vui, vì bị la có thể tiêu nghiệp chướng. Nhưng Phật gỗ cũng không la. Mọi người vẫn đem bánh cho Phật gỗ ăn, không có ích gì hết. Thật ra

cúng dường bánh trái là gạt người. Lạy xong rồi đều đem về nhà ăn. *(Mọi người cười.)* Nhưng họ lại cho rằng như vậy là đã cúng dường Phật rồi.

Sư Phụ vốn không muốn nói những chuyện này, vì nhiều người không thích nghe, sẽ bỏ đi. Sư Phụ đã tự nhủ rằng sau này không nói chuyện “*đừng có lạy Phật*” nữa. Sư Phụ đã ngoan ngoãn rồi, cũng tiến bộ một chút rồi. Nhưng có lúc vẫn quên mà nói ra, vì Sư Phụ không biết gạt người, không biết làm ăn. *(Mọi người cười.)* Giả thì nói giả, cho nên nhiều người không muốn mua. Như vậy cũng tốt, tối thiểu quý vị làm ăn với Sư Phụ không bị mua lầm đồ giả. Sư Phụ không biết bán Phật giả, cho nên những gì quý vị mua về đều là Phật thật.

Theo Sư Phụ tu đều là thật. Hoa cũng hoa thật, bánh cũng bánh thật, kinh cũng là chân kinh, Phật cũng là Phật thật, Sư Phụ cũng Sư Phụ thật, không phải Sư Phụ làm bằng cao su. *(Mọi người cười.)* Tại sao nói là Sư Phụ thật? Bởi vì, ngoài sự dăn dặt quý vị thật sự liễu thoát, Sư Phụ còn biết làm rất nhiều thứ: biết cất nhà, xây nhà tắm, may áo quần, nấu cơm, quét dọn, biết làm rất nhiều chuyện lật vật, biết rầy người, cũng biết an ủi người, và biết dạy người lạy Phật. Khi quý vị hỏi, Sư Phụ cũng biết trả lời, cho nên là Sư Phụ thật 100%. *(Mọi người cười.)* Quý vị làm ăn với Sư Phụ sẽ thấy an toàn, không bị lỗ vốn. *(Mọi người cười.)*

Bất cứ quý vị mua ít hay nhiều, lớn hay nhỏ đều là thật. Sư Phụ rất ghét đồ vật giả. Hoa cao su, hoa giả, Sư Phụ đều không thích. Hoặc là đừng có hoa, hoặc phải là hoa thật; luôn cả y phục, Sư Phụ cũng không thích chất tơ nhân tạo, mà thích vải dệt bằng bông gòn với phẩm chất chân thật tự nhiên. Bây giờ Sư Phụ đang mặc bộ áo này là người khác mua cho. Từ hồi nào tới giờ Sư Phụ có gì mặc nấy. Nếu phải tự mua, Sư Phụ sẽ lựa đồ vật thật, dù là đồ dùng vật chất, Sư Phụ cũng muốn càng thật càng tốt. Ý của Sư Phụ không nói nên mua đồ mắc tiền, mà là ưa thích dùng phẩm chất tự nhiên.

Thí dụ Sư Phụ thích đồ gốm. Trước kia chưa có đồ dùng bằng nhựa (*cao su*), mọi người đều dùng đồ gốm. Sư Phụ cũng thích sống theo phương thức cổ xưa, cho nên ở trên núi, Sư Phụ đều khuyến khích đệ tử dùng gỗ nấu cơm, trừ trường hợp đặc biệt mới dùng gas. Thí dụ ngày Chủ Nhật hay trong kỳ thiền tam, thiền thất, số người tham gia đông đảo, vì sự tiện lợi nên mới dùng một chút gas, còn không đều dùng phương thức xưa để nấu cơm. Những sản phẩm từ đất hay gỗ làm ra dễ nhìn, chạm vào cũng thấy dễ chịu, không giống như đồ cao su, cho nên cảm thấy rất tự nhiên và chân thật.

Chúng ta vốn thuộc về thiên nhiên, từ kim, mộc, thủy, hỏa, thổ mà ra; cho nên sống chung với kim, mộc, thủy, hỏa, thổ thấy dễ chịu hơn, không có cảm giác gì nghịch lại môi trường sinh sống của mình, có hiểu ý không?

Giống như vậy, nếu muốn lay Phật, Sư Phụ cũng thích lay Phật thật. Xưa kia, lúc còn chưa tìm ra Phật thật, cũng lay Phật giả. Nhưng hồi đó Sư Phụ cảm thấy rất xa lạ với Phật giả. Hồi đó không có người dạy Sư Phụ cái gì là thật, cái gì là giả. Mỗi lần lay Phật gỗ xong rồi, Sư Phụ ngược mắt nhìn Phật gỗ, Phật gỗ cũng cứ nhìn Sư Phụ. (*Mọi người cười.*) Nhìn qua nhìn lại như vậy, Sư Phụ thấy Phật gỗ ngày nào cũng vậy, không thay đổi (*mọi người cười*), không nhúc nhích. Cho dù Sư Phụ khóc suốt suốt, Phật cũng không phản ứng gì. (*Mọi người cười.*) Sư Phụ cầu nguyện mấy tiếng đồng hồ, nói hết tâm ý mình cho Phật nghe, rồi cuộc Phật cũng vẫn trơ trơ ra. (*Mọi người cười.*) Mỗi ngày cũng vẫn hình dáng đó.

Có một ngày Sư Phụ cảm thấy rất mệt mỏi và thất vọng, nên không cầu nguyện cũng không tụng kinh, chỉ ngồi đó ngó Phật. Phật vẫn bình thản, không phản ứng, vẫn là khúc gỗ vô tình vô nghĩa. Lúc đó Sư Phụ cảm thấy cầu đầu gối của Sư Phụ còn hơn. (*Mọi người cười.*) Ít nhất cũng có cảm giác gần gũi hơn, còn có thể chạm vào được. Vị thầy mà Sư Phụ quy y bảo rằng “*Không*

được chạm vào Phật gỗ, phải lay xuống.” Khi đó Sư Phụ còn chưa có pháp danh, cũng chưa tu Pháp Môn Quán Âm, nhưng đã cảm thấy là không đúng rồi, cho nên Sư Phụ quyết định bỏ Minh Sư gỗ, đi tìm Minh Sư thật, tìm một vị Minh Sư tại thế. Cuối cùng Sư Phụ đã tìm được.

Nếu có người thành tâm thành ý tu hành, nhất định sẽ tìm được Đạo. Nếu như mình chỉ hiểu kỳ hay là có lòng tu, nhưng không hiểu tu hành là gì. Coi người ta làm sao, mình làm theo vậy. Nghe nói phải tọa thiền, mình cũng tọa thiền theo. Tình trạng như thế không biết chừng sẽ không tìm được Chân Sư. Nhưng nếu mình quyết tâm muốn tu hành, muốn liễu thoát sanh tử, thì sớm muộn gì nhất định sẽ tìm được.

Mình có thân xác này là để tu hành chứ không phải để mỗi ngày ăn cơm, ngủ, làm việc, nuôi con. Sống một đời như vậy không có ý nghĩa gì hết, ngoảnh đi ngoảnh lại thì đã đến giờ phải lìa đời. Nếu không biết sanh làm người là để tu hành thì thật quá uổng. Những chuyện như ăn cơm, ngủ, nghỉ, làm việc, nuôi con, loài vật cũng biết làm. Nếu như chúng ta chỉ biết những việc này, có phải cuộc sống cũng như loài vật không? Giả sử đã được làm người nhưng vẫn còn như loài vật, thì cần gì phải sanh ra làm người? Chúng ta thường nghe nói: *“Con người cao quý hơn các chúng sanh khác, nhưng nếu lại giống như chúng thì có điểm gì cao quý hơn đâu?”*

Con người cao quý vì có thể tu hành, có thể thành Phật, có thể tìm được Phật Tánh, tìm được Thượng Đế bên trong, thấy được Thiên Quốc bên trong của mình. Như vậy mới nói con người là cao quý nhất. Bên trong con người có Thiên Quốc, có Phật, cho nên mới cao quý. Mình vốn là Phật, đương nhiên rất cao quý. Nhưng nếu tìm không được Thiên Quốc đó, cũng không cao quý chi và cũng không khác gì với loài vật; mỗi ngày ăn cơm, ngủ, và nghỉ, nuôi con, cả một đời như vậy, uổng phí cuộc sống 100 năm tại thế.

Hôm qua Sư Phụ nói, người có phước báu nhiều mới có thể tu Pháp Môn Quán Âm, mới có thể thọ pháp. Vì sao vậy? Bởi vì đa số đều nương vào Phật bên ngoài, họ không thích đạo lý của Sư Phụ. Họ không bỏ Phật bên ngoài được, không hiểu Phật tức là mình, mình cũng có thể như Phật Thích Ca Mâu Ni, tu thành Phật. Họ tưởng rằng Phật Thích Ca Mâu Ni là vị Phật duy nhất, có một không hai. Như vậy là ngược với giáo lý nhà Phật. Phật nói: *“Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật.”* Tu hành có thể một đời thành Phật, nhưng phải tu Pháp Môn Quán Âm mới đạt tới đại khai ngộ, mới có đẳng cấp của Tạo Hóa, hợp nhất Thượng Đế, thành đẳng cấp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Pháp Môn Quán Âm không phải tầm thường. Xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không truyền Pháp Môn Quán Âm này cho bất cứ đệ tử nào. Trong Kinh Lăng Nghiêm cho biết, lúc đó A Nan cũng chưa biết Pháp Môn Quán Âm là gì? A Nan theo hầu Phật Thích Ca Mâu Ni lâu lắm rồi, lúc đó lại là thời chánh pháp, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni cũng chưa truyền Pháp Môn Quán Âm cho A Nan, chỉ truyền một số phương pháp thiền định thông thường và giới tỳ kheo, giới Bồ Tát v.v... và A Nan vẫn là một tỳ kheo tầm thường, chưa có đại khai ngộ, bị nữ chúng hấp dẫn, xem tí nữa thì phá giới. Nếu không nhờ Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang tiếp cứu, Ngài đã bị Ma Đăng Già Nữ kéo đi kết hôn, biến thành Ưu Bà Tắc rồi. Quý vị nên biết, Pháp Môn Quán Âm không phải là pháp môn thường, dù là đệ tử thân cận, Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không có truyền cho.

Khi Sư Phụ ở Bành Hồ, cũng không muốn truyền pháp cho người khác. Sư Phụ đã khôn rồi, biết khóa tâm lại, chờ họ học xong, rồi thành tâm thành ý đến cầu pháp mới truyền. Hiện giờ Sư Phụ không truyền pháp một cách dễ dàng. Chúng sanh không biết quý pháp môn vạn kiếp khó cầu này.

Lúc A Nan bị nạn, Phật Thích Ca Mâu Ni mới nói Kinh Lăng Nghiêm, giảng về lợi ích của việc tu Pháp Môn Quán Âm; còn

trước đó, Ngài không hề đề cập tới Pháp Môn Quán Âm. Cuối cùng, khi Ngài giảng Kinh Pháp Hoa, mới chánh thức giới thiệu Pháp Môn Quán Âm.

Trong Kinh Pháp Hoa, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Pháp môn này cũng như châu báu tốt nhất, cao nhất, để đến cuối cùng mới cho những người có đại phước.”* Nổi danh như Phật Thích Ca Mâu Ni, đã thành Phật, mà lúc Ngài giảng Pháp Môn Quán Âm, cũng có năm ngàn người rời khỏi pháp hội của Ngài. Họ không tin một pháp môn mà họ chưa từng biết đến, nên không nghe giảng, và không thích học Pháp Môn Quán Âm.

Vì sao Pháp Môn Quán Âm hữu hiệu như thế? Quan trọng như thế? Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật có kể có một vị Quốc Vương tên là Tần Bà Ta La bị con nhốt trong ngục, không cho người đem đồ ăn vì muốn để cho chết đói. Nhưng mẹ của hoàng tử là hoàng hậu Vi Đề Hy, lén đem đồ ăn cho Quốc Vương. Vị hoàng tử phát giác được nên tức giận lắm, muốn giết hoàng hậu. Nhưng có hai vị công thần khuyên can, không cho hoàng tử giết. Sau cùng hoàng tử mới nhốt hoàng hậu vào cung lạnh. Lúc đó hoàng hậu khóc lóc rất thảm thương, hướng về núi Kỳ Xà Quật cầu Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca Mâu Ni liền phái hai vị đệ tử là A Nan và Mục Kiền Liên bay vào tù ngục giảng kinh an ủi bà.

Bây giờ chúng ta thảo luận một chút về chuyện bay này. Không biết Mục Kiền Liên và A Nan dùng xác thân bay hay dùng hóa thân bay, trong kinh điển không nói rõ. Minh tu Pháp Môn Quán Âm rồi cũng có thể dùng thân thể bay đến chỗ khác, nhưng người khác không thấy được. Bất cứ dùng phương pháp tàng hình hay dùng hóa thân bay đi để dạy đệ tử, những chuyện này rất dễ. Không phải Phật Thích Ca Mâu Ni lúc còn tại thế mới có thể làm, bây giờ cũng có người có thể làm như vậy. Có người thấy Sư Phụ xuất hiện rất nhiều nơi, mà trên thực tế, thân thể của Sư Phụ vẫn còn ở đây.

Mục Kiều Liên có thần thông rất lớn; A Nan cũng vậy. Dùng thân thể bay vào ngục là điều hai người có thể làm được. Người tu hành có thể làm rất nhiều việc. Thời xưa giao thông không tiện, nên họ dùng linh thể phi hành. Lợi dụng thân thể thứ hai của họ bay, như vậy sẽ lợi hơn.

Hai người này đều rất lợi hại, bản lãnh cao, nhưng lúc đó cả hai chưa tu Pháp Môn Quán Âm. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng sớm hơn Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa cuối cùng mới giảng, cho nên mình biết là lúc đó A Nan chưa học Pháp Môn Quán Âm. Tuy vậy Ngài cũng có thần thông phi hành. Dù có thần thông lớn như vậy, vẫn bị phụ nữ kéo đi, vẫn còn chưa khai ngộ, có thần thông chưa chắc là giỏi. Phật Thích Ca Mâu Ni nói không tu Pháp Môn Quán Âm vẫn không có ích lợi tối cao là vì thế.

A Nan và Mục Kiều Liên thì như vậy, còn chúng ta thì sao? Một chút thần thông cũng không có, lại không ở chung với Phật. Còn A Nan mỗi ngày sống chung với Phật, nghe giảng nhiều nhất, nhưng Ngài cũng phải tu Pháp Môn Quán Âm rồi mới có thể hợp với Ma Ha Ca Diếp kết tập kinh điển, nếu không Ma Ha Ca Diếp sẽ đuổi A Nan đi không chút khách sáo.

Sự lợi hại của Pháp Môn Quán Âm là ở đó, chỉ tu Pháp Môn Quán Âm mới có thể thành tựu. Cả ngày sống chung với Phật, nhận sức gia trì của Phật, nghe Phật giảng kinh, vẫn chưa đủ phước báu. Cần phải tu Pháp Môn Quán Âm mới thật sự có công đức lớn, và có thể thành đạo. Không phải mỗi ngày ở chung với Phật là thành đạo, hay kiểm chế được mình, tịnh hóa được mình. Sống chung với Phật chưa đủ, tuy cũng có phước báu, nhưng chỉ là mượn phước báu của người khác mà thôi, có hiểu không?

Hàng ngày sống chung với một vị sư phụ đắc đạo, đương nhiên mình sẽ được ảnh hưởng một chút từ bầu không khí quang minh thanh tịnh. Nhưng đó là mượn của sư phụ, không phải của

chính mình. Cho nên vẫn phải tu Pháp Môn Quán Âm mới có thể thành Phật.

Sư Phụ muốn quý vị thành Phật, muốn quý vị trở nên như Sư Phụ vậy, không phải đòi đòi kiếp kiếp làm đệ tử của Sư Phụ, cấm bông cho Sư Phụ xem, đánh lễ Sư Phụ, cúng dường Sư Phụ, giặt y phục cho Sư Phụ, chà giày cho Sư Phụ. Đó không phải là điều ước mong của Sư Phụ.

Tất cả quý vị đều phải biến thành như Sư Phụ mới đúng.





Sinh nhật của vị đại Minh Sư là ngày có nhiều phúc báu nhất, ngày kiết tường nhất, ngày có nhiều lực lượng gia trì hơn. Rất nhiều thiên nhân, Phật Bồ Tát đến chúc mừng vị "Phật tại thế" đó. Nếu chúng ta có thiên nhân, chúng ta sẽ thấy được.

Trích từ bài thuyết giảng "Vi Sao Thiên Của Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản Khác Nhau?"



10

Một Con Đường Duy Nhất Để Liều Thoát Sanh Tử

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Bành Hồ, Formosa**

Ngày 11 tháng 2 năm 1987

Hôm nay Sư Phụ rất hân hạnh có cơ hội gặp mọi người, không biết quý vị thích nghe những gì? Thích đề Sư Phụ tùy ý giảng kinh hay thích nghe Kinh Kim Cang? Kinh Kim Cang nổi tiếng nhất ở Formosa.

Sư Phụ xưng là Sư Phụ không phải vì kiêu ngạo, tự cho mình là Sư Phụ của quý vị, không phải ý đó. Sư Phụ dùng hai chữ ‘*Sư Phụ*’ bởi vì không muốn dùng cái ‘*ta*’ phạm phu để giảng kinh cho quý vị. Sư Phụ không phải là ‘*ta*’. Mình không thể dùng phạm phu để đo lường ‘*Sư Phụ*’ thật. Mỗi người đều có Sư Phụ ở bên trong, nhưng mình lại không biết điều này. Vị Sư Phụ này có thể gọi là Phật, Bồ Tát hay Thánh Nhân, Đại Sư, Đại Thiện Trí Thức v.v..., xưng gì cũng được.

Cho nên Sư Phụ nói ‘*Sư Phụ*’ là muốn dùng đại trí huệ này nói cho đại trí huệ của quý vị nghe, không phải dùng cái ‘*ta*’ phạm phu này giảng cho cái ‘*ta*’ phạm phu của quý vị. Chúng ta mỗi ngày nghe rất nhiều cái phạm phu ‘*ta*’ ở chung với nhau, nói những chuyện lung tung vô ích. Sư Phụ dùng ‘*Sư Phụ*’ giảng kinh là tôn trọng quý vị, không phải có ý muốn làm Sư Phụ của quý vị.

Sư Phụ mặc y phục của người xuất gia, một vị xuất gia của Phật giáo, nên nói chuyện về Phật giáo. Điều này không có nghĩa là có sự phân biệt tôn giáo, phân biệt Phật giáo, Thiên Chúa giáo v.v... ‘*Đạo*’ vốn là một, nhưng vì đẳng cấp của chúng sanh không giống nhau, nên Phật Bồ Tát phải dùng phương pháp, phương tiện khác nhau để độ chúng sanh. Hôm nay chúng ta tạm thời không nói nhiều về chuyện này.

Bây giờ chúng ta nói về Phật giáo, Sư Phụ cần phải nói, bởi vì biết đâu ở đây đã có người khai ngộ. Người khai ngộ sẽ hiểu Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Lão giáo v.v... vốn như nhau, cùng một mục đích, và rất có thể cũng cùng dạy một pháp môn. Nhưng nếu có người chưa khai ngộ, sẽ cho rằng có rất nhiều con đường khác nhau. Con đường có giống nhau hay không, cứ tu đi sau này sẽ rõ.

Người thật sự tu hành, thật sự cầu đạo, theo bất cứ tôn giáo nào, tông phái nào, đều có mục đích muốn liễu thoát sanh tử, siêu thoát Tam Giới. Làm sao mới có thể liễu thoát Tam Giới? Đây mới là điều quan trọng. Chúng ta đừng có quan tâm đến tôn giáo nào tốt, tôn giáo nào không tốt, đó chỉ là chuyện nhỏ, chỉ nên biết ‘*Đạo*’ này, ‘*con đường*’ này mà thôi.

‘*Đạo*’ vốn đã vĩnh viễn tồn tại, không phải khi mình tu mới tìm được ‘*Đạo*’, hay phát triển ‘*Đạo*’. ‘*Đạo*’ là ‘*Phật Tánh*’, mình vốn đã có rồi, chỉ cần mở cánh cửa ra là chúng ta có thể thấy được. Cũng như mặt trời, mặt trăng, vốn đã có sẵn ở ngoài, nhưng vì đóng cửa, nên không thấy; nếu mở cửa thì trông thấy ngay. Chúng ta biết được cánh cửa ở đâu có thể tự mở lấy. Nhưng nếu

không biết, thì nên đi tìm người nào biết, người đó sẽ mở giùm, hay chỉ cho ta cách mở, hoặc cho biết cửa ở đâu, phải mở bằng cách nào để có thể thấy ánh mặt trời, mặt trăng. Điều này Thiên tông gọi là ‘Đốn Ngộ’. Trong kinh điển nói ‘*Hoa khai kiến Phật*’, Đạo giáo gọi là ‘*Thành Đạo*’ hay là ‘*Kiến Đạo*’ v.v...

Có nhiều người không biết mở, cũng không biết cửa ở đâu, nên cần đi tìm Minh Sư biết cách giúp người mở cửa. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni dùng trăm ngàn ức hóa thân độ chúng sanh, Phật A Di Đà phóng Vô Lượng Quang độ người v.v... Muốn thật sự giới thiệu Phật, thì phải thành Phật, mới có thể hiểu Phật, biết Phật là gì, nếu không, không có cách nào giới thiệu Ngài. Thí dụ mình muốn giới thiệu Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ có thể nói Ngài sinh ở đâu? Làm những gì? Tu hành bao lâu? Sau khi thành Đạo Ngài độ chúng sanh như thế nào..., nhưng mình không thể biết được đẳng cấp mà Ngài đã thành tựu.

Lúc Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, có một người nữ có một đứa con trai, đứa nhỏ không có bệnh hoạn gì đột nhiên chết. Bà ta rất đau khổ, từ sáng đến tối cứ khóc mãi không thôi. Nhân lúc Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh gần đó, bà ta đến khóc lóc than van với Phật, cầu thỉnh Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thần thông, lực lượng đại trí huệ của Ngài, cứu con bà. Phật Thích Ca Mâu Ni bảo: “*Được rồi! Ta có thể cứu nó. Nhưng bà nên đi hỏi từng gia đình chung quanh xem có gia đình nào đã năm, sáu đời mà không có một thân nhân qua đời? Dem y phục hay đồ vật trong nhà của họ đưa ta, ta cần những thứ ấy mới có thể cứu con bà.*” Người mẹ đó nghe xong liền đi hỏi từng nhà, từ sáng đến tối, nhưng không tìm được một gia đình nào mà năm, sáu đời không có người vãng sanh. Bà mẹ vừa mệt lại vừa thất vọng trở về. Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi: “*Có gia đình nào mà năm, sáu đời không có người vãng sanh không?*” Bà ta đáp: “*Thật không thể có chuyện này.*” Phật bấy giờ mới nói: “*Như vậy đó, đời người vốn vô thường, không có ai đã sinh ra lại không chết.*”

Trong đời người rồi sẽ có một ngày cũng phải ra đi, sớm hay muộn đều phải lìa khỏi cái thế giới này, bà đừng vì một cái thân thể vô thường mà quá đau lòng!” Khi Phật nói đến đây, người mẹ đó liền khai ngộ, sau đó quy y Phật, làm đệ tử của Ngài và rất tinh tấn tu hành.

Còn có thêm một câu chuyện hay nữa. Có một con quỷ dạ xoa, trông rất xấu xí và ghê sợ, không được đẹp đẽ như quý vị. Con quỷ này có nhiều thú tính, nó thích ăn thịt người. Cũng như cạp thích ăn thịt người, còn người lại thích ăn thịt heo, bò, gà, vịt v.v... Con quỷ này đặc biệt thích ăn thịt trẻ nhỏ. Hễ thấy trẻ nhỏ là bắt ngay để ăn, và trẻ nhỏ trong làng bị con quỷ này ăn gần hết. Tất cả cha mẹ trong làng đó cùng nhau đến cầu Phật Thích Ca Mâu Ni giúp đỡ. Phật làm cách nào, quý vị có biết không? Có ai đã từng nghe qua câu chuyện này? Không có sao? Thôi được rồi, Sư Phụ kể tiếp đây. Quỷ dạ xoa có một đứa con, quỷ cũng biết sinh con, thật là ảo diệu. Nó rất thương con, cũng như cạp có thể ăn thịt loài vật khác, nhưng nó không bao giờ ăn thịt con nó; cạp cũng rất thương yêu con của mình. Cũng như vậy, quỷ dạ xoa rất thương yêu con của nó. Phật Thích Ca Mâu Ni bèn bảo những người trong làng: *“Quý vị đi về, đợi khi quỷ dạ xoa ra đi, bắt giấu con của nó, sau đó sẽ tính sau.”* Cha mẹ của những đứa trẻ chờ cho quỷ dạ xoa vừa ra cửa, lập tức bắt giấu đứa con. Khi quỷ dạ xoa về, tìm không thấy con của mình, quá đau lòng, rất đau khổ, nó lăn lộn trên đất khóc nức nở, cuối cùng nó đi thỉnh Phật. Quý vị xem, quỷ cũng tôn kính Phật! Người tu hành chân chính, đều được ma quỷ tôn kính. Phật Thích Ca Mâu Ni nói với nó: *“Người rất thương con phải không?”* Nó đáp: *“Dạ phải!”*, Phật hỏi: *“Đối với người, đứa con là vật quý báu nhất trên thế giới phải không?”* Nó đáp: *“Dạ phải!”* Phật nói: *“Nếu như người thương con của người như vậy, những người làm cha mẹ khác cũng rất thương yêu con của họ, sao người lại nỡ ăn thịt con của họ? Nếu như người hứa với ta sau này không ăn con của người khác, ta*

sẽ giúp người tìm ra con của người.” Quý dạ xoa hứa liền. Quý cũng biết khai ngộ, phải không? Khi Phật Thích Ca Mâu Ni nói với nó những đạo lý này, nó liền khai ngộ, từ đó về sau không còn dám ăn thịt trẻ con nữa.

Đối với chúng ta, tuy trẻ con còn nhỏ, không biết nói, không biết đi, khác với người lớn, nhưng chúng ta biết chúng cũng là chúng sanh, sẽ trưởng thành, sẽ giống như mình. Từ câu chuyện này, chúng ta có thể suy luận thêm là loài vật cũng là chúng sanh, khi tu hành nhiều rồi, cũng sinh làm người, cũng có thể thành Phật. Nếu chúng ta muốn học Phật, thực tình muốn phát tâm từ bi, thì nên phát nguyện không ăn thịt động vật mới đúng.

Từ hai câu chuyện trên, chúng ta có thể biết, không phải người nào cũng tự nhiên khai mở trí huệ hay liễu ngộ, đôi khi cần người khác nói cho biết mới hiểu được. Cũng như người mẹ trong câu chuyện đầu, con của bà ta đã chết, bà không hiểu rằng những đứa nhỏ khác có ngày cũng sẽ vãng sanh như vậy. Làm người ai cũng phải có ngày lìa đời, nhưng bà đã không hiểu được điều này. Lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni có thể dùng trí huệ khuyên bảo rằng: *“Sao bà lại khóc? Bà nên biết đời là vô thường, sớm muộn gì mọi người đều phải ra đi; có nhân thì có quả, nếu như nhân quả của con bà không tốt, đương nhiên nó sẽ vãng sanh sớm, vì không còn phước báu, cho nên bà đừng có đau thương khóc than như vậy v.v...”* Có lẽ lúc ấy bà ta cũng không nghe lọt vào tai. Đa số phàm phu chúng ta gặp hoàn cảnh đó cũng chỉ biết khuyên bảo như vậy mà thôi.

Nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni không dùng phương pháp đó, Ngài bảo người mẹ đi tìm một gia đình mà từ trước đến giờ chưa có người nào vãng sanh. Tất nhiên là bà ta không thể nào tìm được. Do đó, khi Phật Thích Ca Mâu Ni nói, bà hiểu ngay, bởi vì tự mình đã có thể nghiệm, quý vị có hiểu ý của Sư Phụ không? Lúc đầu Sư Phụ có nói: *“Nếu như ta không thể ngộ Đạo thì phải*

tìm một người biết được và có thể chỉ cách để tìm Đạo.” Sau này tự mình có thể nghiệm, tự mình có thể biết được Chân Lý.

Thí dụ trong Kinh A Di Đà, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Phật A Di Đà là Vô Lượng Quang, Phật A Di Đà thường phóng quang cứu chúng sanh, nơi của Phật A Di Đà có những cảnh giới đẹp đẽ, có chim hót, có âm nhạc v.v..., nếu chúng sanh nghe được âm nhạc đó sẽ nhất tâm bất loạn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v...”* Lại còn nghe có người đi Tây Phương hưởng thụ những cảnh giới đó, nhưng nếu chúng ta không có thể nghiệm như vậy thì làm sao tin, và cũng không thể thật sự hiểu Tây Phương Tịnh Độ là như thế nào? Cho nên nghe kinh, đọc kinh đều là nghe thể nghiệm của người khác, nghe người ta nói về đẳng cấp của họ, không có liên quan gì đến mình. Bất cứ ai muốn được khai ngộ, muốn thật sự hiểu, muốn thật sự thể nghiệm cảnh giới này, ít nhất phải tự có chút thể nghiệm như vậy, có một chút thể nghiệm của Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu như lúc đó Phật Thích Ca Mâu Ni kêu quỷ dạ xoa đến nói liền: *“Người đừng có hư như vậy, đừng có ăn thịt con của người khác, chẳng lẽ người không biết mẹ của những đứa nhỏ rất đau đớn hay sao, người làm như vậy là không đúng, không nên thương tổn đến tâm người khác.”* Rất có thể quỷ dạ xoa sẽ không chịu nghe, bởi vì tự nó chưa hiểu, chưa thể nghiệm cảm giác mất con sẽ đau lòng như thế nào? Cho nên Phật không nói với nó như vậy, Ngài bảo người ta đem con nó đi, để cho nó thấm thía cảm giác mất con đau lòng ra sao, rồi mới nói cho nó nghe, nó sẽ hiểu liền. Người phạm phu cũng có câu nói tương tự: *“Có nuôi con mới biết được lòng cha mẹ.”*

Kinh A Di Đà nói thế giới Tây Phương Cực Lạc có âm nhạc hay như thế nào, có cảnh giới tốt đẹp ra sao, chúng sanh nếu được thấy cảnh giới đó, nghe được âm nhạc đó, tự nhiên nhất tâm bất loạn niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Nhưng mình mỗi ngày niệm bằng miệng chưa được nhất tâm bất loạn, vì mình chưa có

liên quan gì với cảnh giới này; mình vẫn còn đứng gõ cửa bên ngoài, còn chưa được vào trong được, không thể nói chuyện và cũng không hiểu được chủ nhân này là ai? Tóm lại, mình vẫn chưa thể làm việc với người chủ, mà chỉ đứng ở ngoài kêu tên người chủ mà thôi.

Quý vị muốn nói gì với Sư Phụ, phải mở cửa bước vào. Nếu như chỉ ở ngoài réo gọi ‘*Sư Thanh Hải, Sư Thanh Hải*’ sẽ không dễ dàng có kết quả đâu. Có khi Sư Thanh Hải nghe được, cũng có thể không nghe được, cũng có thể tiếng gọi của quý vị quá nhỏ hoặc Sư Thanh Hải đang ngủ. Nhưng nếu trực tiếp mở cửa đi vào, thì có thể thấy được Bản Lai Diện Mục của Sư Thanh Hải như thế nào, có thể nói chuyện trực tiếp hay theo học tọa thiền với Sư.

Muốn nói chuyện với Sư Thanh Hải mà cứ ở ngoài kêu sẽ không có ích; rất có thể Ngài nghe được, cũng có thể Ngài không nghe được. Còn chưa thấy Ngài, là Ngài còn chưa nghe được. Nếu Ngài nghe được tiếng kêu của quý vị, nhất định sẽ ra gặp. Nếu Ngài nghe không được, có lẽ là vì chúng ta ở ngoài gõ cửa quá nhỏ hay gọi sai số điện thoại. Muốn kết nối điện thoại thì phải có số điện thoại đúng và dây điện thoại không bị cắt đứt. Như vậy Ngài mới nghe được tiếng của mình, mình mới có thể nói chuyện với Ngài. Tối thiểu có thể gọi điện thoại cho Ngài. Mỗi ngày, ở nhà gọi tên của Ngài.

Nếu điện thoại không kết nối được, nên tìm hiểu nguyên nhân. Xem điện thoại của mình hay là của phía bên kia hư, và phải sửa chữa ngay. Còn không thì viết thư. Nếu viết thư mà không thấy trả lời, rất có thể vì viết sai địa chỉ. Nếu chỉ ở nhà gọi tên Ngài, Sư Phụ thấy khó có cơ hội gặp mặt. Nếu như thành tâm muốn tìm cho được, có thể nhờ bạn bè của Ngài, bạn của Ngài biết Ngài ở đâu; có thể viết thư nhờ người chuyên đặt, hay xin người bạn cho mình một sự chỉ dẫn chính xác: tên, địa chỉ, số điện thoại v.v... để có thể liên lạc với Ngài, mới mong có được sự trả lời.

Trên thân của chúng ta có một cánh cửa có thể mở, trong đó có Phật, có Tây Phương, tại sao chúng ta không tìm cách mở ra? Đứng ở ngoài kêu có ích gì? Có chìa khóa tại sao không tự mở cửa? Có phải vì không biết chìa khóa ở đâu? Không biết cửa ở đâu? Mình không biết thì nên hỏi người đã biết, họ sẽ chỉ cho. Trong kinh điển có chỉ rất rõ ràng, nếu nghe được âm nhạc của cảnh giới Tây Phương nào đó, nếm một chút nước cam lồ trong hồ tám công đức, hay thấy được Phật A Di Đà cũng như thấy được *‘Vô Lượng Quang’*, thì mới có thể hiểu được, thì mới chắc chắn là đã liên lạc được với Tây Phương. Có nghĩa là điện thoại đã thông. Trước kia ta không biết số điện thoại, địa chỉ, tên họ đúng, nên gõ cửa đã mấy trăm năm cũng không có người mở.

Cho nên phải biết Phật A Di Đà là ai trước đã, sau đó gọi Ngài mới có hiệu quả, nhưng cần phải có người giới thiệu cho chúng ta quen với Ngài. Thí dụ trước kia ta không quen với Tổng Thống Mỹ, ở nhà gọi điện thoại không có ích, vì sẽ không ai cho phép mình tự tiện nói chuyện với Tổng Thống; mình không quen biết họ mà họ cũng không quen biết mình. Họ sẽ hỏi: *“Ông là ai, sao dám gọi điện thoại cho Tổng Thống?”* Không phải Tổng Thống Mỹ có lòng phân biệt, không phải Tổng thống không muốn nói chuyện với mình, nhưng các nhân viên không cho mình vào. Mình viết thư, gọi điện thoại đều vô ích, họ sẽ hỏi: *“Ông là ai? Tìm Tổng Thống làm gì?”* Trên thế giới này có luật pháp, muốn được nói chuyện với Tổng Thống, trước tiên phải qua sự kiểm soát của những người nào, họ cần biết rõ lý lịch của mình, tại sao cần nói chuyện với Tổng Thống? Có mục đích gì?

Cũng vậy, ở Tây Phương cũng có quy chế, có long thần hộ pháp, thiên long bát bộ v.v... Nếu như mình muốn liên lạc với Phật A Di Đà, họ không cho mình toại nguyện ngay đâu, họ phải xem công đức của mình được bao nhiêu, đã làm những phước báu nào? Có đáng được điện thoại với Phật A Di Đà hay không? Cũng như lúc trước chưa quen với Tổng Thống Mỹ, bất cứ gọi

điện thoại cho cơ quan nào cũng đều như vậy, họ sẽ không cho mình nói chuyện với Tổng Thống. Cho nên muốn cầu nguyện với Phật A Di Đà thì phải quen biết, liên lạc, làm bạn với Ngài trước, gọi điện thoại với Ngài, sau này mới có thể nói chuyện với Ngài được. Muốn đi Tây Phương cần nên quen biết với Phật A Di Đà trước, ít nhất biết chỗ ở của Ngài, nhận thức được Vô Lượng Quang của Ngài, nghe được tiếng chim hót mà Ngài hóa sanh hay nghe được âm nhạc của Tây Phương, thấy được nước tám công đức v.v..., ít nhất có một chút ấn chứng, mới có thể nói mình đã mua vé máy bay đến với Phật A Di Đà, có được một chỗ ngồi, và sau đó muốn đi lúc nào thì đi. Nếu như bây giờ mình còn chưa biết, chưa thấy, thì cho dù có gọi tên Ngài bao lâu, Ngài cũng chưa chắc nghe được.

Thí dụ như chúng ta ở nhà, mỗi ngày miệng gọi tên của Tổng Thống, rất có thể một ngày Tổng Thống đi qua cửa nhà mình và nghe được. Nhưng cơ hội may mắn này quá hiếm. Nếu theo phương thức này để được quen biết Tổng Thống thì quá mong manh; một vị Tổng Thống bất cứ đi đâu, bên cạnh đều có hộ vệ, hơn nữa còn có nhiều người dân vây quanh để nhìn, bốn bề rất là náo nhiệt, cho nên Tổng Thống sẽ không nghe tiếng của ta đang gọi.

Ngày xưa vua nước Trung Hoa thường cải trang giả làm dân để đi tuần. Nhưng nước Trung Hoa lớn như vậy, Hoàng Đế có đi từ sáng đến chiều, đi cả đời người, cũng không quen biết bao nhiêu người. Cơ hội mà dân chúng nhận biết Hoàng Đế quá nhỏ. Tổng Thống thời nay sợ còn bận hơn vua thời xưa, không thể nào đến cửa nhà mình cho mình nhận biết.

A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát cũng như nhau, các Ngài rất bận rộn, bận cứu người, cứu những người đau khổ nhất. Có hàng hà sa số chúng sanh, hàng ngày từ sáng đến tối gọi tên của các Ngài, đợi cho các Ngài bất chợt nghe được tiếng kêu cầu cứu của mình, cơ hội đó quả thật hiếm

hoi. Cho nên tốt nhất mình phải tự tìm cách liên lạc với các Ngài, nếu như không thể liên lạc được, thì hỏi những người khác, có biết Tây Phương Cực Lạc Thế Giới không? Có biết Phật A Di Đà không? Có thể giới thiệu giùm được không? Sau khi được giới thiệu, Phật A Di Đà nhận biết được chúng ta, lúc đó mới có thể nói chuyện với Ngài. Thí dụ mình có một người bạn tốt, giao du với Tổng Thống rất thân thuộc, nhờ người này giới thiệu, mình mới có thể quen biết với Tổng Thống, nếu không thì không còn cách nào hơn.

Cũng như vậy, tụng kinh, đọc kinh đều là thể nghiệm của người ta, không quan hệ gì đến mình. Tự mình phải có thể nghiệm. Sư Phụ không dạy giáo lý gì đặc biệt. Nếu như hỏi Sư Phụ có phải Tịnh Độ tông không? Sư Phụ sẽ đáp là phải. Hỏi Sư Phụ có phải Thiền tông, Sư Phụ cũng sẽ nói phải. Hoặc hỏi Sư Phụ có phải là Thiên Đài tông, Tào Động tông hay là Lâm Tế tông v.v..., Sư Phụ sẽ đều trả lời là phải.

Các tôn phái vốn đều như nhau, quan trọng nhất là phải có thiện trí thức lãnh đạo, họ biết ‘con đường’, chỉ có một con đường; nhưng vì danh hiệu Tổ Sư của các tông phái khác nhau, nên có sự phân biệt; bất luận tôn phái nào cũng vậy, không có gì đặc biệt, tất cả dạy cùng một pháp môn, chỉ dẫn một con đường giống nhau, vì chỉ có một con đường, chỉ có một Đạo. Tìm được ‘Đạo’ này mình có thể đi lên. Mình gọi là ‘Đạo’, ‘Lộ’, ‘Pháp môn’, ‘Phật Tánh’, ‘Bản Tánh’, ‘Bản Lai Diện Mục’ v.v..., đều cùng một ý. Tông phái nào cũng dạy người tìm ‘Đạo’ trước, rồi mới có thể đi lên.

Trong Kinh Lăng Nghiêm gọi ‘Đạo’ này là ‘Pháp Môn Quán Âm’, trong Phẩm Phổ Môn gọi là ‘Quán Âm’. Quán Âm không phải miệng niệm Quán Âm, mà là Pháp Môn làm Quán Âm. Ngoài ra, Tịnh Độ tông gọi là Vô Lượng Quang, Thiền tông nói Trí Huệ, ‘lực lượng bên trong’. Nếu như mình dùng Pháp Môn Quán Âm, liên lạc với lực lượng này, thì có thể tìm đến chỗ của

Phật, bởi vì bản thân của Pháp Môn tức là ‘Đạo’. Nương nhờ ‘Đạo’ mình có thể đi lên, ‘Đạo’ cũng như một cái cầu thang, quý vị từ ngoài vào đây, nhất định phải đi lên cầu thang, mới có thể đến chỗ này. Trong văn từ Trung Hoa mình gọi là thang lầu, ở những nước khác thì nói cách khác, ngôn ngữ tuy bất đồng, nhưng đều chỉ cùng một ý nghĩa.

Thí dụ ‘nước’ tiếng Quan Thoại và tiếng địa phương Formosa phát âm khác nhau. Nhỏ như Formosa mà đã có hai thứ ngôn ngữ, có người thì nói được tiếng Quan Thoại, không hiểu tiếng Formosa; còn người thì nói được tiếng Formosa, không hiểu tiếng Quan Thoại. Ngôn ngữ của thế tục đã khó như vậy, muốn hiểu ngôn ngữ của Phật làm sao dễ dàng cho được? Cho nên đọc kinh cũng không dễ hiểu, tuy Phật hiểu nhưng người phàm phu chúng ta sẽ không hiểu được.

Phật Thích Ca xưa kia chỉ dạy rất nhiều người. Sau khi Ngài tịch rồi, đệ tử tự xưng mình là tín đồ Phật giáo. Giê-su Ki-tô cũng chỉ dạy rất nhiều người, sau khi Ngài đi rồi, những người đệ tử gọi mình là tín đồ của Ki-tô giáo. Lão Tử tịch rồi, đệ tử của Ngài tôn kính Ngài, xưng là Lão giáo hay là Đạo giáo. Xưa kia, Khổng Tử chu du liệt quốc chỉ dạy học trò, không tự xưng danh hiệu gì; nhưng khi Ngài vắng sanh rồi, người đời sau tôn xưng là Khổng giáo. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni đi rồi biến thành Phật giáo, Đức Giê-su Ki-tô đi rồi biến thành Ki-tô giáo; rồi Lâm Tế tông, Tịnh Độ tông, Tào Động tông v.v..., tình trạng các tông phái đều giống như vậy. Tất cả do ngôn ngữ của phàm phu tạo ra, chứ thật sự không có tông phái gì cả. Không có tông phái mà chỉ có ‘Pháp Môn’, chỉ có ‘Đạo’. Các vị giáo chủ ra đời đều chỉ dạy một vấn đề là phải tìm được ‘Đạo’. Nhưng sau khi họ đi rồi, trải qua một thời gian dài, biến thành những tông phái. Thí dụ sau này Sư Phụ nổi danh, rất có thể biến thành ‘Thanh Hải tông’. (Mọi người cười.) Nếu xảy ra như vậy, thì thật tức cười.

Phật giáo lúc ban đầu dạy cùng một giáo lý, không có gì khác nhau; nhưng vì bây giờ người của các tông phái dạy khác nhau, nên họ tưởng rằng Sư Phụ dạy Pháp Môn mới, biến thành một tông phái mới. Sư Phụ không thích như vậy, bởi vì ‘*Pháp Môn*’ đó, ‘*Đạo*’ đó đã có sẵn từ xưa đến nay, tất cả các Chân Sư đều dạy ‘*Pháp Môn Quán Âm*’, không phải Sư Phụ tự sáng tác, phát minh ra. Trước thời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã có Pháp Môn này, cũng không phải Phật giáo mới nói đến Pháp Môn này, Thiên Chúa giáo cũng có nói, Lão Tử cũng có nói, họ đều nói đến sức chấn động bên trong và âm nhạc bên trong. Nhưng nếu như mình không có thể nghiệm, sẽ không biết là họ đều giảng cùng một giáo lý, một pháp môn như nhau.

Phật giáo đã sử dụng nhiều tên khác nhau để gọi Pháp Môn Quán Âm. Trong Kinh Pháp Hoa là ‘*Pháp Hoa Pháp*’, trong Kinh Phổ Môn là ‘*Pháp Môn Phổ Độ*’, Phổ Môn là chỉ một cánh cửa mà có thể thông đạt đi khắp nơi. Trong Kinh Lăng Nghiêm thì biến thành ‘*Pháp Môn Quán Âm*’, trong Kinh A Di Đà biến là ‘*âm nhạc của Tịnh Độ, âm nhạc mỹ diệu, chim thuyết pháp v.v...*’, tất cả đều nói rất rõ ràng. Không phải Phật Thích Ca Mâu Ni dạy nhiều pháp môn như vậy, Ngài chỉ nói có một Pháp, nhưng dùng nhiều danh xưng khác nhau, phương tiện khác nhau để độ chúng sanh.

Thí dụ Sư Phụ đến đạo tràng của Ki-tô giáo, Sư Phụ cũng dùng Thánh Kinh để dạy họ Pháp Môn Quán Âm. Sư Phụ sẽ không nói với họ: “*Sư Phụ dạy quý vị Pháp Môn Quán Âm trong Kinh Lăng Nghiêm của Phật giáo.*” Sư Phụ sẽ dùng Thánh Kinh để giải thích, để họ hiểu biết rằng trong Thánh Kinh Giê-su Ki-tô cũng có dạy pháp môn đó. Dùng phương thức này dạy họ cũng được, họ không cần phải trở thành tín đồ Phật giáo, chính thức quy y Phật, Pháp, Tăng, có một danh hiệu, thọ Bồ Tát giới v.v... mới có thể tu Pháp Môn Quán Âm. Nếu như họ thật sự hiểu biết Thánh Kinh, họ cũng có thể tu Pháp Môn Quán Âm, tuyệt đối không có trở ngại gì.

Nếu như gặp người thích Tịnh Độ tông, Sư Phụ sẽ dùng kinh điển của Tịnh Độ tông dạy họ Pháp Môn Quán Âm, hay có người thích Tào Động tông, Sư Phụ sẽ dùng giáo lý của Tào Động tông giải thích Pháp Môn Quán Âm. Chứ không cưỡng ép người ta cải biến tín ngưỡng cá nhân, mới có thể tu pháp môn này. Theo Thiền tông, Tịnh Độ tông, Đạo giáo hay là Thiên Chúa giáo, Cơ Đốc giáo v.v... đều có thể tu, bởi vì pháp môn tối cao vốn chỉ có một, chúng sanh thích gì thì thuận ứng theo đạo lý họ ưa thích mà giảng giải.

Thí dụ Sư Phụ muốn uống nước, Sư Phụ phải nói với quý vị “*Nước! Nước!*” Nếu như Sư Phụ hoàn toàn không biết tiếng Trung Hoa khác, Sư Phụ chỉ cần nói “*Nước*” là đủ rồi. Đến các quốc gia khác cần phải nói ngôn ngữ của địa phương họ, nếu không họ sẽ không biết Sư Phụ muốn gì. Nếu Sư Phụ đến Ý Đại Lợi, Sư Phụ nói “*Nước! Nước*”, họ nhất định sẽ để Sư Phụ khát đến chết (*mọi người cười*), hay là nói “*Com! Com*”, họ nhất định sẽ để Sư Phụ chết đói. Bởi vì họ không hiểu, nên cần phải nói ngôn ngữ của họ, họ mới cho Sư Phụ cơm ăn. Mỗi nước đều có ngôn ngữ riêng.

Nhưng có một thứ ngôn ngữ tốt nhất, không cần dùng đến miệng để nói. Thí dụ Sư Phụ muốn uống nước, Sư Phụ chỉ cần ra dấu tay là quý vị có thể hiểu được, Sư Phụ đang khát muốn uống nước hay đói bụng muốn ăn cơm, đó là ngôn ngữ tốt nhất. Chúng ta thường nghe nói ‘*Thiền bất dùng ngôn ngữ*’ là ý nghĩa đó. Cơm thật không phải là cái chén này, nước thật không phải là ly này; nhưng dùng chén để đựng cơm, dùng ly để hứng nước, và lúc ăn và uống, thì không cần nói gì cả. Có cơm ăn, có nước uống mới là điều quan trọng. Dùng ngôn ngữ không thể nào diễn tả nước là gì? Cơm là gì? Khi ăn mới biết, khi uống mới hiểu.

Thí dụ có một người có nước, có cơm, người đó có thể cho người khác, không cần nói gì, không cần ngày đêm quảng cáo cơm có dinh dưỡng gì, nước quan trọng như thế nào; hề thấy

người đói thì cho họ cơm ăn; có người khát liền cho nước uống. Cũng như vậy, một người khi đắc ‘Đạo’, hay là biết được pháp môn, cho dù người đó không cùng ngôn ngữ với mình, cũng có thể truyền pháp cho như thường. Quý vị chỉ cần ra dấu tay, người đó sẽ biết ý, lập tức đưa chén đĩa cho quý vị, cơm cũng có sẵn luôn trong chén. Nếu như chỉ thuộc kinh điển, biết nhiều điển tịch, giảng kinh rất thông thạo, nhưng không hiểu chân nghĩa như là không có cơm cho người ta ăn, vẫn chưa có ích gì lắm; chỉ là dùng miệng quảng cáo bánh, mà trên thực tế không có bánh thật, tự mình chưa bao giờ ăn bánh, lại càng không có bánh cho người khác ăn. Nhưng Sư Phụ cũng phải giảng kinh, bởi vì đầu óc con người đã chứa và biết quá nhiều việc, thấy qua nhiều thứ, phê bình rất nhiều điều, học qua rất nhiều lý sự vô dụng. Nếu như có người đến nói rằng họ có thể truyền pháp, quý vị chưa chắc đã tin, có phải không? Cho nên cần phải nói qua một ít món tráng miệng, do đó đến bây giờ cũng chưa được chính thức ăn cơm. Lúc ăn cơm, không cần nói gì, có thể ăn liền, muốn uống nước cũng có thể uống liền, như vậy mới là nước thật, cơm thật.

Còn dùng ngôn ngữ diễn tả vẫn chưa phải là cơm, vẫn chưa phải là nước, nhưng nếu không nói quý vị sẽ không biết. Bởi vì không biết ai có cơm, ai có nước, nên có người rao trên đường: “*Bánh chung! Bánh chung!*” mình biết ngay người đó bán bánh chung. Người ăn thuần chay thì rao: “*Bánh chung thuần chay! Bánh chung thuần chay!*” Như vậy người ta biết người đó bán bánh chung thuần chay, loại bánh chung này ăn được. Ngoài ra dọc đường còn có người quảng cáo nước đá, nước mía v.v..., rất nhiều thứ, vì họ có những thứ ấy nên mới quảng cáo.

Có người tự quảng cáo nhưng lại không có gì để cho, đó là một điều mệt nhứt. Mình có cơm, có nước, ra ngoài quảng cáo thì không sao, vì mình có thể giúp người đói được ăn no, người khát được mãn túc, do đó có thể ra ngoài bán cơm, bán nước. Có người vì lòng tốt, có tiền nên dùng tiền đó nấu cơm cho người

trong chùa ăn, nấu nước chín cho người đi đường uống, bố thí cho người cần thiết. Cho nên có rất nhiều phương cách, có người bán cơm, có người bán nước, có người bố thí cơm, có người bố thí nước. Nhưng tự mình phải có một cái gì mới quảng cáo, nếu như mình thật sự không có gì hết, lại ra ngoài quảng cáo bậy bạ, như vậy có phải là lòng lắm không?

Muốn quảng cáo Pháp Môn Quán Âm cần phải biết Pháp Môn Quán Âm, phải có năng lực truyền pháp cho người khác, giúp cho người khác khai ngộ. Tuyên truyền Tịnh Độ thì cho người ta biết Tịnh Độ là gì? Có khả năng truyền pháp cho người khác, chỉ cho người ta Tịnh Độ ở nơi đâu, chỉ cần mở cánh cửa này, là có thể thấy được. Lúc giải thích ‘Đạo’, cần cho người ta biết rõ ‘Đạo’ thật sự ở đâu, đi trên con đường này sẽ gặp những gì? Đó là ‘Đạo’.

Nếu như chỉ dùng miệng nói mà thật sự không biết gì, Sư Phụ cảm thấy như vậy là phạm tội, cũng như nói láo vậy, không có hiệu dụng thực tế, và chỉ làm người ta khát nước thêm mà thôi. Mình vốn đã khát nước rồi, cả ngày không có nước uống, còn phải phí thời gian nghe họ giảng về nước như thế nào, rồi rốt cuộc lại không có nước cho mình uống. Nếu như muốn tiết kiệm thời gian, mình có thể dùng thời gian này đến nơi khác, hỏi một người nào đó có nước hay không? Nhưng vì mình lo chú ý nghe họ giảng nước, nên không nghĩ tới việc đi tìm người có nước thật. Sư Phụ nghĩ rằng người không có nước, tốt nhất đừng quảng cáo nước, đừng làm uống phí thời gian của người khác.

Sư Phụ vốn không muốn nói nhiều, nhưng lại quên đi mất điều này, nên rốt cuộc nói nhiều như vậy, bây giờ phải dừng lại, nói nhiều quá không được. Sư Phụ nên nói Sư Phụ rất vui mừng gặp lại bạn cũ, Sư Phụ đặc biệt vì vài người nên đến đây giảng kinh. Quý vị ấy rất thành tâm, cầu Sư Phụ trở lại Bành Hồ, làm Sư Phụ rất cảm động cho nên đã trả lời: “Được, Sư Phụ sẽ vì vài người này mà trở lại.” Rốt cuộc bây giờ lại có rất nhiều người,

làm ăn khá. Chưa bắt đầu bán nước, làm quảng cáo đã tốt quá rồi.
(Mọi người cười.)

Vấn: Xin Sư Phụ chỉ dạy chúng con, niệm Phật như thế nào mới có thể được cảm ứng với Phật A Di Đà?

Sư Phụ: Bây giờ đề Sư Phụ nói trước ‘*niệm*’ là gì? Hàm ý niệm tức là từ chữ niệm của ‘*tưởng niệm*’. Tưởng niệm có nghĩa là ý niệm chứ không phải dùng miệng niệm, cho nên nói ‘*niệm*’ Phật. Trên thế giới Ta Bà này, mình dùng gì để niệm? Dùng tâm niệm ư? Cha mẹ nhớ con là tưởng niệm, tưởng niệm trong tâm, trong đầu óc.

Trung Hoa có rất nhiều cốt chuyện nam nữ tương tư nhau, thí dụ Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài, Tây Sương Ký v.v..., đều là những chuyện ái tình rất nổi tiếng. Gặp người đẹp rồi về nhà ngủ không yên, ăn không được, nhớ quá cho nên biến thành tương tư. Nếu như Lương Sơn Bá không quen biết Chúc Anh Đài, chàng ta cũng không tưởng niệm kinh khủng như vậy. Bởi vì Chúc Anh Đài ban đầu giả dạng người nam, nên Lương Sơn Bá không có ấn tượng gì, chỉ là bạn hữu mà thôi, sau này biết được nàng là gái giả trai, lúc đó tâm liền biến đổi, trở nên tương tư, muốn được kết hôn với nàng. Nhưng không đạt thành ước nguyện, tương tư đến chết. Lương Sơn Bá biết được Chúc Anh Đài là người tốt, quý phái và hiem có như vậy cho nên mới sinh lòng tưởng niệm tha thiết như vậy.

Cũng cùng ý đó, nếu muốn tưởng niệm Phật A Di Đà, ít ra cũng phải nhận biết Phật A Di Đà trước, mới có thể tưởng niệm Ngài, còn chưa biết Ngài là ai, làm sao có thể tưởng niệm? Sư Phụ nhìn hình Phật A Di Đà không cảm thấy có gì đặc biệt, nhưng Sư Phụ thật sự rất nhớ Phật A Di Đà, vì Sư Phụ đã quen biết Ngài, đã nhận biết ‘*Chân Thể*’ của Ngài, cho nên khi nhìn hình vẽ Ngài lại không cảm thấy gì cả.

Trước kia Sư Phụ đọc kinh, Phật Thích Ca Mâu Ni diễn tả đất nước của Phật A Di Đà, có thứ âm nhạc nào, có hào quang ra

sao, có liên hoa màu kim phát ánh sáng màu kim, có liên hoa màu vàng phát ánh sáng màu vàng, có nước tám công đức v.v..., các thứ cảnh giới mỹ diệu, Sư Phụ không cách nào tưởng tượng được, cho nên không thể nhất tâm bất loạn tưởng niệm Ngài. Nhưng từ khi Sư Phụ tìm được Minh Sư, Ngài giới thiệu cho Sư Phụ quen biết với Phật A Di Đà rồi, bây giờ Sư Phụ biết được hình dáng của Phật A Di Đà không giống như những tượng Phật gỗ, Ngài không có xấu xí như vậy. Sư Phụ thật sự nhận biết, hiểu được Phật A Di Đà là *‘Vô Lượng Quang’*, thật sự thể nghiệm được âm nhạc của Tây Phương Tịnh Độ, từ đó mới có thể tưởng niệm.

Thí dụ một chàng trai khi chưa gặp mặt người thiếu nữ, chỉ xem hình của cô ta, anh chàng sẽ tưởng nhớ nàng cùng cực. Nhưng nếu quen biết người thiếu nữ ấy rồi, lại nghe tiếng nói của nàng, tiếng nói rất hay, rất dịu dàng, khi về nhà sẽ nhớ nhung mãi, rất có thể lúc nào cũng thấy toàn là dáng dấp của nàng. Tuy không còn nghe được tiếng nói nhưng cũng đủ làm cho chàng trai ấy tưởng nhớ rồi, đó là tưởng niệm.

Xưa kia có một chàng trai thổi sáo rất hay. Một ngày Công Chúa nghe được tiếng sáo của anh, từ đó đem lòng tưởng niệm. Nhưng sau khi gặp mặt được anh chàng thổi sáo, thấy anh quá xấu xí, Công Chúa cảm thấy rất thất vọng. Quý vị có nghe qua chuyện đời xưa này chưa? Có lẽ đây là chuyện cổ tích của Âu Lạc. Anh chàng thổi sáo đó tên là Trương Chi, tiếng sáo của anh hay đến nỗi khi nghe được, Công Chúa đã ngày đêm thương nhớ.

Cũng như vậy, nếu mình chưa thấy Phật A Di Đà, nhưng nghe được tiếng Ngài thuyết pháp, chim hót do Ngài hóa sanh, âm nhạc của Tây Phương Tịnh Độ v.v..., mình sẽ phát tâm *‘tưởng niệm’*, lúc đó mới thật sự là nhất tâm bất loạn *‘niệm Phật’*. Quý vị nghe Lương Sơn Bá tưởng nhớ Chúc Anh Đài đến nỗi phải bệnh nằm liệt giường, không còn tha thiết điều gì, cả thể giới bên

ngoài cũng không màng đến. Học vấn của chàng giỏi như vậy, có một tương lai huy hoàng, là một chàng trai thông minh, phong nhã, tất nhiên có nhiều cô thương mến. Nhưng Lương Sơn Bá đã không màng gì cả, mọi thứ trên đời đối với chàng đều vô nghĩa, bởi vì chàng chỉ một lòng tưởng nhớ đến Chúc Anh Đài mà thôi; thương nhớ đến bệnh nặng, ăn không được, đêm trằn trọc không ngủ được, cho đến cuối cùng thổ huyết mà chết. Tưởng nhớ như vậy mới thật là nhất tâm bất loạn tưởng nhớ! Nếu như mức độ mình tưởng niệm Phật A Di Đà được một nửa như Lương Sơn Bá nhớ Chúc Anh Đài, nhất định có thể vãng sanh Tịnh Độ!

Nhưng thường phàm phu tưởng niệm như thế nào? Có người một bên tụng niệm ‘*Nam Mô A Di Đà Phật*’, một bên bận chào khách: “*Chào ông! Xin mời lại đây uống trà!*” Có người tuy rằng trong miệng niệm Phật, nhưng trẻ nhỏ đến vò vĩnh, họ sẽ nói: “*Giết quá! Đi chỗ khác, bây giờ không rảnh!*” Có khi thuận tay dùng chuỗi niệm đánh trẻ nhỏ, đuổi nó đi. Như vậy không phải là thật sự niệm Phật, dùng phương thức niệm Phật này có vãng sanh Tịnh Độ hay không, vẫn còn là một vấn đề rất lớn. Chúng ta ai cũng sợ không thể sanh lên Tây Phương. Muốn vãng sanh Tịnh Độ chỉ có một cách, phải nhận biết Phật A Di Đà trước, biết có thể tìm được Ngài nơi đâu, như vậy có thể thấy Ngài trước khi chết. Dù chưa có thể chạm được Ngài nhưng ít ra đã thấy được dáng của Ngài trên cõi đó, đủ cho chúng ta phát tâm ‘*tưởng niệm*’ rồi. Mỗi ngày phải gần gũi nhiều một chút, nhìn rõ Ngài hơn, như vậy mới có thể ‘*tưởng niệm*’ một cách tha thiết. Mỗi ngày mình đều niệm A Di Đà Phật nhưng không có cảm ứng, bởi vì tuy niệm mà lòng vẫn còn hoài nghi. Có người không bị hoài nghi thì cũng bị cách suy nghĩ của thế gian kéo đi, bị phiền não của thế giới này khuấy nhiễu, không thể nào chuyên tâm ‘*tưởng niệm*’ Phật. Cho nên phải biết phương pháp ‘*niệm*’ Phật chính xác nhất thì mới có thể nhất tâm bất loạn tưởng niệm.

Vấn: *Thưa Sư Phụ, làm sao mới có thể nhất tâm bất loạn?*

Sư Phụ: Trước tiên mình phải chuẩn bị thân, khẩu, ý cho sạch mới có thể mời Phật đến ngôi chùa đẹp nhất của mình (*Sư Phụ chỉ thân thể*), trong đó có ánh sáng, có cảnh giới, có nước cam lồ, có Phật tâm, có đủ tất cả. Thân thể của chúng ta là một ngôi chùa ảo diệu nhất, bao nhiêu tiền, cũng không thể nào xây cất được một ngôi chùa hoàn hảo như vậy. Muốn mời Phật A Di Đà làm chủ trì chùa của mình, thì cần phải quét dọn cho thật sạch sẽ.

Quý vị mời Sư Phụ đến đây giảng kinh, Sư Phụ chỉ là một người xuất gia tầm thường. Muốn để cho Sư Phụ đến đây ở bảy ngày, quý vị đã quét dọn sạch sẽ, trên dưới lau lau chùi bóng láng. Như vậy, mình muốn mời Phật A Di Đà đến, có phải càng nên tịnh hóa lấy mình không?

Tịnh hóa lấy mình là gì? Kinh Kim Cang có nói: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, rồi sau đó mới có thể thiền định. Có thiền định mới sanh trí huệ. Thiền định tức là nhất tâm bất loạn, không dùng tâm phân biệt khi đọc kinh Phật. Thiền định và nhất tâm bất loạn có gì khác nhau? Định là tâm lắng xuống, đó cũng là nhất tâm bất loạn.

Còn bồ thí? Có người nói tôi không có tiền làm sao bồ thí? Không phải mỗi ngày đi bồ thí thì có thể thấy được Phật A Di Đà. Bồ thí không phải chỉ có tiền mà thôi, bồ thí tiền là chuyện nhỏ, vì người nào có tiền thì có thể bồ thí. Ngoài việc bồ thí tiền bạc, chúng ta còn bồ thí pháp, bồ thí tư tưởng tốt, bồ thí tâm vô quái ngại. Như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, nếu như có chúng sanh bị khủng hoảng, sợ hãi, Ngài sẽ đến an ủi họ, cứu giúp họ, đó là 'thí vô úy'.

Cũng vậy, nếu mình muốn bồ thí, thì sự bồ thí thật sự là trì năm giới: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu. Năm giới này chỉ có giới không sát sinh là hơi khó, còn bốn giới kia thì không thành vấn đề. Sát sinh có hai loại: trực tiếp sát sinh và gián tiếp sát sinh. Trực tiếp sát

sinh là tự giết mà ăn, gián tiếp sát sinh là người ta giết cho mình ăn. Khi mình ăn, còn nói: *“Ồ! Ngon thật, đây là thịt bò thượng hạng, ăn món này không uống tiền.”* Như vậy là gián tiếp sát sinh, thấy giết chóc mà vui mừng. Đây không phải Sư Phụ có ý lấy thân phận của một người *“đại tu hành”*, dùng những lời lẽ dạy quý vị, Sư Phụ thật sự không có ý đó mà chỉ muốn nói để mọi người tham khảo thôi.

Chúng ta thường làm những việc ngược với bản tính của mình nhưng không biết, bởi vì bị thói quen của xã hội nhiễm quá đen rồi, nên không nhận thấy, và nghĩ cũng không thông. Thí dụ, người lính muốn ăn thuần chay trong quân đội không phải là một chuyện dễ; học sinh đến trường muốn ăn thuần chay, thầy giáo cũng không tán đồng; trẻ con muốn ăn thuần chay, cha mẹ lại không cho; vợ muốn ăn thuần chay bị chồng la; chồng muốn ăn thuần chay bị vợ phản đối, có thể không chịu nấu thuần chay, bảo chồng tự nấu. Nếu người chồng không biết nấu ăn, đói quá, bắt buộc dĩ phải ăn thịt trở lại. Trẻ con có đũa từ nhỏ không thích ăn thịt nhưng bị người lớn bắt ép, vì họ nghĩ rằng trẻ con nếu không ăn thịt sẽ không thể lớn được. Nhưng chúng ta quên mất voi, ngựa, hươu cao cổ, bò, lừa v.v... đều ăn chay. Bò chỉ ăn cỏ mà to lớn như vậy, rồi mình lại giết nó để ăn. Thỏ cũng ăn cỏ, ăn cà rốt, cải trắng hoặc rau cải mà đẹp như vậy, thân thể tròn trịa, mắt tròn và sáng, mình cũng giết nó để ăn. Tất cả đều là ăn chất đạm gan lọc lần thứ hai, cho nên khi mình ăn thịt bò, gà, dê, heo đều giống như ăn chất bã vậy.

Cho nên không sát sinh là điều quan trọng nhất. Giới sát sinh này phải giữ cho thật rõ ràng, mới có thể thấy được Phật A Di Đà, mới có thể nghe được pháp môn tối cao, và mới có cơ hội học được pháp môn tối cứu cánh. Trì giới không nghiêm chỉnh, phước báu không đủ, đương nhiên không thấy được Phật A Di Đà. Không phải Phật Bồ Tát không từ bi. Mỗi ngày mình cầu Phật Bồ Tát bảo hộ sinh mạng mình, cho mình khỏi bệnh, không

bị đau khổ, cho mình an ổn mỗi ngày, không bị ai sát hại, nhưng mỗi ngày mình lại sát hại chúng sanh khác. Nếu như Phật Bồ Tát cứu mình có phải Ngài thiếu công bình đối với các chúng sanh đó không? Cứu mình để mình tiếp tục giết hại những chúng sanh đó. Nếu như loài vật cũng cầu cứu với Quán Thế Âm Bồ Tát, cầu nguyện với Phật Bồ Tát bảo hộ cho chúng đừng bị giết, Quán Thế Âm Bồ Tát nên cứu ai đây? Cứu loài vật hay là cứu người?

Mỗi ngày đều có rất nhiều bò, dê, heo, gà cầu cứu với Quán Thế Âm Bồ Tát, người sát sanh cũng cầu Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ, mỗi ngày đều cúng dường Ngài, cầu cho hàng thịt được khá giả, như vậy cần phải giúp ai đây? Một bên là người bán thịt, một bên là những con vật tội nghiệp, tuy không có bông tươi để cúng dường, nhưng chúng dùng tâm cúng dường, thành tâm cầu xin. Quán Thế Âm Bồ Tát phải làm sao đây? Cũng như hai nước đánh nhau, hai bên đều cầu Phật Bồ Tát giúp đỡ đánh bại đối phương, như vậy chẳng lẽ chúng ta đã biến Phật Bồ Tát thành một chúng sanh ngây ngô, không biết phải giải quyết làm sao?

Bốn giới còn lại của năm giới không có gì đáng kể. Không trộm cướp, không vọng ngữ, không tà dâm, không uống rượu, đều là bốn phạm làm người cần nên tuân theo, pháp luật của nước nhà cũng quy định như vậy. Cho nên năm giới vốn không phải là giới, vì mình quên đi, cho nên mới trở thành giới.

Lúc còn học tiểu học, thầy giáo cũng dạy chúng ta không nên trộm cướp, không nói dối, không phải vì Phật bảo không nên trộm thì mình không làm. Mình không muốn người khác trộm tiền, lấy tiền của mình, đương nhiên không nên trộm tiền của người khác. Không tà dâm vốn cũng như vậy: một chồng, một vợ; luật của nước nhà cũng quy định, rất rõ ràng từ lâu rồi. Còn vấn đề uống rượu, vì rượu có hại cho thân thể, làm đầu óc của mình không sáng suốt, không nhanh nhẹn, điều này ai cũng đều biết, không phải là giới luật gì cả. Năm giới chỉ trợ giúp thêm sự tu hành, thật sự không phải là giới luật. Cho nên trên thực tế không có một giới

luật nào cả. Trong năm giới chỉ có giới ‘*không sát sinh*’ hơi khó trì. Thực tế vốn đã không được sát sanh, nhưng đã trải qua trăm ngàn vạn kiếp, chúng ta đã quên rồi, cho nên việc ăn thuần chay, ăn mặn mới thành một vấn đề lớn; không sát sinh mới thành một giới luật rất quan trọng. Nếu quý vị vẫn còn chưa ăn thuần chay, vẫn không tin, vẫn chưa muốn tu hành cũng không sao, cứ từ từ, không thể chỉ nghe một ngày là khai ngộ liền. Nhưng nếu như thích nghe Sư Phụ giảng kinh, có thể đến nghe nữa, còn có muốn ăn thuần chay, tu hành hay không, thì tự ý tính sau.

Trước khi mình mua đồ dùng, cũng nên xem xét cho kỹ, mang thử trước, xem có thích hợp không, có thoải mái, có đẹp không? Khi đã mãn ý rồi mới mua. Sự lựa chọn pháp môn để tu hành cũng cần phải kỹ lưỡng như sự lựa chọn y phục vậy.





11

Hóa Thân Là Chuyện Thường

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Đài Bắc, Formosa**

Ngày 24 tháng 9 năm 1986

Đời người không phải chỉ có một kiếp mà thôi, mà là vô tận kiếp trong quá khứ, cho nên có người được gọi là thần đồng, mới có bốn, năm tuổi đã có thể làm nhiều việc không thể tưởng tượng, bởi vì họ chưa hoàn toàn quên hết đời trước của họ, còn đa số người thì đều quên hết đời quá khứ của mình, nhưng không sao, tu hành rồi sẽ hồi phục trí nhớ đời trước của mình.

Thí dụ mình gặp người bạn thời thơ ấu trên đường, hai người đã xa nhau ba mươi năm, sau này gặp trở lại rất có thể không nhận được nhau. Cũng như vậy, chúng ta cũng không cách nào nhớ được đời quá khứ của mình, đôi khi đời trước có người đã từng tu đến một cấp bậc nào đó, nhưng cũng quên mất, bây giờ gặp Sư Phụ, đó là đời trước quý vị có tu hành rồi. Nhưng mà đời trước đã từng tu hành, không có nghĩa là bây giờ có thể thành Phật rất mau, mà phải coi quý vị đối với sự tu hành hiểu biết bao nhiêu, và sự quyết tâm của cá nhân như thế nào. Bởi vì con người

có thể lập tức giải thoát, cũng có thể đời đời kiếp kiếp luân hồi, điều này hoàn toàn tùy sự lựa chọn của mình.

Tu hành có rất nhiều đường, có đường thì dài, có đường thì ngắn hơn, giống như ở thế giới này. Từ chỗ giảng kinh này đến đạo tràng trên núi của Sư Phụ mà nói, nếu như tìm được đường tắt, trong một hai tiếng đồng hồ là có thể đến nơi, nhưng cũng có thể đi vòng quanh, lái xe cả ngày mới tới chỗ của Sư Phụ, tùy quý vị lựa chọn con đường nào mà đi. Ở Âu Châu có nhiều chỗ có đường vòng vào thị trấn (*city ring*), nếu như không tìm được lối ra, không biết chừng xe cứ quanh trong đường vòng cả ngày mà không ra được.

Tu hành cũng vậy, nếu như tìm không được pháp môn tối cứu cánh, sẽ luân hồi tới lui trong thế giới này, không giải thoát được. Mỗi người ra đời, đại khái đã có cái khuôn mẫu của một đời, sau này trở lại luân hồi, lại sanh ra khuôn mẫu của đời sống khác, đi lại bao nhiêu lần, thì có bao nhiêu lần khuôn mẫu của đời sống khác nhau.

Nhưng cũng không nhất định phải vĩnh viễn gánh nhận đau khổ của sự luân hồi này, nếu như thật sự quyết tâm muốn tìm cầu giải thoát, cũng có thể một đời hay là hai đời là có thể thoát ly luân hồi, bởi vì tâm nếu thành khẩn, thiết tha muốn tìm cầu giải thoát, thì sẽ gặp một vị đại sư thật, đến dẫn đạo, dắt mình đi ra. Nếu như mình một người vẫn còn lưu luyến nhân gian, như vậy đời đời kiếp kiếp cũng không thoát được. Nếu không, sao còn cần các Ngài Đại Sư như Phật Thích Ca Mâu Ni, Giê-su Ki-tô, Lục Tổ Huệ Năng v.v..., đến thế giới Ta Bà để cứu độ chúng sanh? Bởi vì không phải tất cả đời người đều cố định không cách nào cải biến, nếu như có người muốn, vẫn có thể sửa đổi, nhưng cần phải có nghị lực rất mạnh. Chúng ta có ý chí tự do (*free will*), bởi vì có ý chí tự do này, cho nên muốn phạm pháp hay không đều do mình định đoạt.

Xưa kia có một người lính theo hầu một vị đại quan. Vị đại quan này tánh rất nghiêm khắc, đối với bộ hạ “*quân lệnh như*

son”, cần phải tuyệt đối tuân theo, bổn phận của người lính là tuyệt đối *“phục tùng”*. Có một ngày, vị đại quan này bảo người lính mới đến sơn vật dụng trong nhà, sơn xong rồi lại bảo anh lính mới rửa sạch cây cọ, nhưng anh lính mới tìm không có vải lau để chùi sạch cây cọ, người đại quan liền bảo anh lính đến chỗ để áo quần của những người lính khác, lấy đại một cái để lau sạch cây cọ, bấy giờ người lính cảm thấy rất khó xử, không biết làm sao? Bởi vì nếu phục tùng lệnh cấp trên, thì phải lấy trộm áo quần của người lính khác làm vải lau, mà ăn cắp đồ của người khác là phạm pháp, nhưng nếu không phục tùng mệnh lệnh cũng là phạm quân luật.

Trải qua một thời gian tranh chấp suy nghĩ rồi, anh ta quyết định không đi đánh cắp y phục của người khác, dùng lời nói cương quyết trả lời cấp trên: *“Tôi không đi”*. Cấp trên của anh rất ngạc nhiên vì anh dám không nghe theo lệnh, liền hỏi anh: *“Sao không đi?”* Nhưng anh lính này cũng không trả lời vì sao, chỉ dùng dáng rất cương quyết nhìn cấp trên của anh, biểu lộ lòng quyết định không dám ăn cắp đồ của người khác, lúc đó vị đại quan hiểu ý của anh lính, cũng không nói gì nữa.

Cho nên muốn được người khác tôn kính, cần phải có thái độ khiến cho người ta tôn kính trước, nếu mình tự trọng, người khác đương nhiên sẽ tôn kính mình. Bởi vì trong quân pháp, cũng quy định cấm ăn cắp đồ của người khác, cho nên anh lính mới này quyết định bất luận như thế nào cũng không phạm tội trộm cướp. Nhưng đối với anh, lúc đó muốn quyết định như vậy, nhất định là không phải dễ, bởi vì trách nhiệm của người lính là *“phục tùng”*, nhưng *“lòng đạo đức”* đã giúp anh có một sự quyết định hợp lý và can đảm.

Con người có ý chí tự do để lựa chọn, muốn làm gì thì làm. Cho nên Thiên Đàng và địa ngục đều do mình tạo ra, không ai có thể bắt buộc mình được. Nếu như mình nghe theo những lời mà những người không có khai ngộ nói, họ muốn mình làm gì thì đi

làm cái đó, như vậy sẽ không được người ta tôn kính, bởi vì mình thiếu tư tưởng và ý chí độc lập.

Tu hành cầu giải thoát cũng vậy, nên tự mình đi tìm, Thượng Đế không thể giúp mình được, Phật cũng không cách nào giúp mình. Nếu như giúp được, Phật Thích Ca Mâu Ni lại một đời, hay là Giê-su Ki-tô lại một lần cũng đủ rồi, tất cả chúng sanh đều độ đi hết, sao cho đến nay vẫn còn nhiều người như thế không được giải thoát? Bởi vì chúng sanh phải tự cầu nguyện, phải tự mình tìm con đường của mình, không có người nào có thể đi giùm mình. Các vị đại sư không thể miễn cưỡng người khác tu hành, họ có thể nói Chân Lý cho người khác nghe, sau khi nghe rồi nếu muốn học có thể đến, mình gọi đó là quy y hay là theo học. Nhưng không có thể dùng quỷ kế hay phương thức buôn bán để miễn cưỡng người khác tu hành, đó như là phép phù thủy, không tốt.

Nhưng lực lượng của phép phù thủy, có thể xưng là lực lượng Phật hay là lực lượng của tạo hóa, bởi vì lực lượng nào cũng từ lực lượng “*tối cao*” mà ra, hắc hay là bạch đều như nhau. Nhưng tại sao lực lượng tạo hóa “*tối cao*” này, có thể biến thành trắng? Cũng có thể biến thành đen? Bởi vì tâm mình là đen, nó biến thành đen, tâm trắng, sẽ biến thành trắng. Cho nên pháp môn tối cao cần phải truyền pháp, và phải chỉ dạy học trò, nếu không, không chừng học trò sẽ đem nó làm điều xấu, như vậy ngược trở lại hại lấy nó, một bên tu hành, một bên ra ngoài khoa trương thần thông, kết quả càng ngày càng đi sang tà đạo, cuối cùng sẽ tẩu hỏa nhập ma.

Bị tẩu hỏa nhập ma vẫn chưa phải chỉ có lý do này, còn có những lý do khác, lát nữa Sư Phụ nói thêm. Hôm qua Sư Phụ bảo quý vị đừng có dạy người ta bừa bãi, đó không phải không muốn quý vị đi giúp đỡ người khác, nhưng Sư Phụ dạy người và quý vị dạy người, là chuyện khác nhau, mới nhìn pháp môn dạy người như là rất đơn giản, trên thực tế chẳng có đơn giản chút nào. Dạy pháp môn chỉ là con đường bắt đầu mà thôi, sau này còn có

những chuyện phức tạp khác, cho dù tự mình không có trở ngại, nhưng không nhất thiết là người khác cũng không có trở ngại. Dạy người phải từ A B C bắt đầu dạy lên, từ bắt đầu đến kết thúc, từng bước từng bước dạy họ, chỉ dẫn họ, không những ở trên thế giới này mà ở những cảnh giới cao hơn, vẫn phải chỉ dạy họ như thường.

Làm một vị sư phụ không phải đơn giản như quý vị thấy, trong quý vị có người là thầy giáo, thấy Sư Phụ dạy người mới niệm Phật, bảo họ để tâm tại giữa trán, kết quả quý vị cũng học theo Sư Phụ đi dạy người khác, như vậy làm sao giống nhau được? Sư Phụ dạy người khác, thì phải có trách nhiệm đối với họ, bất cứ họ tu hành như thế nào, Sư Phụ đều giúp đỡ họ.

Nhưng quý vị dạy “*học trò*” của quý vị thì khác, bởi vì họ không có đến nghe Sư Phụ giảng kinh, không được sức gia trì trực tiếp, lại thêm không có khái niệm vì sao phải tu hành, càng không hiểu vì sao phải tọa thiền, vì sao phải niệm Phật, họ có lẽ không có quan niệm đạo đức, cho nên bày họ không có ích, sau này vạn nhất có được một chút thần thông, hay là năng lực nào đó, có thể sẽ làm ra việc xấu.

Ngoài ra nếu như không có Sư Phụ hướng dẫn, đến cảnh giới cao hơn một chút rồi, không có cách nào trở về, tu các pháp môn khác cũng vậy. Thí dụ đây là thế giới của mình, đến bên này vẫn là thế giới của mình, ở đây không thấy được biên giới, mình đi vào chỗ khác có cảnh giới cao, rất có thể không thấy được cửa, đến cảnh giới hơi cao rồi, nếu như không biết cách lo cho mình, rất có thể không về thân thể lại được, cho dù có thể về, giả sử không có thầy chiếu cố chỉ dẫn, người đó sẽ chịu không nổi cái lực lượng tự họ đã được, khi phần lực lượng này không có cách nào để kiềm chế, thì đối với người tu hành trở thành không tốt, tạo thành kết quả không tốt, thân thể biến thành không tốt, tinh thần có bệnh, có rắc rối, gọi là bị tẩu hỏa nhập ma hay phát điên. Bởi vì tự mình tu không tốt, không theo thầy tu hành, hay thiếu

vị thầy có lực lượng thật để chỉ dẫn.

Tu hành có nhiều pháp môn khác nhau. Sư Phụ không muốn nói nhiều về pháp môn của Sư Phụ; chỉ nói cho quý vị biết rằng tu hành pháp môn của Sư Phụ, có thể tọa thiền 24 tiếng đồng hồ cũng không sao; nhưng những pháp môn khác thì lại khác, nếu tu nhiều một chút, có thể bị nổi điên, bởi vì không biết cách kiềm chế. Tu quá nhiều, lực lượng của bản thân sẽ tăng mạnh, lúc này nếu không có Chân Sư chỉ dẫn thì sẽ không biết cách để kiềm chế phần lực lượng đó.

Lực lượng của Phật hay là lực lượng của tạo hóa, không phải là người tốt thì cho nhiều, người xấu thì không cho. Lực lượng của tạo hóa này là “*trung tính*”, tốt xấu đều do người tạo thành, muốn dùng tốt thì biến thành tốt, dùng xấu cũng có thể biến thành xấu, cho nên nó tuyệt đối trung lập, nó không kiềm chế gì chúng ta, cần phải tự mình kiềm chế, hay là do Sư Phụ của mình giúp gia trì kiềm chế phần lực lượng này. Tu hành đừng có ước mong quá nhiều thể nghiệm, thời gian đến, thể nghiệm tự nhiên sẽ đến, nếu như thể nghiệm quá nhiều, lực lượng quá lớn, tự mình không biết cách sử dụng sẽ tạo thành phiền phức.

Một vị Sư Phụ tốt biết cách lo cho học trò của họ, giúp học trò của họ đem phần lực lượng này, hạn chế tại một trình độ vừa tầm, bởi vì nếu như sự chấn động của lực lượng này quá lớn, có thể tạo ra trạng thái sai lệch tinh thần, có thể bị điên hay là tinh thần yếu kém như người bệnh.

Cho nên người tu hành không nên tham cầu quá nhiều thể nghiệm, nên từ từ, có một chút thể nghiệm là đủ rồi, đừng có một lần là muốn được toàn bộ. Bởi vì trường hợp của mỗi người khác nhau, có người có thể sử dụng lực lượng này, có người không.

Sư Phụ thấy trên báo có đăng quảng cáo về thần thông, nhiều người đến tìm những vị pháp sư này, những người này chắc có chương ngại. Tìm thần thông làm gì? Có rất nhiều người phát điên hay bị ma nhập đều vì đó mà ra. Bởi vì muốn tìm thần thông,

trong tâm đã có nghĩ muốn tham cầu thần thông trước rồi, thần thông không lại từ ‘*lực lượng tối cao*’, mà là từ đầu óc của chúng ta mà ra vì chúng ta muốn dùng những góc cạnh thấp thỏi của căn khôn. Thật ra thần thông không phải là xấu, nhưng nó không phải là cứu cánh, nếu như lực lượng của người tu không đủ, trí huệ không đủ, thì không thể dùng thần thông đúng cách, ngược lại nó sẽ làm hành giả đi lạc đường, làm cho sự tu hành của mình ngưng tại cảnh giới thần thông mà không cách nào tiến bước.

Cho nên không phải dạy người ta tọa thiền là đủ rồi. Con người phải từ bi thì đúng, nhưng từ bi cần phải đi đôi với trí huệ, nếu như có một người tuy rằng tâm địa từ bi thích cứu người, nhưng lại cho người ta thuốc bậy bạ, như thế không những hại người mà hại mình nữa. Thí dụ chồng mình là bác sĩ, nhưng mình thì không biết thuốc, nhưng thấy có người nhức đầu hay bị bệnh, liền lấy thuốc cho họ uống, rủi lấy nhầm thuốc độc thì sao? Thuốc tuy có thể trị bệnh, nhưng nếu như uống lộn thuốc thì mệt lắm.

Tuy rằng chồng cô ấy là bác sĩ, biết loại thuốc nào để trị loại bệnh nào, nhưng cô lại không hiểu y lý, làm sao giúp người trị bệnh đây? Không phải mỗi thứ thuốc đều có thể trị bệnh, nhức đầu có thứ thuốc nhức đầu, đau bụng có thuốc đau bụng. Luôn cả lý do nhức đầu, đau bụng cũng có rất nhiều trường hợp, chứ không phải nhức đầu hay đau bụng đều cho một thứ thuốc chữa trị. Tình trạng tu hành cũng như vậy, tu hành cần nên cẩn thận, không phải thấy Sư Phụ dạy người như vậy cũng bắt chước, dạy bậy bạ như vậy là hại người, đem phiền phức cho người khác, cũng tìm phiền phức cho mình, tạo nghiệp chướng.

Trong kinh Phật có ghi, Phật Thích Ca Mâu Ni “*không thỉnh không nói pháp*”. Không ai có quyền xen vào ý thức của người khác, không thể miễn cưỡng người ta tu hành hay không tu hành, nếu không sẽ làm hỗn loạn chu trình tiến hóa tự nhiên của họ. Chúng ta có thể dùng ngôn ngữ nói rõ cho họ nghe, vì sao nên tu hành? Vì sao phải tu pháp môn này? Không tu pháp môn kia?

Nếu như họ nghe thấy có lý, trong lòng vui mừng tiếp nhận, thì có thể truyền pháp môn cho họ. Chứ không phải như trường hợp pháp môn không tốt mà cứ truyền bậy bạ cho người, cũng không cần biết họ có thích hay không, như vậy tuyệt đối không thể được.

Sư Phụ tuyệt đối không cưỡng bách người khác tin pháp môn của Sư Phụ, Sư Phụ thích người thường đến nghe Sư Phụ giảng kinh hơn, sau này có thể tự lựa chọn, nếu như thấy rằng giáo lý rất tốt, muốn theo Sư Phụ học, thì hoan nghênh họ đến. Nhưng cho dù có người đã có sự lựa chọn trước khi quyết định học, cũng có thể thối tâm như thường. Vì sao có sự biến đổi như vậy? Bởi vì họ vẫn là một phàm phu mới phát tâm hoặc không thành tâm, đẳng cấp không cao, cho nên đối với giáo lý của Sư Phụ vẫn còn có nhiều hoài nghi, tuy gặp được Minh Sư nào cũng vẫn không chịu tin.

Đa số người đều nghĩ là chỉ có thời xưa mới có đại sư xuất hiện, nghe đến Huệ Năng liền tin Ngài là một Minh Sư có đại trí huệ; mới nghe nói Bồ Đề Đạt Ma, liền cho rằng là một vị đại thiền sư hay nhất hồi nào đến giờ. Họ tin chắc Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi thành Phật có thần thông tự tại, mỗi người đệ tử của Ngài đều có thể chứng liền quả vị, tự tại giải thoát; họ cũng tin Giê-su Ki-tô là Đại Bồ Tát, cứu vớt người trên thế gian, nhưng lại không tin bây giờ có được Minh Sư như vậy, cho dù là Giê-su Ki-tô tái sanh, chúng ta khó tin Ngài.

Hai ngàn năm trước có Minh Sư đến, mà bây giờ không có? Đó hoàn toàn là do tâm lý hoài cổ, tưởng rằng thời nay không có gì, chỉ theo cách nghĩ của cá nhân, theo trí tưởng tượng nghĩ rằng Lục Tổ Huệ Năng tu hành như thế nào, pháp tướng trang nghiêm như thế nào, Phật Thích Ca Mâu Ni có thần thông gì, thi triển thần thông gì, có lực lượng gì. Nhưng trong kinh Phật thường ghi lại, Phật Thích Ca Mâu Ni thường dùng hóa thân của Ngài xuất hiện tại nhiều nơi khác nhau, đi độ đệ tử của Ngài. Nói thí dụ, Ngài giảng kinh ở một nơi nào đó, nhưng tại một nơi khác đệ

tử của Ngài có chuyện, cầu Phật Thích Ca Mâu Ni giúp đỡ, cũng thấy được Ngài giúp đỡ như thường, đó là cái mà mình gọi là ‘*hóa thân*’, là Phật hóa thân đến chỗ của đệ tử cứu họ.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có ghi, có một vị Hoàng Hậu bị nhốt trong tù, lúc đó bà hướng về Phật cầu nguyện, Phật cũng đến ngục tù giảng kinh cho bà nghe. Đó có phải là xác thân của Phật Thích Ca Mâu Ni đến ngục tù giảng kinh hay không? Không phải, Ngài dùng hóa thân đến. Nhưng bây giờ có người được thấy hóa thân của Sư Phụ đến chỗ nào đó, nói cho những người nào tin tức gì đó, thì hoài nghi Sư Phụ là ma, là ngoại đạo, còn không, làm sao có năng lực hóa thân?

Sư Phụ không hiểu sao họ lại có thứ hoài nghi này, hóa thân vốn là chuyện rất bình thường, chẳng có gì thần bí cả, hóa thân là hóa thân, không thể nào bởi vì các pháp sư khác không thể hóa thân, cho nên nói Sư Phụ cũng không thể hóa thân. Trong quý vị có nhiều người là thầy giáo trường tiểu học, trung học, đó không phải ý nói Sư Phụ không có thể làm giáo sư đại học, mà phải giống như quý vị vậy. Có thái độ hoài nghi này là điều rất không đúng.

Không phải tin đồ tại gia phê bình như vậy, luôn cả hàng xuất gia cũng nói bậy bạ như nhau, phỉ báng người ta. Tự mình không thể hóa thân, cho nên cũng không tin người khác có năng lực hóa thân, những người này tin Phật Thích Ca Mâu Ni có thể có trăm ngàn ức hóa thân, Giê-su Ki-tô, Huệ Năng v.v... các vị đại sư, cũng có thể hóa thân. Đối với họ chỉ có người thời xưa mới có thể có hóa thân, người thời nay không thể nào có hóa thân được. Thật lạ!

Cùng là con người, nhưng người xưa trên phương diện ăn, mặc, ở, đi, đứng, có khác gì với người thời nay? Chỉ bất đồng ở chỗ người xưa về sự hưởng thụ vật chất không được thoải mái như người thời nay mà thôi. Nếu như xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni có thể có trăm ngàn ức hóa thân, Minh Sư thời nay cũng có thể

có trăm ngàn ức hóa thân, người xưa không có truyền hình, máy bay, người thời nay cái gì cũng có, những gì xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni có thể làm được, Minh Sư thời nay dĩ nhiên cũng có thể làm được như thường.

Sao mà nghe có người có thể hóa thân đi nơi nào đó dạy người thì sợ quá, cho là ma, là ngoại đạo, bảo người khác đừng có theo học, sao người học Phật còn có thứ tâm lý khủng hoảng này? Nếu như tâm đơn thuần, chính trực, thì còn sợ gì ma? Phật Thích Ca Mâu Ni không sợ ma quỷ, còn thân người là Phật tử sao lại sợ ma quỷ? Những người như vậy không đáng làm đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng không đáng làm một vị pháp sư, tuy rằng thân mặc pháp y vàng chói rực rỡ, nhưng tâm lý vẫn còn đủ thứ chấp trước, chướng ngại.

Những gì chúng ta tu vốn là pháp môn tu hành chân chính, không có gì thần bí. Sư Phụ có mọc hai cái răng nanh như ma quỷ vậy không? Nếu như có, “con ma” như Sư Phụ vậy cũng dễ thương hơn ma quỷ thật chứ! *(Mọi người cười.)* “Ma” như vậy không biết cắn người, cũng không biết dùng ngôn ngữ đi phi báng người khác, hoặc kêu tên nói pháp sư nào đó là quỷ, pháp sư nào đó là ma. “Con ma” này chưa từng biết nói những chuyện như vậy, quý vị có sợ Sư Phụ không? *(Học trò dưới đài nói: Sao lại sợ, tôn kính còn không kịp.)* Quý vị theo Sư Phụ tu hành lâu như vậy mà chưa có ai bị tâu hỏa nhập ma. Đó là bằng chứng rất tốt.

Pháp môn của chúng ta không giống với các pháp môn khác, trong pháp môn này có thể tọa thiền càng lâu càng tốt, tu hành càng nhiều càng tốt, nhưng những pháp môn khác tọa thiền quá nhiều sẽ bị rắc rối, bởi vì tu hành quá nhiều lực lượng sẽ tăng cường, nhưng họ không có một cái nút để điều khiển, có thể hạn chế cho vừa đúng mức, khiến cho lực lượng này không cách nào được dẫn đạo cho chính xác. Pháp Môn Quán Âm của chúng ta tuyệt đối không có vấn đề này. Mỗi ngày Sư Phụ thiền rất nhiều, tu hành đã mấy năm rồi, nhưng cho tới giờ chưa phát điên, nếu

khi nào quý vị thấy Sư Phụ như người sắp điên, đến bảo cho Sư Phụ hay, dẫn Sư Phụ đi coi bác sĩ thần kinh gấp! Cho nên bất luận tu pháp môn gì, chúng ta đều phải tự mình đi qua con đường này, có kinh nghiệm dồi dào rồi mới có thể dạy người.

Hồi này nói đến chuyện hóa thân, trên thực tế nó là chuyện rất bình thường, không có gì khó, nếu như cho nó là chuyện thần bí không thể nói ra, thì vì sao nhiều kinh điển mà Phật Thích Ca Mâu Ni lưu lại có rất nhiều chuyện ảo diệu? Thí dụ, Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại nơi nào, đi đến Thiên Đàng, giảng kinh điển gì, có bao nhiêu người thấy được ánh sáng, bao nhiêu người đến cảnh giới đó v.v..., đều ghi rất rõ ràng, nếu như không có chép những việc đó, ngày nay không có Phật giáo, cũng không ai có thể biết được Phật Thích Ca Mâu Ni có thần thông lớn như vậy, không biết được đẳng cấp tu hành của Ngài cao đến đâu, đệ tử của Ngài tu hành đạt đến trình độ nào!

Đúng vậy, có những vị Bồ Tát khi đến độ người thì ẩn trốn không cho người ta biết, cũng không nói đẳng cấp của họ như thế nào. Họ chỉ truyền pháp cho rất ít người, bảo họ đừng đi dạy những người khác, đó là bởi vì trách nhiệm của họ đến độ người chỉ có như vậy, không biết chừng họ chỉ truyền cho năm người, công việc chính của họ là ẩn mặt giúp đỡ chúng sanh.

Nhưng cũng có Bồ Tát lộ diện ra để độ chúng sanh, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi thành Phật cũng công khai dạy người. Ngài không giảng kinh tại chùa, mà giảng kinh ở nơi công cộng. Phật Thích Ca Mâu Ni không có chùa riêng của Ngài, chỉ vì sau này Ngài đã già rồi, không thể đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp nữa, cho nên đệ tử tại gia của Ngài cắt một chỗ bể quan, một trung tâm tọa thiền, cho Phật Thích Ca Mâu Ni và đệ tử của Ngài ở. Họ không tụng kinh mỗi ngày hay ra ngoài siêu độ cho người. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng không dạy đệ tử của Ngài phải tụng kinh mới có thể thành Phật, Ngài chỉ truyền rộng ra công khai đi độ chúng sanh.

Sư Phụ cũng công khai độ người như vậy, không có gì thần bí, nhưng quý vị có người mới theo học với Sư Phụ có một hai tuần lễ liền ra ngoài dạy người, đó là chuyện rất tức cười, tự mình còn chưa độ được mình đã muốn đi độ người, cho dù đã học lâu năm cũng vẫn chưa chắc có thể đi dạy người.

Không phải người nào cũng có thể tu hành được tám tháng thì biến thành Lục Tổ Huệ Năng; cho dù là Phật Thích Ca Mâu Ni, vẫn còn khổ công tu hành sáu năm mới có thể thành Phật; Bồ Đề Đạt Ma sau khi tu hành rồi, còn phải ngồi quay mặt vào vách đá chín năm; Bách Trượng Thiền Sư cũng phải tu hành rất lâu; Thần Tú tu ba mươi năm cũng còn chưa thành tựu, đẳng cấp vẫn thấp hơn Lục Tổ Huệ Năng. Nhưng đó không có nghĩa là ông ta không có khai ngộ, chỉ là tu hành đẳng cấp không bằng Huệ Năng Đại Sư mà thôi.

Cho nên mỗi người đều khác nhau, quý vị nghe nói Sư Phụ tu hành sáu tháng sau, Sư Ông bảo Sư Phụ: *“Bây giờ con có thể đi dạy người ta rồi.”* Cho nên quý vị cũng chờ sáu tháng sau là muốn đi dạy người, có phải không? *(Mọi người cười.)*

Không phải ý đó, pháp môn tuy là như nhau, nhưng Minh Sư truyền pháp cho đẳng cấp khác nhau, học trò học cũng khác nhau, cho dù là hai người học trò đồng thời thọ pháp, lúc tâm ấn đẳng cấp đã không như nhau rồi, không phải mỗi người sau sáu tháng đều có thể như Sư Phụ vậy, mà đã lo chạy đông chạy tây dạy người. Có nhiều người tuy theo Sư Phụ học đã lâu, nhưng còn số người khác mới học không bao lâu, đẳng cấp đã vượt qua họ, như thế quý vị lại còn muốn đi dạy ai đây?

Muốn dạy người thì đẳng cấp nhất định phải cao hơn họ, bất cứ lúc họ tọa thiền thần thức đi đến đâu mình cũng đều có thể biết được. Không phải bởi vì Sư Phụ sau sáu tháng liền bị Sư Ông đẩy đi độ người, cho nên quý vị cũng tưởng được rồi bây giờ đã qua tám tháng rồi, so với thời gian sáu tháng của Sư Phụ còn nhiều hơn hai tháng, cho nên cũng có thể đi làm thầy rồi. *(Mọi người cười.)*

Sư Phụ lúc trước cũng có nói, nếu như không có một vị đại sư chính thật để chỉ dẫn, trong lúc thiền quán linh hồn mình đi đến một đẳng cấp khác rồi thì có thể không về được. Không phải là chỉ không thể trở về thân thể này được, mà là không thể trở lại đẳng cấp cũ, tức là không thể phục hồi như con người bình thường như xưa. Bởi vì bây giờ bắt đầu có một chút liên lạc với lực lượng đó, cho nên lực lượng sẽ tăng cường, tự họ lại không biết cách lo liệu, nếu như không có sư phụ giỏi chiếu cố, rất có thể vì thế mà tính tình biến thành bực bội, dễ giận đến nổi phát điên.

Xưa kia ở Ấn Độ có một người phụ nữ có ba đứa con. Bà theo một vị sư phụ học về Yoga. Học một thời gian sau, đẳng cấp của bà cũng theo đó mà nâng cao, nhưng đây không phải là pháp môn của Sư Phụ, mà là Yoga Ấn Độ. Người phụ nữ này học một thời gian, lúc tọa thiền thân thức cũng có thể đi ra hưởng thụ cảnh giới của Thiên Đàng, lần nào bà cũng say đắm trong cảnh vui sướng của Thiên Đàng không muốn trở về, hễ về mà thấy ba đứa nhỏ thì cảm thấy rất ghét, bởi vì mới tọa thiền lên Thiên Đàng hưởng thụ cảnh giới hỷ lạc liền bị mấy đứa nhỏ khóc la, “*Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con đói bụng ...*,” cho nên chỉ có nước từ cảnh giới hỷ lạc rút xuống, nấu cơm cho con ăn. Cho nên bà cảm thấy rất bực bội, bởi vì bà rất muốn vĩnh viễn ở trên trời, đừng có trở về thế giới này, càng không muốn làm mấy chuyện lật vật trong nhà, cho nên bà ta giết hết ba đứa con.

Hậu quả này rất đáng sợ, bởi vì pháp môn mà sư phụ của bà này dạy không cao, cho nên mới phát sinh chuyện không hay, sau khi chuyện không may này xảy ra rồi, vị sư phụ đó về sau không còn truyền pháp cho người khác nữa.

Pháp môn của Sư Phụ mới nhìn hình như không có nhiều thần thông như vậy, cũng không có thành tựu mau như vậy, thật ra không phải không có thể nghiệm, chỉ vì quý vị không thấy được toàn bộ, có lúc Sư Phụ kiềm chế giùm quý vị, không muốn

cho quý vị thấy quá nhiều. Thấy được quá nhiều đối với quý vị không có ích, có thể không muốn trở về làm vợ hay chồng, đến lúc đó quý vị chỉ còn muốn lưu lại cảnh giới cao, hưởng thụ phần hỷ lạc siêu thế giới đó.

Bởi vì sự hỷ lạc này không thể dùng ngôn ngữ hình dung, đầu óc phàm phu càng không thể đoán tường ra được. Nếu như quý vị biết thật sự mình là ai, rất có thể sẽ tự sát, vì hy vọng linh hồn mau mau trở về quê hương của mình, không muốn ở lại trên thế giới này, bởi vì tất cả đều là hư ảo, không có chuyện gì là vĩnh cửu, chồng, vợ, con, tài sản, sự nghiệp, danh lợi v.v..., đều không quan trọng.

Một người nếu như có thể nhận ra diện mục chính thật của mình, biết được mình là ai rồi, có thể muốn tức khắc lìa khỏi cõi đời này, bởi vì không còn chịu nổi thế giới Ta Bà hư ảo này.

Ngoài ra khi thần thức của mình đi qua cảnh giới hơi cao, sau khi trở về ‘*miệng*’ của mình không giữ kín được, sẽ nhin không nổi, ra ngoài tuyên truyền, “*Tôi là Bồ Tát nào đó, sao ông hay bà không biết được? Tôi là Đại Thế Chí Bồ Tát, tôi là Quán Thế Âm Bồ Tát, tôi là Long Nữ, tôi là Đồng Tử v.v...,*” kể cho người ta như vậy. Người ta không những không tin, ngược lại còn cho mình là điên, dẫn mình đi bệnh viện thần kinh, nhốt lại, ngày ngày bắt uống thuốc, chích thuốc, như vậy không điên cũng không được.

Cho nên nếu như tọa thiền không đúng cách, rất là nguy hiểm, bởi vì mình thấy được những tình trạng chân thật nào đó sẽ nhin không nổi mà nói ra, hay là đi làm nhiều chuyện thần kỳ, thí dụ như muốn thi triển thần thông để cứu người này, hay trị bệnh cho người kia, hay là bảo người khác ngày mai đừng có ra đường sẽ chết, hay là ngày mai đừng có đi học sẽ bị thầy giáo đánh v.v..., nói những dự đoán như thế sẽ làm cho trật tự của cả thế giới loạn bậy, cho dù thân nhân của mình, không muốn đưa mình vào bệnh viện thần kinh, chính phủ cũng sẽ nhốt mình lại, bởi vì lời dự đoán của mình sẽ cản trở đến trật tự của xã hội và pháp luật của nhà nước.

Nếu như mình bảo người khác, người này kiếp trước là kẻ địch của họ, hay là người chồng của họ trước kia là anh của họ, hay là mẹ của họ đời trước là con heo v.v..., như vậy người ta nghe rồi trong bụng sẽ cảm thấy không tự tại, cho nên sẽ xảy ra nhiều phiền phức.

Bây giờ quý vị còn ai muốn coi kiếp trước của người khác là ai không? Có người không muốn lên Thiên Đàng, ngược lại muốn xin Sư Phụ dẫn xuống địa ngục coi chơi, Sư Phụ nói Sư Phụ không muốn dẫn họ xuống địa ngục, muốn đi thì đi Thiên Đàng hưởng thụ hỷ lạc, xuống địa ngục làm gì? Cho dù có đi rồi, quý vị cũng không giúp được gì, chỉ có thể thấy được chúng sanh trong địa ngục chịu khổ mà thôi, cũng như người đi coi hát, đối với người trong tuồng hát gặp đau khổ, hoàn toàn không làm gì được, cho nên đừng có xuống địa ngục.

Một vị Minh Sư trước khi thành Đạo, cũng không thể biết trước tương lai của mình. Nếu như đã có thể biết trước, vậy ngài tu hành làm gì? Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là hóa thân của Bồ Tát, công việc của Ngài là đến thế giới này độ chúng sinh, nhưng trước ba mươi tuổi Ngài hoàn toàn không hiểu rõ Ngài là ai, trải qua sáu năm tu hành gian khổ, ngày ngày tọa thiền không dám nằm xuống ngủ, chỉ ăn rất ít, sau này ngồi dưới gốc cây, trải qua bốn mươi chín ngày tọa thiền, cuối cùng thấy được ngôi sao, mới hoàn toàn biết được mình là ai.

Nhưng người phạm chúng ta, sao có thể biết được mình là ai dễ như vậy? Biết được rồi sẽ không chịu nổi, nhưng khi thời gian đến, mình cũng sẽ biết được. Phật Thích Ca Mâu Ni trong lúc thành Phật, hoàn toàn ngộ biết được Ngài là ai, nhưng trước giờ phút đó, Ngài vẫn hưởng thụ thế giới ở trong cung, có địa vị, phú quý, có vương phi đẹp, có con cung, ngày ngày có múa ca cho Ngài vui vẻ, hưởng lạc không khác gì người thế tục, cho đến sau khi tu hành, Ngài mới biết rõ Ngài là Phật.

Chúng ta cũng vậy, bây giờ vẫn là người thường, nhưng thời giờ đến, cũng có thể biết được mình là ai? Miễn là học trò của Sư Phụ, trễ nhất là khi mình lìa đời, có thể biết được mình là ai? Muốn đi đâu? Nhưng có số người không cần đợi lâu như vậy cũng biết được, không phải mỗi người đều có thể biết sớm, nếu như cần thiết, lực lượng của Sư Phụ sẽ an bài, để cho mình biết sớm hơn, nếu không cần thiết thì không cho.

Xưa kia có một vị đệ tử đối với vị lai của mình rất hiếu kỳ, rất muốn biết “*tương lai*” của mình như thế nào, mỗi lần tọa thiền khi thấy Sư Phụ bên trong, liền xin cho biết kết quả tương lai của mình, hóa thân Sư Phụ nói: “*Không được.*” Người đệ tử hỏi: “*Sao không được?*” Hóa thân Sư Phụ đáp: “*Một người nếu như biết được kết quả tốt nhất rồi, khó mà tiếp tục sống trên thế giới này.*” Người đệ tử này sau thành Minh Sư, nếu như lúc đó hóa thân Sư Phụ cho người đệ tử biết trước sau này sẽ trở thành Minh Sư, rất có thể người này sẽ không thành được.

Đoán được kết quả tương lai sẽ khiến cho con người kích động, vì định lực còn chưa đủ sẽ động tâm, ngày ngày sẽ không ngủ được, đợi cho sáu năm sau đến, người ấy sẽ nghĩ không tu hành cũng sẽ thành Phật, vậy ta cần chi ngày ngày tu hành tọa thiền? Đã là sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật, cho nên sẽ ra ngoài tuyên truyền, sáu năm sau tôi sẽ thành Phật, nếu ai muốn theo tôi học, bây giờ có thể ghi danh đăng ký trước, thành Phật rồi tôi sẽ dạy trước, nếu không sau này đệ tử quá nhiều, quý vị không thể theo tôi học. (*Mọi người cười.*) Cho nên, nếu như tu hành định lực không đủ, đã dự đoán biết trước kết quả của tương lai, rất có thể sẽ tạo thành tình trạng như vậy, bởi vì trước khi còn chưa thành đạo, vẫn là trí huệ phàm phu, vẫn không cách nào tiếp nhận đẳng cấp và địa vị của Phật.

Thời xưa tại Âu Lạc, có một thời kỳ rất trọng văn khinh võ, mỗi người trai đều rất muốn thành trạng nguyên, có thể có vợ đẹp, có nhiều tiền, nhiều quan lớn đều muốn gả con gái cho, quốc

vương cũng sẽ ban cho quan vị cao nhất. Có một người học sinh rất nghèo, rất siêng và rất cố gắng học hành, anh ta không thể tưởng được có một ngày sẽ thành trạng nguyên, nhưng anh rất khổ cực, mỗi ngày đến chùa lạy, cầu Phật, cầu Bồ Tát giúp đỡ cho anh biến thành thông minh một chút, học nhanh một chút, bởi vì gia cảnh của anh nghèo khổ, nhưng vẫn cố cho anh ăn học, cho nên anh ta hy vọng đậu được trạng nguyên để có thể cải thiện đời sống gia đình. Thường thường bên ngoài cửa chùa có đặt hai con sư tử đá. Có một ngày anh ta đi qua trước mặt con sư tử đá, sư tử đá đột nhiên nói chuyện, nó bảo rằng: *“Vì thấy anh rất thành tâm, cho nên hôm qua Phật Bồ Tát bảo tôi nói cho anh biết sau này anh nhất định sẽ đậu trạng nguyên, từ nay trở đi nên cố gắng cầu tiến.”* Sư tử nói xong lời, anh nhìn bốn bề không thấy có ai ở đó, chỉ thấy sư tử vừa mới ngậm miệng, anh tự nghĩ sư tử đá làm sao biết nói chuyện? Trong lòng cảm thấy lạ lắm, nhưng anh vẫn không mấy tin, về nhà vẫn rất siêng học hành. Hôm sau anh lại đi nói với Phật Bồ Tát, nếu như chuyện đó có thật, xin hôm nay nói một lần nữa có được chăng? Quả thật sư tử đá lại mở miệng nói những lời y như hôm qua, *“Anh sẽ đỗ trạng nguyên, anh phải cố gắng học tập.”* Lúc đó anh ta mừng quá, nhưng vẫn chưa dám hoàn toàn tin, anh về nhà cũng rất cố gắng học. Ngày thứ ba anh dâng hoa quả cúng dường Phật Bồ Tát, và nói với Phật Bồ Tát: *“Xin Ngài nói một lần nữa có được không? Con không thể tin nổi, bởi vì con là người nghèo như vậy, học lại không nhiều, sao có thể trở thành trạng nguyên? Nếu thật như vậy, xin nói một lần nữa.”* Quả nhiên sư tử đá lại nói lời y như vậy, lúc đó anh mừng quá, về nhà liền kể cho cha mẹ nghe.

Cha mẹ anh vốn rất nghèo, nhưng bây giờ nghe con nói, sư tử đá ba lần tiên đoán anh sẽ đỗ trạng nguyên, liền khởi thái độ kiêu ngạo, cho rằng con mình sau này là trạng nguyên. Bây giờ thân phận và địa vị của mình đều không bằng láng giềng, cho nên thái độ đối với người lân cận càng lúc càng ngang ngược,

chẳng hạn như đem bò cho vào ruộng của người ta ăn lúa. Nếu như có người hàng xóm đến phản nản, ông liền nói: *“Anh đừng có lộn xộn. Sau này con tôi sẽ đồ trạng nguyên, được bò của nhà trạng nguyên ăn cỏ, đó là vinh hạnh của anh. Anh còn phản nản gì nữa?”*

Bởi vì ông này ngày ngày đều nói với người ta, Phật Bồ Tát cho sư tử đá nói lời tiên đoán con ông sau này sẽ đồ trạng nguyên. Lâu rồi người hàng xóm đều tin là thật, không ai dám phản đối cha của anh. Đối với hành vi vô lý của ông, chỉ còn cách nhẫn nhịn. Chuyện này người con không biết.

Có một ngày anh lại đến chùa lạy Phật, rót cuộc sư tử đá mở miệng nói, nhưng lần này không phải dự đoán anh sẽ đồ trạng nguyên, mà là cho anh biết năm này anh ta không thể đồ trạng nguyên, người thư sinh này rất kinh ngạc, hỏi cho biết vì sao? Sư tử đá nói: *“Bởi vì cha của anh quá xấu, ở ngoài nói dối, thái độ kiêu ngạo, ăn hiếp người lân cận, làm thiệt hại quyền lợi của người ta, cho nên phước báu của anh bị thiệt thòi, càng ngày càng ít. Vì vậy ngôi trạng nguyên năm nay dành cho người khác có phước báu hơn anh.”*

Lúc này anh thư sinh rất khổ tâm và thất vọng, về nhà nói cho cha mẹ nghe, rồi ba người ôm đầu mà khóc, sau đó cha của anh không dám có thái độ kiêu ngạo, ăn hiếp người khác. Quả nhiên năm đó, vị thư sinh này không đậu trạng nguyên, anh ta một mặt thất vọng, một mặt cũng rất sám hối, cho nên ngày ngày đi sám hối với Phật Bồ Tát, nói rằng: *“Bởi vì cha mẹ con vô minh, cho nên tạo nhiều lỗi lầm, làm thiệt thòi thêm phước báu của con nữa, khi về nhà, con sẽ yêu cầu cha mẹ con sám hối tội lỗi của họ, và làm nhiều công đức, để bù đắp lỗi lầm ngày xưa.”* Quả nhiên cha mẹ anh từ đó sửa đổi, tận lực làm tốt, và bồi thường những tổn thất đã tạo cho người láng giềng ngày xưa.

Ba năm sau, lại gần ngày thi cử nhân, khi đó sư tử đá lại dự đoán anh sẽ trúng trạng nguyên, nhưng anh thư sinh này không

dám tin hoàn toàn, vẫn nỗ lực gắng công học hành, và cũng không dám đem chuyện tiên đoán kể cho cha mẹ hay, để tránh lỗi lầm lần nữa. Sau này quả nhiên anh đỗ trạng nguyên.

Con người chúng ta cũng vậy, biết trước tương lai sẽ tạo ra nhiều phiền phức, nếu như hiện giờ mình có thể thấy được cảnh giới tốt, biết được sinh sống ở đâu, có thể hưởng thụ hỷ lạc, không lo không buồn, vậy làm sao mình còn muốn sống tại thế gian này giặt quần áo, nấu cơm, làm những việc khô khan này? Hay là ra ngoài làm việc, phải nhịn nhục chủ? Khi một người biết được có cảnh giới hỷ lạc của Thiên Đàng, nhất định không cách nào nhẫn nhịn được sự phiền nhiễu và buồn khổ của trần thế. Cho nên thấy trước hay là biết trước kết quả của tương lai đối với mình không có ích lợi gì.

Đó là vì sao Sư Phụ thường bảo quý vị đừng có nói thể nghiệm cho người ta nghe, nhưng có thể viết xuống. Hiện giờ đã có người nói Sư Phụ là ngoại đạo, là ma quỷ, vậy sau này mình ra một quyển sách viết hết tất cả thể nghiệm vào đó để cho họ đọc, cho họ rõ ràng “ma” như ta tốt đến mức nào! *(Mọi người cười.)*

Sao lại có ý nghĩ sai lệch như vậy, cho rằng có thể nghiệm thần kỳ là quỷ ma? Trong hàng học trò có người phước báu lớn hơn, có thể thấy hóa thân Sư Phụ, khi người học trò này thấy được, có phải mừng lắm không? Càng thấy được hóa thân Sư Phụ càng hỷ lạc, sinh hoạt càng tốt, đời sống vật chất đời tốt hơn trước, tinh thần cũng tốt hơn, gia đình cũng vậy, mọi việc đều tốt. Có “quỷ” tốt như vậy, chỉ sợ mình tìm không ra.

Những người đó học Phật đã mấy năm rồi, còn sợ việc có được hóa thân, đối với một vị đại sư phụ, hóa thân là chuyện rất đơn giản, không có gì thần bí hay là tuyệt diệu, có người học trò chưa tu đến đẳng cấp của Sư Phụ cũng có thể hóa thân đi cứu con của họ, một vị đại sư sao lại không thể làm được? Đẳng cấp Bồ Tát hóa thân ít một chút, chỉ có thể đi đến chỗ của hai ba người

mà thôi. Phật Thích Ca Mâu Ni là Đại Bồ Tát, là Phật lớn, có trăm ngàn ức hóa thân, bất cứ có bao nhiêu học trò, đều có thể thấy được Ngài và bất cứ nơi nào Phật đều có thể hóa thân xuất hiện; cho dù là học trò thường, tu hành hơi cao, cũng có thể hóa thân, hóa hai, ba cái thân.

Thứ chuyện hóa thân này, đối với vị tu hành công đức lớn như trò chơi trẻ con, không có gì đáng kinh ngạc. Nếu mình không hiểu biết mà lầm lẫn về điểm này, kinh hoàng như vậy người ta sẽ cười mình, bởi vì tự mình đẳng cấp không cao, không hiểu chuyện của các vị đại sư, cho nên mới phỉ báng người ta là ma quỷ.

Đại Sư Duy Ma Cật hóa thân rất nhiều. Các thứ chuyện thần bí trong Kinh Duy Ma Cật đều có nói, nếu như không có thứ chuyện đó, mình đọc kinh làm sao hiểu được? Sau khi tu hành, mình có thể tìm được ấn chứng trên kinh điển, biết được đẳng cấp tu hành của mình như thế nào. Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có ghi, người tu hành đạt đến đẳng cấp gì, có thể thấy được ánh sáng gì, mình thấy được ánh sáng cũng có thể so với ánh sáng mà Bồ Tát thấy được trên kinh điển, biết được ở cảnh giới nào, thấy được cảnh đẹp nào. Ngoài Kinh Lăng Nghiêm ra, mình cũng có thể ấn chứng một chút với cảnh giới hay thể nghiệm ghi chép trên Kinh A Di Đà. Phật Thích Ca Mâu Ni có nói cõi Tây Phương Tịnh Độ có quang cảnh trang nghiêm mỹ diệu như thế nào, giả sử Ngài không có đi qua nơi đó, làm sao biết được? Vì có đi qua Tây Phương Tịnh Độ cho nên khi trở về mới có thể nói cho người ta nghe, đó không có gì là thần bí. Cũng như có nhiều người Formosa chưa đi Mỹ, nhưng chỉ cần trong đó có một người đi Mỹ, sau khi trở về có thể kể cho người khác tình hình ở Mỹ, họ có thể diễn tả cho mình biết, bởi vì mình chưa có đi qua, nhưng không có nghĩa là người đó chưa có đi qua.

Cũng giống như vậy, đi Tây Phương Tịnh Độ và đi Mỹ, chỉ khác ở chỗ là hành trình gần hay xa, và cách sử dụng giao thông

khác nhau. Có chỗ phải ngồi xe lửa, có chỗ phải đáp máy bay, nhưng có chỗ phải dùng thần thông, dùng thần thức đi coi, dùng trí huệ, dùng Phật Tánh đi coi, sử dụng công cụ giao thông cũng khác nhau. Cho nên hóa thân không có gì là thần bí, cũng không đáng đem chuyện này ra cho lớn tiếng như vậy.

Có số học trò nghe người ta phỉ báng Sư Phụ là ma, trong lòng lo lắng quá chừng, họ ở kia mắng nhiếc, quý vị ở đây nghe rồi tâm cũng động, sao lại như vậy? Theo Sư Phụ học thì không nên sợ, họ mắng nhiếc là chuyện của họ, càng mắng Sư Phụ càng mừng, không có gì đáng sợ hay lo lắng.

Trước kia Sư Phụ bảo quý vị đừng có nói thể nghiệm của mình cho người ta nghe, bởi vì rất nhiều người không hiểu, không tin quý vị là chuyện rất là bình thường. Sư Phụ đã xuất gia rồi, là Tỳ Kheo Ni của Phật giáo, nếu như Sư Phụ có thứ thể nghiệm đó, rất có thể họ còn tin nổi, vì chấp rằng vì cạo đầu có công đức, nhưng cũng có thể không tin, cũng phê bình Sư Phụ là ngoại đạo, là ma quỷ, còn quý vị chỉ là người tại gia thông thường mà cũng có thể thấy được Phật, đương nhiên sẽ dẫn đến sự phỉ báng của họ, nếu như họ tán thán, quý vị chỉ thêm kiêu ngạo mà thôi. Cho nên thể nào cũng không tốt, tốt nhất là đừng kể cho người ta thể nghiệm của mình. Người thường không tin nổi những cảnh giới này đâu, khi nhìn quý vị còn phán đoán quý vị tầm thường hơn người thường. Sư Phụ cũng vậy, nhìn thấy còn bình thường hơn những pháp sư Phật giáo khác.

Xưa kia Phật Thích Ca Mâu Ni có thể nghiệm gì, đệ tử của Ngài cũng có thể nghiệm đó. Hiện tại thì mình cũng như nhau, không có gì khác, vì đều là “*con người*”. Thế giới ngày nay còn tiến bộ hơn thời đại xưa, ngày nay có nhiều công cụ hiện đại hóa, có thể học mau hơn.

Thí dụ máy thu âm, nếu không thể đến nghe Sư Phụ giảng kinh có thể đem băng cassette về nhà nghe, hay là đem nội dung

giảng kinh mà Sư Phụ đã in về nhà coi; có xe hơi, có thể đến gặp Sư Phụ mau hơn. Thời đại xưa không thoải mái như vậy, Phật đến đâu cũng phải đi bộ nhưng tu hành thành tựu cao như vậy, bây giờ quý vị có xe để ngồi, thì tại sao lại không có thể nghiệm tốt như người xưa vậy? Đáng lẽ phải tốt hơn mới hợp lý.





Con người có ý chí tự do để lựa chọn, muốn làm gì thì làm. Cho nên Thiên Đàng và địa ngục đều do mình tạo ra, không ai có thể bắt buộc mình được.

Trích từ bài thuyết giảng "Hóa Thân Là Chuyện Thường"



12

Những Ai Có Thể Đến Thế Giới Cực Lạc?

**Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị
Trung tâm Vô Lượng Quang, Formosa**

Ngày 7 tháng 12 năm 1986

Lúc Sư Phụ đến Mỹ, có đến thăm một ngôi chùa vì trước kia có quen một vị pháp sư tại đó, thuận đường nên đến thăm. Sau khi gặp mặt, vị đó cảm thấy Sư Phụ không tôn kính ông, bởi vì Sư Phụ không đánh lễ vị đó. Ông có vẻ không vui lắm và nói với Sư Phụ: “*Sư cô bây giờ hình như trở nên kiêu ngạo, sao không đánh lễ tôi?*” Sư Phụ nói: “*Có mà!*” Sư Phụ nói rồi liền đánh lễ vị đó và đánh lễ luôn người đệ tử của vị đó. Lúc đó ông rất kinh ngạc hỏi: “*Chú kia chỉ là sa di mà thôi, sư cô đã là tỳ kheo ni, tại sao lại đánh lễ chú tiểu? Chú đó mới xuất gia, sư cô xuất gia lâu hơn, sao lại đánh lễ chú đó?*” Sư Phụ nói: “*Không sao! Đánh lễ đại diện của Phật sống còn tốt hơn đánh lễ Phật gỗ.*” Nói xong, Sư Phụ liền ra đi.

Không biết sau khi Sư Phụ đi rồi, họ nghĩ như thế nào, rất có thể cho rằng cô tỳ kheo ni này kỳ cục, không lay tượng Phật, trái lại đi đánh lễ một vị sa di. Đối với họ, họ cho rằng địa vị của sa di còn thấp hơn tỳ kheo ni. Nhưng mỗi người đều có Phật tánh, cho dù không làm sa di, sa di ni, cũng có Phật tánh như thường; sao lại làm sa di, sa di ni rồi ngược lại không có Phật tánh? Đánh lễ đại diện của Phật sống này còn tốt hơn là đánh lễ Phật gỗ chứ!

Bất luận chúng ta có Sư Phụ hay không, đều như nhau, đều phải nhờ chính mình; bởi vì Sư Phụ tối cao là mình, không phải là Sư Phụ bên ngoài, cũng không phải Sư Phụ bên trong. Nhưng khi chưa đạt đến đẳng cấp cao, chúng ta cần nên có vị thiện trí thức dẫn đường, vị thiện trí thức đó mình gọi là Sư Phụ hay là Thầy.

Khi tu hành đạt đến đẳng cấp cao hơn một chút, chúng ta có thể thấy vị Thầy đó có hóa thân của Phật hay Bồ Tát. Hóa thân Phật Bồ Tát này, nhìn thấy không biết chừng giống như Sư Phụ bên ngoài của quý vị, hay là không giống nhau. Nhưng thấy được hóa thân Sư Phụ bên trong, vẫn chưa phải là cứu cánh. Sau cùng mình cũng phải rời khỏi Sư Phụ bên trong. Vì sao vậy? Bởi vì *‘Thế thế thường hành Bồ Tát Đạo’*. Mình muốn thành Bồ Tát, muốn thành Phật, thì không thể y lại vào Phật, y lại vào Bồ Tát; chúng ta nên hành Bồ Tát Đạo, nên thành Bồ Tát, đó là mục đích của sự tu hành.

Đương nhiên khi tu hành chưa thành tựu, chúng ta phải nhờ một vị có kinh nghiệm nhiều hơn hướng dẫn. Cũng như nhờ một vị hướng đạo dẫn đường vì chúng ta chưa đi qua con đường đó, không biết trên đường có chướng ngại gì, có nguy hiểm gì? Cho nên cần phải có một vị hướng đạo hướng dẫn chúng ta. Khi đi qua con đường đó rồi, chúng ta sẽ hoàn toàn biết hết. Người hướng đạo chỉ dẫn đường, nhưng mình phải tự đi, khi mình đi qua rồi, còn phải trở về hướng dẫn người khác; không phải mỗi lần muốn đi, chúng ta đều cần tìm người hướng đạo dẫn đường.

Tu hành có trùng trùng pháp môn, có rất nhiều đường lối. Cũng giống như từ Cao Hùng đến Đài Bắc, có rất nhiều lối đi; có lộ trình dài, có lộ trình ngắn, có đường bằng phẳng, có đường gồ ghề không dễ đi. Có đường không thể lưu thông vì sửa chữa có nhiều nguy hiểm nên đường bị chặn lại. Khi chiến tranh, có một số đường cấm lưu thông.

Một vị hướng đạo hay là thiện trí thức, họ biết được đường nào đi dễ hơn, đường nào đến mau hơn, đường nào không giao thông, đường nào không chướng ngại, đường nào không bị cấm lưu thông. Chúng ta theo người biết đường đi thì an toàn hơn, sẽ không gặp nhiều nguy hiểm. Vì vậy, chúng ta cần phải có người hướng đạo. Tự mình có thể tìm đường, nhưng sẽ gặp nhiều phiền phức, nhiều nguy hiểm, nhiều chướng ngại; cho dù sau cùng mình tìm được đường, nhưng khi gần đến mục tiêu, rất có thể mình quá mệt mỏi, không còn tinh thần và thể lực để tiếp tục đi nữa.

Nếu như không muốn tổn phí thân thức quá nhiều, chúng ta nên nhờ một vị hướng đạo. Mặc dù nhờ vào người đó, mình cũng nên tự đi, nếu không tại sao Phật Thích Ca Mâu Ni phải khổ tu sáu năm. Từ trong kinh điển, chúng ta biết rằng Phật Thích Ca Mâu Ni là Hộ Minh Bồ Tát, từ Cung Trời Đâu Xuất xuống. Công việc của Ngài là dùng ứng hóa thân xuống độ chúng sanh, nhưng sau khi xuống rồi, cũng phải làm người, cũng phải như con người, cần phải tu hành trở lại, không thể nói Ngài đã là Bồ Tát rồi, sau khi giáng trần không cần tu hành nữa.

Nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, Thời Mạt Pháp là thời gian cuối cùng, rất có thể có chư Phật, chư Đại Bồ Tát hay là Thiên Nhân, hóa thân rất mau đến Thế Giới Ta Bà độ chúng sanh. Lúc các Ngài đến độ chúng sanh, có thể không cần thụ thai, tự hóa thân đến, hay dùng nhục thân của người khác để độ chúng sanh, bởi vì nếu như mượn bụng nữ giới sanh ra thật quá chậm trễ, cần phải ở trong bụng thụ thai chín tháng rồi mới có thể sanh

ra, lớn lên lại đi học, học rất nhiều điều không ích dụng, sau này tu hành còn phải rửa sạch những quan niệm không ích dụng này, rồi mới có thể bỏ vào quan niệm có ích dụng, bỏ vào những điều hữu dụng, cho đến khi viên mãn mới khai ngộ thành Phật, sau đó mới có thể đi quảng độ chúng sanh.

Nhưng từ khi khai ngộ đến khi độ chúng sanh, chúng ta cần phải có thời gian lâu dài, vượt qua nhiều khó khăn mới tu hành thành đạo, làm sao có người tin mình? Có phải như vậy không? Mình nói mình thành đạo, khai ngộ là chuyện của mình, họ tin hay không là chuyện của họ.

Cho nên từ khi ra đời, trưởng thành, học những quan niệm vô dụng, rửa sạch những quan niệm này, bỏ vào những điều hữu dụng, sau này thành đạo, rồi đi độ chúng sanh, quá trình này cần thời gian rất lâu dài, giữa đó có rất nhiều thời gian bị uổng phí. Cho nên trong thời Mạt Pháp này có số người tu hành hơi mau, có lẽ họ không dùng phương cách thai sinh mà dùng hóa thân trực tiếp ra độ chúng sanh, cũng có thể là dùng nhục thể của người tu hành tốt để đến độ chúng sanh.

Rất có thể Phật Bồ Tát xuống đây rất nhiều, hóa thân ra rất nhiều, nhưng không nhất định có thể độ nhiều chúng sanh như vậy. Không biết chừng trong số đó có một vị Bồ Tát chỉ độ một người, một vị Bồ Tát khác độ mười người, cho nên cần rất nhiều vị Bồ Tát mới có thể độ được nhiều chúng sanh, còn không sẽ không độ nổi. Bồ Tát có thể hóa thân vô số, thần thông biến hóa rất nhiều, nhưng chúng sanh không thấy được, cho nên vẫn phải dùng nhục thân độ người. Thí dụ quý vị theo Sư Phụ tu hành, có người ở nhà cũng có thể thấy hóa thân Sư Phụ đến dạy họ, cũng có người trên xe công cộng thấy hóa thân Sư Phụ đến an ủi họ v.v... Nhưng có một số người vẫn không thấy được, cho nên vẫn cần một cái nhục thể Sư Phụ đến dạy họ.

Phật Bồ Tát đến thế giới Ta Bà cũng như vậy, rất có thể mình sẽ nghĩ rằng tại sao lại phải dùng nhục thể của con người? Phật

Bồ Tát đã có thể hóa thân, có thể dùng thần thông biến hóa độ chúng sanh, như vậy sao còn phải dùng nhục thân? Bởi vì mắt thịt của chúng sanh không thấy được hóa thân của Phật Bồ Tát, cho nên Phật Bồ Tát cần phải hạ xuống một đẳng cấp, dùng nhục thể xuất hiện, như vậy mới có thể mặt đối mặt nói chuyện, chúng sanh mới có thể nghe được, họ hiểu biết đạo lý rồi sẽ từ từ tu hành.

Phật Bồ Tát hóa thân đến thế giới này không nhất định cần phải có cha mẹ,. Cũng như chuyện của Giê-su Ki-tô, mình hiểu biết Ngài từ hóa thân ra, đầu thai vào người của Maria, hóa thành một cái thai, như vậy cũng được. Phật Thích Ca Mâu Ni đương nhiên có cha mẹ, nhưng không phải vì quan hệ sinh lý của cha mẹ mới có thể sinh Ngài ra, bởi vì hoàng hậu Ma Da lúc thọ thai nằm mộng thấy con voi trắng sáu ngà chui vào bụng của bà, sau đó mới sinh ra hoàng tử.

Mẹ của Giê-su Ki-tô lúc đó chưa kết hôn, vẫn còn trinh, cô gái còn trinh tiết mà mang thai là chuyện mà nhiều người không tin, nhưng người tu hành như chúng ta có thể tin, tu hành rồi sẽ rõ. Phật Bồ Tát có nhiều thần thông, có đủ thứ năng lực, các Ngài muốn làm gì cũng được, các Ngài tự hóa thành người cũng được. Nhưng bởi vì đây là thế giới vật chất, cần phải dùng hệ thống vật chất, mới có thể sinh tồn tại thế giới Ta Bà. Bởi vì đẳng cấp của mỗi thế giới khác nhau, sức chấn động cũng khác nhau, cho nên phải dùng phương cách khác nhau, mới có thể liên lạc với thế giới của con người.

Phật Bồ Tát đương nhiên có thể cải biến pháp luật của thế giới Ta Bà này, nhưng các Ngài không chịu. Cải biến thế giới này sẽ đưa đến quá nhiều phiền phức, chỉ cần cải biến một bộ phận trong đó, sẽ đưa đến sự hỗn loạn của toàn vũ trụ. Cũng như bây giờ Sư Phụ sử dụng máy phóng thanh nói chuyện vậy, nó có quan hệ tới bộ máy chính lại có quan hệ đến ống loa, nếu như muốn sửa một bộ phận trong đó phải tắt hết cả hệ thống.

Ở trên thế giới Ta Bà này cũng vậy, mỗi một chúng sanh đều có quan hệ với những chúng sanh khác, cho nên Phật Bồ Tát đến thế giới Ta Bà cũng phải phối hợp với pháp luật của thế giới này, nếu không các Ngài đến đây thì triển các thứ thần thông thần kỳ ảo diệu cho người ta coi, chúng sanh thấy rồi sẽ rất tin, đều đến theo học. Phật Bồ Tát đương nhiên có thể lợi dụng thần thông, hoàn toàn đem hết thế giới Ta Bà đến Tây Phương, nhưng các Ngài không thể làm như vậy, Sư Phụ sẽ giải thích tại sao không thể làm như vậy được?

Bởi vì ban đầu là tự mình chịu xuống thế giới Ta Bà này để học hỏi, để biết chúng sanh là gì? Phật là gì? Vô thường là gì? Cứu cánh là gì? Vĩnh cửu là gì? Dù là tự nguyện xuống, cho nên mình cũng phải tự nguyện trở về. Phật Bồ Tát không có thể xen vào ý thức của mình, bởi vì con người chúng ta là chúng sanh rất vĩ đại, có sức phán đoán của mình, bất luận mình lên Thiên Đàng, xuống địa ngục, làm Phật, làm Bồ Tát, làm người, làm loài vật, làm quý, mình đều vĩnh viễn tồn tại. Không có một lực lượng nào, một người nào, bất luận đẳng cấp của họ cao đến đâu, cho dù như mình gọi là Thượng Đế tối cao, hay là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không thể hủy diệt Bản Lai Diện Mục của mình, Chân Thể của mình, Linh Hồn của mình.

Còn nếu muốn tu chậm chậm, học từ từ hay học cho nhanh đó đều là do mình quyết định. Nếu mình đối với thế giới này thật không còn cảm thấy lưu luyến gì nữa, một lòng muốn về nhà, lúc đó không có ai có thể ngăn cản mình, Ma Vương cũng không có biện pháp phá rối mình. Nhưng nếu như trong ý thức của mình vẫn còn một chút lưu luyến trần gian, mình sẽ có rất nhiều chướng ngại.

Sư Phụ đã nói qua, tất cả chúng sanh đều có quan hệ đến những chúng sanh khác, một niệm sẽ ảnh hưởng rất nhiều chúng sanh, sẽ kích động đến nhiều chúng sanh, làm cho chúng biến thành kết cấu của hành động, cũng như hệ thống của máy móc

vậy, mình ấn một cái nút, toàn bộ hệ thống đều chấn động, chuyển động. Có lúc mình không thể cảm giác cái vi tế nghĩ, nhớ, lưu luyện trần gian. Khi mình ngủ, niệm của mình cũng không có cách nào kiềm chế, nó quen với đủ thứ cách nghĩ, hưởng thụ thế giới, quen thói muốn đi giết người, quen thói muốn có quan hệ nam nữ, quen thói muốn đi trộm tiền, gạt người, phi báng người v.v..., lúc đó ý niệm của mình, cũng như ấn một cái nút vậy, những hệ thống khác sẽ tự động chuyển động, tạo thành chương ngại tu hành của mình, cho nên nói chương ngại cũng là tự mình tạo ra.

Mình thường nghe nói *“Thiên hạ vốn vô sự, phiền não tự mình tạo”*. Đương nhiên Phật Bồ Tát rất từ bi, rất thích cứu mình nhưng cũng phải tự mình cứu mình, Phật Bồ Tát chỉ có hướng dẫn, giúp đỡ mình mà thôi. Khi mình đi bộ, các Ngài có thể bảo: *“Con phải mang giày, nếu không chân con sẽ chảy máu”* hay là nhắc nhở mình rằng *“đường đi hơi khó, con cần phải mang những loại giày khác.”*

Cho nên Sư Phụ thường nói: *“Sư Phụ tối cao là chính mình, đừng có trách người thầy không tốt, không giúp mình, không gia trì mình v.v...,”* Phật Bồ Tát có thể giúp mình đến trình độ tốt nhất, nhưng nếu như chính mình không nỗ lực, thì Phật Bồ Tát cũng không có cách.

Bởi vì chính mình chịu xuống thế giới Ta Bà, thì phải tự mình muốn về. Nếu như mình không muốn, nhưng Phật Bồ Tát ép buộc mình về, dùng thần thông, dùng lực lượng kéo thế giới Ta Bà này, tất cả lên hết cõi Tây Phương Cực Lạc, nhưng đầu óc mình chưa chuẩn bị xong, mình đến đó rồi có thể sẽ phản kháng, không ở nổi, không quen, vẫn thích đi cờ bạc, người cờ bạc tìm không có người chơi chung sẽ tức giận, sẽ nhiễu loạn không khí hòa bình của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Người ghiền rượu vẫn muốn uống rượu, muốn tìm quán rượu, tìm không có quán rượu, họ sẽ tìm cách tự chế rượu, như vậy sẽ biến thế giới Tây Phương Cực Lạc thành cái gì? Có quán rượu cũng có sòng bạc,

sau này thế giới Tây Phương Cực Lạc đều hoàn toàn biến thành thế giới Ta Bà, như lúc trước vậy, không có một nơi cho người thật sự tu hành ở.

Cho nên chúng sanh nên tự độ lấy, Phật Bồ Tát là người hướng dẫn, giúp đỡ mà thôi. Cũng như trẻ nhỏ, lúc nó chưa trưởng thành mình phải cho nó ăn, nhưng tự nó cũng phải “muốn” ăn, có phải như vậy không? Khi đói, nó sẽ nói, nếu như nó không biết nói, nó cũng sẽ dùng tiếng khóc để diễn đạt. Lúc đó mình lấy sữa cho nó uống, nó sẽ uống vào, nếu không nó sẽ không lớn được.

Tu hành cũng vậy, không thể hoàn toàn nương vào lực lượng của Sư Phụ, lúc tu hành đương nhiên sẽ gặp một số khó khăn, nếu như thật sự không chịu nổi tình trạng đó, có thể cầu Sư Phụ bên trong giúp đỡ, Sư Phụ bên trong là hóa thân của Phật Bồ Tát, nhìn thấy hóa thân cũng y như thấy nhục thể Sư Phụ vậy.

Sư Phụ giảng cho quý vị nghe vì sao lại như vậy. Bởi vì có người sau khi thành đạo hình dáng vẫn không biến đổi, nhục thể trên thế giới này y như thân thể ở cõi trên, cho nên bất cứ bề trong hay ngoài, nhìn thấy dáng của Sư Phụ đều y như nhau, nhưng Ngài là Phật Bồ Tát, có hiểu không? Mình nghe nói Quán Thế Âm Bồ Tát khi làm người tại cõi Ta Bà, hình nhìn giống như vậy. (*Sư Phụ chỉ tượng Quán Thế Âm Bồ Tát.*) Hiện giờ mình ngồi thiền thấy được Quán Thế Âm Bồ Tát là hình dáng của Ngài lúc còn tại thế, bây giờ có nhiều người thấy Ngài đều là như vậy, bởi vì Ngài tu hành đến trình độ này, hình dáng của Ngài giống như hình dáng bình thường, không có biến đổi, lúc Ngài tu thành đạo hình dáng Ngài như thế nào, sau này cũng không biến đổi.

Thí dụ đối với thế giới Ta Bà này, Phật Thích Ca Mâu Ni lúc thành Phật là hình dáng như vậy. (*Sư Phụ chỉ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni.*) Đệ tử của Ngài lúc tọa thiền, nhìn thấy Sư Phụ của họ ở bên trong cũng có hình dáng như vậy, nhưng lại đẹp hơn, và có ánh sáng. Nếu như huệ nhãn của quý vị mở rồi, nhìn thấy nhục thân của Ngài cũng rất đẹp, cũng có ánh sáng rất là đẹp đẽ.

Cho nên khi các vị tu hành đến đẳng cấp cao, hình dáng bề ngoài và bên trong họ y như nhau. Bởi vì khi họ thành Phật, thành đạo, hình dáng của họ như thế nào, bên trong cũng có dáng dấp y như vậy, không có gì cải đổi.

Họ muốn biến đổi cũng được, nhưng thông thường họ đều không biến đổi, họ muốn biến hóa thành hình dáng khác cũng được, nhưng họ không biến hóa, vì sao vậy? Bởi vì công việc của họ là độ một nhóm chúng sanh nào đó, đoàn thể chúng sanh đó đã quen thuộc với hình dáng của họ rồi, hình dáng của họ như thế nào, đệ tử của họ, học trò của họ đã quen thuộc rồi, nếu như ở bên trong, họ biến hóa thành thứ hình dáng khác, rất có thể học trò của họ sẽ từ chối, không thể hoàn toàn tin họ.

Nếu như theo Sư Phụ rất lâu, quen thuộc với lớp bề ngoài của Sư Phụ, giả sử như có một ngày thấy được Sư Phụ bên trong, biến thành hình dáng khác, quý vị nhất định sẽ hỏi: “Ngài là ai?” Quý vị có thể sẽ không thích vị Sư Phụ bên trong. Bởi vì con người vốn rất chấp trước, trước khi mình còn chưa thành Phật, vẫn còn thái độ chấp trước đó, có phải vậy không? Khi mình quen thuộc với một thứ gì rồi, thì không muốn biến đổi, mình tin cậy bà con, bạn bè của mình còn nhiều hơn người ngoài, có phải như vậy không? Bởi thế cho nên cần phải có một hình dáng cố định, để cho đệ tử của họ quen biết.

Trong lúc tọa thiền thấy được Sư Phụ bên trong, Ngài nói với mình “Bây giờ theo Sư Phụ đi thế giới Cực Lạc”, thì mình sẽ theo liền. Nếu như gặp Bồ Đề Đạt Ma, hay là những vị đại sư thời xưa mình không quen biết, không biết chừng trong lòng cảm thấy không an, không dám tin, khi mình không tin mình sẽ tự cho là mình có chướng ngại, nhưng có người sẽ tin liền tức thời. Cho nên Phật Bồ Tát đối với học trò cần phải dùng hình tướng như nhau để xuất hiện, nhưng đối với người ngoài Ngài có thể dùng hình tướng khác, bởi vì khi thành Phật là vô hình, vô tướng, muốn biến hóa cái gì cũng được.

Sau này quý vị thành Phật cũng như vậy, hiện giờ hình tướng của quý vị là như vậy, nếu trong tương lai quý vị thành Phật, cũng có hình tướng như nhau, sau này đi dạy học trò, cũng duy trì hình dáng này không biến đổi, rất có thể đầu tóc sẽ dài hơn một chút. Bởi vì có người trong thời gian tọa thiền lâu dài hay là bế quan, hoàn toàn không lo về bề ngoài, cũng không cạo tóc, để tóc rất dài, sau khi thành đạo, cũng duy trì hình dáng như vậy, đương nhiên họ vẫn còn là người xuất gia, nhưng cũng để tóc dài như Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, quý vị coi tóc của Ngài có dài lắm không? *(Sư Phụ chỉ bức họa hình Phật Thích Ca Mâu Ni.)*

Có những hòa thượng Ấn Độ cũng không cạo đầu, cũng như Phật vậy, quần tóc trên đầu cũng được, bởi vì có lúc họ bế quan một thời gian rất lâu, cho nên không có cạo đầu. Quý vị nhìn tóc của Bồ Đề Đạt Ma cũng dài như vậy, Ngài cũng không lo, khi Ngài thành Phật, hình dáng cũng không biến đổi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni lúc thành Phật như thế nào, sau này cũng để y như vậy, Ngài có thể xuống tóc trở lại, nhưng Ngài không lo về những gì bề ngoài. Cho nên bây giờ mình đều nhận biết hình tướng của Phật Thích Ca có tóc dài, có phải không?

Lúc mới bắt đầu tu hành, cần phải nương vào Sư Phụ bên ngoài và bên trong, nhưng mình cần nên hiểu mình vốn là Phật Bồ Tát, mình cần phải trở về địa vị này, biến thành Phật Bồ Tát. Không thể ngày ngày đòi đòi, đều làm đệ tử, mình tu hành là bởi vì muốn trở lại địa vị vốn có của Phật Bồ Tát, để độ chúng sanh. Nếu như một vị Phật Bồ Tát chưa từng làm người, chưa từng luân hồi sinh tử, Ngài sẽ không biết độ chúng sanh, vì sao? Bởi vì Ngài quá khai ngộ, đối với tâm của Ngài không có đau khổ, Ngài không biết đau khổ là gì? Cho nên cần phải xuống để làm người, làm loài vật, làm súc sinh, luân hồi sinh tử rồi mới có thể hiểu biết tâm của chúng sanh là như thế nào.

Không xuống để làm chúng sanh, không thể độ chúng sanh, cũng không hiểu biết tự Ngài là Phật, có năng lực gì. Mình vốn

đã là Phật rồi, bây giờ muốn tu hành thành Phật trở lại, nếu như mình không phải là Phật, cho dù có tu hành trăm ngàn triệu năm cũng không thể thành Phật. Thí dụ một miếng sắt, không có lý nào để trăm ngàn triệu năm sau sẽ biến thành vàng, vàng là vàng, kim cương là kim cương, cơm là cơm, cát là cát, bất cứ mình nấu bao lâu, cũng không thể nấu cát thành cơm.

Sư Phụ nói tới nói lui đều nói một thứ chuyện, bởi vì muốn quý vị nhận biết mình. Đương nhiên Sư Phụ sẽ truyền Tâm Ấn cho quý vị, truyền pháp cho quý vị, mở nhĩ căn cho quý vị, giúp quý vị mở mắt trí huệ, ngày ngày nói trí huệ bên ngoài cho quý vị nghe, chỉ dẫn quý vị cách tu hành, nhưng quý vị cũng nên tự mình tu hành, không thể nào chỉ nhờ lực lượng của Sư Phụ.

Đương nhiên lúc truyền Tâm Ấn, nghiệp chướng đời đời kiếp kiếp của quý vị đều được rửa sạch hết rồi, bởi vì mình vốn không có nghiệp chướng, cho nên mới rửa sạch. Nghiệp chướng là hệ thống cần thiết trên thế giới Ta Bà, nếu như mình không ở trên thế giới Ta Bà thì không cần thọ Tâm Ấn, vì vốn không có nghiệp chướng. Nhưng hễ còn ở trên thế giới này, vẫn cần phải nói đến nghiệp chướng, và cần phải rửa sạch nghiệp chướng, nếu không, mình không thể đi lên.

Nếu như mình không tu hành, đẳng cấp của mình không thể nâng cao, không cao thì không thể độ chúng sanh, cũng không thể thành Phật, chỉ biến thành Phật vô dụng, Bồ Tát vô dụng. Cho nên tu hành là việc cần thiết, tu cho đến khi nào mình nhận thức được trở lại rằng mình là Phật, thì có thể trở về. Nhưng lúc đó mình sẽ không có nghĩ đến, mình được quả vị cứu cánh rồi. Tu hành là vô lượng vô biên, giả sử mình tu đến trình độ nào đó rồi ngưng lại, đó là chuyện rất đáng tiếc. Thí dụ tu hành có cái nóc nhà làm mục tiêu cuối cùng, mình tu đến đó rồi ngưng lại, Sư Phụ thấy như vậy quả không tự do, không tự tại.

Hiện giờ quý vị hãy nghĩ giả sử có một nơi cứu cánh, cũng như nóc nhà vậy, mình đến đó rồi thì không thể lên thêm nữa,

trường hợp như vậy có phải như là tù nhân hay không? Biến thành tù ngục Niết Bàn, thế giới này là nhà tù nhỏ, đi Niết Bàn là nhà tù lớn hơn, nhưng đều là tù ngục cả. Cho nên tu hành nên cẩn thận, không có một nơi cứu cánh nào có thể để mình ngưng lại. Nhưng mình càng tu càng hỷ lạc, không phải không có nơi cứu cánh thì mình không cần phải tu hành, không tu hành mình sẽ rất đau khổ, nếu như quý vị hỷ lạc thì khỏi cần tu hành, nhưng bởi vì quá đau khổ, quá vô minh, quá dốt nát, cho nên quý vị cần phải tu hành, tìm nguồn gốc hỷ lạc. Làm người không cần phải đau khổ như vậy, bận rộn như vậy, vô minh như vậy, cho nên cần phải phát tâm muốn tu hành thành Phật.

Vấn: *Xin hỏi Sư Phụ, trên thế giới này có quý hay không?*

Sư Phụ: Có, cũng không có. Có là bởi vì mình có quan hệ với nó mình sẽ thấy được, cho nên nói là có. Tu hành có thể tu đến trình độ người và quý đều không có, quý cũng là chúng sanh. Đối với người tu hành cao quý cũng không phải quý, cho nên nói là có, cũng là không có. Điều này tùy theo đẳng cấp của mỗi người mà nói. Quý cũng rất dễ thương, mình tu hành tốt nó sẽ đến thờ phụng mình. Nó rất ngoan, sẽ lo chăm sóc hoa, coi ngó rau cải ngoài vườn, nó rất dễ thương, mình muốn nó làm gì, nó làm cái đó, hễ mình tu hành tốt, nó sẽ rất kính thương mình, rất ưa thích mình, cũng như quý vị ưa thích Sư Phụ vậy. Quý rất có thể còn ưa thích Sư Phụ còn hơn là quý vị, nó cũng không làm gì, nó không như mình tưởng tượng, nếu như mình tu hành tốt, sẽ không có quý đến làm phiền, nếu như nó có đến thì rất dễ thương, tuy rằng đáng của nó có lẽ không đẹp, nhưng cá tính của nó rất dễ thương, nó cũng biết tu hành, có ngày nó cũng sẽ thành Phật. Xưa kia lúc Sư Phụ ở Mỹ tụng kinh tối, có rất nhiều quý đến, đều mặc đồ trắng, sắp từng hàng một, có đến cả trăm con, chúng nó đến sám hối, đến tu hành, nghe Sư Phụ tụng kinh, cũng có những người khác thấy. Hiện giờ Sư Phụ rời khỏi nơi đó, không biết quý có còn đến nữa hay không?

Ở đây cũng có quỷ, bây giờ cũng có rất nhiều quỷ đến nghe kinh, chúng là chúng sanh rất dễ thương, nhưng sự thông minh và trí huệ của chúng rất là nhỏ, năng lực nghe hiểu cũng hơi kém, cách nghĩ của chúng nó cũng hơi chậm lụt, không giống như người. Đôi khi họ làm việc xấu, tự họ cũng không biết nữa, cho nên phải dạy (*giáo dục*) chúng, bảo chúng đừng có làm như vậy, nếu như chúng thích mình, chúng sẽ nghe lời.

Con người nếu như có đủ năng lực có thể chỉ dạy nó, và nó cũng thích mình, nó sẽ nói: “*Được, được, tôi không làm.*” Nó sẽ nói, bởi vì nó thích người đó. Nó thích người nhưng lại làm cho người ta đau khổ, bởi vì nó không hiểu làm như vậy là chuyện xấu. Sự thông minh của quỷ khác với đẳng cấp của con người, cũng như chó, nếu như nó thích mình, nó sẽ kêu mình, hay là nằm trên người mình, cào rách y phục của mình, làm dơ đi. Mèo cũng vậy, bởi vì sự thông minh của nó khác với mình.

Vấn: *Quý có thể tu hành không?*

Sư Phụ: Có thể, nhưng chúng tu hành khác với chúng ta, chúng tu hành không thể lập tức thành Phật, cũng không thể hiện đời thành Phật, có “*thân người*” mới có thể hiện đời giải thoát. Chúng dùng phương pháp của chúng tu hành, chúng có thể nghe, nếu không chúng ta tụng kinh sáng, kinh chiều làm gì? Nhưng không phải quỷ nào cũng nghe hiểu, súc sinh cũng biết nghe kinh, cục đá cũng biết nghe kinh, quý vị có từng nghe về Pháp Sư Đạo Sinh? Ngài giảng kinh cho người, người ta không nghe, Ngài mới lên núi giảng cho cục đá nghe, sau khi giảng xong, Ngài hỏi cục đá có đúng không? Cục đá gật đầu.

Cho dù là cục đá cũng có thể nghe kinh, chúng sanh hữu hình sao lại không thể nghe? Nhưng khi Sư Phụ qua Mỹ nói với một vị pháp sư, “*Chúng ta ăn rau cải cũng không tốt lắm, bởi vì rau cải cũng có sinh mạng,*” rồi cuộc vị pháp sư đó nói Sư Phụ nói đạo lý của ngoại đạo, vị đó cho rằng rau cải không có sinh mạng.

Giả sử cục đá cũng có thể nghe kinh, rau cải sao lại không có sinh mạng? Tốt nhất vốn đừng có ăn, nhưng vì muốn giữ thân người để tu hành, cho nên cần phải ăn một chút đồ, nếu như hoàn toàn không ăn, chúng ta làm sao giữ được thân thể này? Bởi vì tự mình nghe không hiểu, rồi phỉ báng người khác là ngoại đạo, thật là chuyện đáng buồn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có nói: *“Phật Bồ Tát có lòng từ bi, không nên đập trên cỏ, cũng không nên có tâm ngắt hoa nhổ cỏ.”* Ý nói cỏ cây cũng có linh hồn, cũng có ý thức. Nhưng Sư Phụ nói với vị đó như vậy, vị đó lại cho rằng Sư Phụ là ngoại đạo, đối với kiểu người đó thật không có cách nào hơn để giải thích cho họ hiểu.

Tình trạng của Phật giáo bây giờ thật là ảo não, sinh viên ra nước ngoài học về được một chút giáo lý của Đức Phật hoặc lấy được mảnh bằng bác sĩ, trở về nước muốn nói gì cũng được, nhưng tự mình lại không hiểu pháp vi diệu thâm sâu của kinh điển Phật giáo. Rau cải cũng có sinh mạng là chuyện nhỏ, rất là dễ hiểu, nếu như luôn cả điều đó cũng không hiểu, làm sao hiểu thứ pháp vi diệu thâm sâu đó? Bởi vì tự mình không hiểu, mới phỉ báng người hiểu biết là ngoại đạo.

Cho nên dạy Chân Lý không dễ, dạy chuyện thế tục rất dễ, bởi vì đa số người không quen nghe sự thật, đa số người vẫn rất vô minh, không hiểu được Chân Lý, đều nương vào kiểu bác sĩ hay là Phật học viện gì đó, sau này nếu như có người khác nói Chân Lý, họ không thể nghe lọt vào tai được.

Vấn: *Sư Phụ, có nhiều sách đều viết rằng, có nhiều vị đại sư khi nhập định, kéo dài đến mấy tháng, chúng ta thông thường tọa thiền, có tình trạng cũng nhập định kéo dài đến vài tháng hay không?*

Sư Phụ: Có thể, nếu như mình đủ trình độ để nhập định, nếu như không đói, cũng không muốn động, thì động làm chi? Muốn nhập định cũng được chứ! Sao lại không thể được? Không thấy

đói thì không ra ngoài ăn. Tuy rằng họ ngồi không nhúc nhích, nhưng thần thức của họ đã đi đến cảnh giới cao, chỉ để lại thân thể, có nhục thể, nhưng linh hồn và ý thức không có ở đó.

Vấn: *Con đọc trong kinh có nói đến con người từ Quang Âm Thiên xuống, nhưng con học về động vật học, trong sách nói con người từ loài vượn (khỉ) tiến hóa mà ra.*

Sư Phụ: Quang Âm Thiên chỉ có một đoạn thời gian mà thôi, không phải lần nào cõi Ta Bà này đều do người từ Quang Âm Thiên xuống. Nói đến từ Quang Âm Thiên xuống là chỉ gian đoạn đó thôi. Càng sau nữa rất có thể có những người Trời khác xuống. Thế giới này thành, trụ, hoại, không mấy lần rồi, không phải lần nào đều là người của Quang Âm Thiên xuống thế. *(Theo thuyết tiến hóa, chúng ta là do vượn khỉ tiến hóa ra.)* Chúng ta cũng có thể từ cạp mà ra *(mọi người cười)*, bởi vì đời trước làm loài vật đó! Chúng ta làm quỷ, làm người, làm súc sinh v.v..., không phải chỉ làm vượn khỉ mà thôi, cũng đã từng làm cạp. Trong kinh Phật có nói, người xấu biến thành cạp, bởi vì ăn nhiều thịt, sau khi tái sinh, biến thành cạp, sư tử v.v... Những loài vật hung ác đó, trải qua mấy kiếp mới có thể làm người trở lại.

Có người lúc còn sống rất ác độc, khi chết biến thành rắn. Trải qua một thời gian rất dài, rắn cũng làm người, nhưng khi làm người, cũng làm người ác. Nếu như đầu thai từ loài vật hung ác, sau này trở thành người cũng rất hung ác, có đáng bộ như muốn hơn thua với người khác vậy.

Cho nên nhà sinh vật học nói, chúng ta từ vượn khỉ mà ra cũng không sai, không chỉ là vượn khỉ mà còn từ cạp, sư tử, và các loài động vật khác. Đó là sự an bài của tạo hóa, để cho chúng ta học tập tám vạn bốn ngàn loại chúng sanh, sau này mới có thể hiểu nỗi khổ của tất cả chúng sanh. Cho nên trong kinh điển có nói, Phật Bồ Tát hóa thân thành loài vật, là vì muốn học tập, sau đó mới có thể độ chúng sanh.

Vấn: *Khi niệm chú, nếu chúng ta phát âm không chính xác, kết quả khi niệm hay cảm ứng, phải chăng không được tốt?*

Sư Phụ: Niệm rõ ràng đương nhiên là tốt hơn.

Vấn: *Nếu như thân nhân của chúng ta gặp khó khăn, có nghiệp chướng, chúng ta có nên khuyên họ bỏ thí hay không?*

Sư Phụ: Tất cả chúng sanh đều là thân nhân của chúng ta, đừng nghĩ rằng người đó mới là thân nhân của mình, nếu như mình không có lòng phân biệt, tất cả chúng sanh đều có thể bỏ thí. Nhưng bỏ thí cũng đừng có nghĩ là “ta” đang bỏ thí, bởi vì nếu như mình có rất nhiều, nên chia cho người khác. Cũng như mỗi lần quý vị đến trung tâm (đạo tràng) cúng dường Sư Phụ những gì, Sư Phụ đều chia cho mọi người, Sư Phụ không có nghĩ Sư Phụ đang bỏ thí cho người nào. Trong xã hội cũng vậy, nếu như một người có quá nhiều tài sản, có thể chia cho người khác. Trên thế giới này, nếu mỗi người đều mang những vật dụng dư thừa, chia sẻ cho người khác thì thế giới sẽ hòa bình, rất vui vẻ, không còn chiến tranh và trộm cắp. Cho nên khi bỏ thí, đừng có nghĩ là bỏ thí, nghĩ đến bỏ thí là đẳng cấp thấp, bỏ thí gì đây? Khi chúng ta đến thế giới này, có đem gì đến? Đâu có! Không có đem một xu nào, một cái răng cũng không có, một cọng tóc cũng không có, cái gì cũng không có, đến đây vay đồ của thế giới Ta Bà này ăn, vay y phục để mặc, chúng ta đến cũng không mà đi cũng không, như vậy chúng ta có thể bỏ thí cái gì? Tất cả đều là đồ trên thế giới này, chúng ta chỉ mượn đi mượn lại, thay vì đổi lại sử dụng, phải nghĩ như vậy mới đúng, nếu không “ngã chấp” quá lớn, lần nào cũng nghĩ “ta” bỏ thí, bỏ thí như vậy không có lợi gì.

Vấn: *Giả sử có người lường gạt lấy tiền của người khác, chúng ta biết được người đó đang lừa dối, có thể từ chối người đó hay không?*

Sư Phụ: Nên từ chối, bởi vì trong tình trạng cần thiết chúng ta mới giúp đỡ, không cần thiết thì không giúp đỡ. Có người đói thật sự, mình cho họ ăn; có người không có y phục để mặc thì nên cho họ y phục để mặc; người bị bệnh không có tiền đi khám bệnh, mình có thể cho họ tiền. Nhưng đừng để cho người khác lợi dụng mình, như vậy mình sẽ nhận nghiệp chướng của họ, nếu như biết được người đó lường gạt người, lại để cho họ đánh lừa, như vậy có phải đại dột không? Nếu cần thì giúp đỡ, không cần thì thôi. Lúc nào, nơi nào, cũng đều như nhau. Có người đi ăn xin, nhưng họ có tiền rất nhiều. Ăn mày cũng đi uống rượu, mặc đồ đẹp, đến tiệm ăn sang, đến nổi mua nhà, mua xe. Những người đó đương nhiên là lường gạt người. Có người bắt mấy đứa nhỏ mặc quần áo như ăn mày, thậm chí còn đánh nó thành tàn phế, sau đó sai bảo chúng đi xin ăn để lường gạt người, nếu không chúng sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Cho nên muốn bố thí giúp người, chúng ta cần nên phán đoán cho rõ ràng.



Truyền Tâm Ấn cũng không hẳn là truyền Tâm Ấn... quý vị chỉ đến đây để cho tôi giúp quý vị tự cứu chính mình. Tôi không phải đến đây để dạy quý vị trở thành tín đồ.... Tôi đến đây để dạy cho quý vị trở thành Minh Sư.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

Mọi người cũng đều biết cách thức ngồi thiền, nhưng lại thiền quán những điều sai lạc. Có người thì thiền quán về những cô gái đẹp, có người quán về tiền tài, có người quán về công việc làm ăn. Mỗi khi quý vị cố gắng tập trung sức chú ý vào một việc gì tức là quý vị đang thiền. Tôi chỉ chú ý vào lực lượng bên trong, vào tình thương, vào lòng từ bi và ân điển của Thượng Đế.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**

Khi được thọ Tâm Ấn là bắt đầu cho một đời sống mới trong một trật tự mới. Điều đó có nghĩa là tôi đã chấp nhận quý vị để trở nên một phần tử trong hàng thánh nhân. Khi đó quý vị không còn là một người thường nữa, đẳng cấp quý vị đã được nâng lên cao. Thời xưa họ gọi đó là “Lễ Rửa Tội” hay là “Sống trong sự che chở của Minh Sư”.

~ **Thanh Hải Vô Thượng Sư**



Truyền Tâm Ấn: Pháp Môn Quán Âm

Những người thành tâm mong cầu Chân Lý sẽ được Thanh Hải Vô Thượng Sư truyền dạy Pháp Môn Quán Âm. “*Quán Âm*” theo tiếng Trung Hoa có nghĩa là thiền quán, là lắng nghe chân động lực của Âm Thanh. Pháp môn này bao gồm việc thiền định về Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Những thể nghiệm nội tại này đã được ghi chép lại trong kinh điển của tất cả những tôn giáo trên thế giới từ thời cổ xưa. Ví dụ, Thánh Kinh của Thiên Chúa giáo viết rằng: “*Khởi đầu là Ngôi Lời, Ngôi Lời ở với Thượng Đế và Ngôi Lời chính là Thượng Đế.*” (Gio-an 1:1) Ngôi Lời chính là Âm Thanh nội tại. Âm Thanh này còn được gọi là Logos, Shabd, Đạo, Suối Âm, Nước Nguồn Sống hay Tiếng Nhạc Trời. Thanh Hải Vô Thượng Sư nói rằng: “*Âm Thanh này tạo nên chấn động lực trong mọi sự sống và bao trùm khắp vũ trụ. Âm Thanh nội tại này có thể chữa lành mọi vết thương, thỏa mãn mọi ước muốn và khát vọng của thể gian. Âm Thanh này là sức mạnh vạn năng của muôn vàn tình thương. Và chúng ta được cấu tạo bởi Âm Thanh này nên khi giao tiếp được với nó chúng ta sẽ có được sự an lành và mãn nguyện trong tâm. Sau khi nghe được Âm Thanh này, con người chúng ta sẽ cải biến, toàn bộ thể giới quan của chúng ta sẽ được cải biến mạnh mẽ và trở nên tốt đẹp hơn.*”

Ánh Sáng bên trong, Ánh Sáng của Thượng Đế, cũng là Ánh Sáng được đề cập đến trong danh từ “*khai ngộ*”. Cường độ của Ánh Sáng tăng dần từ những tia sáng yếu ớt đến Ánh Sáng của hàng triệu mặt trời. Chính nhờ vào Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại mà chúng ta cấu thông được với Thượng Đế.

Lễ truyền Tâm Ấn để tu theo Pháp Môn Quán Âm không phải là một nghi thức huyền bí hoặc một nghi lễ sơ khởi nào để bước vào một tôn giáo mới. Trong buổi lễ truyền Tâm Ấn, người thọ Pháp sẽ nhận được sự hướng dẫn đặc biệt về cách ngồi thiền để quán Ánh Sáng và Âm Thanh nội tại. Thanh Hải Vô Thượng Sư sẽ chăm lo cho việc “*truyền đạt tâm linh*”. Những thể nghiệm đầu tiên về sự hiện hữu của Thánh Linh sẽ được diễn ra trong tĩnh lặng. Thanh Hải Vô Thượng Sư không cần phải hiện diện bằng nhục thân để mở “cánh cửa” này cho chúng ta. Việc truyền đạt này là phần chính yếu của pháp môn. Kỹ thuật ngồi thiền sẽ đem lại kết quả không đáng kể nếu không có ân điển của một vị Chân Sư.

Và quý vị có thể nghe được Âm Thanh nội tại và thấy được Ánh Sáng nội tại ngay lập tức sau khi được truyền Tâm Ấn, nên việc này đôi khi còn được gọi là “*đốn ngộ*” hay “*tức khắc khai ngộ*”.

Thanh Hải Vô Thượng Sư chấp nhận tất cả mọi người muốn được Tâm Ấn, không phân biệt quá khứ hay liên hệ tín ngưỡng của họ. Chúng ta không cần phải thay đổi tôn giáo hay tín ngưỡng hiện tại của mình. Chúng ta cũng không cần phải tham gia vào bất kỳ tổ chức hay sinh hoạt nào mà chúng ta cảm thấy không thuận lợi cho đời sống hiện tại của mình. Tuy nhiên chúng ta cần phải giữ chế độ dinh dưỡng thuần chay. Việc cam kết thuần chay suốt đời là điều kiện tiên quyết để được Tâm Ấn.

Thanh Hải Vô Thượng Sư truyền Tâm Ấn hoàn toàn miễn phí.

Hàng ngày tu thiền theo Pháp Môn Quán Âm và giữ năm giới luật là điều kiện duy nhất đối với những ai đã được Tâm Ấn. Những giới luật này là kim chỉ nam giúp chúng ta tránh gây phương hại cho mình cũng như những sinh vật khác. Việc tu hành sẽ giúp chúng ta có được sự giác ngộ sâu sắc và vững vàng hơn so với những thể nghiệm khai ngộ lúc ban đầu và cho phép chúng ta đạt mức độ cao nhất của khai ngộ hay là đại khai ngộ. Nếu không tu hành mỗi ngày, quý vị sẽ gần như quên đi sự khai ngộ của mình và trở lại đẳng cấp tâm thức bình thường.

Mục đích của Thanh Hải Vô Thượng Sư là dạy cho chúng ta cách tự chăm sóc mình. Vì thế Ngài chỉ dạy một phương pháp mà bất kỳ ai cũng có thể thực hành được, tự thực hành mà không cần sự nâng đỡ hay trợ giúp nào khác. Ngài không có ý tìm kiếm tín đồ, đệ tử hay những người tôn kính Ngài hoặc thành lập một tổ chức mà hội viên phải đóng lệ phí. Ngài không nhận cúng dường, sự lễ bái hay quà tặng của chúng ta, nên chúng ta không cần dâng lên cho Ngài những thứ đó. Ngài chấp nhận lòng thành tâm của chúng ta trong đời sống thường nhật và việc tu thiền sẽ giúp chúng ta có khả năng thăng tiến lên bậc Thánh nhân.





Ngũ Giới

1. Không gây phương hại đến sự sống của các chúng sinh*
2. Không nói những điều không thật
3. Không lấy những gì không phải của mình
4. Không tà dâm
5. Không dùng những chất gây nghiện**

** Giới luật này đòi hỏi phải triệt để thuần chay. Không được dùng thịt, cá, gia cầm, sữa, trứng (kể cả trứng đã được thụ tinh và trứng chưa được thụ tinh trong bánh ngọt, bánh quy, kem, v.v...) hay bất kỳ sản phẩm nào có nguồn gốc động vật.*

*** Bao gồm việc tránh xa những sản phẩm độc hại như rượu, ma túy, thuốc lá, cờ bạc, phim ảnh, sách báo, trò chơi điện tử bạo lực và có nội dung thiếu lành mạnh.*

Một thánh nhân hoàn hảo là một người hoàn hảo. Một người hoàn hảo là một thánh nhân hoàn hảo. Hiện tại chúng ta chỉ là một nửa con người. Chúng ta làm việc gì cũng do dự. Chúng ta làm việc gì cũng có sự cao ngạo. Chúng ta không tin rằng chính Thượng Đế đã sắp xếp mọi việc cho chúng ta hưởng thụ, cho chúng ta học hỏi. Chúng ta phân biệt tội lỗi và đức hạnh. Chúng ta quan trọng hóa mọi việc, và sau đó phán đoán chính chúng ta và những người khác. Chúng ta đau khổ vì sự hữu hạn của mình, về những điều Thượng Đế phải làm. Có hiểu không? Thật ra, Thượng Đế ở bên trong chúng ta và chúng ta tự giới hạn Ngài. Chúng ta muốn vui vẻ và chơi đùa, nhưng lại không biết phải làm sao. Chúng ta chỉ biết nói với người khác: “À, anh không được làm như vậy.” và nói với chính mình: “Tôi không nên làm như thế này. Tôi không nên làm như thế nọ. Vậy tại sao tôi lại phải ăn thuần chay?” Đúng rồi, tôi biết. Tôi ăn thuần chay vì Thượng Đế bên trong tôi muốn như vậy.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

Khi thân, khẩu, ý, của chúng ta được thanh tịnh, dù chỉ trong một giây khắc, thì tất cả thần thánh, Thượng Đế, và thiên thần hộ pháp sẽ trợ giúp chúng ta. Ngay lúc đó toàn thể vũ trụ đều thuộc về chúng ta và ủng hộ chúng ta, và ngôi báu cũng sẵn sàng để cho chúng ta ngự trị.

~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

NHỮNG TUYỂN TẬP THƠ NHẠC DO THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ SÁNG TÁC



- NGÀY NÓ NGÀY NÌ
(diễn ngâm bằng tiếng
Âu Lạc): MP3-M027



- MỘT CHÚT HƯƠNG
(những nhạc phẩm do
các ca sĩ tài danh trình
diễn bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M029



- XIN GIỮ MÃI
(diễn ngâm bằng
tiếng Âu Lạc):
MP3-M028



- DỊU DÀNG BÊN NHAU
(những nhạc phẩm
được trình bày
bằng tiếng Âu Lạc):
MP3-M032



- NGỦ NGON EM NHÉ
(những nhạc phẩm
được trình bày bằng
tiếng Anh):
MP3-M037



- **ĐƯỜNG VÀO TÌNH SỬ**
(những thi phẩm do các nhà thơ tài danh Âu Lạc sáng tác, diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3 (1, 2 & 3)



- **NHỮNG VẾT TIỀN THÂN**
(diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3 (1, 2 & 3); DVD 531 & MP4



* Những thi phẩm và nhạc phẩm (những thi phẩm được phổ nhạc) trong Đường Vào Tình Sử, Tình Xưa, Khuất Nẻo Thời Gian, Mơ Đêm, Xin Giữ Mãi, Ngày Nở Ngày Nụ, Những Vết Tiền Thân, Những Văn Thơ Ngọc, Đóa Sen Vàng, Ngủ Gọn Em Nhé và Dịu Dàng Bên Nhau do Thanh Hải Vô Thượng Sư diễn ngâm hoặc trình bày.



- **KHUẤT NÈO THỜI GIAN** (những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc): MP3-M031, DVD 765 & MP4



- **TÌNH XƯA** (diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3-M036, DVD 801 & MP4



- **MƠ ĐÊM** (những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc): MP3-M030, DVD 764 & MP4



- **CA KHÚC TÌNH THƯƠNG** (những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc và Anh): DVD 761 & MP4



- **NHỮNG VẦN THƠ NGỌC** (những thi phẩm do các nhà thơ tài danh Âu Lạc sáng tác, diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3-M034, DVD 769 & MP4



- **NHỮNG NHẠC PHẨM DO THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ SÁNG TÁC** (những nhạc phẩm được trình bày bằng tiếng Âu Lạc, Trung Hoa và Anh): MP3-M009, DVD 389 & MP4



- **ĐÓA SEN VÀNG** (diễn ngâm bằng tiếng Âu Lạc): MP3-M305, DVD 770 & MP4
Kính mời quý vị thưởng thức những vần thơ tuyệt tác của Hòa thượng Thích Mãn Giác cùng hai thi phẩm “Đóa Sen Vàng” và “Sayonara” do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác riêng tặng Hòa Thượng, qua giọng ngâm trầm ấm của Ngài.



- **KỶ NIỆM VÀNG THAU**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **GIẤC MƠ CỦA BƯỚM**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **NHỮNG VẾT TIỀM THÂN**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh

- **MỘT THỜI XA XƯA**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **THƠ VÔ TỪ**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **KỶ NIỆM VÀO QUÊN**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh



- **GIÒNG LỆ ÂM THẨM**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa/Anh, Đức/Pháp/Anh, Philippines, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha



- **NGƯỜI TÌNH THIÊN CỔ**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Mông Cổ, Tây Ban Nha



• MP4 & DVD-1010

Lấy cảm hứng từ thi tập sâu sắc *Giờ Lễ Âm Thầm* do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác, vở nhạc kịch tuyệt diệu này đưa chúng ta du hành trên chuyến xe lửa thần kỳ đến 16 quốc gia qua 6 lục địa. Chúng ta đồng hành với cô Joy – người mẹ đau xót vì mất con, và Pete – chàng trai mới lớn, ham mê vật chất. Với sự dẫn dắt của vị trưởng tàu vui tính và thần bí, họ dần bước vào hành trình của cuộc đời – mỗi người tìm thấy cho mình sự an bình mới. Tại mỗi điểm đến, hãy thưởng thức các tiết mục âm nhạc đặc sắc và hấp dẫn do các nhà soạn nhạc từng đoạt giải Oscar, Grammy, Tony và Emmy sáng tác, với phần trình diễn của những ngôi sao nhạc trẻ và Broadway, các ca sĩ quốc tế hàng đầu, cùng 48 vũ công xuất sắc và dàn nhạc sống!

Được điều khiển bởi đạo diễn từng được đề cử giải Tony, Vincent Paterson (đạo diễn chuyển lưu diễn vòng quanh thế giới của Michael Jackson và Madonna), với phần biên đạo múa của Bonnie Story, người đoạt giải Emmy (Nhạc Kịch Trung Học 1, 2 và 3), buổi ra mắt quốc tế phi thường này với sự góp mặt của đội kỹ thuật viên gồm 217 người, được thu hình bởi 21 máy quay phim và 96 bảng tần thu âm điện tử, đã diễn ra vào ngày 27 tháng 10 năm 2012 tại Đại Hy Viện Shrine, Los Angeles, California, Hoa Kỳ. Chương trình kỷ niệm 19 năm Ngày Thanh Hải Vô Thượng Sư, vinh danh tinh thần hòa bình và từ thiện mà vị Thầy tâm linh nổi tiếng thế giới, nhà nhân đạo, thi sĩ kiêm nghệ sĩ đã nêu gương.

Bộ DVD 4 đĩa này bao gồm băng hình chào mừng của Thi Sĩ, phần trao quà từ thiện, các cuộc phỏng vấn nghệ sĩ và nhiều đoạn phim phụ trội đặc sắc.

Giờ Lễ Âm Thầm chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta nguồn cảm hứng để đi tìm sự an bình nội tại!



• MP4 & DVD-999

NHẠC KỊCH CHÂN TÌNH

Bộ DVD 3 đĩa này gồm các tiết mục rất đặc sắc như những câu chuyện thật hấp dẫn của Thanh Hải Vô Thượng Sư tại Hy Mã Lạp Sơn, những cuộc phỏng vấn phía sau hậu trường, tường trình của giới truyền thông, những nhân vật nổi tiếng trên thảm đỏ và những cảnh diễn tập.

QUYỀN SÁCH CHÂN TÌNH ĐẠT VỊ TRÍ SỐ MỘT TRÊN AMAZON.COM

Lấy cảm hứng từ câu chuyện đời thực của Thanh Hải Vô Thượng Sư, Nhạc kịch *Chân Tình* là trải nghiệm đầy xúc động, khi chúng ta du hành cùng với Thanh – một cô gái hiền lành – trên con đường kiếm tìm bí quyết khai ngộ. Bên cạnh đó, quyển sách *Chân Tình* – tuyển tập bao gồm ca từ và ký âm của các bản nhạc trong nhạc kịch cũng đạt vị trí đầu tiên trong danh sách Những Quyển Sách Bán Chạy Nhất trên Amazon.com ở cả hai hạng mục Sách và Thơ.

"Tình thương là điều quý giá nhất trong thế giới vật chất này. Vì thế chúng ta nên bảo vệ tình thương... Nếu chúng ta có tình thương, mọi điều tốt đẹp sẽ đến với chúng ta... Ân thuận chạy, tạo hòa bình. Và yêu thương. Đó là tất cả những gì chúng ta cần làm."

– Thanh Hải Vô Thượng Sư, ngày 27 tháng 8 năm 2011 - Pasadena, California, Hoa Kỳ
Kỷ Niệm 5 Năm Thành Lập Truyền Hình Vô Thượng Sư: Chân Tình

NHỮNG BÀI THUYẾT GIẢNG TÂM LINH CỦA THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

SÁCH

- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Khai Thị:**
Tiếng Âu Lạc (1-15), Trung Hoa (1-10), Anh (1-5), Pháp (1-2), Phần Lan (1), Đức (1-2), Hungary (1), Indonesia (1-5), Nhật Bản (1-4), Hàn Quốc (1-11), Mông Cổ (1, 6), Bồ Đào Nha (1-2), Ba Lan (1-2), Tây Ban Nha (1-3), Thụy Điển (1), Thái (1-6) và Tây Tạng (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Vấn Đáp:**
Tiếng Âu Lạc (1-4), Trung Hoa (1-3), Bungary (1), Tiệp Khắc (1), Anh (1-2), Pháp (1), Đức (1), Hungary (1), Indonesia (1-3), Nhật Bản (1), Hàn Quốc (1-4), Bồ Đào Nha (1), Ba Lan (1) và Nga (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Ấn Bản Đặc Biệt/Thiền Thất Năm 1992:**
Bộ sưu tập những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư vào năm 1992 trong kỳ thiền thất tại Tam Địa Môn, Formosa.
Tiếng Anh và Âu Lạc
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Ấn Bản Đặc Biệt/Chuyến Hoàng Pháp Toàn Cầu Năm 1993:**
Tuyển tập 6 cuốn bao gồm những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong chuyến Hoàng Pháp Toàn Cầu năm 1993.
Tiếng Anh (1-6) và Trung Hoa (1-6)
- **Thư Tín Thầy Trò:**
Tiếng Anh (1), Trung Hoa (1-3), Âu Lạc (1-2) và Tây Ban Nha (1)
- **Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ – Thần Kỳ Cảm Ứng (1-2):**
Tiếng Âu Lạc và Trung Hoa
- **Sư Phụ Kể Chuyện:**
Tiếng Anh, Trung Hoa, Tây Ban Nha, Âu Lạc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái
- **Thượng Đế và Nhân Loại – Những Câu Chuyện Thánh Kinh:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Thượng Đế Chăm Sóc Mọi Việc –
Bộ Sách Tranh Đây Trí Huệ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Nhật Bản và Hàn Quốc
- **Chuyện Vui Khai Ngộ Của Thanh Hải Vô Thượng Sư –
Hào Quang Chật Quá:**
Tiếng Anh và Trung Hoa
- **Tỏ Điểm Đời Sống:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Bí Quyết Thanh Thân Tu Hành:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa

- **Trực Tiếp Câu Thông Thượng Đế – Cách Tiến Đến Hòa Bình:**
Bộ sưu tập những bài thuyết giảng của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong chuyến Hoàng Pháp Châu Âu năm 1999.
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Ta Xướng Tim Em Dưới Cõi Trần:**
Tiếng Ả Rập, Âu Lạc, Bungary, Tiệp Khắc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Indonesia, Ý, Hàn Quốc, Mông Cổ, Ba Lan, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, La Mã và Nga
- **Sống Trong Thời Đại Hoàng Kim**
Ý Thức Về Sức Khỏe – Trở Về Lối Sống Tự Nhiên và Đạo Đức:
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Lời Pháp Cam Lồ:**
Viên ngọc của trí tuệ vĩnh hằng do Thanh Hải Vô Thượng Sư sáng tác.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Âu Lạc/ Trung Hoa, Tây Ban Nha/ Bồ Đào Nha, Pháp/ Đức, Hàn Quốc, Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Gia Chánh Vô Thượng (1) – Các Món Ăn Thuần Chay Quốc Tế:**
Bộ sưu tập những món ăn chọn lọc trên khắp thế giới do đồng tu giới thiệu.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa, Âu Lạc và Nhật Bản
- **Gia Chánh Vô Thượng (2) – Khẩu Vị Gia Đình Chọn Lọc:**
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa
- **Một Thế Giới Hòa Bình Qua Âm Nhạc:**
Bộ sưu tập những buổi phỏng vấn và tác phẩm âm nhạc từ buổi hòa nhạc trình diễn năm 1998 tại Đại Hý Viện Shrine, Los Angeles, California, Hoa Kỳ.
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Âu Lạc/ Trung Hoa
- **Bộ Sưu Tập Các Sáng Tạo Nghệ Thuật Của Thanh Hải Vô Thượng Sư – Tuyển Tập Hội Phẩm:**
“Tự Tính người họa sỹ hiển lộ qua các hội phẩm. Quý vị sẽ cảm động sâu sắc bởi tính đơn thuần của trẻ thơ và tình thương bao la của bậc từ mẫu ở Người đã đạt giải thoát.”
Tiếng Anh và Trung Hoa
- **Thiên Y S.M.:**
Ấn bản đa ngôn ngữ, tiếng Anh/ Trung Hoa
- **Những Chú Chó Trong Đời Tôi:**
Quyển sách gồm 500 trang này là một phần những mẩu chuyện có thật do Thanh Hải Vô Thượng Sư kể về những bạn khuyến đồng hành của Ngài.
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Ba Lan và Đức
- **Những Chú Chim Trong Đời Tôi:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Mông Cổ, Nga và Indonesia

- **Loài Hoang Dã Cao Quý:**
Tiếng Âu Lạc, Trung Hoa, Anh, Mông Cổ, Hàn Quốc, Pháp và Đức
- **Nghệ Thuật Thiên Đàng:**
Tiếng Âu Lạc, Anh và Trung Hoa
- **Từ Khủng Hoảng Đến Hòa Bình – Thuận Chay Hữu Cơ Là Giải Đáp:**
Tiếng Âu Lạc, Anh, Trung Hoa, Hà Lan, Pháp, Hungary, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Na Uy, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Nga, La Mã, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Thái.
- **Suy Ngẫm Về Đời Sống và Tâm Thức:**
Tác giả: Tiến sĩ Janez Drnovsek.
Tiếng Trung Hoa

MP3, DVD và MP4

MP3, DVD và MP4 các bài thuyết giảng, âm nhạc và những buổi hòa nhạc của Thanh Hải Vô Thượng Sư hiện có bằng tiếng Ả Rập, Armenia, Âu Lạc, Bungary, Campuchia, Quảng Đông, Trung Hoa, Croatia, Tiệp Khắc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, Philippines, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Do Thái, Hungary, Indonesia, Ý, Nhật, Hàn Quốc, Malaysia, Mông Cổ, Nepal, Na Uy, Quan Thoại, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Ba Tư, Romani, Nga, Srilanka, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thái, Thổ Nhĩ Kỳ và Zulu.

Danh mục sẽ được gửi theo yêu cầu. Hoan nghênh quý vị đặt mua trực tiếp các ấn phẩm của Thanh Hải Vô Thượng Sư trên mạng:

<http://www.thecelestialshop.com>

Hoặc tải xuống miễn phí:

<http://www.edenrules.com>

<http://www.smchbooks.com>

<http://magazine.godsdirectcontact.net>

HOẶC LIÊN LẠC:

Nhà Xuất Bản Hội Quốc Tế Thanh Hải Vô Thượng Sư
Đài Bắc, Formosa

Tel: (886) 2-23759688 / Fax: (886) 2-23757689

E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org

TÀI VỀ MIỄN PHÍ SÁCH BIỂU

BÍ QUYẾT TỨC KHẮC KHAI NGỘ (VỚI HƠN 80 NGÔN NGỮ)

<http://sb.godsdirectcontact.net>

<http://www.direkter-kontakt-mit-gott.org/booklet>

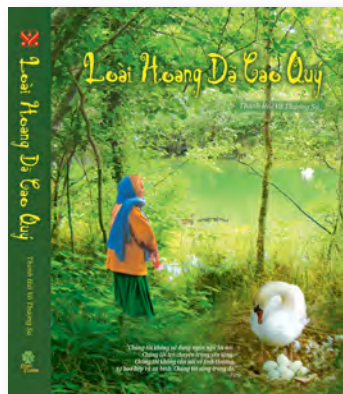
• **LOÀI HOANG DÃ CAO QUÝ**

Nhằm mở ra Kim niên 5 (2008) đầy hy vọng, Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư đã ban tặng cho thế giới tuyệt phẩm *Loài Hoang Dã Cao Quý* như một món quà năm mới. Hầu hết những tấm hình minh họa trong sách về chuyến thám hiểm của Ngài nơi vùng ngọc hồ, do Ngài tự tay chụp và sáng tác, là sự kết hợp kỳ diệu giữa sự thể hiện cảm xúc đầy thi vị với những hình ảnh vô cùng hấp dẫn về thiên nhiên và đời sống nơi vùng hoang dã kỳ vĩ, khiến quyển sách trở thành một tác phẩm nghệ thuật vô cùng diễm tuyệt!

SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI AMAZON.COM:

<http://www.amazon.com/Noble-Wilds-Supreme-Master-Ching/dp/9868415233/> (bìa mềm)

<http://www.amazon.com/Noble-Wilds-Supreme-Master-Ching/dp/9868415225/> (bìa cứng)



• **LOÀI HOANG DÃ CAO QUÝ**

MP4 & DVD 800

(nói tiếng Anh,

phụ đề 21 ngôn ngữ)



• **NHỮNG CHÚ CHIM TRONG ĐỜI TÔI**

Qua quyển sách được minh họa bằng những hình ảnh xinh đẹp, *Những Chú Chim Trong Đời Tôi*, Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư đưa chúng ta bước vào thế giới nội tâm của loài vật. Đó là, khi chúng ta thương yêu loài vật vô điều kiện, chúng ta sẽ được đáp lại bằng một tấm lòng rộng mở không chút đắn đo. Đây là một quyển sách thật tuyệt vời, mỗi trang sách đều chan chứa tình thương và sự hòa hợp. Ngài Thanh Hải Vô Thượng Sư giúp chúng ta liễu ngộ rằng loài vật có một tâm hồn rất đẹp và cao quý. Quyển sách thật thú vị! Loài vật chính là bạn tốt của chúng ta. Những mong các độc giả yêu quý đều có dịp chiêm ngưỡng quyển sách tuyệt vời này.



SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI AMAZON.COM:

<http://www.amazon.com/dp/9866895149/>

Chúng tôi sẽ gửi sách đến tận nhà quý vị, hãy đặt mua và bắt đầu thể nghiệm tình thương chan hòa trên từng trang sách.

• NHỮNG CHÚ CHÓ TRONG ĐỜI TÔI (1-2)

"Tôi hy vọng có thể giúp quý độc giả thưởng thức đôi nét về lối sống đáng yêu của các bạn khuyến đang đồng hành với chúng ta trên Địa Cầu này, qua đó hiểu thêm về đời sống của những chúng sinh khác." ~ Thanh Hải Vô Thượng Sư

SÁCH CÓ THỂ MUA TRỰC TUYẾN TẠI

AMAZON.COM:

Những Chú Chó Trong Đời Tôi (1):

<http://www.amazon.com/dp/9866895076/>

Những Chú Chó Trong Đời Tôi (2):

<http://www.amazon.com/dp/9866895084/>

(ẤN BẢN TIẾNG TRUNG HOA)

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN KINGSTONE:

<http://www.kingstone.com.tw>

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN ESLITEBOOKS:

<http://www.eslitebooks.com/>

CỬA HÀNG SÁCH TRỰC TUYẾN:

<http://www.books.com.tw>



- **NHỮNG CHÚ CHÓ VÀ NHỮNG CHÚ CHIM TRONG ĐỜI TÔI**
MP4 & DVD 780
(nói tiếng Anh, phụ đề 28 ngôn ngữ)

• NGHỆ THUẬT THIÊN ĐÀNG

Nghệ Thuật Thiên Đàng là một tuyển tập xuất sắc, trong đó tác giả thể hiện sự sáng tạo nghệ thuật từ phương diện tâm linh để phản ánh chân, thiện, mỹ của Thiên Đàng. Nhẹ gót bước vào thế giới nghệ thuật vô biên của Thanh Hải Vô Thượng Sư, quý độc giả sẽ được thăng hoa bởi sự giao hòa với Đấng Thiêng Liêng, bởi hồi xúc động bởi những rung động sâu kín trong tâm hồn của một nhà thơ, những cảm giác tinh tế của một họa sĩ, những ý tưởng đặc sắc của một thiết kế gia và trái tim lãng mạn của một nhạc sĩ. Hơn thế nữa, được chiêm ngưỡng trí huệ cùng lòng bác ái của một bậc thầy tâm linh vĩ đại là ân điển vô cùng lớn lao đối với mỗi chúng ta.



SÁCH CÓ THỂ ĐẶT MUA TRỰC TUYẾN TẠI
AMAZON.COM:

<http://www.amazon.com/Celestial-Art-Supreme-Master-Ching/dp/9866895378>

BÍ QUYẾT TỨC KHẮC KHAI NGỘ

SÁCH BIỂU

Sách Biểu Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ là ấn phẩm giới thiệu giáo lý của Thanh Hải Vô Thượng Sư. Độc giả khắp thế giới có thể đọc trực tuyến *Sách Biểu* hay tải về miễn phí dưới dạng eBook. Viên ngọc trí huệ này hiện đã được chuyển dịch sang 80 ngôn ngữ, từ tiếng Afrikaans đến tiếng Zulu, từ tiếng Bengal đến tiếng Urdu, Macedoni, Mã Lai và nhiều ngôn ngữ khác.

Trong *Sách Biểu*, quyển sách này, Thanh Hải Vô Thượng Sư nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiền định trong đời sống hàng ngày và giảng giải các cảnh giới tâm linh cao đẳng hơn. Ngài cũng giải thích những lợi ích của lối sống thuần chay, cũng như thông tin về việc truyền Tâm Ấn theo học Pháp Môn Quán Âm, là con đường tối hậu và tối thượng nhất. Những thông điệp thăng hoa của Thanh Hải Vô Thượng Sư trong quyển sách *Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ* đã thấp sáng niềm hy vọng cho những người mong cầu Chân Lý.

Như Thanh Hải Vô Thượng Sư khai thị: *“Khi có được sự an bình nội tại, chúng ta có thể đạt được tất cả mọi thứ khác. Chỉ khi nào tìm thấy Thiên Quốc bên trong, liễu ngộ được sự hòa hợp vĩnh hằng, trí huệ tối cao và lực lượng toàn năng của mình, chúng ta mới có thể đạt được viên mãn, thỏa nguyện những khát vọng của cõi đời cũng như cõi trời. Bởi vì tất cả mọi thứ đều đến từ Thiên Quốc. Nếu không có được những điều này, chúng ta sẽ không bao giờ cảm thấy mãn túc, dù có nhiều tiền bạc, quyền lực hay địa vị cao sang đến đâu.”*

Để trực tiếp tải về *Sách Biểu*, xin truy cập:
<http://sb.godsdirectcontact.net>

Trang mạng này cung cấp bản dịch *Sách Biểu Bí Quyết Tức Khắc Khai Ngộ* của Thanh Hải Vô Thượng Sư bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Hãy tham gia cùng chúng tôi để mang món quà ý nghĩa nhất đến cho thế giới bằng cách chia sẻ thông điệp của Thượng Đế và thăng hoa tâm thức nhân loại. Nếu quý vị thấy ngôn ngữ bản xứ hay ngôn ngữ chính của quý vị chưa có trong danh sách và muốn chuyển dịch *Sách Biểu*, xin liên lạc với chúng tôi theo điện thư: divine@Godsdirectcontact.org.



Màu vàng: Chúng tộc da vàng

Màu đỏ: Chúng tộc da đỏ

Màu đen: Chúng tộc da đen

Màu trắng: Chúng tộc da trắng

Màu xanh lá cây: Thiên nhiên,
loài vật, chim muông, v.v...

Màu xanh dương: Nước và
những sinh vật sống dưới nước.

Hình dáng: Địa Cầu

Nền: Bầu trời

Biểu trưng SM trên lá cờ là để
đánh thức bản tính Thượng Đế
đang còn yên ngủ của chúng ta,
nhắc nhở chúng ta phát triển
phẩm chất sáng ngời bên trong.
Mỗi bên là những hình trái tim đa
màu sắc liên kết với nhau, tiêu biểu
cho sự kỳ vọng của Thượng Đế đối
với những chúng sinh Địa Cầu:
Gạt bỏ mọi sự kỳ thị, muôn loài
nên yêu thương và chăm sóc lẫn
nhau, sống trong hoan ca và
hòa bình dưới bầu trời xanh.

LÁ CỜ XINH ĐẸP VÀ Ý NGHĨA NÀY LÀ DO SƯ PHỤ ĐÍCH THÂN THIẾT KẾ
CHO ĐOÀN THỂ CHÚNG TA. Ý NGHĨA TIÊU BIỂU VỀ MÀU SẮC CỦA
MỖI HÌNH TRÁI TIM ĐÃ ĐƯỢC NGÀI GIẢI THÍCH NHƯ TRÊN.

CÁCH LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI

HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

P.O. Box 9, Hsihu Hsiang, Miaoli Hsien, Formosa (36899), ROC
P.O. Box 730247, San Jose, CA 95173-0247, U.S.A.

TRUYỀN HÌNH VÔ THƯỢNG SƯ

E-mail: peace@SupremeMasterTV.com
Tel: 1-626-444-4385 / Fax: 1-626-444-4386
<http://www.suprememastertv.com>

BAN KINH SÁCH

E-mail: divine@Godsdirectcontact.org
*(Hoan nghênh quý vị tham gia cùng chúng tôi phiên dịch kinh sách
của Thanh Hải Vô Thượng Sư sang những ngôn ngữ khác.)*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org
Tel: 886- 2-23759688 / Fax: 886- 2-23757689
<http://www.smchbooks.com>

CỬA HÀNG TRỰC TUYẾN

<http://www.theCelestialShop.com>
<http://www.EdenRules.com>

BAN BÁO CHÍ

E-mail: lovenews@Godsdirectcontact.org

BAN HƯỚNG DẪN TÂM LINH

E-mail: lovewish@Godsdirectcontact.org

CÔNG TY TRANG SỨC THIÊN ĐÀNG

smclothes123@gmail.com; vegan999@hotmail.com
Tel: 886-3-4601391 / Fax: 886-3-4602857
<http://www.smcelestial.com>
<http://www.sm-celestial.com>

CÔNG TY QUỐC TẾ LOVING HUT

Tel: 886- 2-2239-4556 / Fax: 886- 2-2239-5210

E-mail: info@lovinghut.com

<http://www.lovinghut.com/tw/>

**LOVING FOOD – CỬA HÀNG TRỰC TUYẾN
CHO LỐI SỐNG THUẦN CHAY BỔ DƯỠNG**

<http://www.lovingfood.com.tw>

MẠNG LƯỚI QUÁN ÂM

TRỰC TIẾP CÂU THÔNG THƯỢNG ĐẾ –

TRANG MẠNG TOÀN CẦU CỦA

HỘI QUỐC TẾ THANH HẢI VÔ THƯỢNG SƯ

<http://www.Godsdirectcontact.org.tw/eng/links/links.htm>

Truy cập danh mục của mạng lưới Quán Âm toàn cầu,
quý vị có thể lựa chọn để xem bằng nhiều ngôn ngữ.

Quý vị có thể tải về hoặc ghi danh để nhận
được *Bản Tin Thanh Hải Vô Thượng Sư* dưới dạng eBook
hay ấn phẩm. Ấn bản đa ngôn ngữ của *Sách Biếu Bí Quyết*
Túc Khắc Khai Ngộ cũng có sẵn để quý vị tải về.

Lối Sống Mới

Một Vài Thực Phẩm Thuận Chay Bổ Dưỡng Không Cần Sát Sinh:

Thực Phẩm	Tỷ Lệ Chất Đạm (theo trọng lượng)
Đậu phụ (tử đậu nành)	16 %
Mì căn (tử bột mì)	70 %
Bắp	13 %
Gạo	8,6 %
Đậu nành, đậu tây, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v.	10 - 35 %
Hạt hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v.	14 - 30 %
Hạt bí, hạt mè, hạt hướng dương, v.v.	18 - 24 %

• Thuốc bổ đa sinh tố dạng viên cũng là nguồn vitamin, chất khoáng và chất chống oxy hóa rất tốt.

• Rau và trái cây có nhiều chất dinh dưỡng như vitamin, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất xơ có phẩm chất cao giúp tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.

• Lượng chất đạm cần thiết mỗi ngày là 50 gram (hàm lượng trung bình đối với người lớn).

• Chất canxi từ rau dễ hấp thụ hơn chất canxi từ sữa.

- Để giảm thiểu nguy cơ dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
- Để tránh hiểm họa bệnh bò điên và cúm heo, v.v.
- Để chấm dứt sự tàn sát đang diễn ra hàng ngày đối với hàng tỷ gia súc, sinh vật biển và chim muông hiện lành

Cầu nguyện
chúng em!
Chúng em
thương các
bạn!



Chuyển sang thuần chay là điều sáng suốt.

Thuần chay khỏe mạnh

Thuần chay từ bi

Thuần chay tiết kiệm

Thuần chay hòa bình

Thuần chay tốt cho môi sinh

Thuần chay cao thượng



Cầu
nguyện
cho
các
bạn

Cảm ơn lòng
từ bi của các bạn



Chúc
các bạn
sống lâu!

Để biết thêm chi tiết, xin truy cập:

<http://AL.Godsdirectcontact.org.tw>

<http://www.vegsource.com>

<http://www.vrg.org> <http://www.vegoc.org>

hoặc gửi email về: AL.Godsdirectcontact.org

Supreme Master Television

Truyền hình xây dựng cho một thế giới hòa bình

www.SupremeMasterTV.com

Danh Nhân Trường Chay và Thuần Chay trên Thế Giới:

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần: Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử (triết gia Trung Quốc), Phật Thích Ca, Lão Tử (triết gia Trung Quốc), Thánh Francis Assisi (Thánh Cơ-đốc giáo Ý), Thích Nhất Hạnh (thiền sư kiêm tác gia Phật giáo Âu Lạc), Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Leo Tolstoy (triết gia Nga), Pythagoras (nhà toán học và triết gia Hy Lạp), Tiền tri Zoroaster (Sáng lập Hoa giáo Ba Tư), Muhammad Rahilim Bawa Muhaiyadeen (Thánh Hồi giáo Sufi kiêm tác gia Sri Lanka), v.v.

Văn Nghệ Sĩ: Leonardo Da Vinci (họa sĩ Ý), Ralph Waldo Emerson (văn thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ái Nhĩ Lan), John Robbins (tác gia Hoa Kỳ), Mark Twain (tác gia Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (triết gia, bác sĩ kiêm nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v.

Khoa Học Gia, Nhà Phát Minh & Kỹ Sư: Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Albert Einstein (khoa học gia Đức), Thomas Edison (khoa học gia kiêm nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (khoa học gia Anh), Nikola Tesla (khoa học gia kiêm nhà phát minh Xê-bi & Hoa Kỳ), Henry Ford (Người sáng lập công ty Ford Motors Hoa Kỳ), v.v.

Chính Trị Gia, Chính Khách & Nhà Hoạt Động Xã Hội: Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo phong trào ủng hộ quyền bầu cử nữ giới Hoa Kỳ), Mahatma Gandhi (nhà lãnh đạo dân quyền Ấn Độ), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền kiêm nhà hoạt động xã hội Hoa Kỳ & phu nhân của Tiến sĩ Martin Luther King, Jr.), Tiến sĩ Janez Drnovsek (Tổng thống Slovenia đệ nhị), Tiến sĩ Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v.

Diễn Viên & Người Mẫu: Pamela Anderson (nữ diễn viên Hoa Kỳ), Ashley Judd (nữ diễn viên Hoa Kỳ), John Cleese (diễn viên Anh), David Duchovny (diễn viên Hoa Kỳ), Danny Devito (diễn viên Hoa Kỳ), Daryl Hannah (nữ diễn viên Hoa Kỳ), Dustin Hoffman (diễn viên Hoa Kỳ), Steve Martin (diễn viên Hoa Kỳ), Ian McKellen (diễn viên Anh), Tobey Maguire (diễn viên Hoa Kỳ), Joaquin Phoenix (diễn viên Hoa Kỳ), Steven Seagal (diễn viên Hoa Kỳ), Jerry Seinfeld (diễn viên Hoa Kỳ), Naomi Watts (nữ diễn viên Úc), Kate Winslet (nữ diễn viên Anh), Christie Brinkley (siêu người mẫu Hoa Kỳ), v.v.

Nhạc Sĩ: George Harrison – Paul McCartney – Ringo Starr (Ban nhạc Beatles), Bob Dylan (nhạc sĩ Hoa Kỳ), Morrissey (ca sĩ Anh), Olivia Newton John (ca sĩ Anh – Úc), Sinead O'Conner (ca sĩ Ái Nhĩ Lan), Pink (ca sĩ Hoa Kỳ), Prince (ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ), Tina Turner (ngôi sao nhạc pop Hoa Kỳ), Shania Twain (ca sĩ Gia Nê Đại), Vanessa Williams (ca sĩ nhạc pop Hoa Kỳ), v.v.

Lực Sĩ: Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ, 9 lần đạt huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Edwin C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ, 2 lần đạt huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v.

và còn nhiều vị nữa... xin viếng: <http://AL.Godsdirectcontact.org.tw/vg-vip>

♥♥ ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN KHẨN CẤP, XIN TRUY CẬP: www.SupremeMasterTV.com/Be-Veg

Bí Quyết Túc Khắc Khai Ngô Hiện Đời Giải Thoát

Khai Thị 2

(Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Hoa)

THIẾT KẾ VÀ TRÌNH BÀY:

Diệp Quốc Bình

PHIÊN DỊCH:

Ban Kinh Sách Âu Lạc

NHÀ XUẤT BẢN:

The Supreme Master Ching Hai
International Association Publishing Company
Rm. 16, 8F., No. 72, Sec. 1, Zhongxiao
W. Road., Zhongzheng Dist.,
Taipei City 100, Formosa, R.O.C.
Tel: 886- 2-23759688 / Fax: 886- 2-23757689
www.smchbooks.com
E-mail: smchbooks@Godsdirectcontact.org

Sách in:

Ấn bản lần thứ nhất: Tháng 1 năm 1992

Ấn bản lần thứ hai: Tháng 1 năm 1993

Sách điện tử:

Ấn bản lần thứ nhất: Tháng 12 năm 2015

Thanh Hải Vô Thượng Sư © 1992-2015

Tác Giả giữ bản quyền.

Quyền sách này có thể trích dịch và tái bản
nếu được sự chấp thuận của nhà xuất bản.

Chúng tôi, các đệ tử của Thanh Hải Vô Thượng Sư, nhận thức được rằng hành trình tìm Vô Thượng Đạo vô cùng gian nan; và chúng tôi cũng hiểu rằng thật là khó mà tìm được một vị Chân Sư hoàn toàn giác ngộ, giảng dạy Pháp Môn Trời Thượng hầu giúp cho nhân loại nhận thức được trí huệ nội tại và tìm ra Chân Lý. Pháp Môn Quán Âm là Pháp Môn Trời Thượng đã được các bậc Chân Sư giảng dạy từ thời xa xưa, và đã giúp chúng tôi đạt được vô vàn lợi ích trong khi tu tập, cho nên chúng tôi đã thu thập những bài Khai Thị từ khắp nơi trên thế giới của Thanh Hải Vô Thượng Sư để in thành sách, hầu giúp cho những người đang mong tìm Chân Lý, ước nguyện được Một Đời Giải Thoát, cũng như cho những người đang thắc mắc về chuyện Sinh Tử được Nâng Cao Tâm Thức và Giác Ngộ Chân Lý.